

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SỢI THÉ KỶ
CENTURY SYNTHETIC FIBER
CORPORATION**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 22 -26/CV-CTTK

TP.HCM/Hochiminh city, ngày/date 09 tháng/month 04 năm/year 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**INFORMATION DISCLOSURE
ON THE STATE SECURITIES
COMMISSION AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ
Organization name: Century Synthetic Fiber Corporation
- Mã chứng khoán/Ticker: STK
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B1-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, TP.HCM
Headquarter office: Lot B1-1, North West Cu Chi Industrial Zone, Tan An Hoi Commune, HCMC.
- Điện thoại/Tel.: (+84.276) 388 7565 Fax: (+84.276) 388 7566
- Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Triệu Hòa - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Spokesman: Dang Trieu Hoa - Title: Chairman of the BOD
- Loại thông tin công bố/Type of information disclosure:
 định kỳ/periodic bất thường/irregular 24h/24 hours theo yêu cầu/on demand

Nội dung thông tin công bố/Contents of information disclosure:

Báo cáo thường niên năm 2025 (Bản tiếng việt và tiếng anh).
Annual Report 2025 (Vietnamese version and English version).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 09/04/2026 tại đường dẫn:
<https://theky.vn>

This information was published on the Company's website on 09/04/2026 at the link: <https://theky.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.

Tài liệu đính kèm/Attachments

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT.
Documents related to the information disclosure.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ON BEHALF OF THE COMPANY
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
CHỦ TỊCH HĐQT/CHAIRMAN OF THE BOD *M. Chi***



ĐẶNG TRIỆU HÒA

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

CHUYỂN MÌNH ĐÓN SÓNG



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2025**

Mục lục

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	vi
1 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN.....	7
1.1 Báo cáo thường niên năm 2025.....	7
1.2 Trách nhiệm đảm bảo tính tin cậy và chuẩn mực áp dụng trong Báo cáo thường niên.....	7
1.3 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	9
1.4 Thông điệp của Giám đốc điều hành.....	11
1.5 Hành trình 2025	13
1.6 Thành tựu nổi bật năm 2025	13
1.7 Tổng quan Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ.....	13
1.8 Quá trình hình thành và phát triển.....	14
1.9 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	15
1.9.1 Lĩnh vực kinh doanh	15
1.9.2 Quy mô sản xuất	17
1.9.3 Địa bàn kinh doanh.....	18
1.10 Chuỗi giá trị của ngành dệt may.....	19
1.11 Triết lý kinh doanh	21
1.12 Mô hình kinh doanh	27
1.13 Vị thế của Sợi Thế Kỳ - Yếu tố tạo động lực tăng trưởng.....	27
1.14 Cơ cấu tổ chức Công ty.....	29
1.15 Tình hình Công ty con, Công ty liên kết	31
2. TÌNH HÌNH KINH TẾ 2025	33
2.1. Tình hình kinh tế vĩ mô, biến đổi khí hậu và chính trị trên Thế giới	33
2.2. Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam.....	40
2.3. Tổng quan ngành dệt may Việt Nam.....	43
2.4. Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng dệt may và giày dép đến các thị trường chủ yếu.....	47
2.4.1. Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng dệt may của Việt Nam đến các thị trường chủ yếu.....	47
2.4.2. Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng giày dép của Việt Nam đến các thị trường chủ yếu.....	49
2.5. Quy mô ngành sợi và các xu hướng chính của ngành.....	54
2.6. Tình hình xuất, nhập khẩu sợi polyester filament của Việt Nam	56
2.6.1. Tình hình xuất khẩu sợi polyester filament của Việt Nam.....	56

2.6.2.	Tình hình nhập khẩu sợi polyester filament của Việt Nam.....	57
3.	Chiến lược phát triển.....	58
3.1.	Gắn kết tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững.....	58
3.2.	Cơ hội và thách thức tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty.....	69
3.3.	Phân tích SWOT	76
3.4.	Chiến lược trung và dài hạn đến năm 2027.....	78
4.	QUẢN TRỊ RỦI RO	80
4.1.	Mục tiêu của quản trị rủi ro.....	80
4.2.	Hệ thống quản trị rủi ro của STK	81
4.3.	Xác định mức độ trọng yếu của rủi ro.....	82
4.4.	Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu	83
4.5.	Phạm vi công việc và kết quả kiểm toán nội bộ các năm 2023-2024-2025	87
5.	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	88
5.1.	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.....	88
5.1.1.	Tình hình thực hiện so với cùng kỳ	89
5.1.2.	Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	90
5.1.3.	Tình hình tài chính.....	90
5.2.	Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	97
5.2.1.	Đánh giá chung của Ban điều hành.....	99
5.2.2.	Cơ cấu tài sản – nguồn vốn hợp nhất.....	99
5.2.3.	Đánh giá tình hình vay nợ.....	102
5.2.4.	Đánh giá ảnh hưởng từ biến động của lãi vay và tỷ giá hối đoái	102
5.2.5.	Đánh giá về tình hình tài chính	103
5.2.6.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý	104
5.3.	Dự báo kết quả kinh doanh năm 2026.....	104
5.4.	Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán.....	105
5.5.	Phát triển nguồn nhân lực.....	105
5.5.1.	Phúc lợi cho người lao động.....	107
5.5.2.	Công tác đào tạo	110
6.	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	112
6.1.	Tình hình thực hiện Dự án của Công ty mẹ	112

6.2.	Tình hình thực hiện Dự án Công ty con.....	113
7.	CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	113
7.1.	Thông tin cổ phiếu	113
7.2.	Lý do đầu tư cổ phiếu STK.....	115
7.3.	Cổ phần và Cơ cấu cổ đông	115
7.4.	Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết năm 2025 122	
7.5.	Giao dịch cổ phiếu quỹ	122
7.6.	Các chứng khoán khác	122
7.7.	Quá trình tăng vốn điều lệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu.....	122
7.8.	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	123
7.9.	Chính sách chi trả cổ tức.....	124
7.10.	Hoạt động quan hệ nhà đầu tư.....	124
8.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	126
8.1.	Nguyên tắc Quản trị Công ty.....	126
8.2.	Mô hình quản trị.....	126
8.3.	Thông tin về Hội đồng quản trị	127
8.4.	Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2025	131
8.4.1.	Các cuộc họp HĐQT.....	131
8.4.2.	Các cuộc họp riêng của Thành viên HĐQT độc lập	131
8.4.3.	Các Nghị quyết của HĐQT.....	131
8.4.4.	Tình hình triển khai các nghị quyết ĐHĐCĐ	133
8.4.5.	Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty:.....	134
8.4.6.	Các tiểu ban HĐQT	134
8.4.7.	Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập.....	134
8.4.8.	Đánh giá hoạt động của HĐQT	136
8.4.9.	Đánh giá của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban điều hành	136
8.4.10.	Đánh giá của HĐQT về tình hình thực hiện mục tiêu môi trường-lao động-xã hội.....	137
8.4.10.1.	Chiến lược PTBV	138
8.4.10.2.	Đánh giá giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển bền vững	139
8.4.10.3.	Mục tiêu PTBV ngắn, trung và dài hạn	140
8.4.11.	Các nhiệm vụ trọng tâm đặt ra năm 2026	142

8.4.12.	Đánh giá tình hình thực hiện quản trị Công ty năm 2025	142
8.5.	Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2026.....	142
8.6.	Kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị Công ty năm 2026.....	143
8.7.	Kế hoạch huy động vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mới.....	143
9.	BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT	144
9.1.	Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát.....	144
9.2.	Hoạt động của Ban kiểm soát.....	145
9.2.1.	Các cuộc họp của Ban kiểm soát	145
9.3.	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát	145
9.3.1.	Đánh giá của BKS về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024.....	145
9.3.2.	Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT.....	146
9.3.3.	Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của Ban điều hành.....	147
9.3.4.	Giám sát tình hình tài chính của Công ty.....	147
9.3.5.	Đánh giá của BKS về sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm 2024.....	147
9.3.6.	Kết quả giải quyết khiếu nại của Cổ đông đối với Công ty (nếu có)	148
9.3.7.	Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS đối với 2026	148
10.	NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN	148
10.1.	Ngăn ngừa xung đột lợi ích.....	148
10.2.	Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan	149
10.3.	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2025	151
10.4.	Giao dịch với đối tượng khác	151
10.5.	Lương, thưởng và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành	151
10.5.1.	Lương, thưởng và thù lao của HĐQT	151
10.5.2.	Lương, thưởng và thù lao của BKS	152
10.5.3.	Lương, thưởng và thù lao của Ban Điều Hành	152
11.	BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI	153
11.1.	Chiến lược phát triển bền vững.....	153
11.2.	Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển bền vững	155
11.3.	Trách nhiệm đảm bảo thực hiện các chính sách về môi trường	158
11.4.	Báo cáo tác động đến môi trường.....	159
11.4.1.	Vật liệu sử dụng.....	159

11.4.2. Nhiên liệu tiêu thụ	161
11.4.3. Nước tiêu thụ	165
11.4.4. Phát thải	167
11.4.5. Nước thải và Chất thải	175
11.4.6. Tuân thủ về môi trường	177
11.5. Thị trường vốn xanh.....	177
11.6. Vai trò của HĐQT trong chiến lược PTBV.....	178
11.6.1. Vai trò chiến lược của HĐQT trong định hướng Phát triển bền vững.....	178
11.6.2. Vai trò của HĐQT trong triển khai và thực thi các mục tiêu Phát triển bền vững.....	178
11.6.3. Vai trò giám sát và theo dõi việc thực hiện các mục tiêu Phát triển bền vững.....	179
12. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT	180

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCTN	Báo cáo thường niên	GTGT	Giá trị gia tăng
BKS	Ban kiểm soát	HĐQT	Hội đồng quản trị
CBCNV	Cán bộ công nhân viên	HSX, HOSE	Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
CP	Cổ phần, cổ phiếu	IMF	Quỹ tiền tệ thế giới
DN	Doanh nghiệp	POY	Partially Oriented Yarn
DTY	Drawn Textured Yarn	PTBV	Phát triển bền vững
FDY	Fully Drawn Yarn	TGD	Tổng giám đốc
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	THPT	Trung học phổ thông
GRS	Global Recycle Standard (Tiêu chuẩn tái chế toàn cầu)	TNCN	Thu nhập cá nhân
GPM	Biên lợi nhuận gộp	ROE	Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu
y-o-y	So sánh với cùng kỳ năm ngoái	ROS	Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu
		ROA	Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản

1 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

1.1 Báo cáo thường niên năm 2025

Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ cung cấp tổng quát các thông tin tài chính và phi tài chính về môi trường, lao động và xã hội trong năm tài chính 2025.

Chúng tôi phát hành báo cáo điện tử có định dạng PDF, được lập bằng Tiếng Việt và được dịch sang Tiếng Anh nhằm tiếp cận được đa dạng đối tượng các bên liên quan. Quý nhà đầu tư có thể tìm đọc tại đường dẫn đăng trên Website của Công ty:

<https://theky.vn/index.php/2020/08/31/bao-cao-thuong-nien/>.

Hoặc quét mã QR Code

“Chuyển Mình Đón Sóng”

Trong bối cảnh giai đoạn 2024–2025, ngành dệt may toàn cầu trải qua nhiều biến động khi nhu cầu tiêu dùng phục hồi chậm, áp lực chi phí đầu vào vẫn duy trì ở mức cao và các tiêu chuẩn ESG ngày càng khắt khe, Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ đã lựa chọn hướng đi “Chuyển mình đón sóng” như một chiến lược chủ động thay vì phản ứng thụ động trước thị trường. “Chuyển mình” không chỉ là tái cấu trúc hoạt động sản xuất theo hướng linh hoạt và tối ưu chi phí, mà còn là sự dịch chuyển sang các dòng sản phẩm giá trị gia tăng cao, đặc biệt là sợi tái chế đáp ứng xu hướng tiêu dùng bền vững. Song song đó, “đón sóng” thể hiện tầm nhìn nắm bắt các cơ hội mới từ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, các hiệp định thương mại và nhu cầu ngày càng tăng đối với sản phẩm thân thiện môi trường. Chính sự kết hợp giữa nội lực được củng cố và khả năng thích ứng nhanh với xu hướng đã tạo nền tảng để doanh nghiệp không chỉ vượt qua giai đoạn thách thức mà còn sẵn sàng bứt phá khi thị trường bước vào chu kỳ tăng trưởng mới.

1.2 Trách nhiệm đảm bảo tính tin cậy và chuẩn mực áp dụng trong Báo cáo thường niên

- ✓ Thành phần của báo cáo
 - Báo cáo thường niên
 - Báo cáo ban điều hành
 - Báo cáo ban kiểm soát
 - Báo cáo quản trị Công ty
 - Báo cáo phát triển bền vững
 - Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất
 - Báo cáo tài chính kiểm toán chuẩn quốc tế.
- ✓ Phạm vi của báo cáo

Niên độ năm tài chính: từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

- ✓ Các chuẩn mực áp dụng
 - Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS
 - Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS
 - Thẻ điểm quản trị ASEAN
 - Các quy trình theo chuẩn mực ISO
 - Chứng chỉ GRS, Oeko-Tex100
 - Chuẩn mực GRI.
- ✓ Trách nhiệm đảm bảo tính tin cậy của Báo cáo thường niên
 - Dữ liệu tài chính: thống nhất với BCTC năm 2025 đã được Công ty TNHH E&Y kiểm toán độc lập.
 - Dữ liệu về ngành trong nước và quốc tế: dữ liệu tổng cục Hải quan-xuất nhập khẩu của các nước đối chiếu; Cơ sở dữ liệu của Liên Hợp Quốc (UN Comtrade); các báo cáo kinh tế, ngành dệt may được đăng tải công khai.
 - Dữ liệu liên quan đến hoạt động Công ty.
 - Dữ liệu về HĐQT, BKS: thống nhất với Báo cáo quản trị năm 2025.
 - Dữ liệu về cổ đông: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán – chi nhánh HCM cung cấp.

1.3 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính gửi Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Quý khách hàng, Đối tác và Toàn thể Cán bộ Nhân viên của Sợi Thế Kỳ,

Năm 2025 đã khép lại với hàng loạt khó khăn và diễn biến bất ổn đến từ thị trường, song tôi tin rằng Sợi Thế Kỳ vẫn tiếp tục đứng vững trước sự thay đổi mới trong chuỗi cung ứng toàn cầu, kết quả kinh doanh có sự cải thiện nhẹ trong so với năm 2024 với doanh thu thuần hợp nhất năm 2025 đạt 1.352,9 tỷ, tăng 11,8% so với 2024. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 2025 đạt 49,52 tỷ, tăng 299,4% so với năm 2024. Dù đây chưa phải



là mục tiêu kỳ vọng, nhưng là nền tảng để Sợi Thế Kỳ từng bước lấy lại phong độ trên đường đua ngành sản xuất sợi dài polyester và chiếm lại thị phần thông qua chiến lược kinh doanh thay đổi tương thích với tình hình thị trường mới, với những điểm mạnh hiện hữu về chất lượng sản phẩm vượt trội, khả năng đáp ứng thời gian giao hàng ngắn, chiến lược tối ưu hóa chi phí sản xuất, giảm giá thành để cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường là mục tiêu trọng tâm trong thời gian tới, song song năng lực phát triển sản phẩm mới xanh và sạch đáp ứng xu hướng nhu cầu thị trường cũng là một mũi nhọn máu chốt trong hoạt động kinh doanh.

Để có được những thành quả này, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý vị vì đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng công ty trong năm 2025 vừa qua. Nhìn lại năm 2025, dù có biến động về thuế quan xuất khẩu vào thị trường Mỹ và áp lực cạnh tranh gay gắt từ sợi Trung Quốc, Công ty vẫn từng bước phục hồi so với năm 2024. Nhà máy Unitex cũng đi vào sản xuất và gia công hàng cho STK, do đó Công ty nâng cao khả năng đáp ứng đơn hàng về cả số lượng và quy cách sợi, gia tăng số lượng đơn hàng. Ngày 23/01/2026, Công ty đã tổ chức lễ khánh thành nhà máy Unitex cũng như lễ kỉ niệm 25 năm thành lập Sợi Thế Kỳ, đánh dấu một bước ngoặt – một chặng đường đáng nhớ.

Nhà máy Unitex với sự tối ưu về công nghệ, tự động hóa sẽ bổ trợ và lấp đầy những điểm còn thiếu sót của các nhà máy hiện hữu và ngược lại. Chúng tôi tự tin rằng trong năm 2026 này, chúng tôi có thể làm nhiều và làm hơn năm 2025 với đa dạng quy cách sản phẩm, mở rộng các dòng sản phẩm sợi tái chế, sợi cao cấp, đem lại giá trị gia tăng cao hơn.

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện tuân thủ nghiêm ngặt quy định về quản trị Công ty, rà soát lại thực trạng áp dụng các quy tắc quản trị nội bộ. Dự kiến trong thời gian tới, chúng tôi sẽ trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) tờ trình về việc thành lập Ủy ban kiểm toán nhằm hoàn thiện công tác quản trị Công ty.

Tôi cũng rất tiếc khi Công ty đã không chào bán riêng lẻ thành công cho nhà đầu tư nào. Tuy vậy, trong năm 2025, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ 45% cho cổ đông – cao hơn mặt bằng chung của thị trường.

Trong năm 2026, chúng tôi đã đề ra kế hoạch kinh doanh đa dạng hóa danh mục sản phẩm với các chính sách giá linh hoạt, hợp lý hóa sản xuất, cắt giảm chi phí, hạ giá thành nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng doanh thu 82% và lợi nhuận sau thuế 145%. Tôi tin tưởng vào sự phát triển của Sợi Thế Kỳ và sự lãnh

đạo của Ban điều hành Công ty, sự chung tay góp sức của toàn bộ tập thể nhân viên. Mong Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Quý khách hàng và Đối tác tiếp tục trao sự tín nhiệm và đồng hành cùng chúng tôi trong năm 2026 và những năm tiếp theo để chúng tôi có thể đạt được mục tiêu đã đề ra, đóng góp giá trị cho cộng đồng, xã hội.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐẶNG TRIỆU HÒA

1.4 Thông điệp của Giám đốc điều hành

Kính thưa các Quý khách hàng, Quý cổ đông, Nhà Đầu tư, Đối tác và toàn thể Cán bộ Công nhân viên của STK,

Để tổng kết tình hình hoạt động của Công ty về mọi mặt trong năm 2025, chúng tôi trân trọng gửi đến Quý vị Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ (STK). Báo cáo này sẽ là tài liệu hữu ích cho Quý vị trong việc nắm bắt bức tranh toàn cảnh ngành dệt may thế giới và Việt Nam, cũng như cung cấp những thông tin quan trọng về hoạt động nội tại của Công ty.

Có thể nói 2025 là một năm đáng nhớ của STK, với những cột mốc đặc biệt: khánh thành nhà máy mới Unitex và kỉ niệm 25 năm thành lập Công ty. Đây cũng là năm chứng kiến STK đứng lên từ những khó khăn của 2024, và cũng là năm chuyển tiếp, làm bước đệm cho năm 2026 hứa hẹn nhiều sự khởi sắc và bùng nổ hơn.

2025 khép lại với doanh thu thuần hợp nhất đạt 1.352,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 49,52 tỷ đồng, tăng tương ứng 11,8% và 299,4% so với 2024. Biên lợi nhuận 2025 cải thiện đáng kể, đạt mức 20,1% so với 13,5% của năm 2024. Tỷ lệ đóng góp của sợi tái chế trong tổng doanh thu đạt 49,8% – cải thiện so với mức 44,5% của năm 2024 do Công ty chú trọng bán sợi tái chế và nâng cao chất lượng sản phẩm. Dù nhu cầu sợi tái chế toàn cầu năm 2025 đang chững lại, Công ty vẫn duy trì được tỷ lệ đóng góp của sợi tái chế cao trong tổng doanh thu. Kết quả này đầu chưa được như kỳ vọng ban đầu, nhưng đây vẫn là một kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu. Ở cương vị Giám đốc điều hành, tôi đã chứng kiến những biến chuyển thăng trầm của thị trường trong năm 2025 cùng với những diễn biến thuế quan phức tạp ở Mỹ, góp phần gây nên sự gián đoạn, đứt gãy chuỗi cung ứng ngành dệt may trên toàn cầu. Các yêu cầu ESG ngày càng nghiêm ngặt cũng khiến cho việc xuất khẩu hàng dệt may vào một số thị trường trở nên khó khăn hơn.

Dù đối mặt với không ít thách thức, chúng tôi vẫn duy trì vị thế vững chắc trên thị trường, với định vị chất lượng sản phẩm cao cấp, cũng như khả năng đáp ứng nhiều chủng loại, quy cách sợi, sợi với tính năng đặc biệt. Với nhà máy mới Unitex, chúng tôi đã đầu tư vào hoạt động R&D nhằm nghiên cứu các sản phẩm sợi đặc biệt, có giá trị gia tăng cao, tối ưu hóa mảng sợi tái chế. Song song đó, trong bối cảnh cạnh tranh về giá ngày càng gay gắt, Công ty cũng tiến hành cải cách sản xuất, tiết giảm tiêu hao năng lượng, tái phân bổ lao động để nâng cao hiệu suất, giảm thiểu lãng phí.

Hoạt động quản trị của Công ty cũng đạt được những thành tựu đáng chú ý trong năm, bao gồm các giải thưởng Top 20 Báo cáo thương niên tốt nhất nhóm Phi tài chính, Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam – VNCG50. Về mảng ESG, Công ty đã có nhiều nỗ lực đáng kể trong 2025: hoàn thành báo cáo kiểm kê khí nhà kính cho hai nhà máy Trảng Bàng và Cù Chi, cũng như đạt chuẩn audit của các thương hiệu may mặc toàn cầu. Những thành tựu này chính là minh chứng rõ rệt cho định hướng phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.

Trong năm 2026, Ban điều hành của Công ty đã đưa ra các định hướng chiến lược nhằm tối ưu hóa điểm mạnh và cải thiện các điểm còn thiếu sót ở mỗi nhà máy thông qua phân bổ và sắp xếp sản xuất hợp lý. Hiện tại, STK đã có những lợi thế về công nghệ mới, hiện đại, song việc xây dựng và đào tạo đội ngũ sản xuất để làm chủ được



công nghệ và xoay chuyển thời cuộc cũng là một ưu tiên hàng đầu của Công ty. Việc tối ưu hóa hoạt động sản xuất, cải tiến liên tục, cắt giảm chi phí, hạ giá thành sẽ được tiến hành song song với việc phát triển các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao nhằm giúp cho công ty có thể đa dạng hóa danh mục sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Mặc dù chặng đường phía trước còn nhiều thách thức, tôi và tập thể Sợi Thế Kỳ sẽ đồng tâm hiệp lực để phục vụ các Quý khách hàng, Quý cổ đông, Nhà Đầu tư và Đối tác. Chúng tôi tin rằng với sự đồng hành và tin tưởng của Quý vị, Sợi Thế Kỳ sẽ còn tiến xa và xa hơn nữa trong tương lai.

Trân trọng,

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

NGUYỄN NGỌC LÂM

1.5 Hành trình 2025

Chốt quyền tham dự ĐHCĐ	Hoàn tất chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho FY2024, tỷ lệ 45%	Nộp báo cáo kiểm toán năng lượng cho Bộ Công thương
28/02/2025	28/03/2025	31/10/2025
ĐHCĐ TN 2025		Tháng 12/2025
		Nhà máy Unitex hoàn công xong và được cấp giấy phép PCCC

1.6 Thành tựu nổi bật năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)	Chỉ tiêu	Tỷ lệ
1	Tổng tài sản hợp nhất	4.155,1	Sợi tái chế trên Doanh thu	49,9%
2	Vốn chủ sở hữu hợp nhất	1.757,3	GPM %	20,1%
3	Tổng doanh thu bán hàng hợp nhất	1.352,9	ROS %	3,7%
4	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	49,9	ROA %	1,2%
5	Vốn điều lệ	1.401,2	ROE %	2,8%

1.7 Tổng quan Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ
Tên tiếng Anh	Century Synthetic Fiber Corporation.
Tên giao dịch	Century Corp.
GCNĐKDN lần thứ 24	0302018927.
Vốn điều lệ	1.401.231.300.000 đồng.
Vốn chủ sở hữu	1.757.357.666.119 đồng.
Địa chỉ Trụ sở chính	B1-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh	Đường số 8, KCN Trảng Bàng, phường An Tịnh, Tỉnh Tây Ninh.
Văn phòng đại diện	102-104-106 Bàu Cát, Phường Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại	+ 84.028 3790 7565 / +84.276 389 9536.
Fax	84.028 3790 7566 / +84.276 389 9537.
Website	www.thekey.vn
Email	csf@century.vn
Mã chứng khoán	STK (HSX).
Mã số thuế doanh nghiệp	0302018927

1.8 Quá trình hình thành và phát triển

- 2000
 - Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên tại Củ Chi ngày 01/06/2000
 - Sản phẩm chính: DTY
 - Công suất ban đầu: 4,800 tấn sợi DTY/ năm.
 - Cổ phần hóa – Sự thay đổi mang tính chiến lược
- 2005
 - Công ty TNHH Sợi Thế Kỳ chính thức được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ.
 - Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất
- 2008
 - Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên 14,500 tấn POY/ năm & 15,000 tấn DTY/ năm.
 - Phát triển sản phẩm mới FDY
- 2011
 - Mở rộng công suất toàn Công ty lên 29,500 tấn POY/năm và 37,000 tấn DTY & FDY/ năm.
 - Niêm yết trên HOSE, phát triển thành công sản phẩm mới sợi tái chế
- 2015
 - Tổng công suất đạt khoảng 52,000 tấn DTY & FDY/năm từ nhà máy Trảng Bàng 3.
 - Bắt đầu sản xuất sợi tái chế
- 2016
 - Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4, nâng tổng công suất của Công ty lên 60,000 tấn DTY và FDY/năm.
- 2017
 - Tận dụng cơ hội từ thị trường – Gặt hái thành công
 - Nâng tổng công suất lên 63,300 tấn/năm.
 - Kiên định thực hiện mục tiêu
- 2019
 - Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 20% so với cùng kỳ
 - Đưa ra lộ trình đạt 100% tỷ lệ sợi tái chế năm 2025
 - Phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch
- 2020
 - Đạt được mục tiêu về lợi nhuận năm 2020 sau khi điều chỉnh
 - Sản phẩm chiến lược Sợi tái chế vẫn duy trì ở mức lợi nhuận cao
 - Triển khai dự án điện mặt trời áp mái.
 - Lừa thử vàng, gian nan thử sức
- 2021
 - Triển khai Dự án mở rộng công suất ở Công ty con
 - Dự án điện năng lượng mặt trời đi vào hoạt động, giảm phát thải CO2
 - Lợi nhuận năm 2021 vượt kế hoạch.
 - Kiên trì với chiến lược kinh doanh cốt lõi
- 2022
 - Dự án mở rộng công suất ở Công ty con đang trong quá trình xây dựng
 - Áp dụng các sáng kiến PTBV, tái chế và tái sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất sợi tái chế.
- 2023
 - Dự án Unitex đang triển khai đúng tiến độ. Nâng tổng công suất toàn Công ty lên 99,300 tấn/năm.

- 2024
 - Nhà máy Unitex đã hoàn thiện, chạy thử ổn định 100%
- 2025
 - Nhà máy Unitex đã được hoàn công xây dựng và cấp giấy phép PCCC.
- 2026
 - Ngày 23/01/2026, Công ty đã tổ chức lễ khánh thành nhà máy Unitex, đồng thời kỉ niệm 25 năm thành lập Sợi Thế Kỳ.
 - Nhà máy Unitex chính thức đi vào hoạt động thương mại

1.9 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.9.1 Lĩnh vực kinh doanh

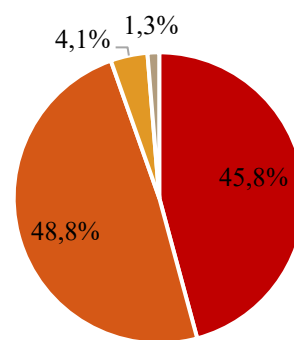
STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài Polyester, bao gồm sợi

- DTY (Drawn Textured Yarn) và
- FDY (Fully Drawn Yarn).

Sản phẩm mới: Trong năm 2025, công ty đã sản xuất thử nghiệm thành công và sẽ ra mắt thêm một số sản phẩm mới, vừa có khả năng bảo vệ môi trường do làm từ nguyên liệu tái chế hay sợi màu vừa có giá trị gia tăng cao với các tính năng đặc biệt như:


- Sợi COOL FEEL
- Sợi chập spandex
- Sợi 5 trong 1 (có các tính năng như mát, chống tia cực tím, chống dính, nhanh khô, hút ẩm).

Tỷ trọng doanh thu theo sản phẩm năm 2025



- DTY-RE ■ DTY-VR
- FDY-RE ■ FDY-VR

Các sản phẩm đang sản xuất

	DTY	FDY	Cationic Dyeable Yarn
	Semi-Dull	Semi-Dull	CD 50%
	Full-Dull	Full-Dull	CD 100%
	High CR	Dope Dye Black	
	Quick Dry	Mountain Flat Yarn	



Soft package



Cool Feel

Dope Dye Black



Các sản phẩm mới

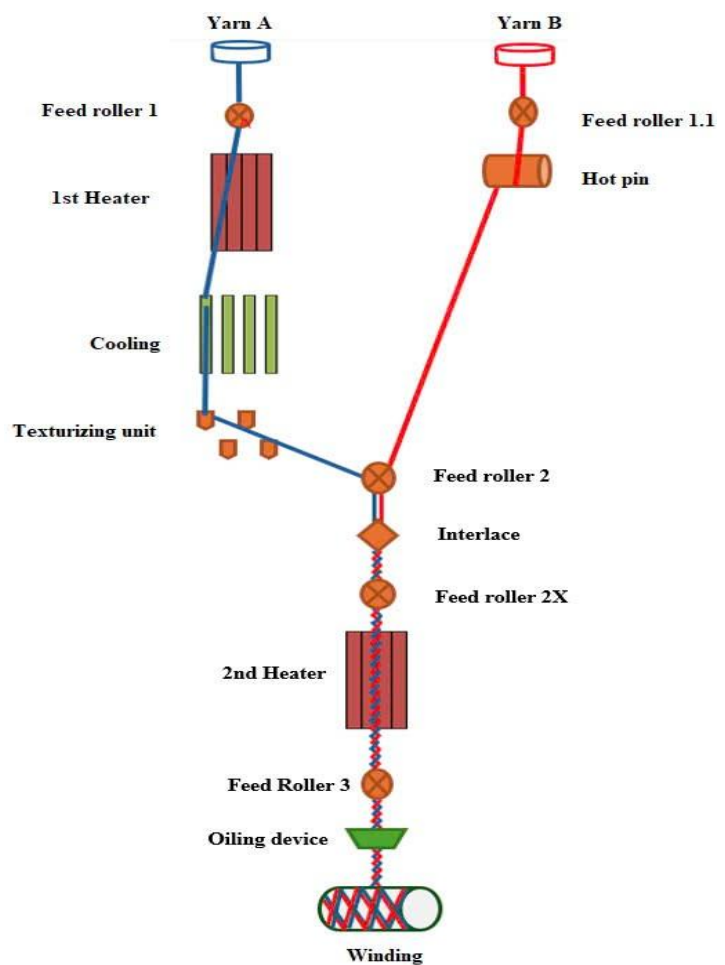
Special dull, Fur-like, Quick Dry

Air-Covering Yarn

Special Cool-Feeling Yarn



Combined Yarn with special effects





Sản phẩm sợi được sử dụng để sản xuất quần áo thể thao-dã ngoại, giày thể thao, túi vải Polyester, trang phục bơi, rèm-màn cửa, đệm bọc xe hơi, băng quấn y tế...

1.9.2 Quy mô sản xuất

Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng trên với tổng diện tích là 80,000 m².

Năm 2026, Sợi Thế Kỷ đưa vào hoạt động thương mại thêm **Nhà máy Sợi, Dệt nhuộm Unitex**, mở rộng thêm 60% công suất hiện tại. Nâng tổng công suất toàn Công ty lên 99,000 tấn/năm.

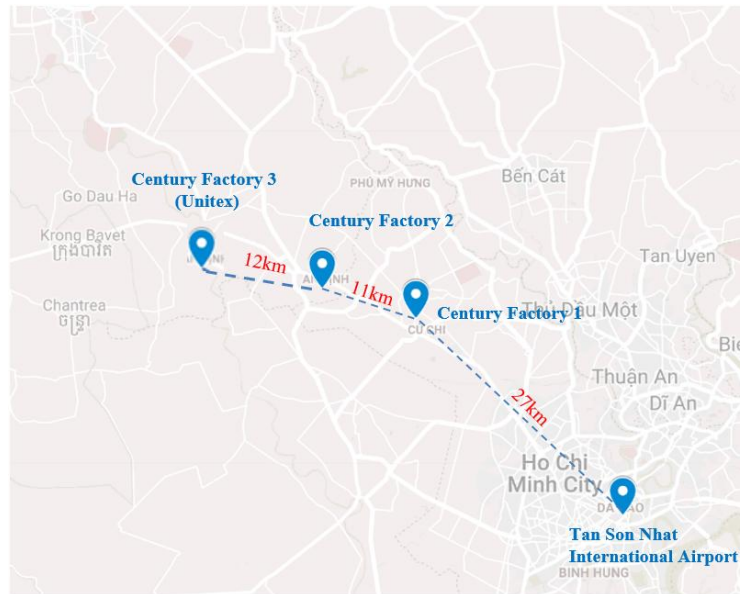




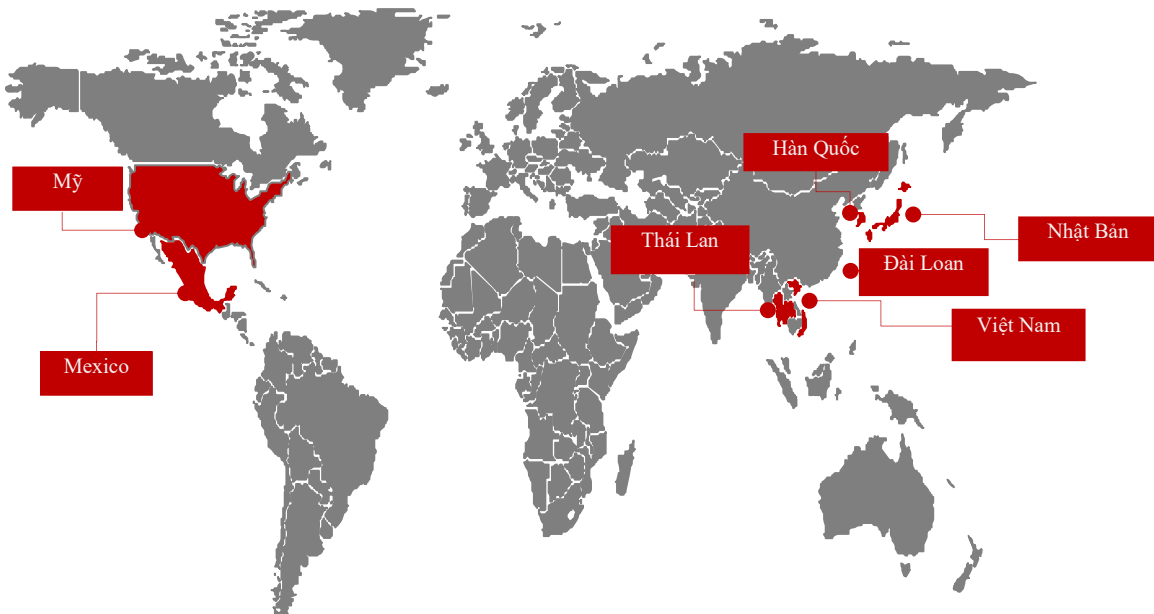
180,000 square meters

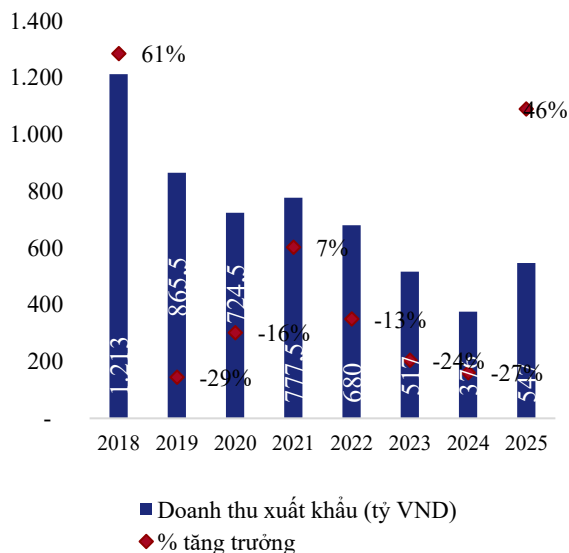
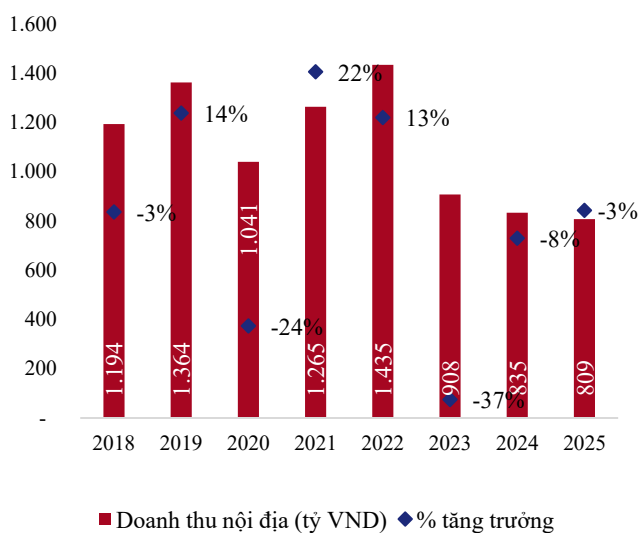


968 employees

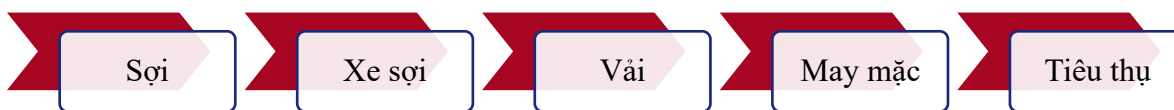


1.9.3 Địa bàn kinh doanh



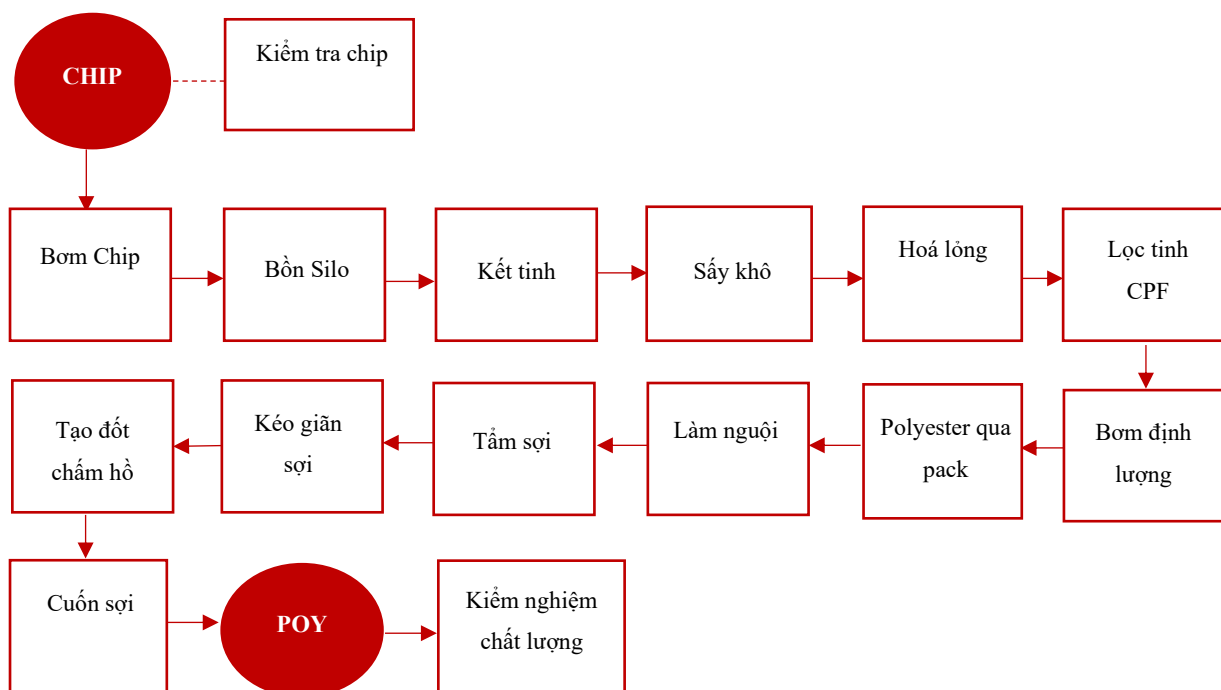


1.10 Chuỗi giá trị của ngành dệt may

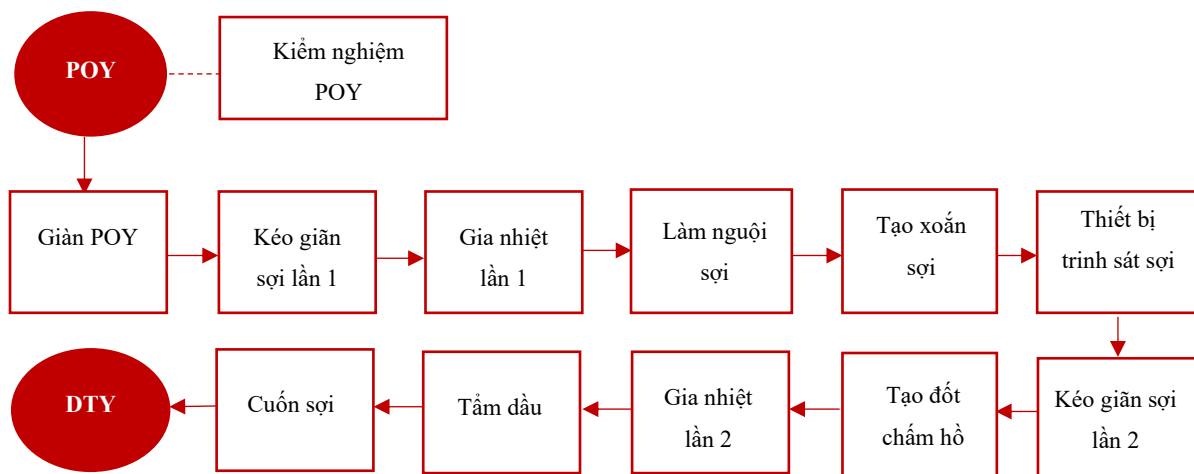


Quy trình sản xuất sợi ở Sợi Thế Kỷ

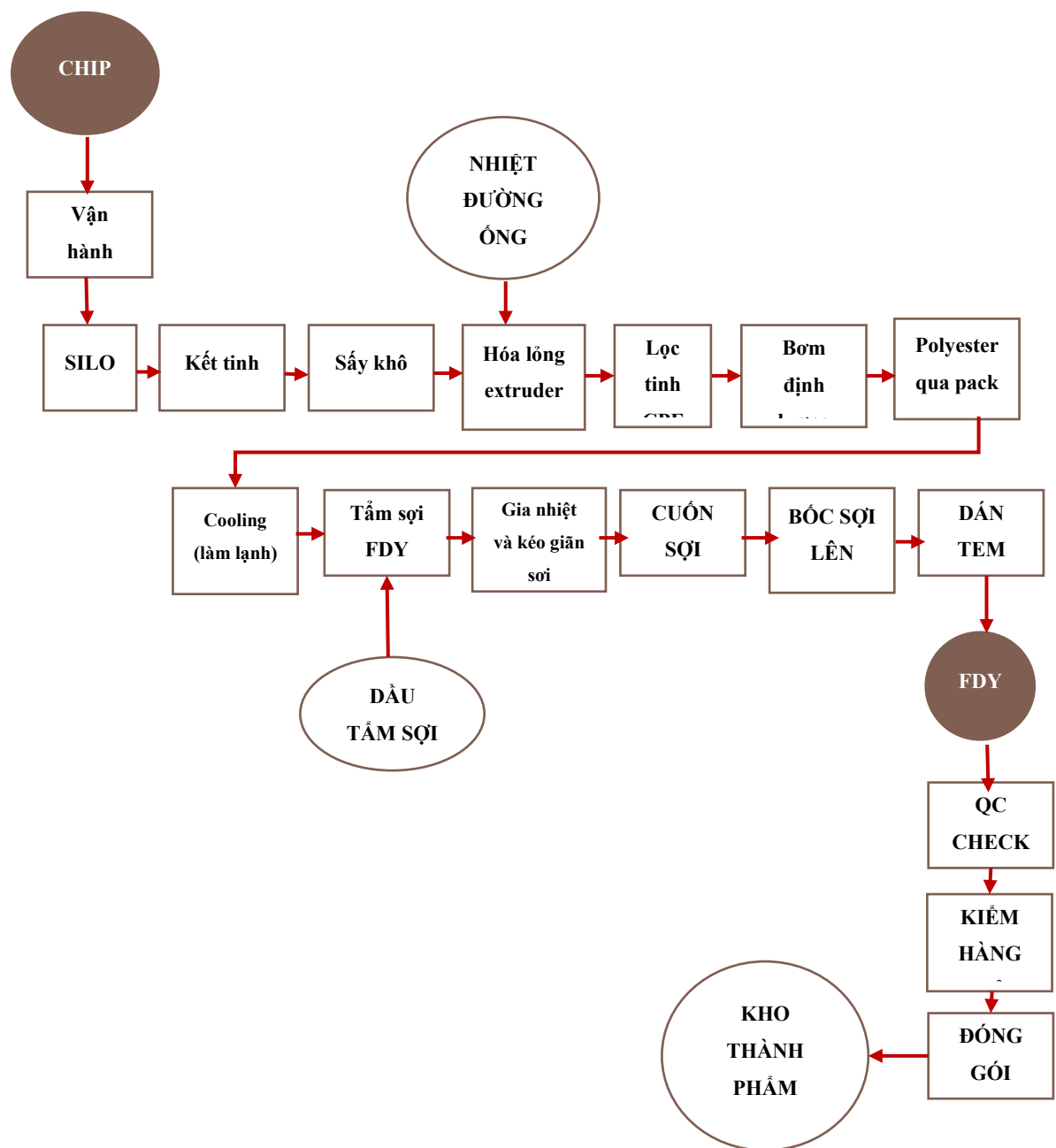
Sản xuất POY



Sản xuất DTY



Sản xuất FDY



1.11 Triết lý kinh doanh

TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung.

LIÊN TỤC CẦU TIẾN

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

CAM KẾT

Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc.

Gắn kết hệ giá trị mang lại lợi ích cho các bên liên quan

Khách hàng



Người lao động



Nhà cung ứng



Cổ đông



Cộng đồng



Nhà nước



PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

- Mang đến cho KH các SP-DV có chất lượng cao với giá cả hợp lý;
- Sản phẩm thân thiện với môi trường;
- Quy trình sản xuất đạt chuẩn quốc tế; nguồn NVL có xuất xứ rõ ràng.

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

- Gắn kết chặt chẽ với các bên liên quan;
- Sử dụng các nguồn lực để mang lại giá trị cao nhất cho các bên.

LIÊN TỤC CẦU TIẾN

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, thị trường mới để gia tăng hiệu quả kinh tế;
- Áp dụng các biện pháp cải tiến trong quản lý sản xuất, chi phí, lợi nhuận; các rủi ro đến từ nội bộ Công ty.

CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

- Chia sẻ lợi ích với các bên liên quan như cổ đông, người lao động: phát hành cổ tức, chào bán cổ phiếu với giá ưu đãi;
- Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng.

Gắn kết giá trị các bên liên quan

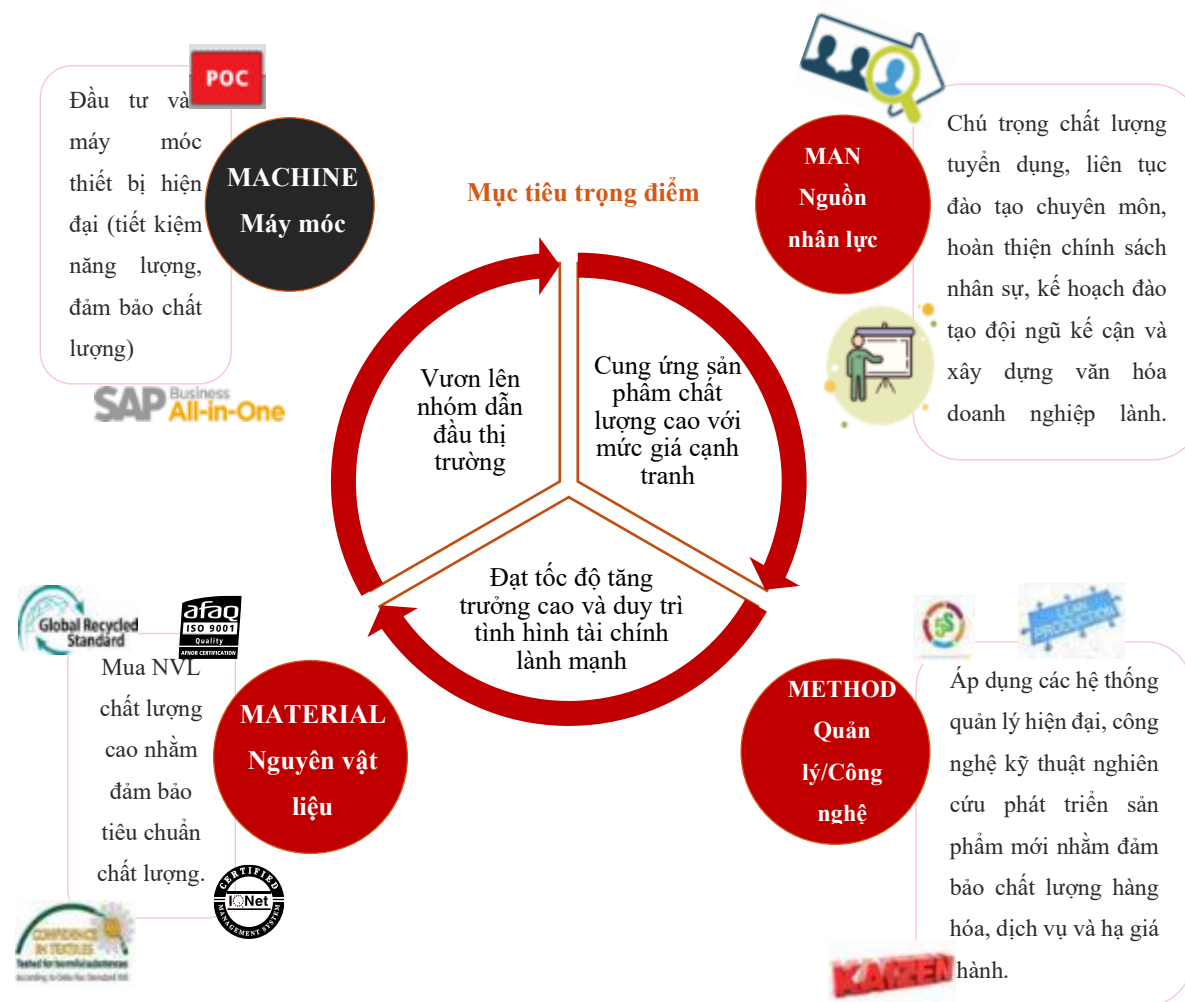
Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK 2025 để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
Cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> • Cuộc họp ĐHCĐ. • Buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư. • Hội thảo và tham quan nhà máy. • Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails. • Bản tin IR, Investor Day, Analyst's meetings, factory visit. 	<ul style="list-style-type: none"> • Minh bạch thông tin. • Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư/cổ đông. • Quản trị doanh nghiệp tốt. • Định hướng phát triển lâu dài. • Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư. • Định hướng phát triển bền vững. • Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng (ESG). • Chính sách cổ tức. • Thù lao cho HĐQT, BKS, BDH. • Giá trị của doanh nghiệp. • Tính thanh khoản và cơ hội đầu tư. • Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint. 	<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu đạt 1.352,9 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế 49,9 tỷ VND, hoàn thành lần lượt 41,4% và 16,1% và kế hoạch đề ra. • Mở rộng thị trường mới: từng bước phát triển thêm khách hàng thị trường Mỹ. • Duy trì tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu cao 49.9% năm 2025. • Trong năm 2025, Công ty đã sản xuất thử nghiệm thành công và sẽ ra mắt thêm một số sản phẩm mới, vừa có khả năng bảo vệ môi trường do làm từ nguyên liệu tái chế hay sợi màu vừa có giá trị gia tăng cao với các tính năng đặc biệt như: Sợi COOL FEEL, Sợi chập spandex; Sợi 5 trong 1 (có các tính năng như mát, chống tia cực tím, chống dính, nhanh khô, hút ẩm). • Thực hiện CBTT đầy đủ và kịp thời theo quy định. • Cam kết duy trì trả cổ tức đều đặn. Năm 2025, Công ty đã trả cổ tức của năm tài chính 2024 với tỷ lệ 45% • Hoàn tất thủ tục chào bán riêng lẻ, dù Công ty đã không chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư nào. • Phối hợp với ENERTEAM thực hiện kiểm toán năng lượng và thành lập Ban quản lý năng lượng, đồng thời xây dựng hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001. Kết quả kiểm kê khí nhà kính của nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi được tổng hợp vào báo cáo kiểm kê khí nhà kính và đã nộp cho cơ quan chức năng ngày 31/03/2025, đảm bảo tuân thủ quy định của Nghị định 06/2022/NĐ-CP. Đây là bước quan trọng trong cam kết của STK đối với trách nhiệm môi trường và chiến lược phát triển bền vững.

<p>Khách hàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Trao đổi trực tiếp. • Các buổi gặp mặt, đến thăm Công ty khách hàng. • Phiếu khảo sát khách hàng. • Website Công ty • Hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành. • Email, điện thoại. 	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty hoạt động bền vững (ESG)-an toàn và uy tín. • Chất lượng sản phẩm- dịch vụ. • Giá cả cạnh tranh. • Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn. • Dịch vụ khách hàng vượt trội. • Công nghệ, năng lực sản xuất tốt. • Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng. • Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao. • Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại. • Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint 	<ul style="list-style-type: none"> • Nghiên cứu và sản xuất các loại sợi có độ bền rất cao, tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi màu dope dyed. • Đảm bảo chất lượng của sản phẩm ổn định. • Nâng cao nghiệp vụ bán hàng của đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng. • Giao hàng đúng hạn và không thiếu hàng, thời gian giao hàng nhanh và linh hoạt. • Liên tục đào tạo nguồn lực đội ngũ bán hàng nội địa và xuất khẩu. • Tham gia công bố thông tin về phát triển bền vững trên các platform như CDP, đo lường tác động môi trường của sản phẩm, • Nâng cao chất lượng các tiêu chí phục vụ khách hàng. • Sản phẩm được chứng nhận không sử dụng các chất độc hại • Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe. • Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard). • Được khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. • Tái chế lại phế phẩm thành nguyên liệu hạt Chip đầu vào
<p>Người lao động</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chương trình Tôn chỉ. • Các cuộc họp giao ban. • Đối thoại định kỳ với người lao động. • Hội nghị người lao động hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> • Môi trường làm việc thoải mái an toàn. • Đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp. • Cân bằng giữa công việc và cuộc sống. • Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao. • Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển nâng cao tay nghề. • Cơ hội thăng tiến trong công việc • Tầm nhìn của người lãnh đạo. 	<ul style="list-style-type: none"> • Chế độ thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến và môi trường làm việc cho người lao động. • Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 44 người • Ban Điều Hành cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng của người lao động. • Đảm bảo tỷ lệ mức lương cho người lao động cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành. • Thực hiện cơ chế 5S, cải thiện môi trường làm việc. • Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, người lao động được chăm lo sức khỏe.

	<ul style="list-style-type: none"> • Trực tiếp trao đổi với người quản lý. • Trực tiếp trao đổi với phòng nhân sự. • Phiên họp thương lượng tập thể. • Khảo sát người lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> • Sự công bằng và dân chủ. • Không phân biệt đối xử. • An toàn lao động trong nơi làm việc. • Công việc ổn định và được hướng dẫn. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ quy định trách nhiệm xã hội theo pháp luật. • Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm vào 11, 12/12/2025 • Duy trì lương đơn hàng ổn định, tạo công việc làm cho người lao động và duy trì thu nhập ổn định cho công nhân. • Soạn thảo và ban hành bản tin người lao động mỗi quý • Công đoàn Công ty thực hiện quyên góp, hỗ trợ cho các nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, gặp tai nạn, thiên tai, vùng lũ lụt,...
Nhà cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> • Gặp gỡ trực tiếp. • Tham quan nhà máy. • Thông qua email, điện thoại. • Thu thập thông tin qua khảo sát. 	<ul style="list-style-type: none"> • Uy tín, cộng tác dài lâu. • Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển. • Xây dựng chuỗi giá trị bền vững, không bị gián đoạn. • Đối tác đảm bảo các hoạt động phát triển bền vững-ESG, giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint. 	<ul style="list-style-type: none"> • Nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên. • Bình đẳng trong việc lựa chọn nhà cung ứng trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh. • Đánh giá nhà cung ứng để đảm bảo duy trì tính hiệu quả hợp tác lâu dài. • Đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng, để đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.
Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua các cuộc họp, các đợt thanh tra. • Thông qua các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA. • Các văn bản hành chính của nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật. • Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định. • Hỗ trợ phát triển cộng đồng. • Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước. • Doanh nghiệp xanh, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước. • Không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật. • Thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, an toàn-môi trường-sức khỏe. • Ủng hộ chủ trương của nhà nước. • Nộp thuế đầy đủ. • Hỗ trợ phát triển địa phương. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.

<p>Ngân hàng đối tác</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các cuộc gặp mặt trực tiếp. • Điện thoại và email. 	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty hoạt động bền vững và uy tín. • Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp. • Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp. • Hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển. • Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> • Linh hoạt trong chính sách hợp tác về hạn mức vay. • Thực hiện chi trả lãi vay đúng và sớm hơn hạn quy định. • Theo dõi và hỗ trợ thường xuyên các giao dịch. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.
<p>Cộng đồng địa phương</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Buổi gặp mặt trao đổi định kỳ. • Văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương. • Các hoạt động xã hội cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> • Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng. • Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân. • Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương. • Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tạo nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương. • Nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương. • Trao học bổng cho các trường cao đẳng tại địa phương. • Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương. • Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương. • Phát triển đô thị hóa nông thôn thông qua việc xây dựng cơ sở hạ tầng mới từ dự án nhà máy mới Unitex. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.
<p>Hiệp hội ngành (VCOSA)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi. 	<ul style="list-style-type: none"> • Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành. • Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ cung cấp thông tin và hợp tác tích cực với hiệp hội ngành. • Đóng góp hội phí thường niên. • Tham gia là ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam (VCOSA). • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.

1.12 Mô hình kinh doanh



Trong những năm gần đây các thương hiệu thời trang hàng đầu có xu hướng giảm thời gian giao hàng (lead time) nhằm cắt giảm tồn kho để đối phó với rủi ro thị trường và đồng thời có yêu cầu về chất lượng rất nghiêm ngặt nhằm hạn chế phải làm lại hàng. Đứng trước những thách thức đó, Công ty đang kiện toàn hoạt động kiểm soát chất lượng, triển khai dự án smart factory để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhà máy.

Đầu tư các nền tảng công nghệ AI phục vụ quản lý, điều hành công việc: Smart Factory tại Trảng Bàng 3, ứng dụng AI để giám sát lỗi sản xuất, giảm hàng lỗi và tiết kiệm nguyên liệu. Nhà máy mới Unitex ứng dụng công nghệ kho tự động, phần mềm quản lý POC, hệ thống xuống giàn tự động POY giúp nâng cao hiệu quả quản lý, đồng thời tiết giảm chi phí nhân công, hạn chế sai sót do lỗi con người.

1.13 Vị thế của Sợi Thế Kỷ - Yếu tố tạo động lực tăng trưởng

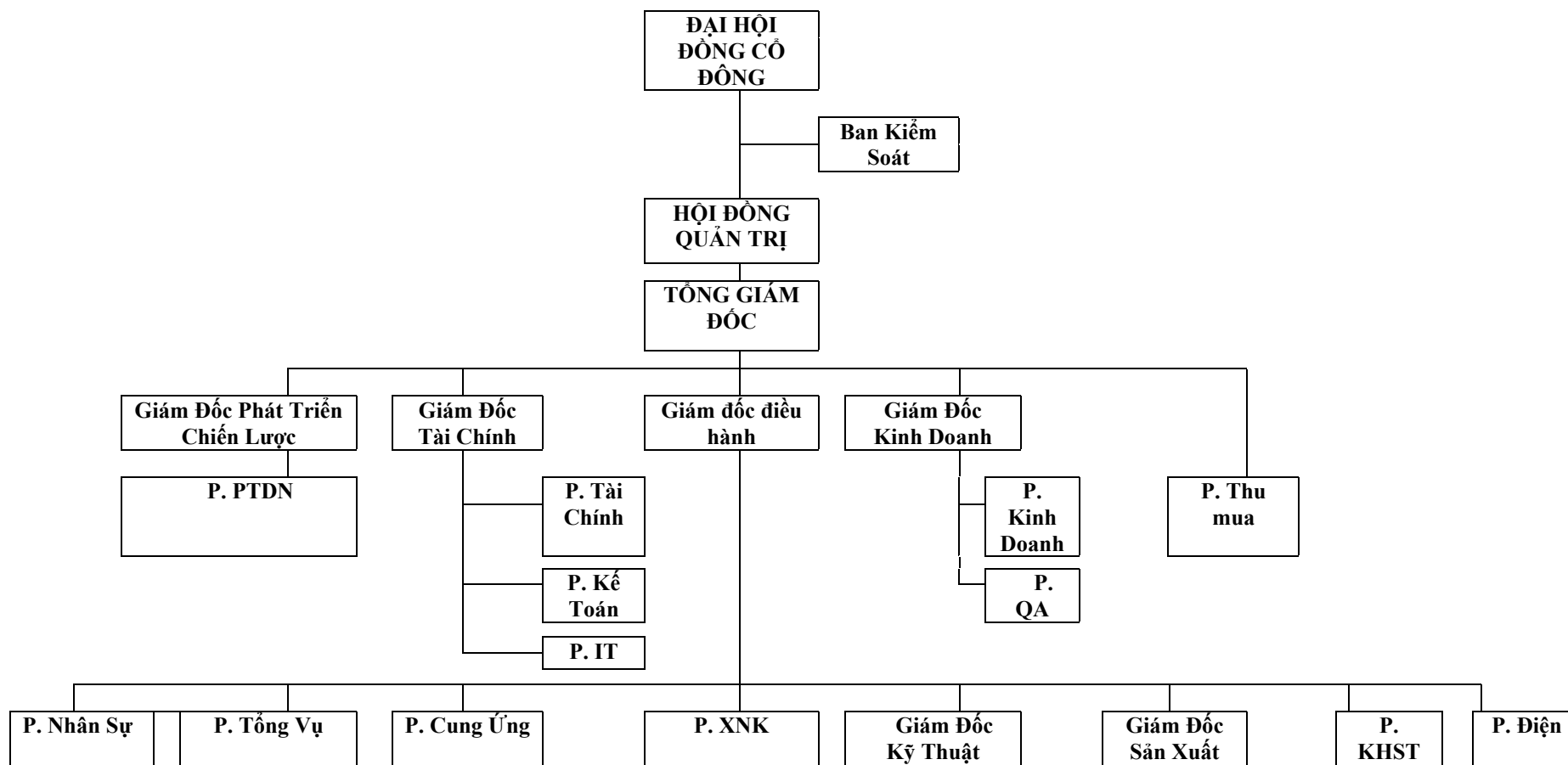
Sợi Thế Kỷ là 1 trong ít những doanh nghiệp sản xuất sợi Polyester Filament Việt Nam với thị trường xuất khẩu sợi Polyester lớn thứ 4 cả nước. Các sản phẩm sợi Polyester Filament của Công ty được đánh giá hàng đầu về mặt chất lượng.

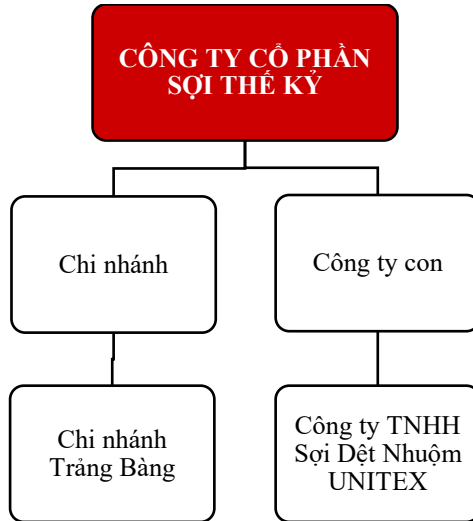
Với mục tiêu tiên phong trong ngành sợi dệt và trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu, Sợi Thế Kỳ đã và đang vươn mình ra thế giới, mang đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn cao nhất nhu cầu của khách hàng.

Các yếu tố đầu vào	Cụ thể hóa yếu tố đầu vào	Kết quả đầu ra
Nguồn lực tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông). 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng hiệu quả thông qua hoạt động đầu tư dự án, mở rộng công suất. Đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm.
	<ul style="list-style-type: none"> Vốn vay từ các tổ chức tín dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> Tận dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý và an toàn để tài trợ cho các dự án tăng công suất, vốn lưu động, gia tăng lợi nhuận cho cổ đông. Đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn.
Nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> Người lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng được đội ngũ nhân viên kế thừa lãnh nghề và giàu tinh thần trách nhiệm. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua tuyển dụng và đào tạo. Kiến tạo văn hóa doanh nghiệp, gắn kết người lao động. Chính sách phúc lợi hợp lý, tạo động lực cho NLD gia tăng hiệu quả sản xuất.
Nguồn lực sản xuất và tài sản hữu hình và vô hình	<ul style="list-style-type: none"> Công suất tối đa: 63,000 tấn/năm. Mở rộng thêm nhà máy Unitex giai đoạn 1 với công suất 36,000 tấn/năm (đưa vào hoạt động thương mại từ 2026). Đưa tổng công suất toàn Công ty lên 99,000 tấn/năm Tổng tài sản (hợp nhất) đạt 4.155,1 tỷ đồng. Hệ thống Máy móc từ Oerlikon Barmag, Đức. 	<ul style="list-style-type: none"> Máy móc được nhập khẩu từ công nghệ châu Âu tiên tiến bậc nhất trên thế giới (Đức). Áp dụng CNTT để gia tăng hiệu quả giám sát quá trình sản xuất sản xuất, giảm giá thành sản xuất; theo dõi và rút kinh nghiệm để cải thiện chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn dẫn đầu trong ngành sợi về chất lượng cao đi đôi giá cả hợp lý, mở rộng và duy trì được mạng lưới khách hàng.

	<ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống phần mềm quản lý hoạt động sản xuất POC. Hệ thống quản lý phần mềm kế toán tài chính-nhân sự SAP. • Mạng lưới khách hàng nội địa và xuất khẩu. • Danh tiếng và vị thế của Công ty trên thị trường. 	
Quản trị doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống quản trị rủi ro. • Mô hình quản trị áp dụng những thông lệ tốt trong nước và quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng Kiểm toán nội bộ để củng cố “hàng phòng ngự” trong việc kiểm soát rủi ro từ nội bộ. • Người phụ trách về quản trị Công ty có vai trò theo dõi và đưa ra sáng kiến cải thiện quản trị; đồng thời kết hợp với chỉ đạo từ HĐQT để giữ vững được tính minh bạch trong việc quản trị Công ty theo chuẩn mực trong nước và quốc tế.
Yếu tố xã hội	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ hội từ xu hướng thay đổi của văn hóa tiêu dùng và các yếu tố nhân khẩu học như thay đổi cơ cấu dân số theo tuổi tác, giới tính, văn hóa quốc gia vùng lãnh thổ... 	<ul style="list-style-type: none"> • Nắm bắt được những thay đổi trong hành vi của người tiêu dùng để mở ra cơ hội phát triển sản phẩm mới và phân khúc thị trường mới; đón đầu được xu hướng mới trong ngành và chuỗi cung ứng trong nước và trên toàn cầu.
Yếu tố môi trường	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ hội từ xu hướng bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và xu hướng xanh hóa ngành sản xuất sợi. 	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện các sáng kiến PTBV để giảm thiểu khí thải CO2, giảm lượng tiêu thụ năng lượng không tái tạo và lượng tiêu thụ nước sạch.

1.14 Cơ cấu tổ chức Công ty





1.15 Tình hình Công ty con, Công ty liên kết

Thông tin Công ty con, công ty liên kết

Tên đơn vị	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỢI, DỆT NHUỘM UNITEX
Vốn điều lệ	522,000,000,000 đồng
Tỷ lệ sở hữu	100%
Địa chỉ	Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Phường An Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
Lĩnh vực kinh doanh	Sản xuất sợi

Tình hình hoạt động của Công ty con, Công ty liên kết

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỢI, DỆT NHUỘM UNITEX				
Chỉ tiêu (đồng)	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2023	2025 vs 2024
Doanh thu hoạt động tài chính	1.570.996.109	0	2.269.361.007	-100%
Chi phí tài chính	(52.554.707.189)	(33.654.416.380)	(1.059.456.301)	Số âm nên không so sánh
Lợi nhuận	(52.866.508.399)	(33.971.812.721)	(930.815.541)	Số âm nên không so sánh

thuần từ HDKD				
Lợi nhuận sau thuế	(52.335.859.689)	(33.734.379.155)	436.783.550	Số âm nên không so sánh
Tài sản ngắn hạn	42,229,098,710	81,959,619,551	445,301,557,082	-81,60%
Tài sản dài hạn	2,343,550,133,107	2,188,162,080,124	835,852,751,889	161,80%
Nợ phải trả	1,953,371,359,965	1,785,377,968,134	762,676,198,275	134,10%
Vốn chủ sở hữu	432,407,871,852	484,743,731,541	518,478,110,696	-6,50%
Tổng tài sản	2,385,779,231,817	2,270,121,699,675	1,281,154,308,971	77,20%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 của Công ty TNHH Một Thành Viên Sợi, Dệt Nhuộm Unitex

Chi tiết doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu (đồng)	2025	2024	2023
Lãi tiền gửi	33.672.033	0	230.046.606
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.537.324.076	0	1.841.039.869
Tổng cộng	1.570.996.109	0	2.269.361.007

Chi tiết chi phí tài chính

Chỉ tiêu (đồng)	2025	2024	2023
Chi phí lãi vay	742.545.021	0	0
Lỗ chênh lệch tỷ giá	51.812.162.168	0	1.059.456.301
Tổng cộng	52.554.707.189	33.654.416.380	1.059.456.301

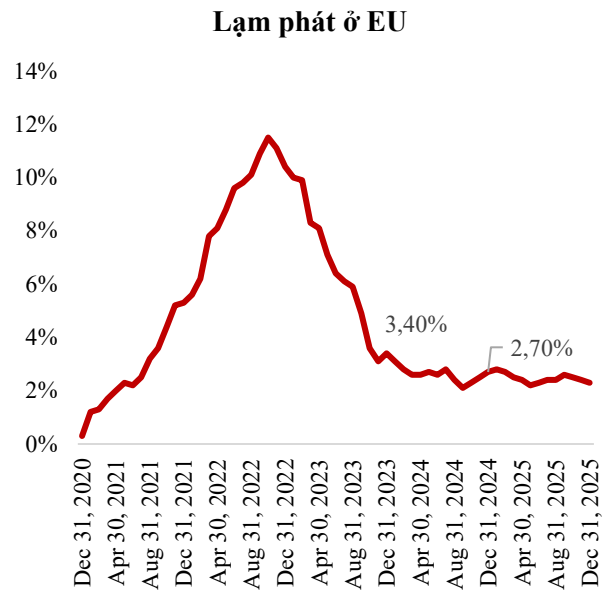
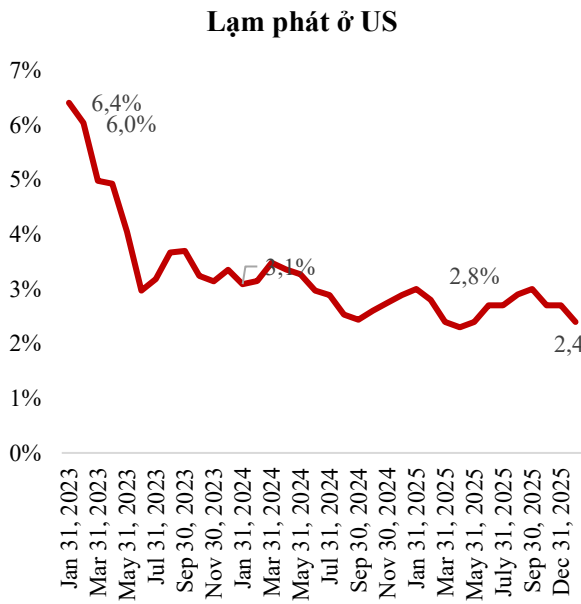
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính

Chỉ tiêu (đồng)	2025	2024	2023
Lợi nhuận/lỗ từ hoạt động tài chính	(50.983.711.080)	(33.654.416.380)	1.209.904.706

2. TÌNH HÌNH KINH TẾ 2025

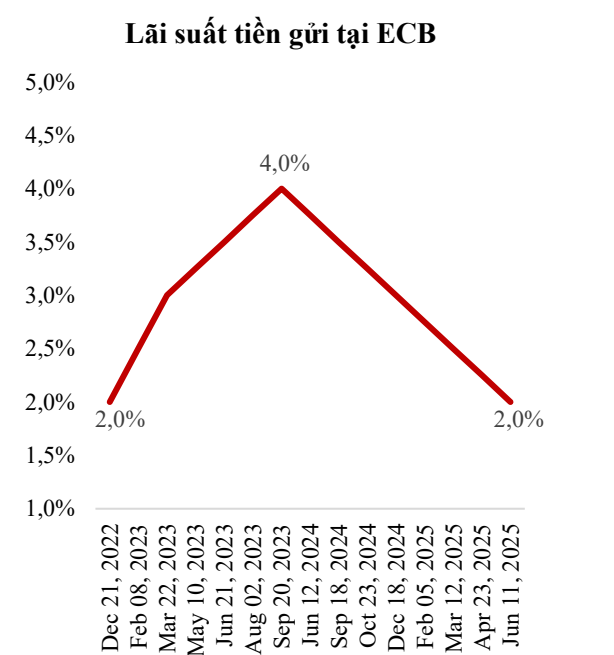
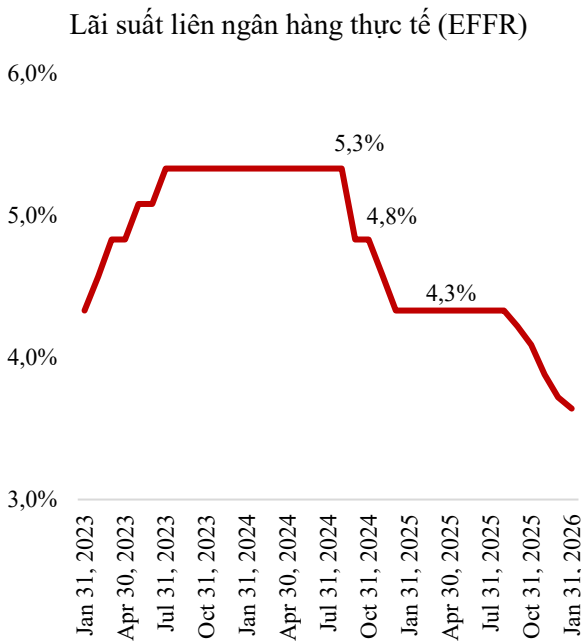
2.1. Tình hình kinh tế vĩ mô, biến đổi khí hậu và chính trị trên Thế giới

Lạm phát ở US giảm từ 2,9% vào cuối năm 2024 xuống 2,7% cuối năm 2025, trong khi đó lạm phát ở EU cũng giảm từ 2,7% xuống 2,3%.

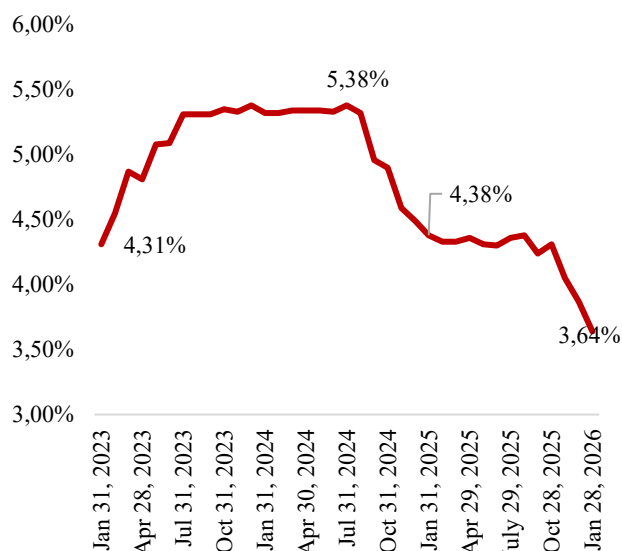


(Nguồn: ycharts.com)

Khi lạm phát giảm, ngân hàng trung ương có thể giảm lãi suất để kích thích tăng trưởng kinh tế, khuyến khích vay mượn và đầu tư.



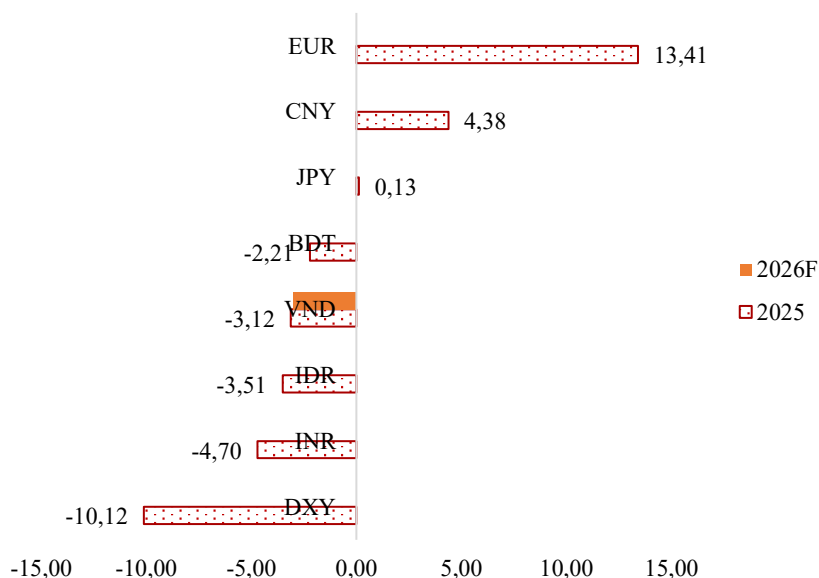
Lãi suất tài trợ có bảo đảm qua đêm (SOFR)



(Nguồn: ycharts.com)

Năm 2025, USD suy yếu đáng kể trên diện rộng, thể hiện qua mức giảm mạnh của DXY và sự tăng giá rõ rệt của EUR. Trong khi đó, CNY tăng nhẹ và JPY gần như đi ngang. Ngược lại, các đồng tiền châu Á mới nổi như VND, IDR, INR và BDT đều mất giá so với USD. Nhìn chung, USD giảm giá mạnh so với các đồng tiền chủ chốt nhưng vẫn duy trì sức mạnh tương đối so với nhóm thị trường mới nổi.

Biến động lịch sử của tiền tệ so với USD trong năm 2025



(Nguồn: Investing.com)

Trong năm 2025, nhiệt độ trung bình toàn cầu tiếp tục duy trì ở mức cao kỷ lục, dao động quanh ngưỡng 1,5°C so với thời kỳ tiền công nghiệp, cho thấy xu hướng nóng lên toàn cầu chưa có dấu hiệu chững lại sau năm 2024. Các hiện tượng thời tiết cực đoan tiếp tục diễn ra với tần suất và cường độ cao: nhiều đợt nắng nóng kéo dài tại Nam Á, Trung Đông và khu vực Địa Trung Hải; hạn hán nghiêm trọng ảnh

hưởng đến sản xuất nông nghiệp tại một số vùng ở châu Phi và Mỹ Latinh; mưa lớn và lũ lụt tiếp tục xảy ra tại một số quốc gia châu Âu và Đông Nam Á. Cháy rừng vẫn là mối đe dọa lớn tại miền tây Hoa Kỳ, Canada và khu vực Nam Mỹ. Các hiện tượng khí hậu cực đoan kéo dài không chỉ gây thiệt hại về người và tài sản mà còn làm gián đoạn chuỗi cung ứng lương thực và năng lượng, qua đó tác động tiêu cực đến tâm lý tiêu dùng toàn cầu. Người dân tại nhiều quốc gia tiếp tục có xu hướng thắt chặt chi tiêu do chi phí sinh hoạt cao và rủi ro kinh tế gia tăng.

Về địa chính trị, năm 2025 chứng kiến môi trường chính trị toàn cầu tiếp tục phân cực. Tại Hoa Kỳ, chính quyền mới sau bầu cử 2024 định hình lại chính sách thương mại và công nghiệp theo hướng ưu tiên lợi ích nội địa, làm gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại. Tại Liên minh châu Âu, sự gia tăng ảnh hưởng của các đảng bảo thủ và dân túy sau cuộc bầu cử Nghị viện châu Âu 2024 tiếp tục tác động đến tiến trình xây dựng chính sách khí hậu và thương mại. Xu hướng bảo hộ gia tăng khiến một số chương trình chuyển đổi xanh và các mục tiêu trung hòa carbon đối mặt với áp lực điều chỉnh về tiến độ và nguồn lực.

Song song đó, căng thẳng thương mại toàn cầu tiếp tục leo thang. Trung Quốc vẫn là tâm điểm của các cuộc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp từ cả các nền kinh tế phát triển và đang phát triển. Các ngành thép, hóa chất, xe điện và năng lượng tái tạo tiếp tục nằm trong diện giám sát do lo ngại về tình trạng dư thừa công suất và cạnh tranh giá thấp. Xu hướng “tái cấu trúc chuỗi cung ứng” (supply chain restructuring), đa dạng hóa nguồn cung và dịch chuyển sản xuất sang các quốc gia Đông Nam Á, Ấn Độ và Mỹ Latinh tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong năm 2025.

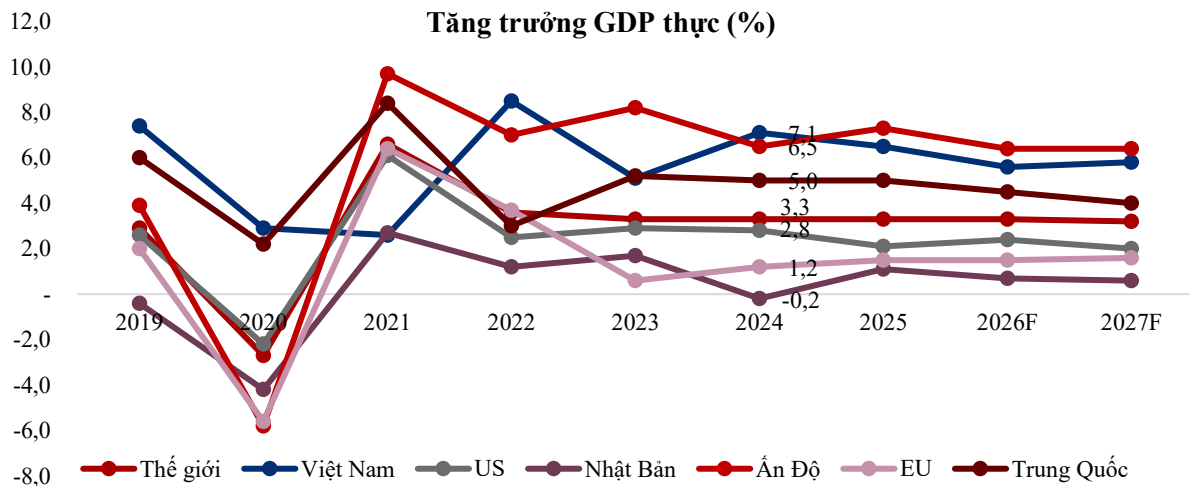
Về tăng trưởng kinh tế toàn cầu, nền kinh tế thế giới năm 2025 tăng trưởng chậm lại, ước đạt khoảng 2,7-3,0%, thấp hơn mức 3,2% của năm 2024. Lạm phát tại nhiều nền kinh tế đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao so với giai đoạn trước đại dịch, khiến các ngân hàng trung ương duy trì chính sách tiền tệ thận trọng. Đầu tư toàn cầu có xu hướng dịch chuyển vào các lĩnh vực công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi năng lượng, trong khi tiêu dùng hộ gia đình phục hồi chậm do áp lực thu nhập thực tế.

Nhìn chung, năm 2025 là năm thế giới tiếp tục đối mặt với “trạng thái bình thường mới” của bất ổn: rủi ro khí hậu kéo dài, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, cạnh tranh công nghệ ngày càng gay gắt và tăng trưởng kinh tế ở mức trung bình thấp. Những yếu tố này tạo ra môi trường kinh doanh nhiều biến động, đòi hỏi các quốc gia và doanh nghiệp phải nâng cao khả năng thích ứng, đa dạng hóa thị trường và quản trị rủi ro hiệu quả hơn.

Đối với ngành dệt may, chính sách thuế nhập khẩu mở rộng của Hoa Kỳ kể từ khi Tổng thống Donald Trump tái nhậm chức đã tạo ra những tác động sâu rộng đến cấu trúc thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc áp dụng mức thuế cơ bản đối với hàng hóa nhập khẩu, cùng với khả năng gia tăng thuế bổ sung đối với một số quốc gia có thặng dư thương mại lớn với Mỹ, làm gia tăng chi phí nhập khẩu hàng may mặc, sợi và nguyên phụ liệu vào thị trường tiêu thụ lớn nhất thế giới này. Trong ngắn hạn, các nhà nhập khẩu và bán lẻ Mỹ có xu hướng đàm phán giảm giá, chuyển dịch đơn hàng hoặc tái cấu trúc chuỗi cung ứng nhằm hạn chế tác động chi phí, qua đó gây áp lực trực tiếp lên biên lợi nhuận của các nhà sản xuất tại châu Á.

Đồng thời, chính sách này cũng thúc đẩy xu hướng “đa dạng hóa nguồn cung” và “near-shoring”, trong đó các thương hiệu lớn tăng tỷ trọng đơn hàng tại những quốc gia có lợi thế về thuế quan hoặc có hiệp định thương mại song phương thuận lợi với Mỹ. Điều này tạo ra sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các quốc gia xuất khẩu dệt may. Đối với các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng sợi – dệt – nhuộm – may, đặc biệt là phân khúc sợi polyester và nguyên liệu tổng hợp, rủi ro lớn nhất nằm ở biến động đơn hàng, áp lực giảm giá bán và yêu cầu cao hơn về truy xuất nguồn gốc, tuân thủ môi trường và phát triển bền vững. Trong bối cảnh đó, năng lực tối ưu chi phí, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và chuyển dịch sang các dòng sản phẩm giá trị gia tăng cao sẽ đóng vai trò then chốt trong việc duy trì sức cạnh tranh tại thị trường Mỹ.

Tăng trưởng GDP thực của các nền kinh tế giảm sâu năm 2020 do tác động dịch bệnh, bật tăng mạnh năm 2021 nhờ hiệu ứng phục hồi, sau đó bước vào giai đoạn điều chỉnh và ổn định dần từ 2022–2024; Việt Nam và Ấn Độ duy trì mức tăng trưởng cao hơn mặt bằng chung, trong khi Mỹ và EU tăng trưởng ở mức trung bình và có xu hướng chậm lại, Nhật Bản biến động thấp và phục hồi yếu, còn Trung Quốc giảm tốc rõ rệt so với giai đoạn trước, phản ánh xu hướng tăng trưởng toàn cầu đang dần hạ nhiệt trong trung hạn.



(Nguồn: IMF)

Bên cạnh đó, trong năm 2025, hàng hóa liên quan đến AI trở thành động lực chính của tăng trưởng thương mại toàn cầu. Trong nửa đầu năm, thương mại nhóm này tăng hơn 20% và đóng góp gần một nửa mức tăng trưởng thương mại hàng hóa thế giới, dù chỉ chiếm khoảng 15% tổng kim ngạch.

Động lực tăng trưởng đến từ nhu cầu đầu tư dài hạn vào hạ tầng số (chất bán dẫn, máy chủ, thiết bị viễn thông), với châu Á giữ vai trò trung tâm cung ứng và Bắc Mỹ thúc đẩy mạnh nhập khẩu. Xu hướng này phản ánh làn sóng đầu tư cấu trúc vào AI trên phạm vi toàn cầu, không chỉ do yếu tố chính sách ngắn hạn.

Sự phát triển của AI ngày càng mạnh mẽ vừa tạo ra cơ hội cũng như rủi ro cho nhân loại. Đối với ngành xơ sợi - dệt may, AI giúp tối ưu sản xuất, tự động hóa quy trình, quản lý chuỗi cung ứng thông minh, kiểm soát chất lượng. Tuy nhiên, việc sử dụng AI và công nghệ mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng tiềm

ấn không ít rủi ro. Trước hết là rủi ro về bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư khi hệ thống AI phụ thuộc vào lượng dữ liệu lớn, dễ dẫn đến rò rỉ hoặc lạm dụng thông tin. Bên cạnh đó, AI có thể tạo ra thiên lệch và phân biệt đối xử nếu dữ liệu đầu vào không công bằng. Tự động hóa cũng gây áp lực lên thị trường lao động, làm gia tăng nguy cơ mất việc và chênh lệch thu nhập. Ngoài ra, sự phụ thuộc quá mức vào công nghệ có thể làm giảm vai trò của con người, trong khi các vấn đề về đạo đức, an ninh mạng và tác động môi trường cũng ngày càng đáng lo ngại. Do đó, việc quản lý và ứng dụng AI cần đi kèm với khung pháp lý và kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo phát triển bền vững.

Dự báo tăng trưởng kinh tế cho năm 2026

Tốc độ tăng GDP toàn cầu năm 2026 được dự báo không thay đổi so với 2025. Trong khi tốc độ tăng trưởng của Mỹ dự kiến tăng từ 2,1% lên 2,4% thì EU được dự báo chững lại trong 2026 ở mức 1,5%. Tốc độ tăng trưởng của Nhật năm 2026 dự kiến giảm xuống 0,7%.

Dự báo của IMF	2024	2025	2026	2027	Dự báo của Ngân hàng thế giới	2024	2025	2026	2027
Thế giới	3,3%	3,3%	3,3%	3,2%	Thế giới	2,8%	2,7%	2,6%	2,7%
US	2,8%	2,1%	2,4%	2%	US	2,8%	2,1%	2,2%	1,9%
EU	1,2%	1,5%	1,5%	1,6%	Euro area	0,9%	1,4%	0,9%	1,2%
Japan	-0,2%	1,1%	0,7%	0,6%	Japan	-0,2%	1,3%	0,8%	0,8%

(Nguồn: Dữ liệu của IMF và World Bank's Global Economic Prospect – Jan. 2026)

Dự báo xu hướng một số chỉ tiêu toàn cầu trong ngắn hạn

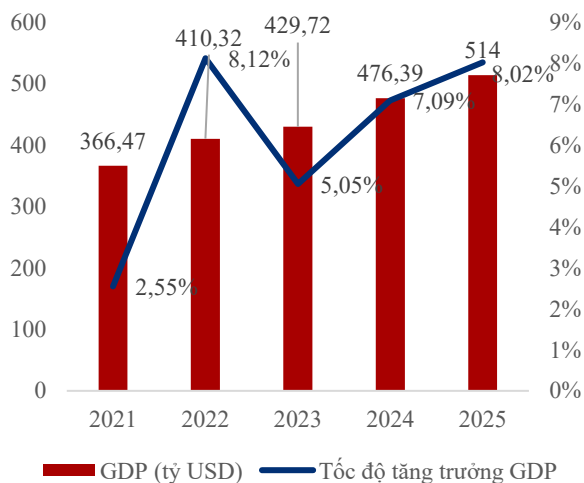
	Dự báo tăng	Dự báo giảm
Lạm phát		Lạm phát đã hạ nhiệt tại phần lớn các quốc gia và tiến gần hơn đến mục tiêu của các ngân hàng trung ương. Dù thuế quan cao hơn khiến lạm phát hàng hóa tại Hoa Kỳ tăng nhẹ, tác động này được giảm bớt nhờ hoạt động tích trữ hàng hóa và các yếu tố điều tiết khác. Trong thời gian tới, lạm phát toàn cầu dự kiến tiếp tục giảm dần, mặc dù tác động không đồng đều giữa các nền kinh tế do ảnh hưởng khác biệt của thuế quan. Xu hướng giảm lạm phát phản ánh sự suy yếu của thị trường lao động tại nhiều quốc gia, nhu cầu hàng hóa thương mại giảm và giá năng lượng đi xuống.
Lãi suất		Lạm phát giảm, các ngân hàng trung ương (Fed, ECB) nới lỏng chính sách tiền tệ
Giá dầu		Giá dầu thô có xu hướng giảm do nhu cầu yếu đi và nguồn cung tăng từ liên minh OPEC+,

		<p> khiến thị trường dầu đối mặt nguy cơ dư cung đáng kể. Tăng trưởng nhu cầu dầu thô tại Trung Quốc chậm lại.</p> <p> Các diễn biến địa chính trị, bao gồm việc tái áp đặt các lệnh trừng phạt đối với các công ty dầu mỏ của Liên bang Nga, đã làm dấy lên lo ngại tạm thời về khả năng giá tăng trở lại, song tác động này chỉ mang tính ngắn hạn. Sau các gián đoạn tạm thời đó, giá ổn định ở mức thấp hơn, củng cố xu hướng giảm chung.</p> <p> Xu hướng chuyển sang xe điện</p>
Giá kim loại quý hiếm (vàng, bạc)		<p> Giá vàng được dự đoán tiếp tục cao nhờ chính sách nới lỏng tiền tệ, sự suy yếu của đồng đô la Mỹ và nhu cầu liên tục từ các ngân hàng trung ương cũng như nhà đầu tư.</p> <p> Giá bạc cũng đạt mức cao chưa từng có, được thúc đẩy bởi sự quan tâm mạnh mẽ của giới đầu tư và việc mở rộng các ứng dụng công nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng tái tạo đang tăng trưởng nhanh.</p>
Giá kim loại, khoáng sản (nhôm, đồng, thiếc)		<p> Được kỳ vọng duy trì tương đối ổn định nhờ nhu cầu từ ngành năng lượng tái tạo và xe điện, bất chấp hoạt động công nghiệp trầm lắng và bất định chính sách.</p>
Giá lương thực	Có khả năng tiếp tục giảm nếu sản lượng thu hoạch toàn cầu vẫn dồi dào.	
Chi phí vận chuyển	<p> Các sự kiện như Brexit, leo thang tranh chấp thương mại, chiến tranh tại Ukraine và xung đột ở Trung Đông đã làm căng thẳng quan hệ quốc tế.</p> <p> Những diễn biến này đã ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng và dòng chảy thương mại toàn cầu, và có thể tiếp tục gây tác động, đặc biệt nếu xảy ra gián đoạn tại các điểm nghẽn chiến lược, từ đó đẩy giá hàng hóa, chi phí vận chuyển và áp lực giá cả tăng lên.</p> <p> Những sự kiện gần đây - từ chiến tranh tại Ukraine đến mực nước thấp kỷ lục tại Kênh đào Panama và hạn hán tái diễn trên các tuyến đường thủy - đã làm gián đoạn các hành lang vận tải</p>	

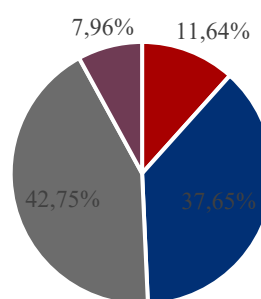
	<p>quan trọng, buộc phải chuyển hướng hàng hóa với chi phí cao và gây chậm trễ.</p> <p>Chỉ trong một tháng sau khi chiến tranh Ukraine bùng nổ, chỉ số Baltic Dry Index - thước đo chi phí vận chuyển các nguyên liệu thô chính như than, quặng sắt và ngũ cốc - đã tăng khoảng 25%.</p> <p>Việc giảm xuất khẩu ngũ cốc và quặng đường vận chuyển dài hơn đã đẩy giá lương thực toàn cầu tăng cao.</p> <p>Các nút thắt logistics cũng làm gia tăng áp lực lên thị trường năng lượng khi giá dầu và khí đốt cao hơn khiến chi phí nhiên liệu hàng hải tăng mạnh.</p> <p>Ngoài những tác động tức thời, rủi ro an ninh gia tăng cùng chi phí bảo hiểm chiến tranh và chi phí chuyển tuyến có thể tạo áp lực kéo dài lên cước vận tải.</p>	
<p>Khối lượng thương mại</p>		<p>Tăng tương khối lượng thương mại hàng hóa năm 2025 đạt 2,5%. Dự kiến năm 2026, tăng trưởng chậm lại, chỉ đạt 0,5% do:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Gia tăng rào cản thương mại: Các biện pháp bảo hộ, thuế quan mới và hạn chế xuất khẩu giữa các nền kinh tế lớn + Chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn do hậu quả của căng thẳng địa chính trị + Khi thuế quan cao hơn đã được áp dụng và chính sách thương mại vẫn nhiều bất định, hoạt động mua trước (frontloading) dự kiến sẽ giảm dần khi tồn kho tích lũy được giải phóng và tăng trưởng GDP chậm lại.
<p>Đồng USD</p>		<p>USD được dự báo sẽ suy yếu dần trong năm 2026, nhưng trong biên độ nhất định, không giảm quá sâu. Kỳ vọng biến động hai chiều thay vì giảm liên tục.</p>

2.2. Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam

GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%.

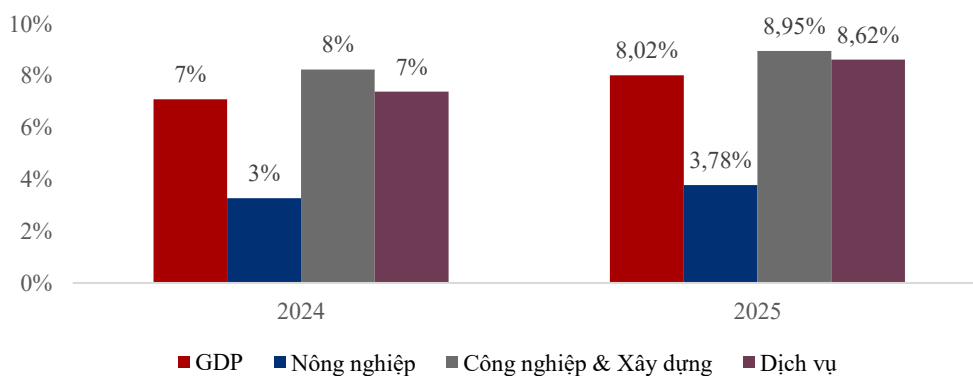


Cơ cấu GDP 2025



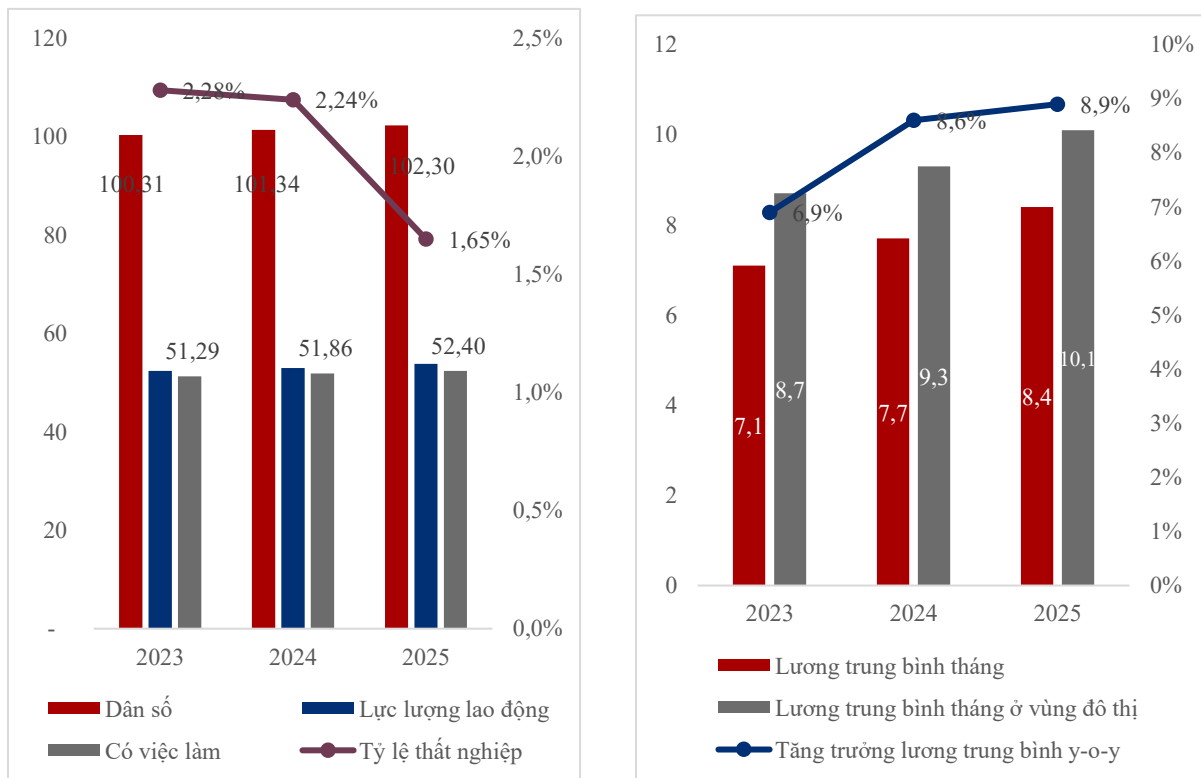
- Nông nghiệp
- Công nghiệp & Xây dựng
- Dịch vụ
- Thuế

Tốc độ tăng trưởng GDP theo lĩnh vực



(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)

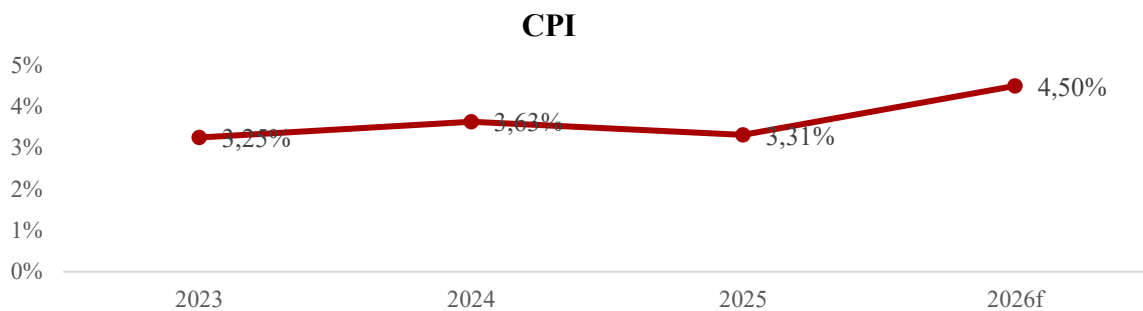
Giai đoạn 2023-2025, Việt Nam duy trì xu hướng tích cực về cả lao động và thu nhập khi dân số, lực lượng lao động và số người có việc làm tăng nhẹ qua các năm, trong khi tỷ lệ thất nghiệp giảm dần, phản ánh thị trường lao động ổn định hơn; đồng thời, mức lương bình quân tháng tăng đều, đặc biệt tại khu vực thành thị cao hơn mặt bằng chung, và tốc độ tăng lương theo năm được cải thiện, cho thấy thu nhập người lao động được nâng lên song hành với đà phục hồi và mở rộng của nền kinh tế.



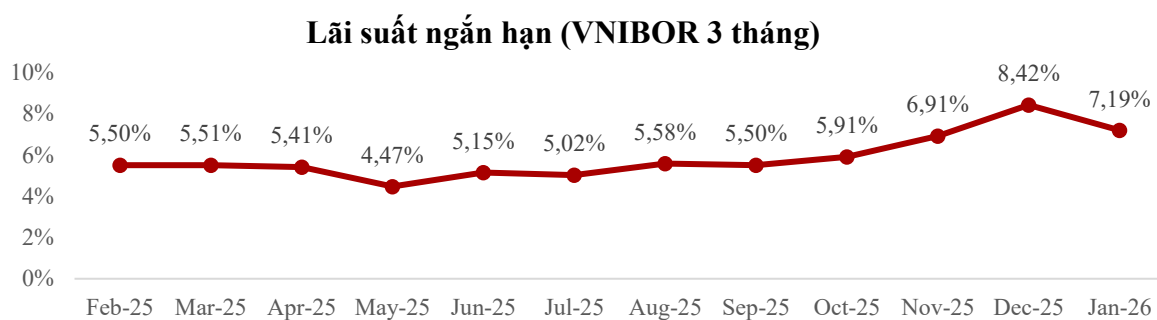
(Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam và STK tính toán)

Lạm phát và lãi suất

Lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2023-2025 duy trì ở mức tương đối ổn định quanh 3-3,6% nhưng có xu hướng tăng lên 4,5% vào năm 2026 (dự báo), trong khi lãi suất ngắn hạn VNIBOR 3 tháng biến động mạnh hơn, giảm giữa năm 2025 rồi tăng nhanh về cuối năm trước khi hạ nhiệt đầu 2026, phản ánh áp lực thanh khoản và kỳ vọng lạm phát gia tăng; tổng thể, nền kinh tế đang đối mặt với rủi ro áp lực giá quay trở lại và điều kiện tiền tệ có xu hướng thắt chặt hơn trong ngắn hạn. CPI năm 2025 đạt 3,31% - đạt mục tiêu Quốc hội đề ra (3,3-3,5%). Mục tiêu kiểm soát CPI năm 2026 của Quốc hội là giữ mức tăng CPI bình quân ở 4,5%.



(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)

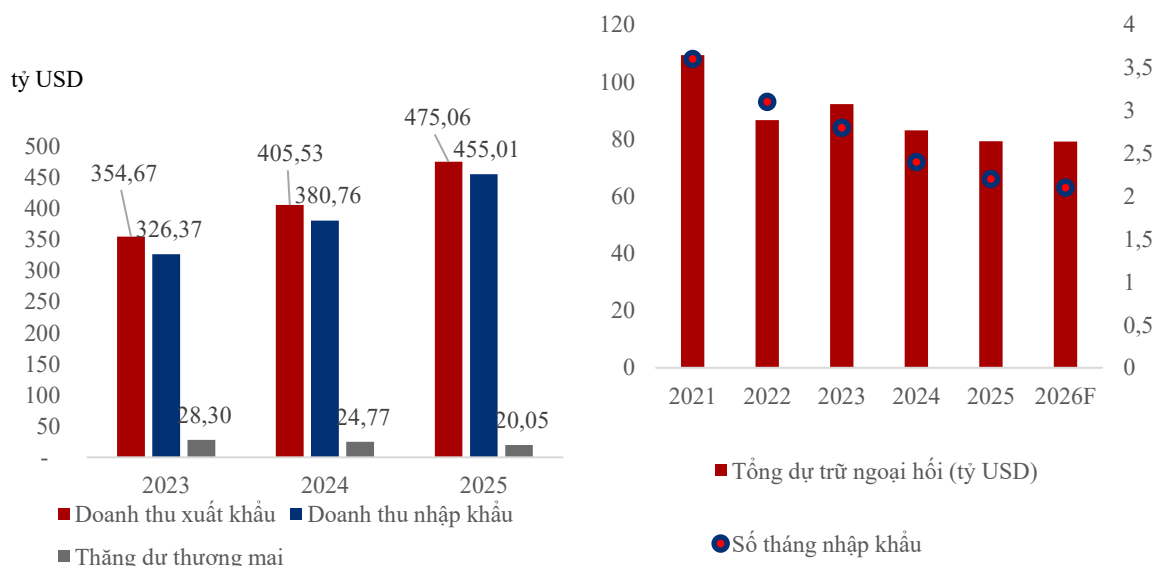


Giai đoạn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất tái cấp vốn
19/06/2023 - nay	3%	4.5%
25/05/2023 – 18/06/2023	3.5%	5%
03/04/2023 – 24/05/2023	3.5%	5.5%
15/03/2023 – 02/04/2023	3.5%	6%
25/10/2022 – 14/03/2023	4.5%	6%
23/09/2022 – 24/10/2022	3.5%	5%
01/10/2020 - 22/09/2022	2.5%	4%
13/05/2020 – 30/09/2020	3%	5%
17/03/2020 – 12/05/2020	3.5%	5%
16/09/2019 – 16/03/2020	4%	6%

(Nguồn: CEICDATA; State bank of Vietnam)

Kim ngạch XNK

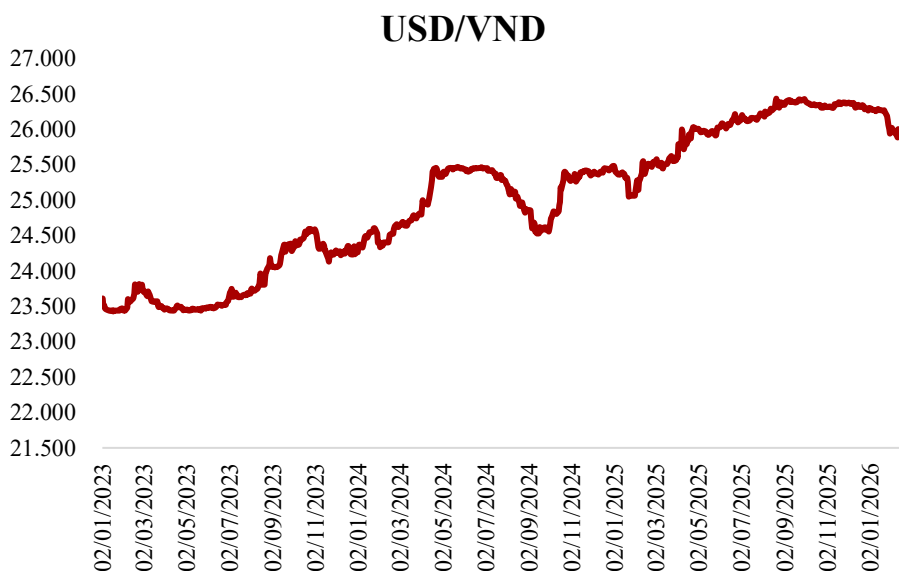
Tính chung cả năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 930,07 tỷ USD, tăng 18,3% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,1%; nhập khẩu tăng 19,5%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,05 tỷ USD.



(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam, IMF)

Tình hình tỷ giá USD/VND

Giai đoạn 2023 đến đầu 2026 tỷ giá USD/VND có xu hướng tăng dần, từ vùng khoảng 23.400 lên trên 26.000, xen kẽ các nhịp điều chỉnh ngắn hạn trong năm 2024 và đầu 2025, trước khi tiếp tục đi lên và duy trì ở vùng cao vào cuối kỳ, phản ánh áp lực mất giá tương đối của VND so với USD trong trung hạn.



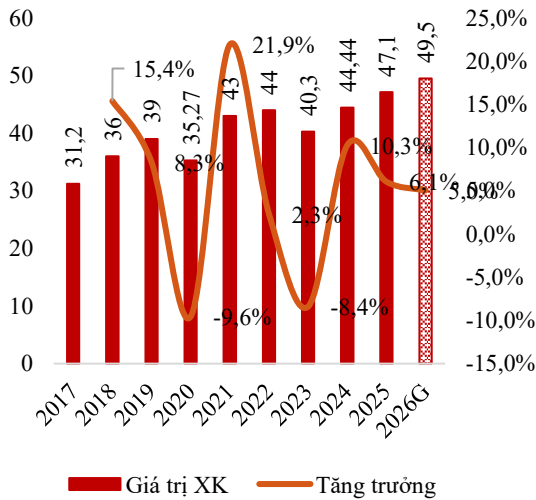
(Nguồn: Investing.com)

2.3. Tổng quan ngành dệt may Việt Nam

Xuất khẩu hàng dệt may và giày dép

Trong năm 2025, kim ngạch xuất khẩu dệt, may (bao gồm xơ, sợi, hàng dệt may, vải mảnh và vải kỹ thuật, nguyên phụ liệu dệt may, da giày) đạt 47,13 tỷ USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành khoảng 98% mục tiêu xuất khẩu cả năm (47-48 tỷ USD). Với những kết quả tích cực của năm 2024 và 2025, ngành dệt may đặt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu năm 2026 đạt 49-49,5 tỷ USD so với 2025. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm 39,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, tiếp theo là EU (10,7%), Nhật Bản (10,4%), Trung Quốc (8,1%) và Hàn Quốc (7,2%).

Kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam theo năm (tỷ USD)



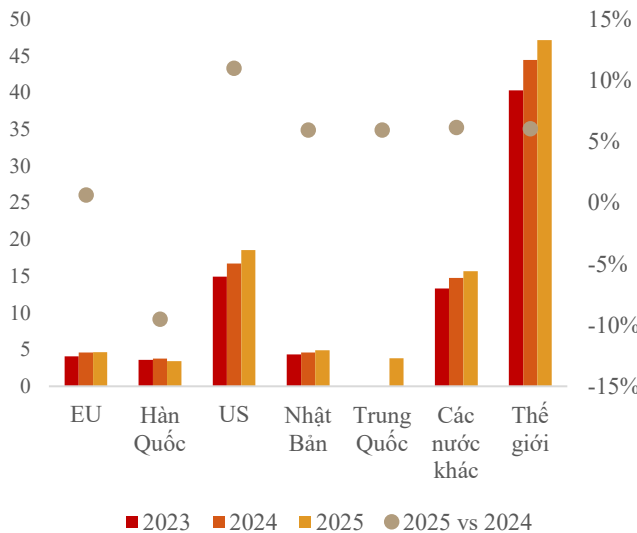
Kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam theo quý (tỷ USD)



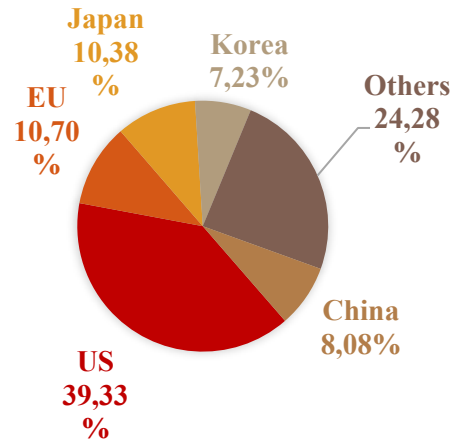
(Nguồn: Tổng cục Hải Quan Việt Nam)

Năm 2025, mặc dù đối mặt với áp lực giảm giá, yêu cầu chất lượng cao, các tiêu chí bền vững, chi phí đầu vào tăng và thiếu hụt lao động... song mặt hàng giày dép vẫn đạt tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 24,2 tỷ USD, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 98,8% mục tiêu cả năm (24,5 tỷ USD). Doanh thu xuất khẩu giày dép và túi xách đạt 28,8 tỷ USD. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của

Trị giá XK hàng dệt may của Việt Nam đến các thị trường



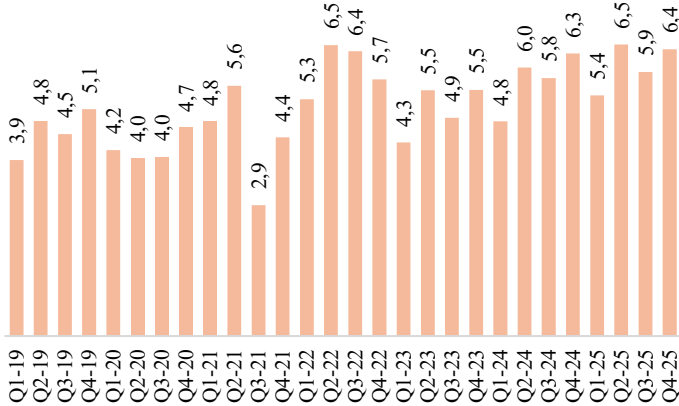
Thị phần XK dệt may của Việt Nam 2025



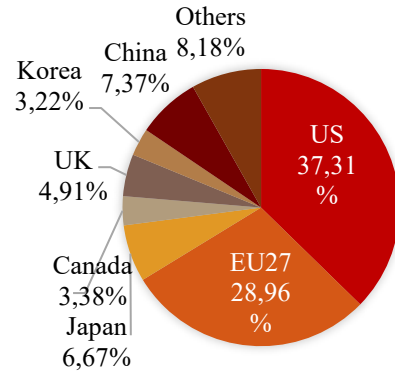
Nguồn: VITAS

Việt Nam, chiếm 37,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, tiếp theo là EU (29%), Trung Quốc (7,4%), Nhật Bản (6,7%), Vương quốc Anh (4,9%), Hàn Quốc (3,2%) và Canada (3,4%).

Trị giá XK giày dép của Việt Nam theo quý (tỷ USD)



Thị phần XK giày dép của Việt Nam 2025



Dự báo tăng trưởng ngành thời trang thế giới năm 2026

Triển vọng ngành thời trang thế giới năm 2026 nhìn chung vẫn khá âm ảm và thách thức. Năm 2026, niềm tin và mức độ sẵn sàng chi tiêu của người tiêu dùng là rủi ro lớn nhất đối với tăng trưởng của ngành. Yếu tố này gắn chặt với bất ổn địa chính trị và bối cảnh kinh tế vĩ mô, khiến hành vi mua sắm ngày càng khó dự báo. Bên cạnh đó, gián đoạn thương mại và xu hướng phi toàn cầu hóa - đặc biệt do các mức thuế mới - đang tái cấu trúc chuỗi cung ứng và làm tăng chi phí đầu vào so với những năm trước.

Fashion retail sales year-on-year growth by geography and segment, %



a. Excludes domestic unbranded and branded jewellery
 b. Mainland China (excl. Hong Kong and Taiwan)
 Note: Growth rate forecasts are calculated on actuals converted to USD on fixed 2024 exchange rates

(Nguồn: Báo cáo “The State of Fashion 2026” của McKinsey)

Dự báo tăng trưởng thời trang và phân khúc thời trang xa xỉ 2026:

Ngành thời trang duy trì tăng trưởng thấp một chữ số.

Phân khúc thời trang cao cấp phục hồi nhẹ sau năm 2025 khó khăn, tăng trưởng cao hơn phân khúc phổ thông.

Bên cạnh đó, gần ¾ lãnh đạo ngành thời trang dự báo sẽ tăng giá trong năm 2026

Khu vực	GDP 2026E	Tăng trưởng thời trang 2026E	Tăng trưởng phân khúc thời trang cao cấp 2026E	Động lực tăng trưởng
Châu Âu	+1.4%	+1–2%	+1–3%	Thời trang: Thu nhập tăng nhẹ nhưng người tiêu dùng vẫn thận trọng. Phân khúc thời trang cao cấp: Mua sắm miễn thuế phục hồi, nhu cầu nội địa ổn định.
Mỹ	+2.1%	+1–3%	+2–4%	Thời trang: Thuế quan làm tăng giá, niềm tin tiêu dùng yếu.

Khu vực	GDP 2026E	Tăng trưởng thời trang 2026E	Tăng trưởng phân khúc thời trang cao cấp 2026E	Động lực tăng trưởng
				Phân khúc thời trang cao cấp: Thị trường chứng khoán hỗ trợ tạo tài sản, nhóm siêu giàu thúc đẩy chi tiêu.
Trung Quốc	+4.2%	+1-3%	+2-4%	Thời trang: GDP tăng trưởng chậm lại, bất động sản gây áp lực tâm lý. Phân khúc thời trang cao cấp: Chi tiêu nội địa của nhóm giàu tăng, ý định mua sắm cao.

2.4. Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng dệt may và giày dép đến các thị trường chủ yếu

2.4.1. Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng dệt may của Việt Nam đến các thị trường chủ yếu

Dự báo tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam

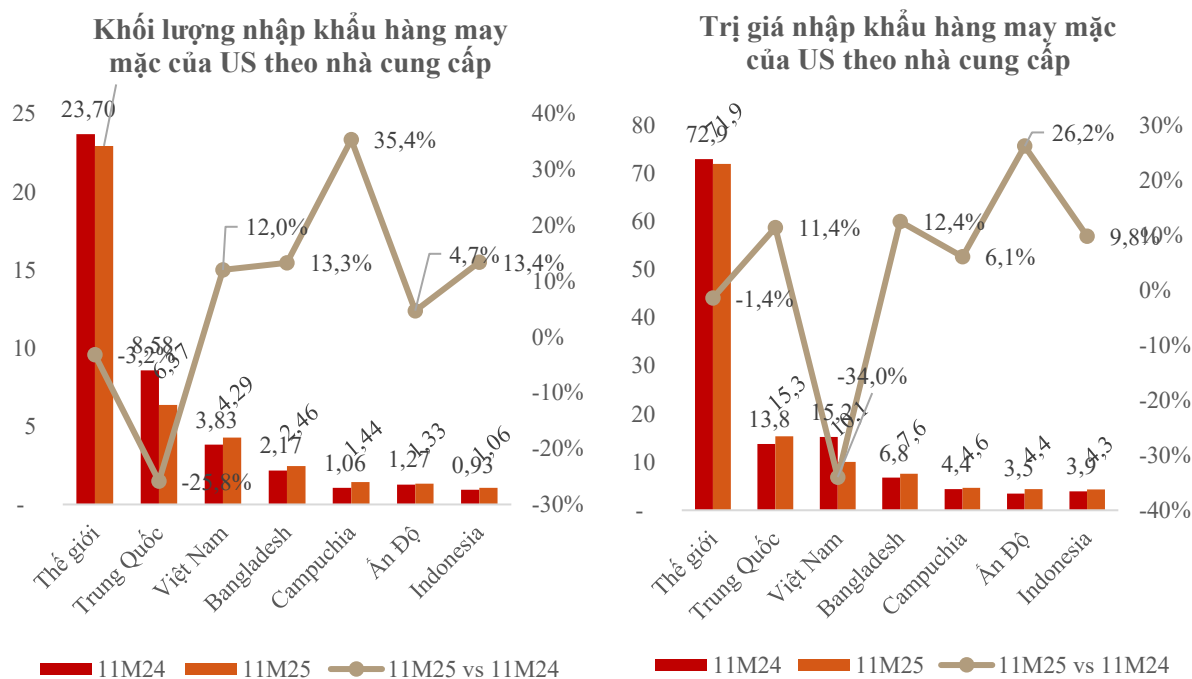
<u>Hàng dệt may</u>	Mục tiêu 2025	Thực hiện 2025	Mục tiêu 2026	Mục tiêu 2030
Mục tiêu xuất khẩu			49-49,5 tỷ USD	68-70 tỷ USD
Tăng trưởng so với cùng kỳ			5% y-o-y	

(Nguồn: VITAS)

Xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang các thị trường chủ yếu (Mỹ, EU, Nhật Bản) so với các quốc gia đối thủ chính

Trong 11 tháng năm 2025, sản lượng nhập khẩu hàng may mặc của Mỹ giảm 3,2% so với cùng kỳ năm trước. Campuchia ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất với 35,4%, tiếp theo là Pakistan (18,3%), Indonesia (13,4%), Bangladesh (13,3%), Việt Nam (12%) và Ấn Độ (4,7%), trong khi nhập khẩu từ Trung Quốc giảm 25,8%.

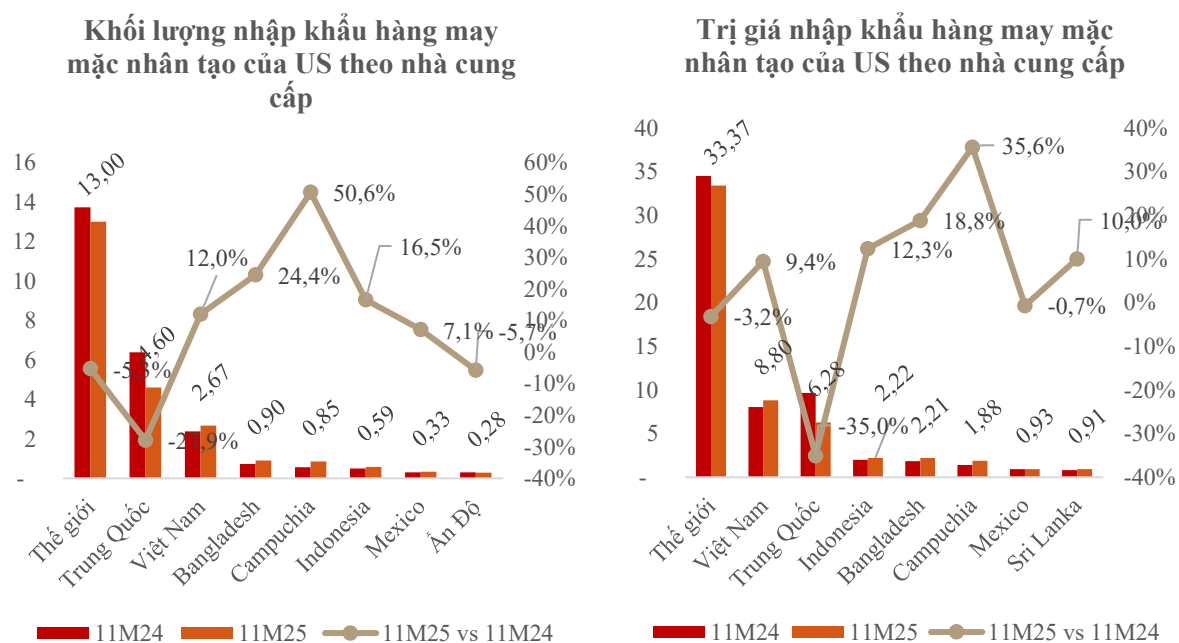
Trong 11 tháng năm 2025, giá trị nhập khẩu hàng may mặc của Mỹ giảm 1,4% so với cùng kỳ năm trước. Campuchia ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất với 26,2%, tiếp theo là Bangladesh (12,4%), Việt Nam (11,4%), Indonesia (9,8%) và Ấn Độ (6,1%). Trong khi đó, nhập khẩu từ Trung Quốc giảm 34%. Nhờ vậy, Việt Nam đã vượt Trung Quốc để trở thành nhà xuất khẩu hàng may mặc lớn nhất vào Mỹ xét về giá trị.



(Nguồn: OTEXA)

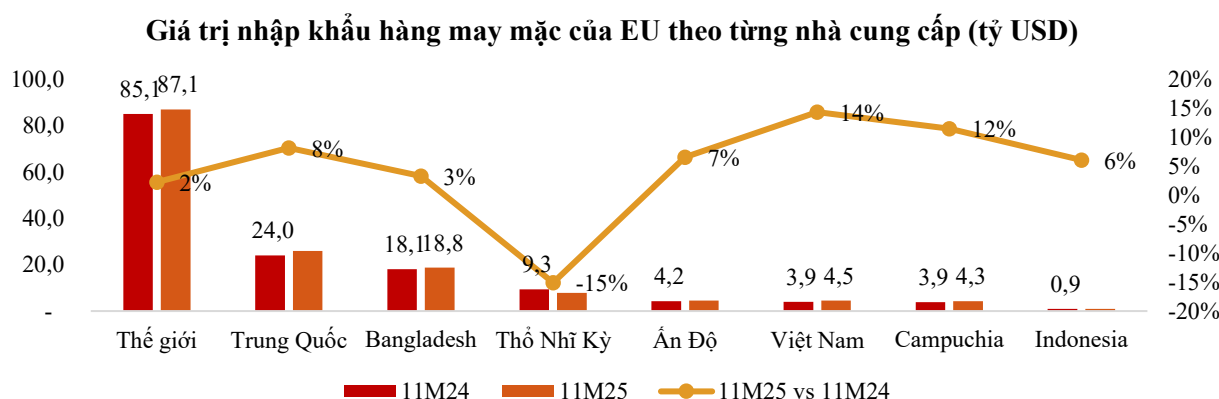
Trong 11 tháng năm 2025, sản lượng nhập khẩu hàng may mặc từ sợi nhân tạo của Mỹ giảm 5,3% so với cùng kỳ năm trước. Campuchia ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất với 50,6%, tiếp theo là Bangladesh (24,4%), Indonesia (16,5%), Việt Nam (12%) và Mexico (7,5%), trong khi Trung Quốc và Ấn Độ lần lượt giảm 27,9% và 5,7%.

Trong 11 tháng năm 2025, giá trị nhập khẩu hàng may mặc từ sợi nhân tạo của Mỹ giảm 3,2% so với cùng kỳ năm trước. Campuchia ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất với 35,6%, tiếp theo là Bangladesh (18,8%), Indonesia (12,3%) và Việt Nam (9,4%). Trong khi đó, Trung Quốc giảm 35%. Nhờ vậy, Việt Nam đã vượt Trung Quốc để trở thành nhà xuất khẩu lớn nhất vào thị trường Mỹ.



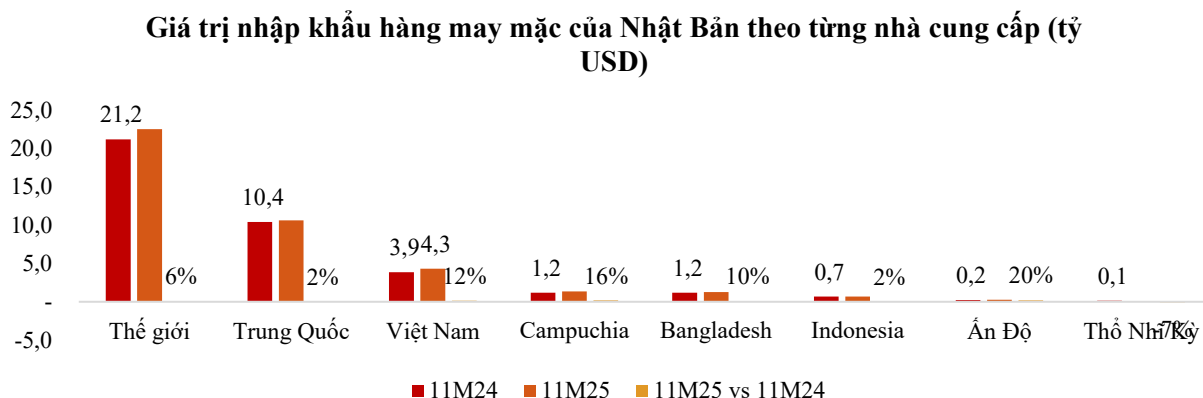
(Nguồn: OTEXA)

Trong 11 tháng năm 2025, nhập khẩu hàng may mặc của EU tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam có mức tăng trưởng cao nhất, đạt 14%, tiếp theo là Campuchia (12%), Trung Quốc (8%), Ấn Độ (7%), Indonesia (6%) và Bangladesh (3%).



(Nguồn: UNComtrade)

Trong 11 tháng năm 2025, nhập khẩu hàng may mặc của Nhật Bản tăng 6%. Ấn Độ có tốc độ tăng trưởng cao nhất, đạt 20%, tiếp theo là Campuchia (16%), Việt Nam (12%) và Trung Quốc (2%).

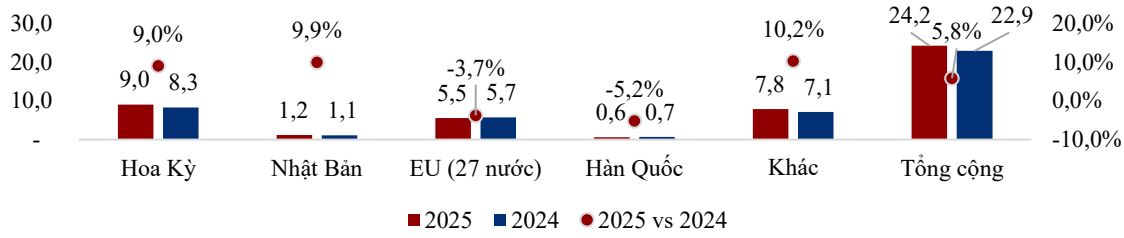


(Nguồn: UNComtrade)

2.4.2. Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng giày dép của Việt Nam đến các thị trường chủ yếu

Nhìn chung, kim ngạch xuất khẩu giày dép có sự tăng trưởng khá trong năm 2025, đạt 24,2 tỷ USD, tăng 5,8% so với năm 2024. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu giày dép sang Mỹ và EU lần lượt đạt 9 tỷ USD và 5,5 tỷ USD, tương ứng tăng 9% và giảm 3,7% so với năm 2024. Kim ngạch xuất khẩu giày dép sang Nhật Bản năm 2025 tăng 9,9% trong khi Hàn Quốc giảm 5,2%.

Kim ngạch xuất khẩu Giày dép các loại (tỷ USD)



(Nguồn: Tổng cục Hải Quan Việt Nam)

Dự báo tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng giày dép túi xách và đồ du lịch của Việt Nam

Giày dép, túi xách và đồ du lịch	Mục tiêu 2025	Thực hiện 2025	Mục tiêu 2030
Mục tiêu xuất khẩu	29 tỷ USD	Gần 29 tỷ USD	38-40 tỷ USD
Tăng trưởng so với cùng kỳ	10% y-o-y		

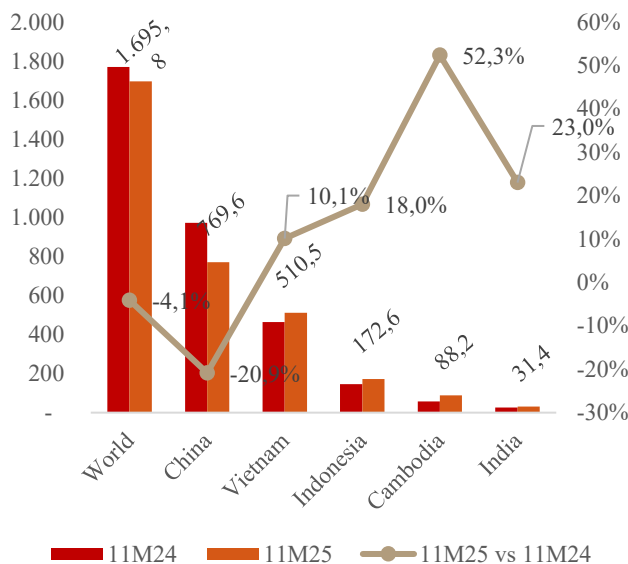
(Nguồn: LEFASO)

Xuất khẩu hàng giày dép của Việt Nam sang các thị trường chủ yếu (Mỹ, EU, Nhật Bản) so với các quốc gia đối thủ chính

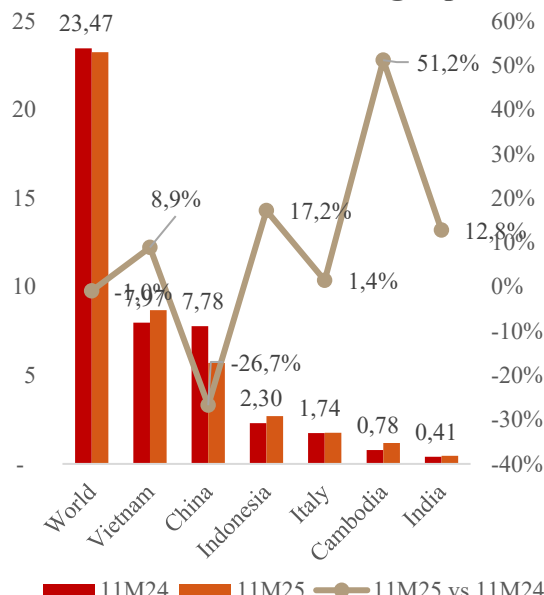
Trong 11 tháng năm 2025, sản lượng nhập khẩu giày dép của Mỹ giảm 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Campuchia có tốc độ tăng trưởng cao nhất, đạt 52,3%, tiếp theo là Ấn Độ (23%), Indonesia (18%) và Việt Nam (10,1%), trong khi Trung Quốc giảm 20,9%.

Trong 11 tháng năm 2025, giá trị nhập khẩu giày dép của Mỹ giảm 1% so với cùng kỳ năm trước. Campuchia có tốc độ tăng trưởng cao nhất, đạt 51,2%, tiếp theo là Indonesia (17,2%), Ấn Độ (12,8%) và Việt Nam (8,9%). Do giá trị nhập khẩu từ Trung Quốc giảm 26,7%, Việt Nam đã vượt Trung Quốc để trở thành quốc gia xuất khẩu lớn nhất vào thị trường này.

Khối lượng nhập giày dép của US theo nhà cung cấp



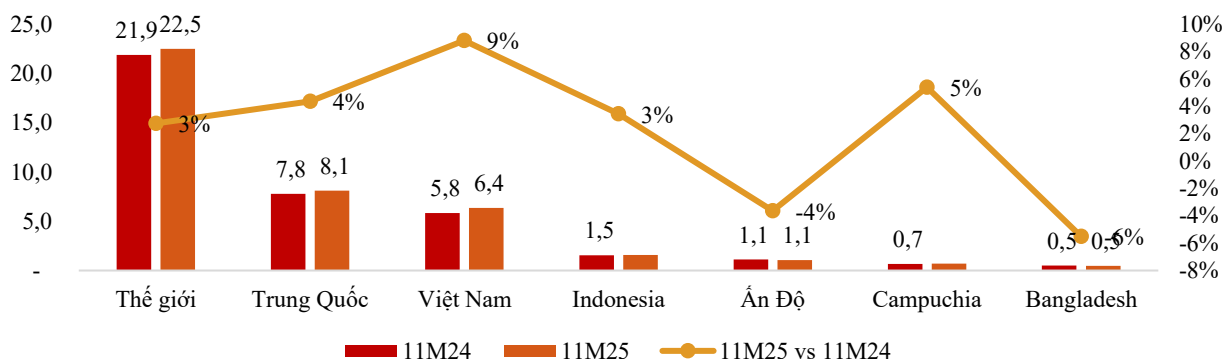
Trị giá nhập khẩu giày dép của US theo nhà cung cấp



Trong 11 tháng năm 2025 (11M2025), sản lượng nhập khẩu giày dép của Mỹ giảm 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, trong số các nước xuất khẩu vào Mỹ, Campuchia có mức tăng trưởng cao nhất (52,3%), tiếp theo là Ấn Độ (23%), Indonesia (18%) và Việt Nam (10,1%). Ngược lại, lượng nhập khẩu từ Trung Quốc giảm mạnh 20,9%.

Trong 11 tháng năm 2025, nhập khẩu giày dép của EU tăng 3% so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam có mức tăng trưởng cao nhất, đạt 9%, tiếp theo là Campuchia (5%), Trung Quốc (4%) và Indonesia (3%), trong khi Ấn Độ và Bangladesh lần lượt ghi nhận mức giảm 4% và 6%.

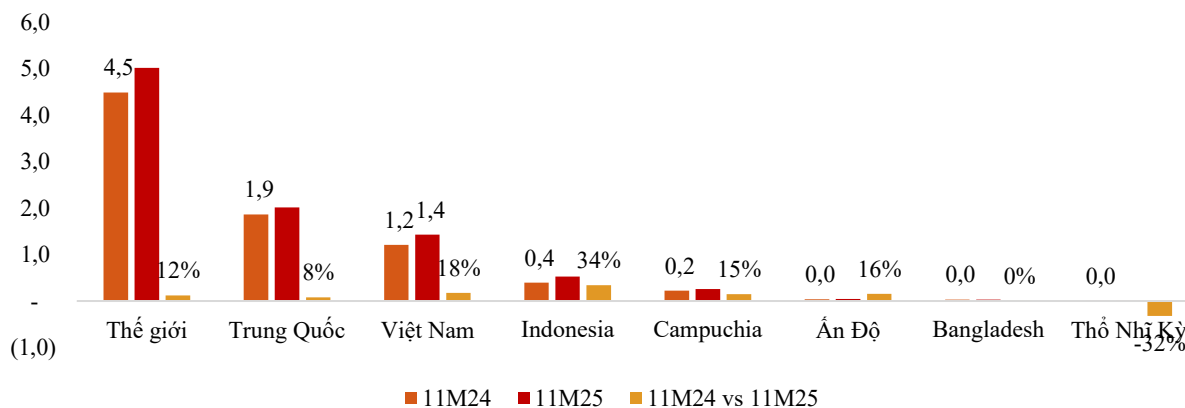
Giá trị nhập khẩu giày dép của EU theo từng nhà cung cấp



(Nguồn: UNComtrade)

Trong 11 tháng năm 2025, nhập khẩu giày dép của Nhật Bản tăng 12%. Indonesia có tốc độ tăng trưởng cao nhất (34%), tiếp theo là Việt Nam (18%), Ấn Độ (16%), Campuchia (15%) và Trung Quốc (8%).

Giá trị nhập khẩu giày dép của Nhật Bản theo từng nhà cung cấp



(Nguồn: UNComtrade)

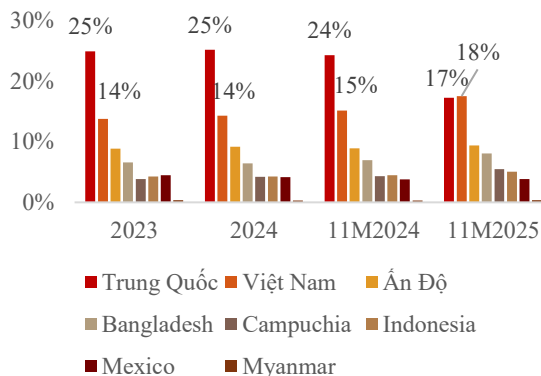
Việt Nam đang dần chiếm lấy thị phần từ Trung Quốc trong 2025

Theo số liệu từ OTEXA, thị phần theo giá trị xuất khẩu dệt may của Việt Nam tại thị trường Mỹ đã vượt qua Trung Quốc trong năm 2025. Thị phần của Việt Nam trong 11M2025 tăng lên, trong khi thị phần của Trung Quốc giảm đáng kể so với 11M2024. Thị phần của Trung Quốc giảm từ 24% xuống 17%, trong khi của Việt Nam tăng từ 15% lên 18%; riêng đối với hàng may mặc từ sợi nhân tạo, thị phần theo giá trị xuất khẩu của Trung Quốc sụt giảm mạnh từ 28% xuống 19%, song thị phần của Việt Nam tăng từ 23% lên 26%. Mặc dù xét theo sản lượng hàng may mặc từ sợi nhân tạo sang Mỹ thì Trung Quốc vẫn cao hơn Việt Nam (35% so với 21%), nhưng giá trị xuất khẩu của Việt Nam cao hơn Trung Quốc (26% so với 19%) chứng tỏ đơn giá (giá trị trên mỗi đơn vị hàng hóa) của hàng dệt may xuất khẩu từ Việt Nam cao hơn Trung Quốc.

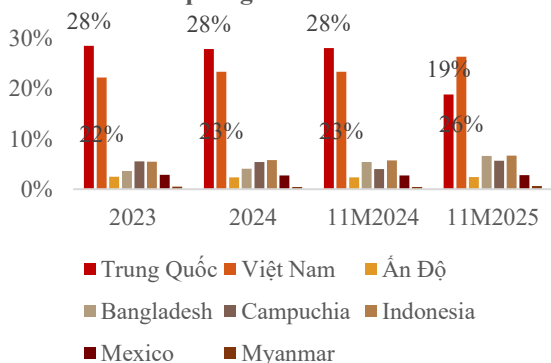
Tương tự, Việt Nam cũng sẽ có cơ hội chiếm lấy thị trường của Trung Quốc ở mảng xuất khẩu giày dép vào thị trường Mỹ. So với 11M2024, xuất khẩu giày dép của Việt Nam 11M2025 tăng từ 34% lên 37% theo giá trị, từ 26% lên 30% theo sản lượng, trong khi của Trung Quốc giảm từ 33% xuống 25% theo giá trị, từ 55% xuống 45% theo sản lượng.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng có lợi thế so sánh so với các quốc gia khác khi xét tới các tiêu chí lựa chọn nguồn cung ứng của các khách hàng thương hiệu và khả năng sản xuất đa dạng chủng loại hàng hóa.

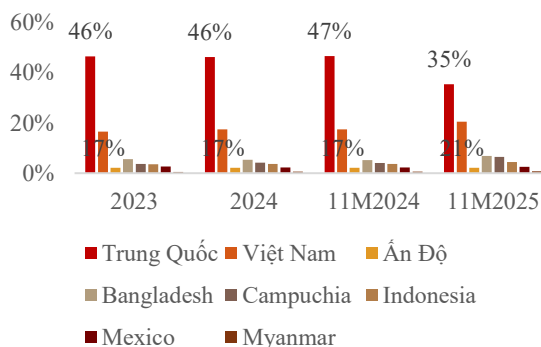
Giá trị nhập khẩu dệt may của Mỹ – thị phần theo các quốc gia xuất khẩu



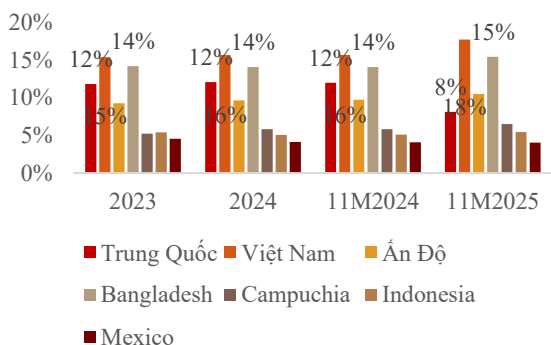
Giá trị nhập khẩu hàng may mặc từ sợi nhân tạo của Mỹ – thị phần theo các quốc gia xuất khẩu



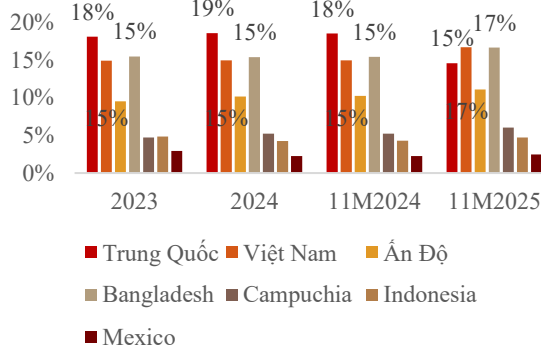
Sản lượng nhập khẩu hàng may mặc từ sợi nhân tạo của Mỹ – thị phần theo các quốc gia xuất khẩu



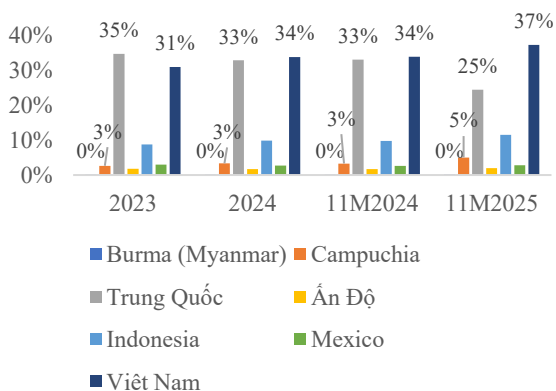
Giá trị nhập khẩu hàng may mặc từ cotton của Mỹ – thị phần theo các quốc gia xuất khẩu



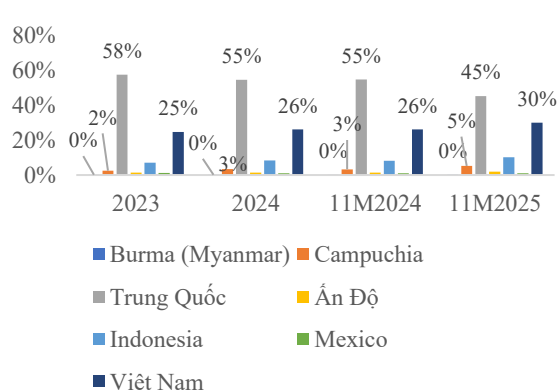
Sản lượng nhập khẩu hàng may mặc từ cotton của Mỹ – thị phần theo các quốc gia xuất khẩu



Giá trị nhập khẩu giày dép của Mỹ – thị phần theo các quốc gia xuất khẩu



Sản lượng nhập khẩu giày dép của Mỹ – thị phần theo các quốc gia xuất khẩu



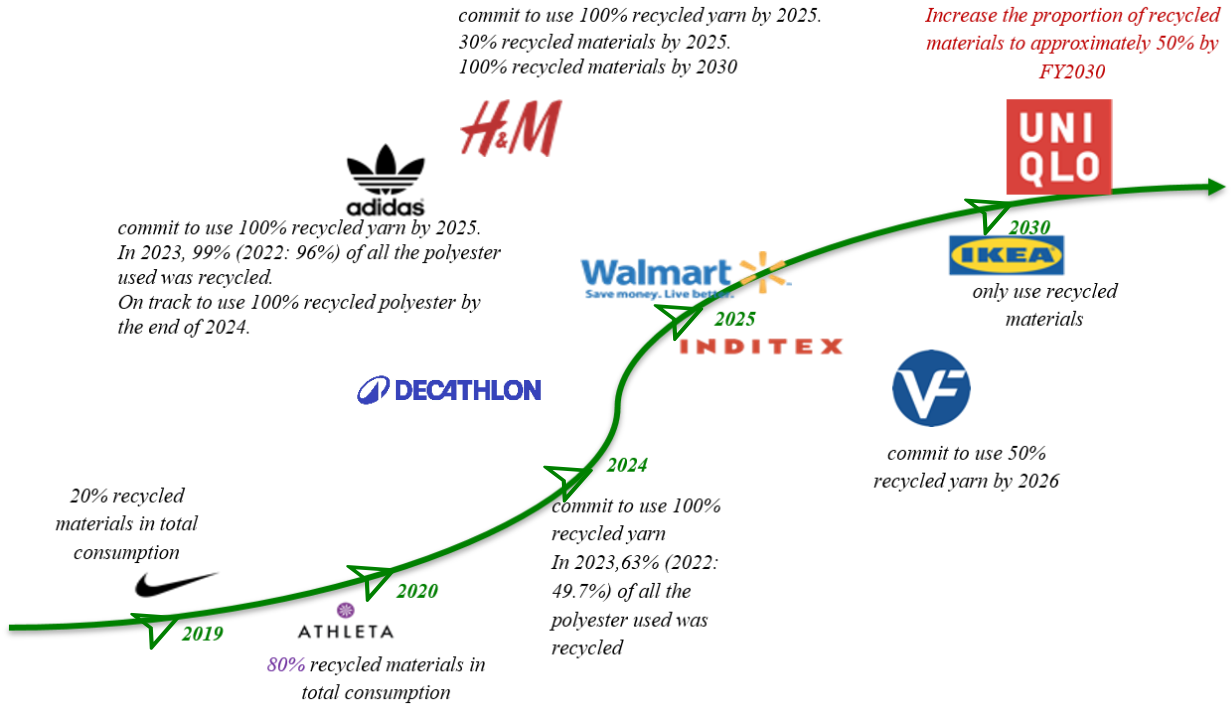
(Nguồn: OTEXA)

2.5. Quy mô ngành sợi và các xu hướng chính của ngành

Theo số liệu của the Fiber Year Report 2025, năm 2024 tổng cung sợi toàn cầu là 135.7 triệu tấn (tăng 4.2% so với 2023). Khối lượng sợi được đưa vào chuỗi sản xuất là 136.3 triệu tấn (tăng 3.9% so với 2023), trong đó sợi tự nhiên là 30.8 triệu tấn, sợi nhân tạo là 97.5 triệu tấn, sợi spunlaid là 8 triệu tấn, tương ứng tăng 2.7%, 4.6% và 0.3% y-o-y). Năm 2024, sản lượng sợi polyester là 77.1 triệu tấn, trong đó polyester filament đạt 58.4 triệu tấn, tăng 9.2% so với 2023. Sợi polyester filament từ Trung quốc chiếm 85.4% trong tổng sản lượng sợi polyester, đứng thứ hai là Ấn Độ (8.1%) và kế đến là Việt Nam (1.2%).

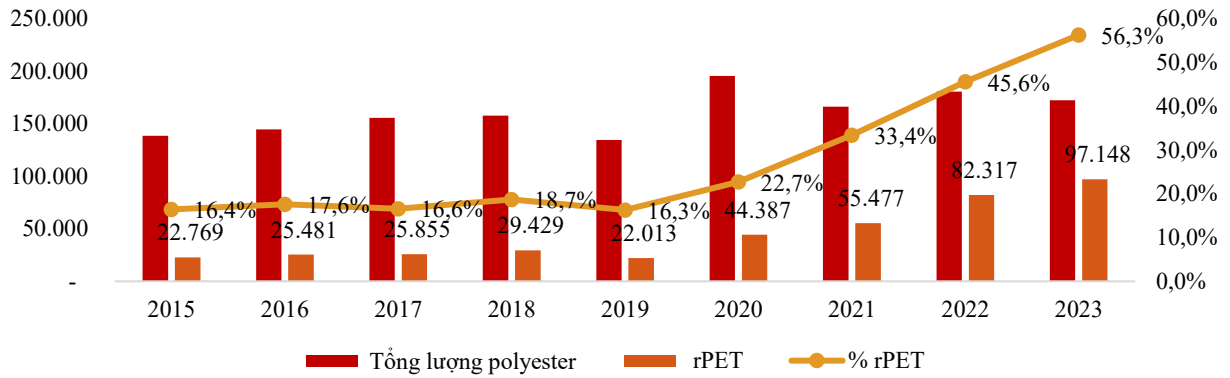
Theo báo cáo the Material Market Report 2025 của Textile Exchange, Sợi polyester tái chế tăng từ 8.9 triệu tấn (2023) lên 9.3 triệu tấn (2024), tuy nhiên sợi nguyên sinh polyester tăng trưởng nhiều hơn nên sợi polyester tái chế giảm tỷ trọng từ 12.5% (2023) xuống 12% (2024) trong tổng khối lượng sợi polyester filament sản xuất.

Cam kết của các thương hiệu trong sử dụng sợi tái chế

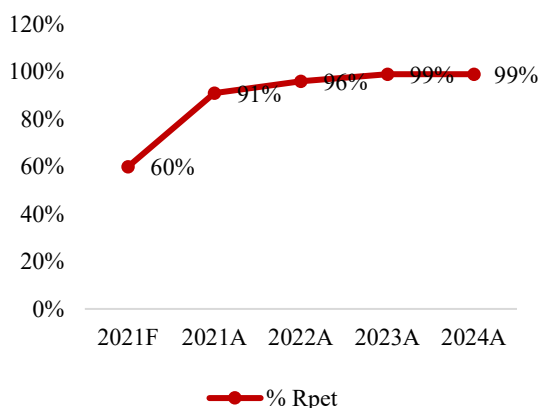


Tình hình sử dụng polyester tái chế của các thương hiệu

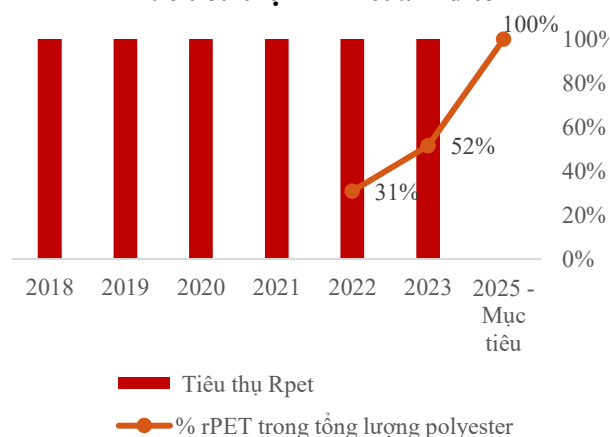
Mức tiêu thụ polyester của Nike



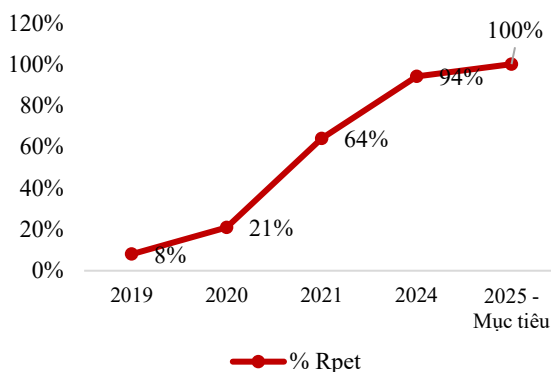
Mức tiêu thụ rPET của Adidas



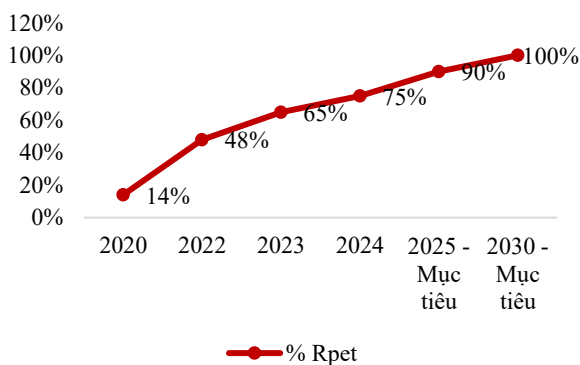
Mức tiêu thụ rPET của Inditex



Mức tiêu thụ rPET của H&M



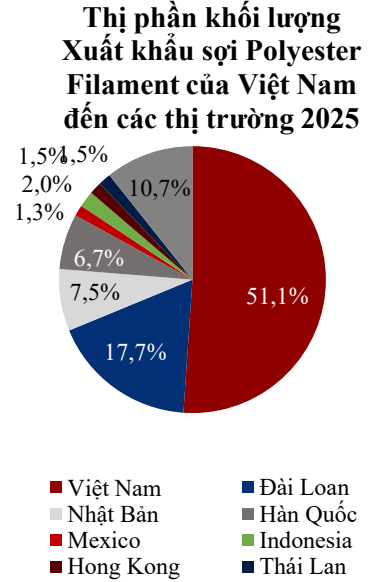
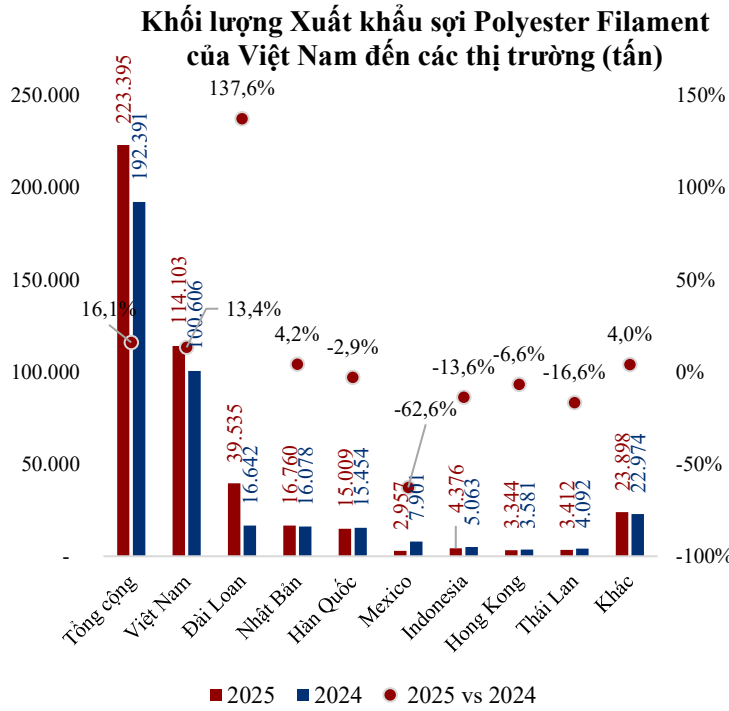
Mức tiêu thụ rPET của Puma



2.6. Tình hình xuất, nhập khẩu sợi polyester filament của Việt Nam

2.6.1. Tình hình xuất khẩu sợi polyester filament của Việt Nam

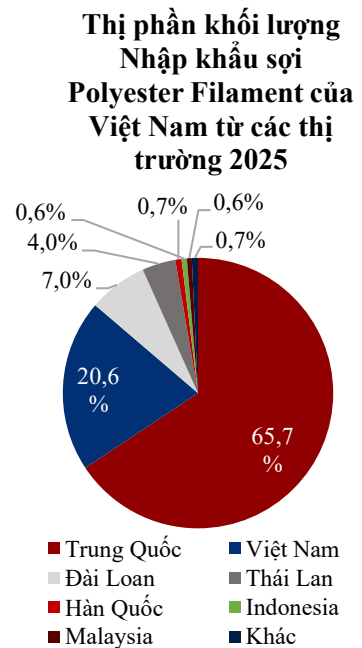
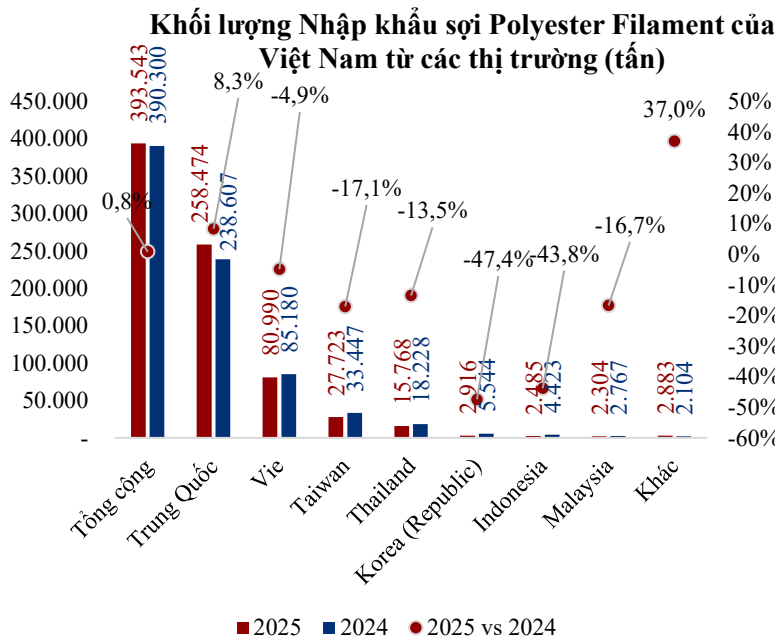
Trong năm 2025 so với cùng kỳ, khối lượng xuất khẩu sợi Polyester Filament tăng 16,1% từ 192,4 ngàn tấn lên 223,4 ngàn tấn. Trong đó, thị trường Đài Loan có mức tăng trưởng ấn tượng 137,6% từ 16,6 ngàn tấn lên 39,5 ngàn tấn, chiếm thị phần từ 8,6% lên 17,7%. Thị trường Thái Lan giảm 16,6%, từ 4,1 ngàn tấn xuống 3,4 ngàn tấn, thị trường Nhật Bản tăng 4,2%, từ 16,1 ngàn tấn lên 16,8 ngàn tấn. Xuất khẩu tại chỗ (Việt Nam) tăng 13,4% từ 100,6 ngàn tấn lên 114,1 ngàn tấn, song thị phần giảm nhẹ từ 52,3% xuống 51,1%. Thị trường Mexico giảm mạnh 62,6%, từ 7,9 ngàn tấn xuống gần 3 ngàn tấn.



(Nguồn: Tổng cục Hải Quan Việt Nam và STK tính toán)

2.6.2. Tình hình nhập khẩu sợi polyester filament của Việt Nam

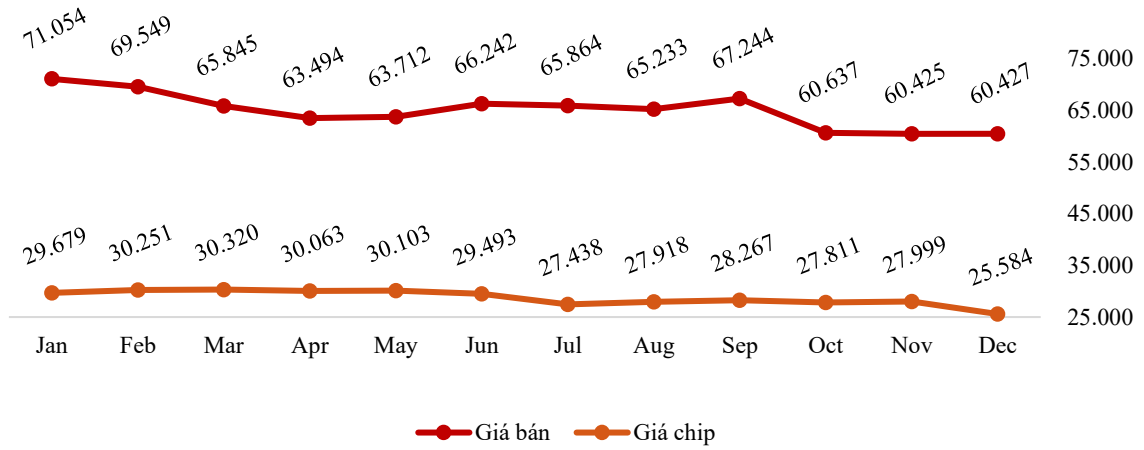
Trong năm 2025 so với cùng kỳ, khối lượng nhập khẩu sợi Polyester Filament tăng nhẹ 0,8% từ 390,3 ngàn tấn lên 393,5 ngàn tấn. Trong đó, Nhập khẩu tại chỗ (từ Việt Nam) giảm 4,9% từ 85,2 ngàn tấn xuống gần 81 ngàn tấn, chiếm thị phần từ 21,8% xuống 20,6%. Nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 8,3% từ 238,6 ngàn tấn lên 258,5 ngàn tấn, chiếm thị phần từ 61,1% lên 65,7%.



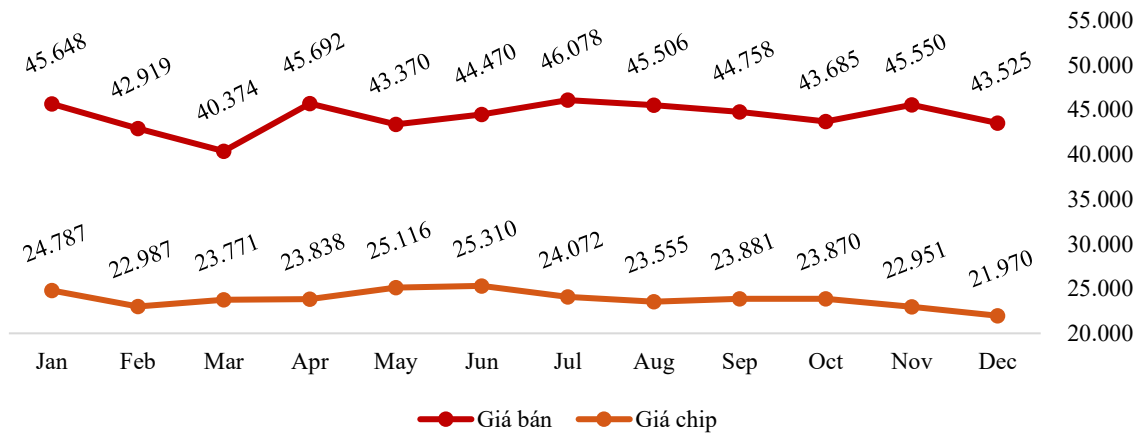
(Nguồn: Tổng cục Hải Quan Việt Nam và STK tính toán)

Price gap của sợi polyester filament nguyên sinh và tái chế của STK năm 2025

Giá bán và giá chip sợi tái chế của STK năm 2025 (đồng)



Giá bán và giá chip sợi nguyên sinh của STK năm 2025 (đồng)



(Nguồn: Số liệu nội bộ Công ty)

Giá hạt nhựa bình quân năm 2025 giảm so với năm 2024, trong đó giá hạt nhựa nguyên sinh giảm 3.7%, giá hạt nhựa tái chế giảm 14.6%.

Giá bán thành phẩm bình quân năm 2025 tăng so với năm 2024, trong đó giá bán trung bình sợi nguyên sinh tăng 1.2%, giá bán trung bình sợi tái chế tăng 6.3%.

3. Chiến lược phát triển

3.1. Gắn kết tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững

Phát triển bền vững đang là xu hướng mũi nhọn ở Việt Nam và trên toàn thế giới nói chung, đối với ngành dệt may nói riêng.

- Trong những năm gần đây, sự quan tâm của người tiêu dùng đối với các vấn đề môi trường, quyền con người và trách nhiệm xã hội ngày càng gia tăng. Họ không chỉ tìm kiếm những sản phẩm chất lượng mà còn mong muốn các thương hiệu cam kết sản xuất bền vững, minh bạch và có trách

nhiệm với cộng đồng. Trước xu hướng này, các thương hiệu thời trang hàng đầu đã chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh, từ việc sử dụng nguyên liệu tái chế, cải thiện điều kiện lao động đến áp dụng mô hình sản xuất thân thiện với môi trường, nhằm đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của người tiêu dùng và duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

- "Xanh hóa" ngành dệt may là xu thế toàn cầu, không chỉ riêng tại Việt Nam. Hiện nay, yếu tố "xanh" không còn là lựa chọn mà đang dần được luật hóa tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm của dệt may Việt Nam. Các chuyên gia dự báo rằng trong 2-4 năm tới, ngành dệt may sẽ chịu tác động từ hơn 35 luật mới về phát triển bền vững, được ban hành tại các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ. Những quy định này đặt ra yêu cầu khắt khe hơn về tiêu chuẩn môi trường, trách nhiệm xã hội và nguồn gốc nguyên liệu. Nếu doanh nghiệp không kịp thích ứng, nguy cơ mất đơn hàng và suy giảm doanh thu là khó tránh khỏi. Trước đây, các tiêu chuẩn chủ yếu tập trung vào hóa chất và thuốc nhuộm sử dụng trên vải. Giờ đây, chúng mở rộng sang yêu cầu về tỷ lệ nguyên liệu tái chế, khả năng tuần hoàn và tuổi thọ sản phẩm. Những tiêu chí này đang thúc đẩy quá trình "xanh hóa" trở thành mục tiêu cốt lõi của ngành nhằm nâng cao sức cạnh tranh và thu hút đơn hàng..

Cụ thể một số điều luật ở châu Âu, châu Mỹ và tác động của các điều luật này đến ngành dệt may.

Các điều luật ở châu Âu.

Điều luật	Ngày hiệu lực	Nội dung chính của điều luật	Tác động đến ngành dệt may
Chỉ Thị Thẩm Định Bền Vững Của Doanh Nghiệp- Corporate Sustainability Due Diligence Directive (CSDDD)	Có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2024.	<ul style="list-style-type: none"> - Minh bạch chuỗi cung ứng: Theo dõi nguồn gốc nguyên liệu và quy trình sản xuất để đảm bảo không vi phạm quyền con người hoặc gây hại môi trường. - Tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững: Áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, như giảm phát thải và ô nhiễm nước. - Tăng cường báo cáo: Thiết lập cơ chế giám sát và báo cáo về các hoạt động thẩm định của mình. - Các công ty thuộc phạm vi điều chỉnh là “các công ty TNHH và công ty hợp danh lớn của EU” 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành dệt may, với chuỗi cung ứng rộng lớn và thường thiếu minh bạch, đang chịu sự giám sát chặt chẽ hơn theo Chỉ thị này. - Do áp lực từ Chỉ thị, các thương hiệu dệt may tại Châu Âu có thể siết chặt yêu cầu đối với toàn bộ chuỗi cung ứng của họ. Nếu nhà cung cấp đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe, họ sẽ tiếp tục hợp tác; ngược lại, đơn hàng có thể bị cắt giảm hoặc chấm dứt.

		<p>với hơn 1,000 nhân viên và doanh thu 450 triệu euro trên toàn cầu. Ngoài ra, phạm vi này còn bao gồm các công ty lớn ngoài EU có doanh thu là 450 triệu euro tại EU.</p> <p>- Tóm lại, CSDDD yêu cầu các công ty phải xác định, ngăn chặn và giải quyết các tác động tiêu cực đến nhân quyền và môi trường trong toàn bộ chuỗi giá trị của họ.</p>	
<p>Chỉ Thị Báo Cáo Phát Triển Bền Vững Của Doanh Nghiệp- Corporate Sustainability Reporting Directive (CSRD)</p>	<p>Có hiệu lực kể từ ngày 5 tháng 1 năm 2023</p>	<p>- Quy định tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm của các công ty về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Các doanh nghiệp vừa và nhỏ niêm yết, sẽ phải báo cáo thông tin về phát triển bền vững.</p> <p>- Các công ty ngoài EU cũng bị ảnh hưởng nếu họ có doanh thu ròng trên 150 triệu EUR tại thị trường EU.</p>	<p>- Các công ty dệt may sẽ phải thụ thập và báo cáo dữ liệu chi tiết về tác động môi trường và xã hội của sản phẩm, bao gồm việc sử dụng tài nguyên, phát thải khí nhà kính, và điều kiện lao động.</p> <p>- Sự đa dạng trong các tiêu chuẩn và quy định hiện hành đang tạo ra sự phức tạp, tốn kém và kém hiệu quả trong quá trình báo cáo chuỗi cung ứng của ngành thời trang.</p>
<p>Quy định về thiết kế sinh thái cho các sản phẩm bền vững- Ecodesign for Sustainable Products Regulation (ESPR)</p>	<p>Có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2024</p>	<p>- Quy định về Sản phẩm Bền vững (ESPR) nhằm cải thiện tính tuần hoàn, hiệu suất năng lượng và các khía cạnh bền vững môi trường khác của các sản phẩm được đưa vào thị trường EU.</p> <p>- ESPR là một phần của gói biện pháp quan trọng để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch Hành động Kinh tế Tuần hoàn 2020</p>	<p>- Hộ chiếu sản phẩm số (Digital Product Passport - DPP): ESPR yêu cầu các sản phẩm dệt may phải có DPP, cung cấp thông tin chi tiết về hiệu suất kỹ thuật, nguồn gốc vật liệu, hoạt động sửa chữa, khả năng tái chế và tác động môi trường trong vòng đời của sản phẩm. Điều này tăng cường tính minh bạch trong chuỗi cung ứng và</p>

		<p>(CEAP - Circular Economy Action Plan).</p>	<p>giúp người tiêu dùng đưa ra quyết định mua sắm bền vững hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấm hủy bỏ sản phẩm chưa bán: ESPR cấm việc hủy bỏ các sản phẩm dệt may và giày dép chưa bán được, yêu cầu các công ty lớn phải công khai thông tin hàng năm về số lượng và trọng lượng sản phẩm bị loại bỏ, cũng như lý do cho việc này. Điều này khuyến khích các doanh nghiệp tìm kiếm giải pháp thay thế như quyên góp hoặc tái chế sản phẩm chưa bán. - Thúc đẩy đổi mới vật liệu: ESPR khuyến khích sử dụng các vật liệu bền vững và thúc đẩy đổi mới trong sản xuất dệt may, hướng tới việc áp dụng các công nghệ giảm thiểu tiêu thụ tài nguyên và ô nhiễm.
<p>Sửa đổi Quy định về nhãn hàng dệt may của EU- EU Textile Labelling Regulation Revision</p>	<p>Đang tiến hành</p>	<p>Là một phần của Kế hoạch Hành động Kinh tế Tuần hoàn (CEAP), Ủy ban Châu Âu đang trong giai đoạn lập kế hoạch để sửa đổi Quy định Ghi nhãn Dệt may của EU hiện hành. Các sửa đổi dự kiến sẽ yêu cầu bao gồm các thông tin về tính bền vững và kinh tế tuần hoàn, đồng thời điều chỉnh các yêu cầu của quy định hiện tại cho phù hợp với Quy định về Thiết kế Sinh thái cho Sản phẩm Bền vững (ESPR) mới được thông qua.</p>	<p>Quy định Ghi nhãn Dệt may hiện hành đã yêu cầu các nhà nhập khẩu và sản xuất sản phẩm dệt may tại EU phải ghi rõ thành phần sợi của sản phẩm. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, các quốc gia thành viên đã thêm vào các yêu cầu ghi nhãn chéo liên quan đến nhiều vấn đề khác. Cùng với sự mở rộng ghi nhãn sản phẩm theo Quy định ESPR, Quy định Ghi nhãn Dệt may cần được sửa đổi để đảm bảo tính đồng nhất và đơn giản hóa các yêu cầu cho các nhà bán lẻ.</p>

<p>Chỉ thị về yêu cầu xanh-Green Claims Directive</p>	<p>Đang tiến hành</p>	<p>- Ngăn chặn hiện tượng "greenwashing" (tẩy xanh¹) và đảm bảo tính minh bạch trong các tuyên bố môi trường của doanh nghiệp.</p> <p>- Chỉ thị này yêu cầu các công ty cung cấp bằng chứng khoa học và minh bạch khi đưa ra các tuyên bố về tính bền vững hoặc lợi ích môi trường của sản phẩm hoặc dịch vụ của họ.</p>	<p>- Ngành dệt may thường bị chỉ trích vì các tuyên bố môi trường không chính xác hoặc thiếu minh bạch. Với Chỉ thị này, các thương hiệu và nhà sản xuất dệt may phải cung cấp bằng chứng cụ thể và có thể kiểm chứng về các tuyên bố xanh của họ, từ việc sử dụng vật liệu bền vững đến quy trình sản xuất thân thiện với môi trường. Điều này không chỉ giúp người tiêu dùng đưa ra quyết định mua sắm thông minh hơn mà còn thúc đẩy ngành dệt may chuyển hướng sang các thực hành bền vững hơn.</p>
<p>Sửa đổi Chỉ thị Khung về Chất thải-Waste Framework Directive Revision</p>	<p>Đang tiến hành</p>	<p>- Là một phần trong chiến lược của Liên minh Châu Âu (EU) nhằm cải thiện quản lý chất thải và thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn.</p> <p>- Mục tiêu chính của việc sửa đổi này là tăng cường trách nhiệm của nhà sản xuất đối với việc thu gom, tái chế và xử lý chất thải từ sản phẩm của họ, bao gồm cả sản phẩm dệt may.</p>	<p>- Với việc sửa đổi Chỉ thị Khung về Chất thải, các nhà sản xuất dệt may sẽ phải chịu trách nhiệm nhiều hơn đối với việc thu gom và tái chế sản phẩm sau khi sử dụng, khuyến khích họ thiết kế sản phẩm dễ tái chế và giảm thiểu chất thải.</p> <p>- Điều này không chỉ giúp giảm tác động môi trường mà còn thúc đẩy ngành dệt may chuyển hướng sang các thực hành bền vững hơn.</p>

Các điều luật ở Mỹ.

Điều luật	Ngày hiệu lực	Nội dung chính của điều luật	Tác động đến ngành dệt may
-----------	---------------	------------------------------	----------------------------

¹ Tẩy xanh-Greenwashing: là khái niệm ám chỉ hành vi các thương hiệu thời trang sử dụng thời trang bền vững là hình thức tiếp thị cho doanh nghiệp của mình nhưng lại không cam kết toàn diện với các quy chuẩn nghiêm ngặt của thời trang bền vững

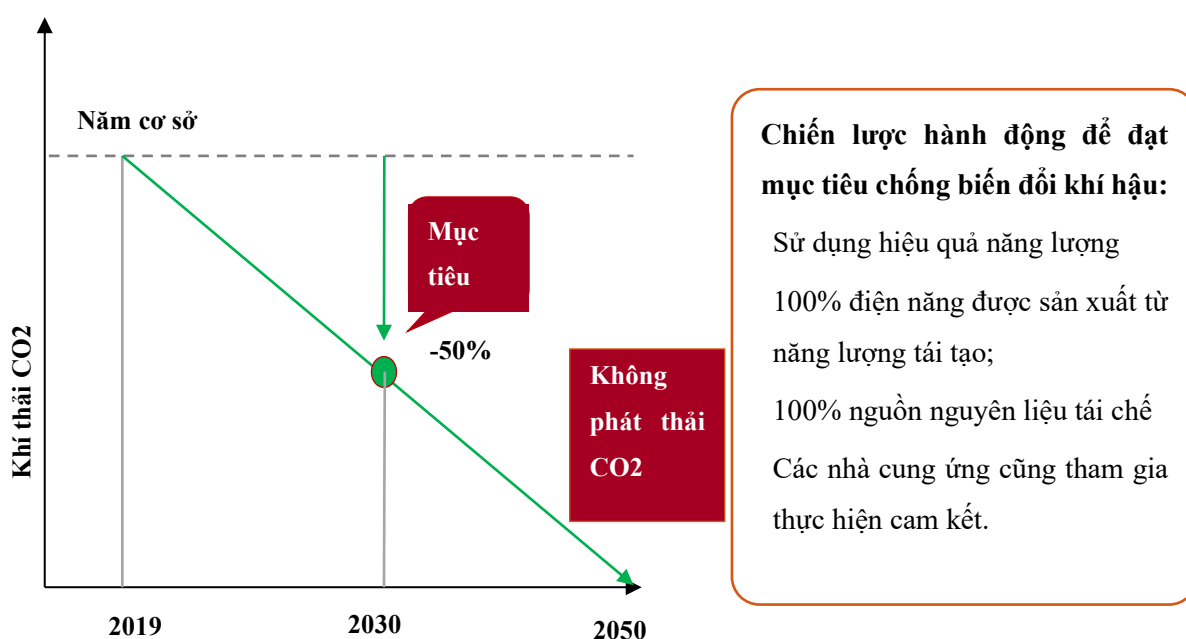
<p>California Senate Bill 253 (SB 253) - The Climate Corporate Data Accountability Act</p>	<p>Tháng 10 năm 2023</p>	<p>Dự luật này yêu cầu các công ty lớn tại California phải công bố thông tin về lượng phát thải khí nhà kính (GHG) của họ, bao gồm cả phát thải trực tiếp và gián tiếp từ chuỗi cung ứng. Mục tiêu là cung cấp cho người tiêu dùng và nhà đầu tư thông tin rõ ràng về đóng góp của các công ty vào biến đổi khí hậu.</p>	<p>- Đối với ngành dệt may, việc thông qua SB 253 có ảnh hưởng quan trọng. Ngành dệt may, vốn có chuỗi cung ứng phức tạp và thường xuyên bị chỉ trích vì tác động môi trường, sẽ phải công bố thông tin về lượng phát thải khí nhà kính từ toàn bộ chuỗi cung ứng, bao gồm cả việc sản xuất nguyên liệu như bông, quy trình nhuộm và vận chuyển.</p> <p>- Tuy nhiên, điều này thúc đẩy các công ty chuyển sang các phương pháp sản xuất bền vững hơn và giảm thiểu phát thải.</p>
<p>New York Fashion Sustainability and Social Accountability Act, hay còn gọi là Fashion Act</p>	<p>Đang tiến hành</p>	<p>- Yêu cầu công bố thông tin: Các thương hiệu thời trang có doanh thu toàn cầu trên 100 triệu USD và bán hàng tại New York phải công bố thông tin về tác động môi trường và xã hội của họ, bao gồm lượng phát thải khí nhà kính, sử dụng hóa chất và các điều kiện lao động trong chuỗi cung ứng.</p> <p>- Theo dõi chuỗi cung ứng: Thương hiệu phải theo dõi ít nhất 50% chuỗi cung ứng của họ để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm</p>	<p>- Các công ty dệt may sẽ phải công bố thông tin chi tiết về tác động môi trường và xã hội của họ, thúc đẩy việc áp dụng các phương pháp sản xuất bền vững hơn.</p> <p>- Việc theo dõi và báo cáo về chuỗi cung ứng sẽ giúp các công ty nhận diện và giải quyết các vấn đề liên quan đến điều kiện lao động và tác động môi trường trong toàn bộ chuỗi cung ứng.</p> <p>- Các công ty dệt may sẽ phải tuân thủ các quy định mới, tránh bị phạt và duy trì uy tín thương hiệu</p>

<p>California SB 707- Đạo luật phục hồi hàng dệt may có trách nhiệm năm 2024 - California SB 707 - Responsible Textile Recovery Act of 2024</p>	<p>Đang tiến hành</p>	<p>Dự luật thiết lập một chương trình trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (Extended Producer Responsibility - EPR), yêu cầu các nhà sản xuất triển khai và tài trợ cho một chương trình nhằm thúc đẩy tái sử dụng, sửa chữa và tái chế quần áo cũng như sợi dệt. SB 707, cùng với chương trình EPR mà nó đề ra, hướng tới mở rộng thị trường tái chế và tái sử dụng quần áo, sợi dệt, vốn vẫn còn kém phát triển. Dự luật cũng củng cố các sáng kiến hiện có của bang nhằm khuyến khích sửa chữa và tái sử dụng hàng dệt may.</p>	<p>- Giảm thiểu rác thải dệt may: Luật nhằm giảm lượng rác thải dệt may đổ vào bãi rác bằng cách thúc đẩy việc sửa chữa, tái sử dụng và tái chế sản phẩm, từ đó giảm tác động môi trường của "thời trang nhanh".</p> <p>- Tăng cường trách nhiệm của nhà sản xuất: Các nhà sản xuất sẽ phải đầu tư vào cơ sở hạ tầng và quy trình để quản lý sản phẩm sau tiêu dùng, khuyến khích thiết kế sản phẩm bền vững và dễ tái chế hơn.</p>
<p>Các luật khác đang trong quá trình tiến hành.</p> <p>- Đạo luật công nhân thời trang</p> <p>- Đạo luật về việc tạo ra trách nhiệm giải trình và xây dựng sự thay đổi thực sự về thể chế – “Đạo luật FABRIC”-</p> <p>- Dự luật Hạ viện 2068 – Đạo luật Washington liên quan đến tác động môi trường của thời trang</p>	<p>Đang tiến hành</p>	<p>Các đạo luật này đều hướng đến việc tăng cường trách nhiệm và tính bền vững trong ngành thời trang về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi của người lao động trong ngành thời trang. - Trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp. - Giảm thiểu tác động môi trường của ngành dệt may. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các công ty sẽ cần công bố dữ liệu về tác động môi trường và điều kiện lao động, tạo áp lực lớn lên chuỗi cung ứng. - Ngành dệt may sẽ phải chuyển đổi sang các quy trình thân thiện với môi trường, sử dụng nguyên liệu tái chế và giảm thiểu chất thải. - Góp phần định hình lại ngành thời trang theo hướng công bằng hơn cho người lao động và bền vững hơn với môi trường, nhưng cũng đặt ra thách thức lớn về tuân thủ.

- Trước những yêu cầu ngày càng cao của các khách hàng về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, trách nhiệm xã hội, Công ty đã chuyển sang sử dụng nguyên liệu tái chế, năng lượng tái tạo, phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường trong những năm qua. Bên cạnh đó,

STK định hướng mở rộng phát triển dòng sợi tái chế từ nguyên liệu T-2-T (Textile-to-Textile), tận dụng vải vụn, quần áo cũ và sản phẩm lỗi để tạo ra sợi mới. Đây là giải pháp tiên tiến giúp giảm phụ thuộc vào nguyên liệu thô, hạn chế rác thải dệt may và thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn. So với sản xuất từ nguyên liệu nguyên sinh, T-2-T không chỉ giảm lượng rác thải mà còn tiết kiệm đáng kể nước, năng lượng và cắt giảm khí nhà kính.

- Hiện nay, nhiều thương hiệu thời trang hàng đầu đang tích cực ứng dụng mô hình này để đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển bền vững, nâng cao uy tín thương hiệu và thu hút nhóm khách hàng quan tâm đến môi trường. Việc STK đẩy mạnh phát triển dòng sợi T-2-T không chỉ giúp doanh nghiệp đón đầu xu hướng xanh hóa ngành dệt may mà còn mở ra cơ hội hợp tác với các đối tác toàn cầu có cùng định hướng bền vững.

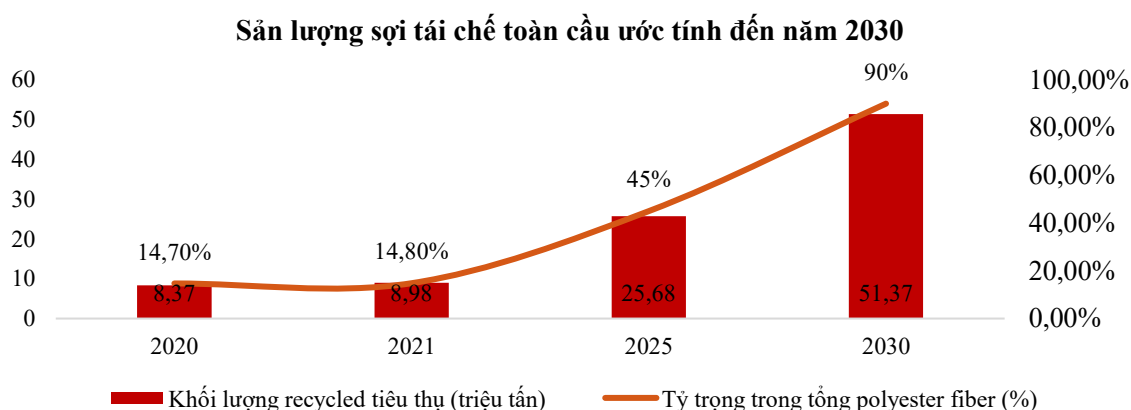


Nguồn: FICCA

Để đạt được cam kết chống biến đổi khí hậu nói trên, vào tháng 4 năm 2021 các thương hiệu đã đưa ra cam kết nâng tỷ trọng sợi Polyester tái chế trong tổng lượng Polyester sử dụng từ 14.7% (năm 2020) lên 45% (năm 2025). Như vậy khối lượng sợi Polyester recycle ước tính đã tăng từ 8.37 triệu tấn (2020) lên 25.68 triệu tấn (2025).

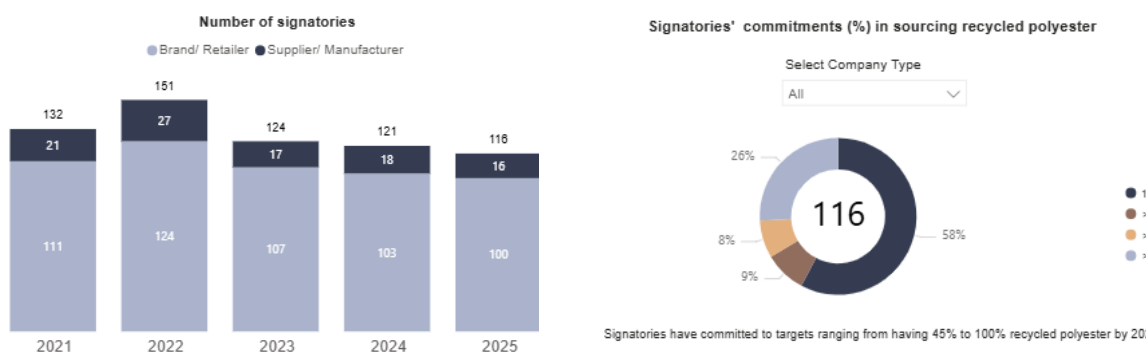
Theo báo cáo “Materials Market Report 2025” của Textile Exchange, Polyester tiếp tục là loại sợi được sản xuất nhiều nhất trên thế giới, chiếm 59% tổng sản lượng sợi toàn cầu trong năm 2024, tăng so với mức 57% vào năm 2023. Về sản lượng, sản xuất sợi polyester đã tăng từ 71 triệu tấn năm 2023 lên 78 triệu tấn năm 2024. Sản lượng sợi polyester tái chế tăng từ khoảng 8,9 triệu tấn năm 2023 lên khoảng 9,3 triệu tấn năm 2024. Tuy nhiên, do sản lượng polyester nguyên sinh (virgin polyester) tăng mạnh hơn, tỷ trọng polyester tái chế trong tổng sản lượng polyester toàn cầu đã giảm từ khoảng 12,5% năm 2023 xuống còn khoảng 12,0% năm 2024.

Cũng theo Textile Exchange, các hệ thống tái chế polyester theo mô hình textile-to-textile (tái chế từ dệt may sang dệt may) hiện đang trong quá trình phát triển, nhưng ước tính chỉ chiếm khoảng 2% tổng lượng polyester tái chế. Mối quan tâm và việc sử dụng nhựa thu gom từ đại dương hoặc nhựa có nguy cơ trôi ra đại dương (ocean-bound plastic) đang gia tăng, tuy nhiên tỷ trọng thị trường vẫn rất thấp, chỉ chiếm dưới 0,005% tổng lượng polyester tái chế. Hiện nay, polyester tái chế vẫn chủ yếu được sản xuất từ chai nhựa (chiếm 98%).



Nguồn: Textile Exchange

Tính đến năm 2025, đã có 116 thương hiệu bao gồm Adidas, Puma, Inditex, Old Navy, New Balance, H&M, Lululemon, VFGroup, Decathlon, Gap, Kering, Kmart đã cam kết vào lộ trình nâng cao tỷ trọng sử dụng sợi recycle cho đến 2025.



Nguồn: Textile Exchange

Nguồn: Textile Exchange

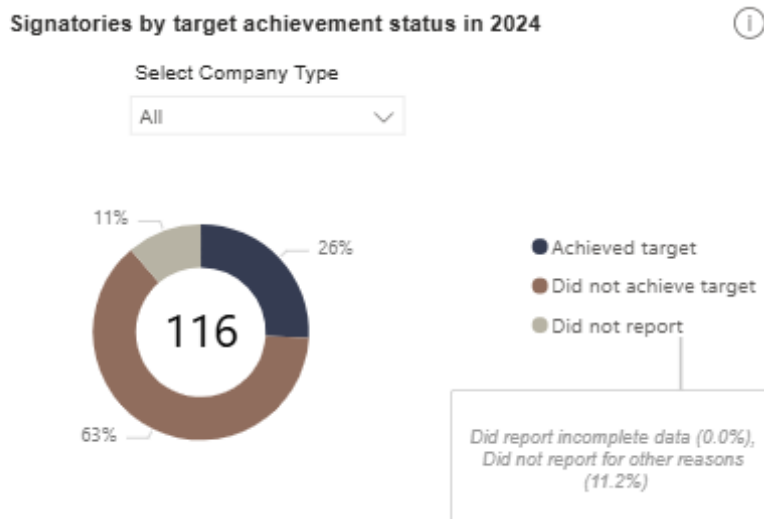
- Số lượng thương hiệu và nhà cung cấp tham gia Thử thách Polyester Tái chế (Recycled Polyester Challenge) đến năm 2025 là 116 giảm nhẹ so với năm 2024 chủ yếu do các công ty không thực hiện báo cáo bị loại khỏi danh sách ký kết.

- Tất cả các đơn vị ký kết đã cam kết báo cáo hàng năm về tiến độ đạt mục tiêu sử dụng Polyester tái chế vào năm 2025. Các đơn vị ký kết đã cam kết đặt mục tiêu sử dụng từ 45% đến 100% polyester tái chế vào năm 2025.

- Trong bối cảnh thị trường toàn cầu nhiều biến động, việc Donald Trump quay trở lại nắm quyền tại Mỹ đã kéo theo những thay đổi trong chính sách thương mại và thuế quan, đặc biệt đối với các ngành

xuất khẩu như dệt may. Những điều chỉnh này làm gia tăng chi phí trong chuỗi cung ứng, từ chi phí nguyên liệu, logistics đến chi phí thuế quan, tạo áp lực đáng kể lên các doanh nghiệp và thương hiệu trong việc kiểm soát giá thành sản phẩm. Đối với ngành dệt may, nơi cạnh tranh về giá vốn rất khốc liệt, áp lực chi phí khiến nhiều thương hiệu buộc phải tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm và chi phí sản xuất. Trong bối cảnh đó, các dòng sản phẩm thân thiện với môi trường, vốn có chi phí sản xuất cao hơn so với sản phẩm truyền thống, cũng chịu tác động nhất định. Mặc dù các thương hiệu không công khai điều chỉnh chiến lược, nhưng thực tế thị trường cho thấy tỷ trọng sản phẩm bền vững có xu hướng chững lại hoặc giảm, kéo theo nhu cầu đối với nguyên liệu tái chế trong ngành sợi và dệt may cũng suy giảm. Điều này phần nào phản ánh những thách thức trong quá trình chuyển dịch sang mô hình sản xuất bền vững, đồng thời khiến các cam kết sử dụng 100% nguyên liệu tái chế của một số thương hiệu có dấu hiệu chậm lại so với lộ trình đã đề ra.

- Trong tổng số 116 thương hiệu đã cam kết, tính đến năm 2025, chỉ 26% (tương đương 30 thương hiệu) đã đạt mục tiêu sử dụng từ 45–100% polyester tái chế theo lộ trình đến năm 2025. Trong khi đó, 63% (khoảng 73 thương hiệu) vẫn chưa hoàn thành cam kết của mình. 11% còn lại không gửi dữ liệu báo cáo do nhiều nguyên nhân khác nhau. Điều này cho thấy, hoàn thành mục tiêu sử dụng 45% nguyên liệu tái chế đến năm 2025 của các thương hiệu là chưa cao và để đạt được mục tiêu 100% đến năm 2030 cần các thương hiệu phải nỗ lực hơn nữa trong tương lai.



Bên cạnh đó các thương hiệu đã cam kết giữ mức nhiệt độ toàn cầu gia tăng không vượt quá 1.5% so với thời kỳ tiền công nghiệp, giảm 50% KNK vào năm 2030 và hướng tới net-zero tới năm 2050 để đạt được các mục tiêu đó các thương hiệu đang có những chiến lược như: sử dụng năng lượng hiệu quả, hướng tới sử dụng 100% điện tái tạo, hướng tới sử dụng 100% nguyên liệu tái chế, khuyến khích các nhà cung ứng đồng hành thực hiện mục tiêu chung cho phát triển bền vững.

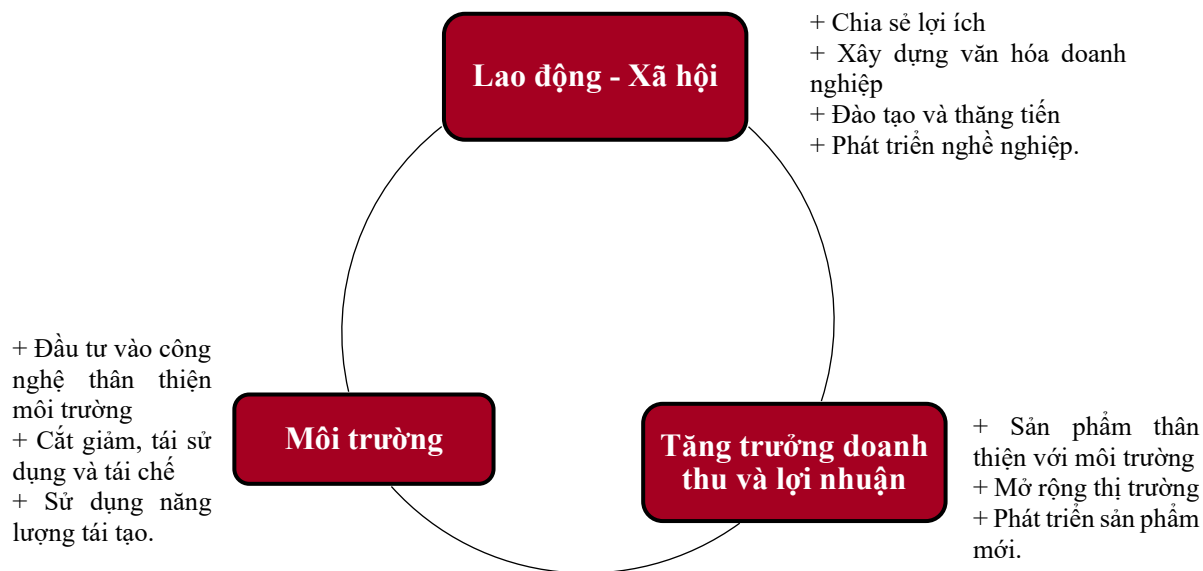
Để bảo vệ nguồn nước, các thương hiệu cũng cam kết không thải hóa chất độc hại ra môi trường theo sáng kiến của chương trình Zero Discharge Hazardous Chemical (“ZDHC”). Do đó, các sản phẩm giúp các thương hiệu cắt giảm việc tiêu thụ nước và hóa chất như sợi màu cũng sẽ có cơ hội phát triển.

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo các yêu cầu về quyền con người, các quyền của người lao động như không phân biệt đối xử, không sử dụng lao động cưỡng bức, đảm bảo môi trường lao động an toàn, đảm bảo thời gian nghỉ ngơi, v.v, các thương hiệu tiến hành kiểm toán định kỳ các nhà cung ứng trong chuỗi cung ứng của họ.

Trong định hướng chiến lược của STK, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận phải luôn gắn kết với việc bảo vệ môi trường, hài hòa lợi ích với các bên có liên quan và phát triển xã hội.

Chiến lược phát triển bền vững của STK bao gồm 3 mục tiêu chính:

- Mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận: Để đạt được mục tiêu này, Công ty chú trọng phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường và có giá trị gia tăng cao đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và khách hàng đánh giá cao, mở rộng thị trường và khách hàng.
- Mục tiêu bảo vệ môi trường: Để đạt được mục tiêu này, Công ty
 - (i) đầu tư vào những công nghệ thân thiện với môi trường, có hiệu suất cao, hạn chế phế phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu;
 - (ii) áp dụng các biện pháp để cắt giảm, tái sử dụng và tái chế nguyên vật liệu, điện, nước;
 - (iii) sử dụng năng lượng tái tạo.
- Mục tiêu phát triển con người và xã hội: Các chính sách lương, thưởng phúc lợi của Công ty được xây dựng trên cơ sở Công ty luôn chia sẻ lợi ích với người lao động, đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các bên có liên quan. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo ra môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và quan tâm đào tạo người lao động cũng như trao cho họ những cơ hội thăng tiến trong công việc.



Sợi tái chế vẫn là sản phẩm chiến lược của STK trong các năm sắp tới, sản phẩm này có biên lợi nhuận cao và xu hướng giá cả ổn định. Mục tiêu đến năm 2027-2029 STK sẽ tăng tỷ trọng sợi tái chế lên 60%-70% trong tổng doanh thu của các nhà máy hiện hữu.

Tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường

2026 trở đi

Sợi tái chế cộng chức năng như co dãn cao, hút ẩm, chống tia cực tím, v.v (sợi màu dope dye đen / trắng / xám)

Sợi hiệu ứng Melange.

Định hướng phát triển sợi làm từ nguyên liệu T-2-T (Textile-to-Textile)

3.2. Cơ hội và thách thức tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty

Những yếu tố chính từ ngành và thị trường tác động đến Sợi Thế Kỳ trong năm 2025 và dự báo cho năm 2026

- + : có tác động tích cực đến Công ty
- : có tác động tiêu cực đến Công ty
- ++ : tiếp tục có tác động tích cực
- : tiếp tục có tác động tiêu cực

Các yếu tố tác động	2025	2026	Ghi chú
Ngành thời trang toàn cầu tăng trưởng chậm, nhu cầu tiêu dùng thận trọng	-	--	Tăng trưởng GDP toàn cầu dự báo duy trì quanh mức ~3–3.3%, thấp hơn trung bình lịch sử. Mỹ và EU tăng trưởng thấp, người tiêu dùng vẫn nhạy cảm giá. Tuy nhiên tồn kho đã dần bình thường hóa từ cuối 2025.
Xu hướng sourcing gần chuỗi cung ứng (near-shoring) nhằm tiết giảm chi phí của các thương hiệu thời trang	-	--	Tỷ trọng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào sản xuất may mặc tại các khu vực nearshoring đã tăng 20 điểm phần trăm trong 5 năm qua đối với Mỹ và 8 điểm phần trăm đối với EU. Nhập khẩu hàng may mặc và dệt may của Mỹ và EU từ các điểm đến gần thị trường tiêu thụ dự kiến sẽ tăng lần lượt 2 điểm phần trăm và 3 điểm phần trăm vào năm 2030. Mỹ Latinh và Thổ Nhĩ Kỳ tiếp tục hưởng lợi.
Xu hướng dịch chuyển nơi sourcing khỏi Trung Quốc của doanh nghiệp US và EU để bớt phụ thuộc vào Trung Quốc, đa dạng hóa quốc gia sourcing để giảm thiểu đứt gãy chuỗi cung ứng	+	++	Mỹ/EU tiếp tục giảm phụ thuộc vào Trung Quốc. Việt Nam, Ấn Độ, Campuchia tiếp tục hưởng lợi nhờ vị thế trung lập và năng lực sản xuất ổn định. Tỷ trọng hàng may mặc và dệt may nhập khẩu từ Trung Quốc đã giảm 6 điểm phần trăm trong giai đoạn 2019–2023 đối với Mỹ và giảm 3 điểm phần trăm đối với EU. Tổng giá trị nhập khẩu từ Trung Quốc trong giai đoạn này giảm trung bình 5% mỗi năm đối với Mỹ, so

			với mức giảm trung bình chưa đến 1% mỗi năm trong thập kỷ trước đó. Tương tự, đối với EU, tổng giá trị nhập khẩu giảm trung bình 2% mỗi năm, so với mức giảm 1% mỗi năm trong thập kỷ trước.
Xu hướng tăng cường thương mại với những quốc gia có mức độ đồng thuận địa chính trị cao	+	++	<p>Để giảm thiểu rủi ro, các nền kinh tế lớn, chủ yếu gồm Trung Quốc, Đức, Anh và Mỹ, đã giảm “khoảng cách địa chính trị” trong thương mại của mình từ 4% đến 10% trong 5 năm qua.</p> <p>Việt Nam là quốc gia có môi trường chính trị ổn định, khuyến khích đầu tư FDI nên sẽ hưởng lợi trong xu hướng này. Tuy nhiên, xu hướng này cũng kéo theo yêu cầu cao hơn về truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn ESG và nguy cơ gia tăng rào cản thương mại, đòi hỏi doanh nghiệp phải nâng cấp công nghệ, minh bạch chuỗi cung ứng và củng cố năng lực cạnh tranh để duy trì lợi thế lâu dài.</p>
Xu hướng phát triển bền vững và quan tâm đến ESG của các thương hiệu thời trang và của xã hội.	+	++	<p>Cam kết của các thương hiệu thời trang hàng đầu về chống biến đổi khí hậu.</p> <p>Yêu cầu về sợi tái chế, truy xuất nguồn gốc, giảm phát thải ngày càng bắt buộc (EU CBAM, luật ESG). Doanh nghiệp có chứng nhận xanh sẽ có lợi thế cạnh tranh.</p>
Ưu tiên chọn quốc gia để sourcing có các hiệp định thương mại về ưu đãi thuế, tình hình chính trị ổn định.	+	++	Việt Nam đều thỏa mãn 2 yếu tố này nên vẫn được xem là nơi

			sourcing tốt của các nhãn hàng ở châu Á.
Rào cản thương mại và đứt gãy nguồn cung ngày càng nhiều	-	--	Các rào cản thương mại và gián đoạn chuỗi cung ứng đã tăng gấp 5 lần kể từ năm 2015, với khoảng 3,000 biện pháp hạn chế thương mại được áp đặt trong năm 2023.
Chi phí nhân công có xu hướng tăng lên ở Trung Quốc so với các quốc gia Châu Á khác như Việt Nam, Ấn Độ, Bangladesh.	+	++	Chi phí nhân công của Trung Quốc tăng 38% từ năm 2010 đến 2021.
Chính sách thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu vào Mỹ có nhiều thay đổi liên tục, khó lường.	+	++	Donald Trump dự kiến áp thêm thuế lên mặt hàng dệt may của Trung Quốc trên nền thuế hiện hành, khiến mức thuế tăng cao, gây nên xu hướng chuyển dịch đơn hàng từ Trung Quốc sang các nước khác với mức thuế suất thấp hơn như Việt Nam, Ấn Độ, Campuchia.
Lãi suất	-	--	Xu hướng lãi suất tại Việt nam sẽ neo ở mức cao hoặc đi lên (lãi suất cho vay tăng khoảng 2%-3% trong thời gian gần đây) do áp lực lạm phát, do đó có thể gây tăng chi phí tài chính của Công ty
Giá chip biến động	-	--	Giá chip năm 2026 có thể giảm do dư cung dầu hoặc tăng do chiến tranh, xung đột

Hành động của Sợi Thế Kỳ trước cơ hội và thách thức

- ✓ **Các nhãn hàng khát khe hơn trong việc lựa chọn nơi sourcing**

Việt Nam vẫn là quốc gia có nhiều ưu thế trong việc trở thành nơi sourcing cho các nhãn hàng.

Những năm gần đây Việt Nam đã và đang chuyển mình để trở thành trung tâm sản xuất lớn toàn cầu. Đặc biệt sau đại dịch Covid-19 và những bất ổn về kinh tế, chính trị, nhiều tập đoàn, kênh buôn bán đang đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa, đảm bảo nguồn cung bền vững và Việt Nam là địa điểm chiến lược trong chuỗi cung ứng toàn cầu của họ.

- Việt Nam có nhiều ưu đãi thuế quan, giúp giảm giá sản phẩm xuất khẩu sang các nước trong khu vực và các thị trường trọng điểm.
- Chuỗi sản xuất dệt may của Việt Nam đang dần hoàn thiện với đầy đủ các khâu sợi, dệt nhuộm, may mặc, góp phần rút ngắn thời gian giao hàng, tăng khả năng linh hoạt để đáp ứng yêu cầu của các thương hiệu.
- Việt Nam có nền chính trị tương đối ổn định, tốt hơn so với các nước châu Á khác.
- Các doanh nghiệp dệt may ở Việt Nam ngày càng chú trọng đến việc lồng ghép các yếu tố PTBV vào hoạt động kinh doanh của mình.

Việt Nam được xem là một điểm đến tìm nguồn cung ứng cân bằng theo hầu hết các tiêu chí tìm nguồn cung ứng chính

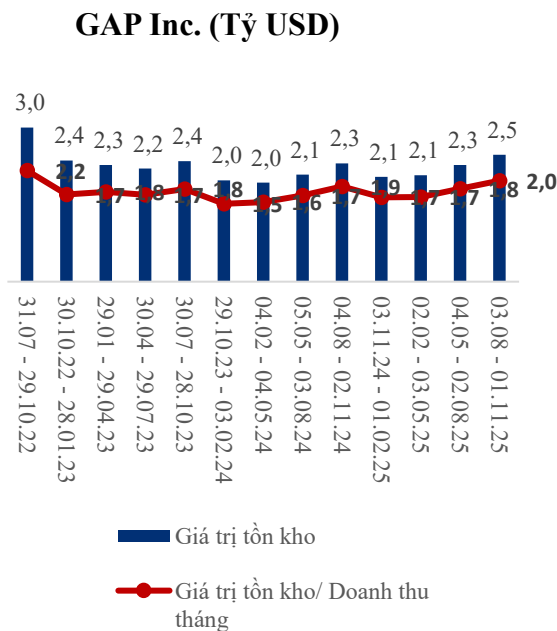
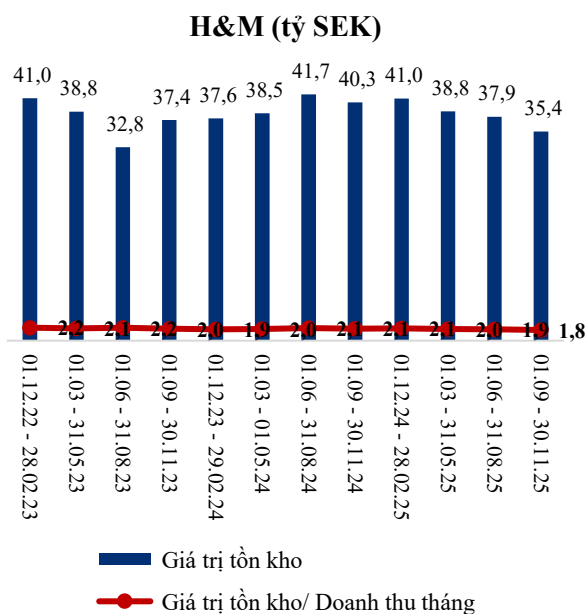
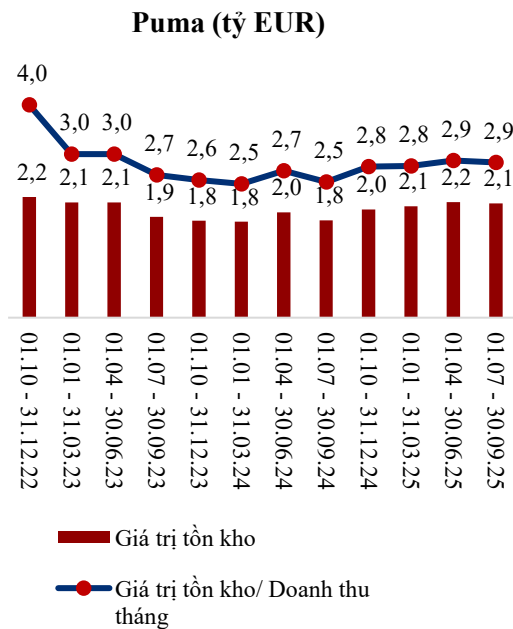
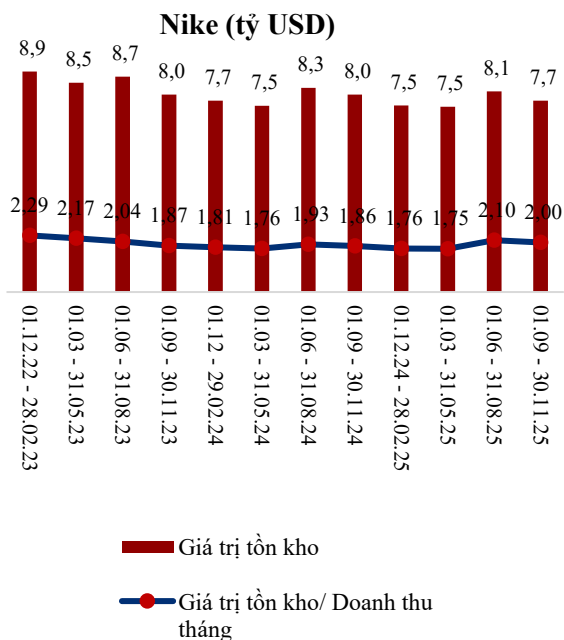
Quốc gia	Tốc độ		Chi phí		Tính linh hoạt		Khối lượng tối thiểu của đơn hàng		Hội nhập theo chiều dọc		Tuân thủ lao động và xã hội		Tuân thủ môi trường		Địa chính trị		Rào cản nhập khẩu US	Tổng	
	2024	2025	2024	2025	2024	2025	2024	2025	2024	2025	2024	2025	2024	2025	2024	2025	2025	2024	2025
China	3.5	3.5	4	3.5	4	4.5	3.5	4	4.5	4.5	2	2	2	2	1.5	1.5	1	25	25.5
Vietnam	3	3	3.5	4	3.5	4	3	3	3	3.5	3	3	3	3	3	2.5	2	25	26
India	2.5	2.5	3.5	4	3.5	3.5	3	3	4	4	2.5	3	2.5	2.5	3.5	2.5	2.5	25	25
Bangladesh	2	2.5	4	4.5	3	3.5	2.5	3	3	3	2.5	2.5	2.5	2	3	2.5	2.5	22.5	23.5
Mexico	4	4	3	3	3.5	3.5	3	3	3	3	3	3.5	3	3	3	3	3	25.5	26
Europe	3.5	3	2	2	3	3	3.5	3.5	3	3	4	4	4	4.5	4	3.5	3	27	26.5

(Nguồn: US.FIA 2024, 2025 Benchmarking survey)

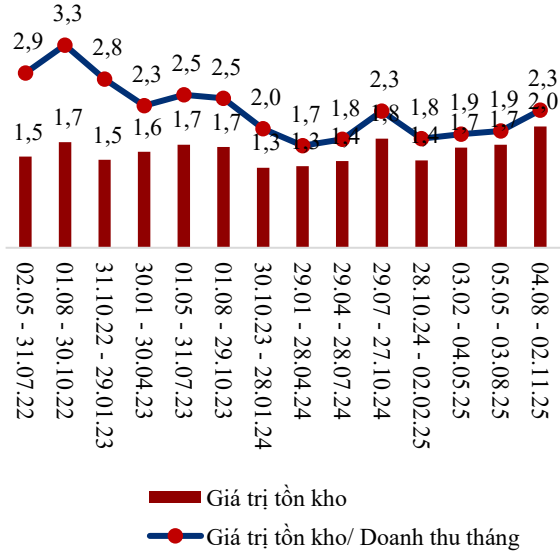
Theo Benchmarking survey, khảo sát của các thương hiệu và nhà bán lẻ đánh giá mức độ cạnh tranh của các nhà cung ứng cũng cho thấy, năm 2025 Việt Nam đạt tổng điểm là 26 – số điểm cao chỉ xếp sau Europe. Việt Nam được đánh giá cao hơn đối thủ Trung Quốc về chi phí, tuân thủ lao động – xã hội – môi trường, địa chính trị và rào cản nhập khẩu vào US.

Có thể thấy Việt Nam nhìn chung được đánh giá cao trong khu vực châu Á trên nền 9 yếu tố đánh giá với điểm số trung bình ở tất cả các yếu tố, chỉ có yếu tố rào cản nhập khẩu vào Mỹ ghi nhận điểm kém.

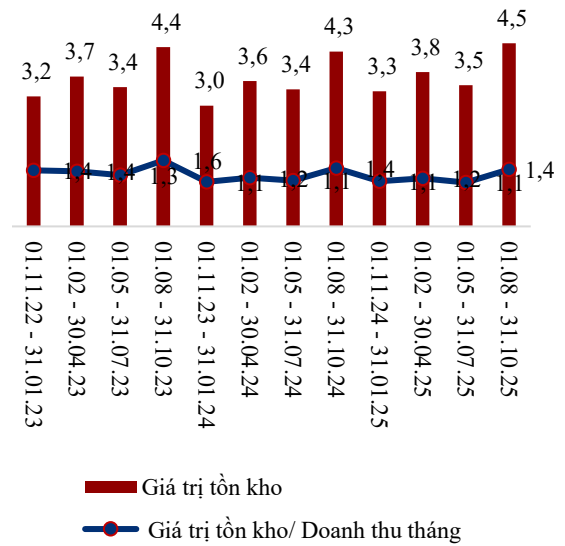
Tích lũy hàng tồn kho đã qua thời kỳ lập đỉnh



Lululemon (tỷ USD)



Inditex (Tỷ EUR)



(Nguồn: Báo cáo quý và năm của các nhãn hàng)

Nhóm thể thao (Nike, Puma, Lululemon): Tiền kho đã giảm so với giai đoạn cao điểm trước đây và hiện khá ổn định. Nhìn chung không còn áp lực hàng tồn lớn.

Nhóm đại chúng (H&M, Inditex, Gap): Tiền kho dao động nhẹ theo từng kỳ nhưng vẫn trong tầm kiểm soát. Không có dấu hiệu tăng mạnh bất thường.

Kỳ vọng ngành công nghiệp thời trang sẽ nhiều thách thức trong năm 2026.

Hướng tới năm 2026, từ được sử dụng nhiều nhất để mô tả triển vọng của ngành thời trang là “thách thức”, vượt qua “bất định” – vốn phổ biến nhất trong năm 2024 và 2025. Do đó, triển vọng ngành cho năm 2026 nhìn chung vẫn khá bi quan. Có 46% lãnh đạo doanh nghiệp dự báo điều kiện ngành sẽ xấu đi, tăng 8 điểm phần trăm so với năm trước. Tuy nhiên, kỳ vọng cũng trở nên phân hóa hơn khi 25% cho rằng điều kiện ngành sẽ cải thiện, tăng 5 điểm phần trăm.

Ngành may mặc và da giày là một trong những ngành chịu tác động mạnh nhất từ thuế quan.

- 76% lãnh đạo thời trang cho rằng phản ứng với gián đoạn thương mại và thuế quan sẽ là yếu tố quan trọng nhất định hình ngành năm 2026.
- Các trung tâm cung ứng chính bị ảnh hưởng nhiều nhất gồm: Trung Quốc, Việt Nam, Ấn Độ, Bangladesh và Indonesia.
- Nhóm 5 quốc gia này chiếm:
 - 63% tổng nhập khẩu dệt may của Mỹ
 - Khoảng 75% tổng tác động tăng thêm từ thuế

Ước tính mức tăng chi phí thuế bổ sung đối với hàng may mặc và giày dép nhập khẩu vào Mỹ (dựa trên sản lượng 2024):

Quốc gia	Tác động (tỷ USD)	Tỷ trọng
Trung Quốc	9.0	34%
Việt Nam	5.0	19%
Ấn Độ	2.9	11%
Bangladesh	1.5	6%
Indonesia	1.5	5%
Campuchia	1.3	5%
EU	0.6	2%
Pakistan	0.5	2%
Honduras	0.2	1%
Mexico	~0	0%
Khác	4.3	16%

- **Tổng mức tăng thuế ước tính: ~27 tỷ USD**
- **Giả định: không thay đổi sản lượng nhập khẩu theo từng quốc gia.**

Trong bối cảnh này, các doanh nghiệp may mặc và giày dép đang chủ động ứng phó với tác động thuế quan thông qua điều chỉnh giá, tối ưu chi phí và tái cấu trúc sourcing. Từ tháng 1–7/2025, giá quần áo tại Mỹ tăng 1,3% và 55% lãnh đạo dự kiến tiếp tục tăng giá trong 2026. Khoảng 35% doanh nghiệp có kế hoạch chuyển sản xuất sang các quốc gia có thuế thấp hoặc FTA thuận lợi hơn, trong khi 32% tối ưu logistics và 29% giảm chi phí sourcing đầu vào. Về triển vọng giá bán lẻ, 41% dự báo mức tăng 1–5% và 38% dự báo tăng 6–10%, cho thấy phần lớn thị trường kỳ vọng giá sẽ tiếp tục nhích lên nhưng chưa ở mức đột biến.

Nguồn: Mc.Kinsey

3.3. Phân tích SWOT

Điểm mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung kinh doanh ngành nghề cốt lõi; - Chất lượng sản phẩm vượt trội, có thể cung cấp đa dạng các sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nhân lực cấp cao và cấp trung còn thiếu kinh nghiệm quản lý và đào tạo nguồn nhân lực cấp thấp hơn;

<ul style="list-style-type: none"> - Chiến lược kinh doanh tập trung vào thị trường niche, giúp tránh cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm từ sợi Trung Quốc, đẩy mạnh bán các sản phẩm sợi có giá trị gia tăng cao - Thương hiệu vững mạnh được khách hàng đánh giá cao nhờ chất lượng sản phẩm vượt trội và dịch vụ chăm sóc chuyên nghiệp; - Đáp ứng tốt các tiêu chí về ESG, trở thành Nhà cung cấp uy tín cho các thương hiệu thời trang - Phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển bền vững; - Máy móc, công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực lâu năm và lành nghề; - Nhà máy Unitex đã chính thức hoàn công, nâng tổng công suất Công ty lên 99.000 tấn/năm - Nhà máy Unitex và các nhà máy hiện hữu bổ sung và lấp đầy các điểm yếu trong sản xuất cho nhau - Tình hình tài chính ổn định và minh bạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Là doanh nghiệp xuất khẩu nhưng vẫn còn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu; - Công ty đang vay nợ để tài trợ dự án Unitex nên các rủi ro kinh doanh có thể ảnh hưởng tới dòng tiền trả nợ. Rủi ro lãi suất tăng cao có thể ảnh hưởng tới lợi nhuận sau thuế của Công ty - Việc vận hành cả STK và Unitex sẽ đòi hỏi Công ty có chính sách quản lý hiệu quả, để cân bằng nguồn lực tốt cho cả Công ty mẹ và Công ty con, do đó nếu làm không tốt, đây có thể trở thành điểm yếu của STK.
<p>Cơ hội</p>	<p>Thách thức</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Sợi Polyester nói chung và sợi Polyester Filament nói riêng vẫn chiếm ưu thế lớn nhất trong cơ cấu của ngành sợi; dù năm 2025 nhu cầu sợi thân thiện với môi trường có sụt giảm, nhưng về dài hạn, nhu cầu về sợi tái chế vẫn được kỳ vọng tiếp tục tăng cao; - Xu hướng dịch chuyển đơn hàng dệt may sang Việt Nam để tận dụng các ưu thế về giá cả, chất lượng và mức độ đa dạng sản phẩm, khả năng đáp ứng nhanh và linh hoạt cũng như thành tích ESG của Việt Nam.; 	<ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh kinh tế suy thoái và nhu cầu sụt giảm có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty; - Biến động thuế quan nhập khẩu vào Mỹ tác động lớn tới ngành dệt may - Sức chi tiêu của người tiêu dùng suy yếu (ngân sách chi tiêu giảm), chỉ số mức độ tự tin của người tiêu dùng giảm; - Rủi ro Công ty xuất khẩu có khả năng bị kiện chống bán phá giá ở các thị trường xuất khẩu; - Giá cước vận tải biển tăng

<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình địa chính trị ổn định và chi phí nhân công rẻ hơn Trung Quốc cũng giúp Việt Nam trở thành một trong những nơi sourcing chủ đạo cho dệt may US và EU, bên cạnh Ấn Độ và Bangladesh - Xu hướng dịch chuyển sourcing khỏi Trung Quốc 	<ul style="list-style-type: none"> - Cạnh tranh giá cả đối với mặt hàng sợi tái chế từ Trung Quốc; - Hiệu ứng Bullwhip khiến doanh nghiệp thượng nguồn bị ảnh hưởng nhiều hơn khi thị trường sụt giảm. - Xu hướng rút ngắn thời gian giao hàng và yêu cầu chất lượng sản phẩm ngày càng khắt khe - Các thương hiệu yêu cầu giảm giá nguyên liệu đầu vào - Các yêu cầu ngày càng khắt khe về bảo vệ môi trường đến từ chính phủ và các nhãn hàng - Áp lực từ chính phủ và khách hàng trong việc cắt giảm tiêu thụ điện và phát thải
--	--

3.4. Chiến lược trung và dài hạn đến năm 2027

Tăng cường nội lực và mở rộng thị phần	Quản trị rủi ro hoạt động và rủi ro PTBV
<ul style="list-style-type: none"> • Đầu tư vào phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường: sợi tái chế, sợi màu, sợi đặc biệt khác...; • Kiến tạo toàn hệ thống, tối ưu hóa quy trình hoạt động để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm; • Nâng cao trình độ kỹ năng cho cấp quản lý khối sản xuất nói riêng và người lao động nói chung; • Khai thác lợi thế về quy mô thông qua việc mở rộng công suất thêm 60,000 tấn/năm (Nhà máy mới Unitex): <ul style="list-style-type: none"> + Giai đoạn 1: +36,000 tấn/năm + Giai đoạn 2: +24,000 tấn/năm; • Áp dụng tự động hóa và công nghệ thông tin để giảm bớt sự phụ thuộc vào thao tác thủ công và kinh nghiệm của người vận hành (Kho tự động, Tự động hóa POY, ...) 	<ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng cơ chế Kiểm toán nội bộ để kiểm soát rủi ro nhất là trong vận hành sản xuất và hệ thống giá thành...; • Cải thiện chính sách phúc lợi, cơ chế thưởng-phạt, KPIs, điều kiện làm việc để thu hút và giữ chân người lao động lành nghề, có tinh thần trách nhiệm cao; • Thường xuyên nâng cao tay nghề, tăng cường đào tạo đến các đối tượng người lao động khác nhau; • Kiểm soát rủi ro từ môi trường, áp dụng triệt để các sáng kiến PTBV để tiết giảm lượng tiêu thụ năng lượng điện, tái sử dụng ống giấy, tiết kiệm

<ul style="list-style-type: none">• Tìm kiếm khách hàng mới, cho các dòng sản phẩm mới để tận dụng lợi thế của nhà máy Unitex với các máy móc hiện đại, công nghệ sản xuất tân tiến.• Tập trung vào thị trường niches: Phát triển các loại sợi mới với các tính năng mới, từ đó thu hút các tệp khách hàng mới, định hướng phát triển sợi textile-to-textile recycling.• Cạnh tranh mạnh mẽ về giá: Trong năm 2026, STK sẽ hạ giá một số sản phẩm sợi tái chế để gia tăng thị phần, chính sách giá linh hoạt• Tận dụng, tối ưu ưu đãi thuế suất 0% của Công ty con Unitex trong vòng 4 năm• Khả năng đáp ứng đa dạng danh mục sản phẩm• Kiện toàn sản xuất: Hợp lý hóa sản xuất, cắt giảm chi phí	<p>nước sạch; áp dụng phương pháp LCA (Life Cycle Assessment) để đo lường mức độ gây tác động đến môi trường (phát thải khí CO2 trên một kilogram sản phẩm).</p> <ul style="list-style-type: none">• Thực hiện báo cáo kiểm toán năng lượng, báo cáo kiểm kê khí nhà kính cho nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi.• Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của REACH 168, OEKO-TEX 100, GRS và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng.
--	---

Trong những năm vừa qua, Sợi Thế Kỷ là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực PTBV, được khách hàng và đối tác đánh giá cao ở các khía cạnh:

- Sử dụng nguồn nguyên liệu từ chai nhựa đã qua sử dụng (Sợi tái chế);
- Phát triển sợi màu để giảm thiểu lượng tiêu thụ nước sạch;
- Lắp đặt và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái và có kế hoạch mở rộng công suất;
- Tái chế lại sợi thứ cấp để giảm việc thải nhựa ra môi trường.
- Đảm bảo thực hiện ESG theo yêu cầu của các nhãn hàng, đạt các chứng chỉ xanh về sản phẩm

Do đó, trong năm 2026, **chiến lược ngắn hạn và kế hoạch phát triển của Công ty là:**

- Đưa nhà máy Unitex vào sản xuất thương mại;
- Đa dạng hóa danh mục sản phẩm dựa trên phối hợp điểm mạnh, điểm yếu của nhà máy mới và các nhà máy hiện hữu
- Kiện toàn sản xuất, tiết kiệm chi phí, áp dụng các sáng kiến tiết giảm điện năng tiêu thụ, giảm thiểu lãng phí
- Giảm giá một số mặt hàng sợi tái chế để cạnh tranh về giá
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện hữu và chất lượng tuyển dụng, chính sách giữ chân người lao động
- Duy trì tỷ trọng sợi tái chế cao trong doanh thu, dự kiến 68% trong năm 2026;

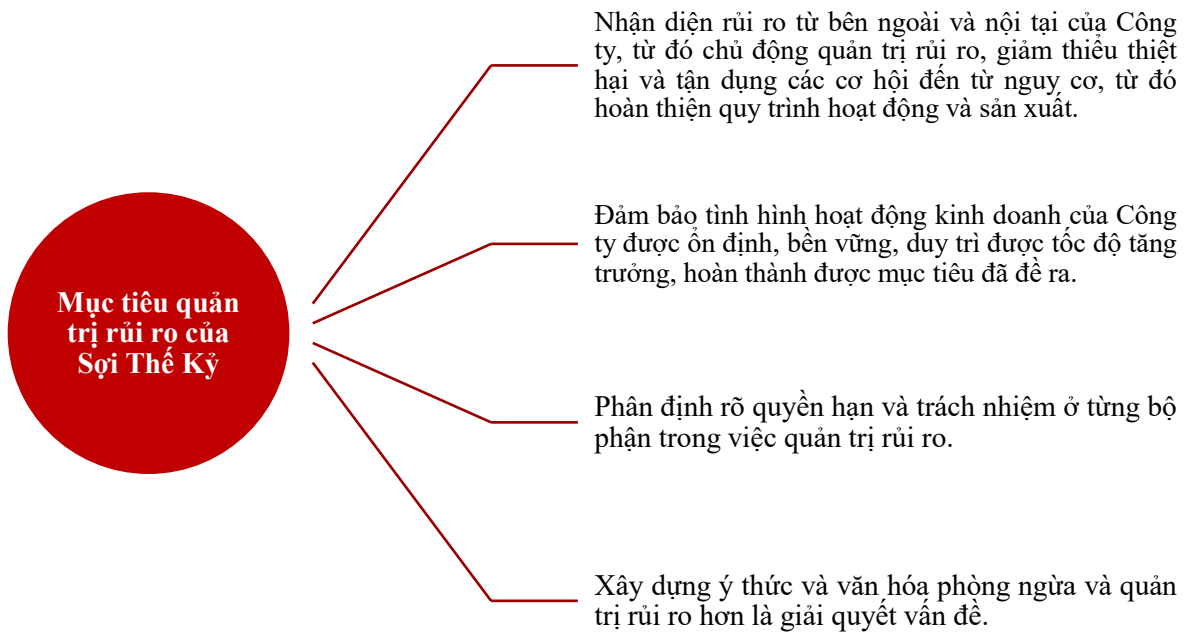
- Quản trị tình hình tài chính của Công ty theo hướng cân đối lợi ích giữa các bên liên quan;
- Hoàn thiện hệ thống Kiểm toán nội bộ để kiểm soát rủi ro một cách triệt để.

Xem thêm Chiến lược phát triển bền vững, mục Báo cáo tác động môi trường, lao động, xã hội, trang Báo cáo thường niên 2025.

4. QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong bối cảnh doanh nghiệp luôn đối mặt với những thách thức và nguy cơ không dự báo trước được của nền kinh tế vĩ mô và điều kiện kinh doanh, việc quản trị rủi ro càng trở nên quan trọng đối với sự tồn tại của doanh nghiệp và là điều kiện tiên quyết để chứng minh khả năng cải thiện hay xoay chuyển trong nghịch cảnh của doanh nghiệp đó.

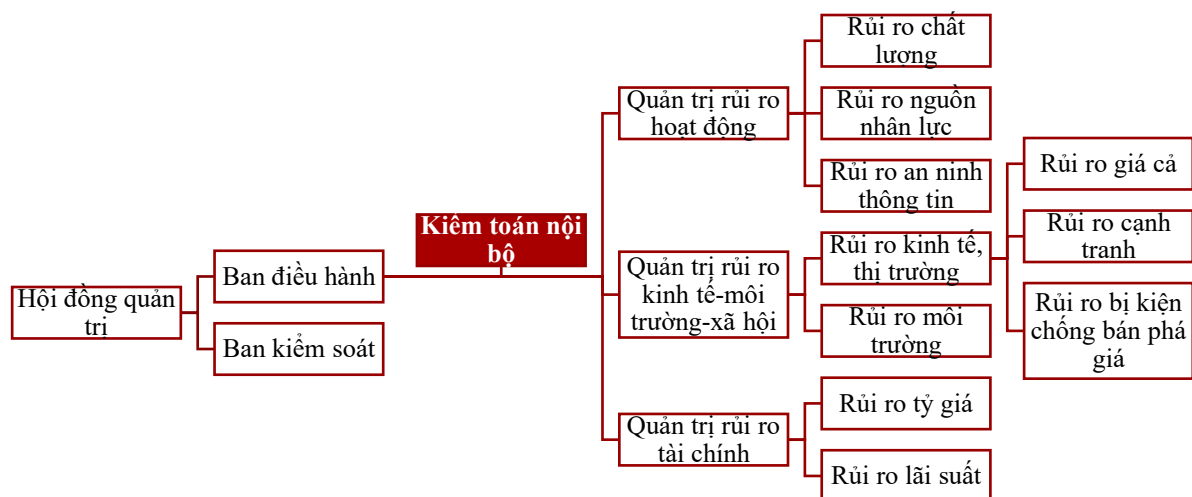
4.1. Mục tiêu của quản trị rủi ro



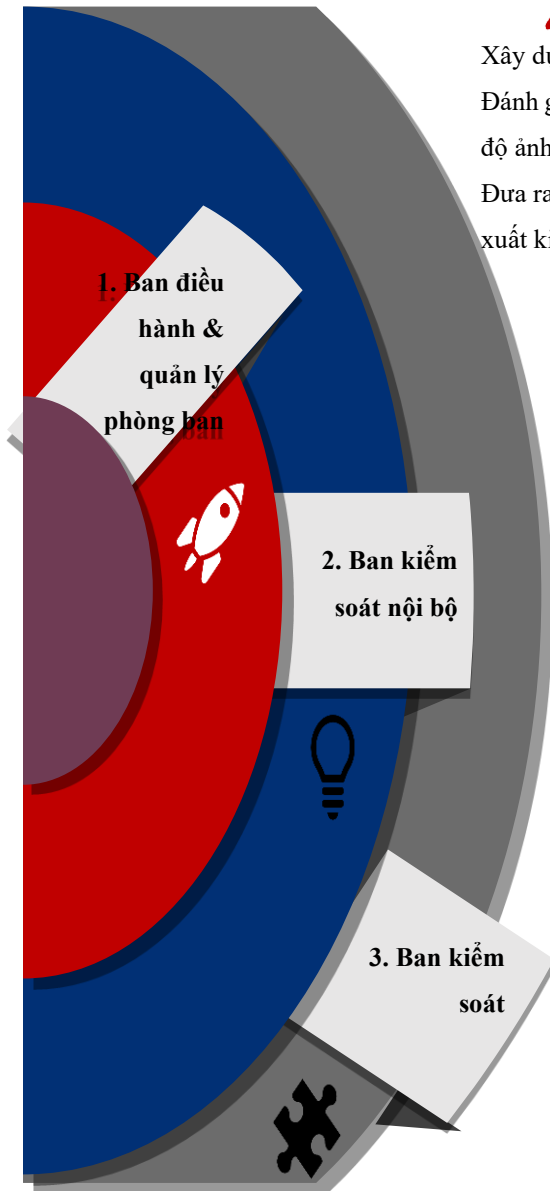
Trong năm 2025, STK tiếp tục hợp tác với đơn vị tư vấn AFC để thực hiện kiểm toán nội bộ, nhằm đánh giá và cải thiện hệ thống kiểm soát doanh nghiệp. Tuy nhiên, do hệ thống dữ liệu trên POC chưa đồng bộ với hệ thống dữ liệu trên SAP nên AFC chưa thể hoàn thành được một số công việc kiểm toán, dẫn đến việc AFC chưa thể triển khai các bước tiếp theo. Bước sang năm 2026, Công ty sẽ cố gắng hoàn thiện các điều chỉnh theo tư vấn của AFC, đồng thời duy trì hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm đánh giá toàn diện các rủi ro hiện hữu và tiềm ẩn, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Quản lý rủi ro hiệu quả có tầm quan trọng đối với việc thực hiện mục tiêu chiến lược và phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh của mình.

Chúng ta thường xuyên phải đối mặt với những điều kiện kinh doanh không thuận lợi nhưng với một chính sách quản trị rủi ro hiệu quả có thể giúp cho doanh nghiệp có khả năng đề ứng phó, giảm thiểu rủi ro và phát hiện cơ hội từ những rủi ro đó.

4.2. Hệ thống quản trị rủi ro của STK



Hàng phòng vệ trong quản trị rủi ro tại Sợi Thế Kỷ



1. Ban điều hành & quản lý các

Xây dựng ma trận rủi ro cho từng bộ phận và toàn Công ty.

Đánh giá và xếp hạng rủi ro sau hànhkhí đã được nhận diện theo mức độ ảnh hưởng đến Công ty.

Đưa ra những cải tiến nhằm hạn chế rủi ro trong từng hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

2. Ban kiểm soát nội bộ

Xem xét những cơ chế quản trị rủi ro của các phòng ban, từ đó xây dựng nên các chỉ tiêu để làm cơ sở đánh giá

Theo dõi, rà soát hoạt động có đúng như những chỉ tiêu đã đề ra hay không.

Kịp thời ngăn chặn và xử lý khi có sai phạm, hoặc các nguy cơ có thể xảy ra. Mặc dù hiện nay Công ty chưa thành lập riêng Ban Kiểm Soát Nội Bộ nhưng từ năm 2022 Công ty đã thuê công ty kiểm toán AFC thực hiện công tác kiểm toán nội hàng năm

Trong năm 2025, STK tiếp tục hợp tác với đơn vị tư vấn AFC để thực hiện kiểm toán nội bộ, nhằm đánh giá và cải thiện hệ thống kiểm soát doanh nghiệp.

3. Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của ban kiểm soát nội bộ có hiệu quả và kịp thời hay không.

Đưa ra những giải pháp cải tiến, hoàn thiện cơ chế quản trị rủi ro.

4.3. Xác định mức độ trọng yếu của rủi ro

Thông qua hoạt động của các phòng ban, Ban điều hành và đơn vị kiểm toán nội bộ đã lập ra ma trận rủi ro và đánh giá, xếp hạng theo mức độ trọng yếu của rủi ro đối với Sợi Thép Kỹ.

Trong năm 2024, STK tiếp tục hợp tác với đơn vị tư vấn AFC để đánh giá và cải thiện hệ thống kiểm soát doanh nghiệp.

Do hệ thống dữ liệu trên POC chưa đồng bộ với hệ thống dữ liệu t thành một số công việc kiểm toán

Bước sang năm 2025, Công ty sẽ cố gắng hoàn thiện các điều c thời duy trì hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm đánh giá toàn diện góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.



4.4. Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu

Rủi ro giá cả	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<ul style="list-style-type: none"> Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng sản phẩm dệt may có tác động lớn đến giá cả. Biến động giá cả nguyên vật liệu trên thị trường hàng hóa (giá dầu) có thể gây ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Giá cước vận tải biển tăng do chiến tranh, xung đột có thể gây ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi các yếu tố vĩ mô để dự đoán xu hướng nền kinh tế, ngành dệt may. Tích cực phát triển các khách hàng mới và thị trường mới. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để giữ chân khách hàng thân thiết. Chú trọng công tác nghiên cứu phát triển để ra những sản phẩm có tính năng kỹ thuật đặc biệt được các thương hiệu thời trang thể thao ưa dùng. Đa dạng hóa nhà cung cấp và danh mục khách hàng cũng như cơ chế khớp hợp đồng mua nguyên liệu với hợp đồng bán thành phẩm nhằm duy trì được biên lợi nhuận giữa giá bán thành phẩm và giá mua hạt nhựa Polyester chip. Hợp lý hóa hoạt động sản xuất để nâng cao hiệu quả, kiểm soát chi phí nhằm hạ giá thành.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng kinh doanh và Phòng thu mua.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2026	Tăng.

Rủi ro cạnh tranh	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro

Xu hướng dịch chuyển đơn hàng sản xuất dệt may từ Trung Quốc, Bangladesh, Myanmar sang Việt Nam sẽ dẫn đến sự cạnh tranh lớn hơn trong ngành sản xuất sợi.	Tăng cường lợi thế cạnh tranh về giá và chất lượng.
Các đối thủ chuyển sang phân khúc cao cấp hoặc sản xuất sợi tái chế.	Thiết lập các rào cản về công nghệ, quản lý chất lượng, quản lý sản xuất, nhãn hiệu để tạo sự khác biệt trong chất lượng sản phẩm. Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới có mang tính ứng dụng, phù hợp với thị hiếu khách hàng
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng kinh doanh và Quản lý nhà máy.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2026	Không đổi.

Rủi ro bị kiện chống bán phá giá	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
Trong bối cảnh tự do hóa Thương mại hiện nay, các biện pháp phòng vệ thương mại (như kiện bán phá giá, kiện chống trợ cấp) thường được chính phủ các nước nhập khẩu áp dụng để bảo vệ nền sản xuất nội địa của nước họ.	Áp dụng chính sách giá cả hợp lý cho thị trường xuất khẩu và nội địa và có hệ thống báo cáo đầy đủ để có thể chứng minh là STK không bán phá giá.
Các yêu cầu áp dụng các biện pháp phòng vệ Thương mại này của các nhà sản xuất nội địa đôi khi rất phi lý và để bác bỏ các yêu cầu phi lý đó đòi hỏi nhiều công sức và thời gian.	Đa dạng hóa thị trường, không tập trung doanh thu quá nhiều vào 1 thị trường.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng xuất nhập khẩu, Phòng kinh doanh.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2026	Duy trì.

Rủi ro chất lượng sản phẩm	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<ul style="list-style-type: none"> Chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu của Công ty, chất lượng không đạt sẽ ảnh hưởng lớn đến khách hàng, dẫn đến việc Công ty bị khiếu nại hoặc bồi thường thiệt hại, bị mất khách hàng, mất đơn hàng. Chất lượng nguyên liệu đầu vào chính và các nguyên liệu phụ cũng có thể tác động đến chất lượng sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty thiết lập các quy trình, cơ chế kiểm soát chéo chất lượng ở từng khâu sản xuất. Nâng cao tay nghề, kỹ năng tác nghiệp cho người lao động. Đa dạng hóa nhà cung cấp nguyên vật liệu. Đánh giá chất lượng nhà cung cấp định kỳ. Nâng cấp nền tảng công nghệ, tự động hóa ở một số khâu sản xuất để giảm bớt thao tác thủ công. Tận dụng máy móc mới từ nhà máy mới (Unitex) để gia công các đơn hàng sợi tái chế vì máy móc của Unitex được thiết kế để tối ưu hóa cho sợi tái chế.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Khối sản xuất và Phòng thu mua.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2026	Không đổi

Rủi ro chất lượng nguồn nhân lực	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
Nguồn nhân lực không đủ hoặc không đủ năng lực cũng gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất-kinh doanh nhất là cấp quản lý cấp trung và cấp cơ sở.	Chú trọng tuyển dụng nguồn lao động, đào tạo, huấn luyện phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu công việc.
Môi trường làm việc không tích cực, phúc lợi xã hội không đầy đủ có thể làm tăng tỷ lệ nghỉ việc.	Đảm bảo các chính sách lương thưởng, phúc lợi, chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động. Phòng Phát triển doanh nghiệp có làm khảo sát NLD về mức độ hài lòng của thu nhập và các yếu tố ảnh hưởng đến công việc để đưa ra các giải pháp hợp lý gỡ bỏ các khó khăn, thắc mắc của người lao động
Phân công phạm vi công việc quá lớn hoặc không phù hợp với nhân viên và người quản lý có thể dẫn đến năng suất kém, việc quản lý kém hiệu quả.	Tập trung vào công tác đào tạo, nâng cao trình độ- kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa.
Bố trí nhân lực chưa phù hợp ở các phòng ban, nhiệm vụ và chức năng phòng ban chưa rõ ràng, còn chồng chéo, chưa hiệu quả.	Phân công phạm vi công việc cụ thể, khối lượng công việc phù hợp đối với nhân viên và quản lý.
	Bố trí cơ cấu chức năng các phòng ban không bị chồng chéo, đảm bảo chuyên môn hóa phù hợp với nhiệm vụ và chức năng của phòng ban.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng nhân sự và Phòng tổng vụ.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2026	Tăng.

Rủi ro biến động tỷ giá	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<ul style="list-style-type: none"> Tỷ giá biến động có thể gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tỷ giá tăng lên sẽ làm tăng lỗ tỷ giá chưa thực hiện, làm giảm lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp; đồng thời làm chi phí lãi vay cũng tăng lên Năm 2026 dự kiến đồng USD mất giá, nhưng VND vẫn mất giá khoảng 3% so với USD, mức độ tác động của rủi ro này tương đối thấp trong 2026 	<ul style="list-style-type: none"> Trong quý 3/2025, Công ty đã tái tài trợ khoản vay hợp vốn USD bằng khoản vay VND, do đó từ Q4.2025 Công ty hạn chế rủi ro lỗ tỷ giá đối với khoản vay hợp vốn này. Duy trì tỷ trọng doanh thu bằng tiền USD để có dòng tiền nhập nguyên vật liệu và trả nợ ngoại tệ. Quản lý các khoản phải thu và phải trả một cách tối ưu để có thể phần nào bù trừ chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến các khoản phải thu cho chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến các khoản phải trả. Trả sớm nợ vay để hạn chế rủi ro phải trích lập dự phòng chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện mặc dù khoản dự phòng này không ảnh hưởng tới dòng tiền của doanh nghiệp.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng kinh doanh và Phòng tài chính kế toán.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2026	Giảm

Rủi ro về môi trường

Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<p>NVL chính của STK là PET chip - là chế phẩm của dầu mỏ - và NVL phụ là ống giấy và thùng giấy là những sản phẩm mà việc sản xuất có thể gây ô nhiễm môi trường và suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chính vì thế, các quy định và chính sách trên thế giới về môi trường đặc biệt là về vấn đề khai thác dầu mỏ và tài nguyên rừng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn cung của các nguyên vật liệu này, qua đó gây tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của STK.</p>	<p>STK đã thực hiện nghiên cứu phát triển các loại sản phẩm mới như sợi Recycled (sử dụng Recycled PET chip được tái chế từ các chai nhựa Polyester để giảm thiểu khai thác dầu mỏ), sợi màu (giảm lượng nước sử dụng và không dùng đến các hóa chất độc hại) và phối hợp với đơn vị cung ứng để nâng cao chất lượng sản phẩm ống giấy POY để có thể tái sử dụng lại nhiều lần (qua đó hạn chế việc khai thác rừng).</p>
<p>Trong quá trình sản xuất và hoạt động của Công ty có thể gây ra tác động đến môi trường như các chất thải rắn và lỏng, khí thải, nước thải, tiếng ồn và bụi; việc sử dụng điện năng liên tục 24 tiếng/ngày cũng có thể gây tăng lượng khí thải nhà kính ra môi trường.</p>	<p>Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất 7.4 Mwp. Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Trong thời gian tới, Công ty sẽ có kế hoạch nâng cao tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo thông qua việc ký kết với đối tác chiến lược triển khai các dự án điện mặt trời áp mái ở nhà máy Unitex và các dự án DDPA ở nhà máy Trảng Bàng và Unitex.</p> <p>Đối với nước thải: có hệ thống thu gom nước thải để xử lý trước khi đưa vào mạng lưới xử lý nước thải của Khu công nghiệp.</p> <p>Đối với chất thải độc hại và không độc hại: phân loại và thu gom tập trung tại nơi quy định cho từng loại chất thải.</p> <p>Đối với tiếng ồn và bụi: Công ty sử dụng các máy móc tân tiến, hiện đại, có bộ phận chứa bụi và giảm tiếng ồn, giảm tối đa tác động đến môi trường.</p> <p>Biện pháp phòng chống cháy nổ, phòng ngừa sự cố môi trường: Thực hiện lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy; thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh hiện tượng chập điện xảy ra; thành lập đội phòng cháy chữa cháy; định kỳ tập huấn và thực hành thao tác phòng cháy chữa cháy theo quy định. Khi có sự cố xảy ra, ngắt điện kịp thời trong và ngoài khu vực cơ sở; thông báo cho cơ quan có chức năng thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy kịp thời hỗ trợ và ngăn chặn đám cháy lây lan.</p>

	Công ty còn đưa ra các cam kết, ban hành Sổ tay môi trường và các chính sách hướng dẫn quản lý và sử dụng hóa chất độc hại để giảm thiểu tối đa các tác động xấu của quá trình sản xuất kinh doanh đến môi trường xung quanh.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng tổng vụ, Phòng thu mua, Phòng Cơ điện và Khối sản xuất.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2026	Không đổi.

Rủi ro an ninh mạng, rò rỉ dữ liệu	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
STK có sử dụng các phần mềm cho phép nhân viên truy cập hệ thống Công ty từ xa để làm việc. Do đó, có nguy cơ hacker có thể hack từ đường này để đánh cắp dữ liệu Công ty. Tất cả dữ liệu của các phòng ban được để chung trên 1 server ảo và phân quyền truy cập cho từng phòng ban, cá nhân. Server này có thể bị hack bằng cách hack hệ thống wifi Công ty.	Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, củng cố hệ thống thông tin của Công ty, đảm bảo không xảy ra lỗi và không bị xâm nhập.
Hacker có thể hack tài khoản cá nhân của nhân viên để truy cập lấy cắp dữ liệu/xóa thông tin...	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo nâng cao ý thức bảo mật thiết bị cá nhân và tài khoản cá nhân cho nhân viên. - Mọi hoạt động đều lưu lại lịch sử để nếu có sự cố sẽ truy lại người thao tác. - Mã hóa các tài liệu quan trọng của Công ty.
Nhân sự Công ty vô tình/cố ý đưa thông tin mật nội bộ ra bên ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo nhận thức và hành động cho nhân viên ngay từ khi nhận việc - Nhân viên Công ty cần ký cam kết bảo mật thông tin - Quản lý các phòng ban thực hiện rà soát bảo mật thông tin định kỳ
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng Công nghệ thông tin, phòng Nhân sự, phòng Đào tạo
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2026	Không đổi.

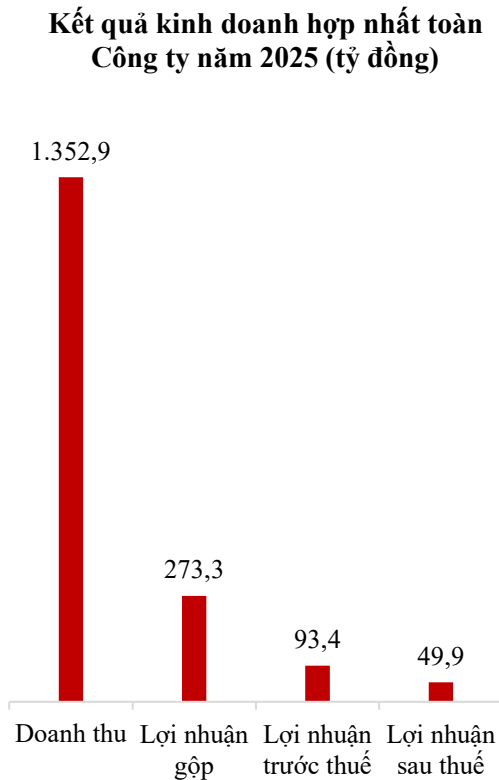
4.5 Phạm vi công việc và kết quả kiểm toán nội bộ các năm 2023-2024-2025

Năm	2023	2024-2025
Phạm vi công việc kiểm toán nội bộ	Báo cáo sơ bộ 2023 qui trình quản lý tồn kho nguyên vật liệu, linh kiện,	Trong năm 2024 và 2025, STK tiếp tục hợp tác với đơn vị tư vấn AFC để thực hiện kiểm toán nội

	bán thành phẩm và thành phẩm.	bộ, nhằm đánh giá và cải thiện hệ thống kiểm soát doanh nghiệp.
Tiến độ	Đang thực hiện	Do hệ thống dữ liệu trên POC chưa đồng bộ với hệ thống dữ liệu trên SAP nên AFC chưa thể hoàn thành một số công việc kiểm toán
Kết quả		Bước sang năm 2026, Công ty sẽ cố gắng hoàn thiện các điều chỉnh theo tư vấn của AFC, đồng thời duy trì hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm đánh giá toàn diện các rủi ro hiện hữu và tiềm ẩn, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

5. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

5.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025



Doanh thu thuần hợp nhất năm 2025 của Công ty đạt 1.352,9 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt được 273,3 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 93,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 49,9 tỷ đồng. Công ty vẫn đẩy mạnh chiến lược bán hàng linh hoạt, phát triển đơn hàng và khách hàng mới; đồng thời nỗ lực ổn định giá bán.

Trong năm, doanh số bán bình quân cao hơn cùng kỳ làm cho doanh thu thuần Công ty mẹ tăng 8,5% và doanh thu Hợp nhất tăng 11,8%. Lợi nhuận gộp Công ty mẹ tăng 90,5%; Hợp nhất tăng 67,5% chủ yếu do đơn giá vốn giảm trong khi đơn giá bán tăng nhẹ. Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ tăng 247,8%; lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ tăng 210,4% so với cùng kỳ chủ yếu do ảnh hưởng từ lợi nhuận gộp tăng. Lợi nhuận trước thuế Hợp nhất tăng 394%; lợi nhuận sau thuế tăng 303,1% chủ yếu do ảnh hưởng từ lợi nhuận gộp tăng và chi phí tài chính tăng.

Trong năm 2025, mặc dù có nhiều biến động không chắc chắn trên thị trường nhưng Công ty vẫn duy trì được đơn hàng nội địa nhờ chất lượng sản phẩm ổn định và các sản phẩm giá trị gia tăng nên tỷ trọng doanh thu từ thị trường trong nước vẫn duy trì ở mức 60%, bằng với năm 2024.

Tỷ trọng sợi tái chế năm 2024 đạt 49,9% trên doanh thu, biên lợi nhuận gộp sợi tái chế đạt 32,9%. Đây là kết quả của sự nỗ lực không ngừng của Ban điều hành và đội ngũ kinh doanh trong việc duy trì lợi nhuận bền vững của mảng sợi tái chế.

Năm 2025	Sợi tái chế	Sợi nguyên sinh
Tỷ trọng trên doanh thu	49,9%	50,1%
Biên lợi nhuận gộp	32,9%	10,1%

5.1.1. Tình hình thực hiện so với cùng kỳ

Hợp nhất			
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	+/- %
Doanh thu thuần	1.352,9	1.210,3	+11,8%
Lợi nhuận gộp	273,3	163,2	+67,5%
Biên lợi nhuận gộp (%)	20,1%	13,49%	
Lợi nhuận trước thuế	93,3	18,9	394%
Lợi nhuận sau thuế	49,9	12,4	303,1%
Công ty mẹ			
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	+/- %
Doanh thu thuần	1.355,6	1.249,3	+8,5%
Lợi nhuận gộp	295,1	155,0	+90,5%
Biên lợi nhuận gộp (%)	21,8%	12,4%	
Lợi nhuận trước thuế	203,04	58,4	+247,8%
Lợi nhuận sau thuế	159,99	51,5	210,4%

Trong năm 2025, hầu hết các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận năm 2025 đều tăng so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu do công ty đã gia tăng được đơn hàng và tối ưu chi phí trong 2025.

Song song đó, Công ty đã nỗ lực phát triển những sản phẩm có giá trị gia tăng cao như sản phẩm sợi màu, các loại sợi đặc biệt (CD, FD, HCR, QD) để đáp ứng nhu cầu của các khách hàng thuộc phân khúc cao cấp để duy trì được doanh thu và lợi nhuận.

Ngoài ra, Công ty vẫn kiên định với tầm nhìn phát triển bền vững và phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường. Trong năm 2025, Công ty đã sản xuất thử nghiệm thành công và đã ra mắt thêm một số sản phẩm mới, vừa có khả năng bảo vệ môi trường do làm từ nguyên liệu tái chế hay sợi màu vừa có giá trị gia tăng cao với các tính năng đặc biệt như:

- Sợi chập spandex
- Sợi 5 trong 1 (có các tính năng như mát, chống tia cực tím, chống dính, nhanh khô, hút ẩm) từ đó thu hút các thương hiệu, khách hàng làm hàng cho thương hiệu, cải thiện tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty để đạt được mục tiêu đề ra trong năm 2025.

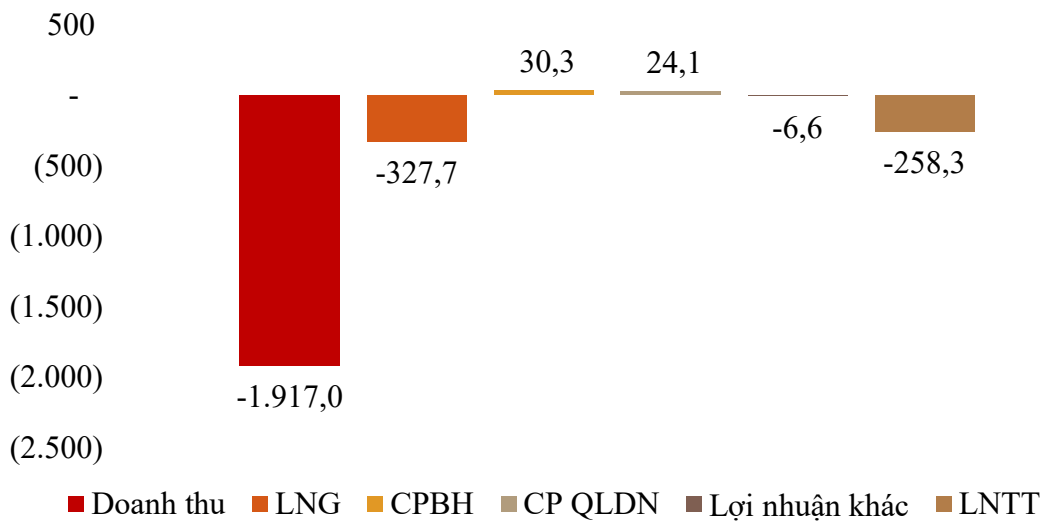
5.1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2025	Dự báo năm 2025	Thực hiện/Dự báo
Doanh thu thuần	1.352,9	3.270	41,4%
Lợi nhuận trước thuế	93,3	352	26,6%
Lợi nhuận sau thuế	49,9	310	16,1%

Trước những khó khăn chung của ngành, Công ty không đạt được kết quả so với kế hoạch đề ra.

Cụ thể, trong năm 2025 kết quả hợp nhất doanh thu, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 41,4%, 26,6% và 16,1% so với kế hoạch đề ra.

So sánh thực hiện và kế hoạch



5.1.3. Tình hình tài chính

Tổng quan về Tình hình tài chính Hợp nhất và của Công ty mẹ năm 2025 so sánh với cùng kỳ năm 2024

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2025	2024	%tăng/ giảm	2025	2024	%tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	4.155,1	3.811,2	+9%	3.185,7	2.631,7	+21,1%
Doanh thu thuần	1.352,9	1.210,3	+11,8%	1.355,6	1.249,3	+8,5%
Lợi nhuận gộp	273,3	163,2	+67,5%	295,1	155,0	+90,5%
LN HDKD	99,9	25,5	+291,4%	210,4	64,9	+224,2%
Lỗ khác	(6,5)	(6,6)	-0,9%	(7,4)	(6,5)	+13,9%
Lợi nhuận trước thuế	93,3	18,9	394%	203,04	58,4	+247,8%
Lợi nhuận sau thuế	49,9	12,4	303,1%	159,9	51,5	+210,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0,0%	0,0%		0,0%	0,0%	

Cơ cấu nguồn vốn hợp nhất và của Công ty mẹ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2025	2024	%tăng/ giảm	2025	2024	%tăng/ giảm
Nợ phải trả	2.397,8	2.103,9	14%	1.275,7	881,7	44,7%
Nợ ngắn hạn	1.372,9	1.311,2	4,7%	981,4	881,4	11,3%
Phải trả người bán ngắn hạn	331,6	377,7	-12,2%	249,3	320,7	-22,3%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12,2	22,2	-45,1%	12,2	22,2	-45,2%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	39,9	6,9	479,7%	39,9	6,9	479,5%
Phải trả người lao động	18,4	20,4	-9,7%	14,7	18,0	-17,9%
Chi phí phải trả ngắn hạn	8,1	10,4	-22,2%	5,2	8,3	-36,8%
Phải trả ngắn hạn khác	7,8	7,6	2,9%	11,6	7,4	56,0%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	945,9	857,6	10,3%	640,2	489,8	30,7%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,8	8,3	5,6%	8,3	8,1	1,9%
Nợ dài hạn	1.024,9	792,7	29,3%	294,3	0,3	113.310,2%
Phải trả dài hạn khác	-	-		-	-	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.024,6	792,5	29,3%	294,0	-	
Dự phòng phải trả dài hạn	0,3	0,3	-0,6%	257,9	0,3	-0,6%
Vốn chủ sở hữu	1.757,4	1.707,4	2,9%	1.910,0	1.750,0	9,1%
Vốn góp của chủ sở hữu	1.401,2	966,4	45,0%	1.401,2	966,4	45,0%
Thặng dư vốn cổ phần	64,5	64,5	0,01%	64,5	64,5	0,01%
Cổ phiếu quỹ	-	-		-	-	
Quỹ đầu tư phát triển	1,2	1,2	0,00%	1,2	1,2	0,00%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	290,4	675,3	-57,0%	443,1	718,0	-38,3%
Tổng cộng nguồn vốn	4.155,1	3.811,2	9,0%	3.185,7	2.631,7	21,1%

Chi tiết vay ngắn hạn

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2025	2024	%tăng/ giảm	2025	2024	%tăng/ giảm
Vay ngắn hạn	945,9	857,6	10,3%	640,2	489,8	30,7%
Các khoản vay ngân hàng	636,2	505,1	26,0%	636,2	489,8	29,9%
Nợ dài hạn đến hạn trả	309,8	352,5	-12,1%	4,0	-	N/A
Vay dài hạn	1.024,6	792,5	31,6%	294,0	-	N/A
Vay ngân hàng	1.024,6	792,5	31,6%	294,0	-	N/A
Tổng cộng	1.970,5	1.650,1	19,4%	934,2	489,8	90,7%

Trong năm 2025, khoản mục Phải trả người bán ngắn hạn giảm 12,2% từ 377,7 tỷ đồng xuống 331,6 tỷ đồng.

Vay ngắn hạn tăng 10,3% nguyên nhân là do vay ngắn hạn ngân hàng tăng mạnh, dù vay dài hạn đến hạn trả giảm.

Vay dài hạn tăng 31,6% là do công ty vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình: mục đích vay là tái tài trợ cho khoản cấp tín dụng tài trợ dự án đầu tư nhà máy sợi tơ tổng hợp tại Unitex của 5 ngân hàng sau: Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank, Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Thương mại Entie và Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun, Ngân hàng TNHH CTBC. Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình là khoản vay của Unitex và được sự bảo lãnh của Công ty Cổ phần Sợi thế kỷ.

Do lợi nhuận thấp nên vốn chủ sở hữu chỉ tăng khiêm tốn 2,9%.

Cơ cấu tài sản hợp nhất và của Công ty mẹ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2025	2024	%tăng/ giảm	2025	2024	%tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	1.326,0	997,1	33,0%	1.603,9	951,2	68,6%
Tiền và các khoản tương đương tiền	57,9	105,6	-45,2%	52,9	94,7	-44,1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	N/A	-	-	N/A
Các khoản phải thu ngắn hạn	88,6	105,3	-15,9%	390,5	125,8	210,4%
Hàng tồn kho	984,3	616,1	59,8%	986,4	584,6	68,7%
Tài sản ngắn hạn khác	195,2	170,0	14,8%	174,2	146,1	19,2%
Tài sản dài hạn	2.829,1	2.814,2	0,5%	1.581,8	1.680,5	-5,9%
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	N/A	524,8	-	N/A
Tài sản cố định	1.051,7	560,7	87,6%	468,2	560,7	-16,5%
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.649,6	2.111,1	-21,9%	15,0	15,0	0,0%
Đầu tư tài chính dài hạn	-	13,8	N/A	522,0	535,8	-2,6%
Tài sản dài hạn khác	127,8	128,6	-0,6%	51,8	50,2	3,2%
Tổng cộng tài sản	4.155,1	3.811,2	9,0%	3.185,7	2.631,7	21,1%

Chi tiết Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2025	2024	%tăng/ giảm	2025	2024	%tăng/ giảm
Các khoản phải thu ngắn hạn	88,6	105,3	-15,9%	390,5	125,8	210,4%
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	86,0	92,7	-7,2%	92,2	100,5	-8,3%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1,9	7,1	-73,2%	297,6	1,0	29.660,0%
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	3,5	N/A	-	3,5	N/A
Phải thu ngắn hạn khác	0,62	2,0	-69,0%	0,6	20,8	-97,1%

Năm 2025, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 15,9%, chủ yếu là do khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn giảm mạnh 73% do Công ty đã hoàn thành dự án Unitex, đồng thời, chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng giảm 21,9% so với cùng kỳ.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất		Công ty mẹ	
	2025	2024	2025	2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39,1	4,81	39,2	4,81
Thuế nhập khẩu	0,26		0,26	
Thuế thu nhập cá nhân	0,29	0,34	0,27	0,34
Thuế giá trị gia tăng	0,22	1,74	0,22	1,74
Tổng cộng	39,96	6,84	39,95	6,89

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... theo các quy định của Nhà nước.

Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2025	2024
Quỹ đầu tư và phát triển	1.2	1.2

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Đơn vị	Hợp nhất			Công ty mẹ		
		2025	2024	+/-	2025	2024	+/-
Khả năng thanh toán							
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0,97	0,76	0,21	1,63	1,08	0,55
Khả năng thanh toán nhanh (*)	Lần	0,11	0,16	-0,05	0,45	0,25	0,20
Cơ cấu vốn							
Hệ số Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,36	1,23	0,13	0,67	0,50	0,17
Hệ số Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,58	0,55	0,03	0,40	0,34	0,06
Cơ cấu nợ vay (vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn + dài hạn)							
Hệ số nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,12	0,97	0,15	0,49	0,28	0,21
Hệ số nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,47	0,43	0,04	0,29	0,19	0,10

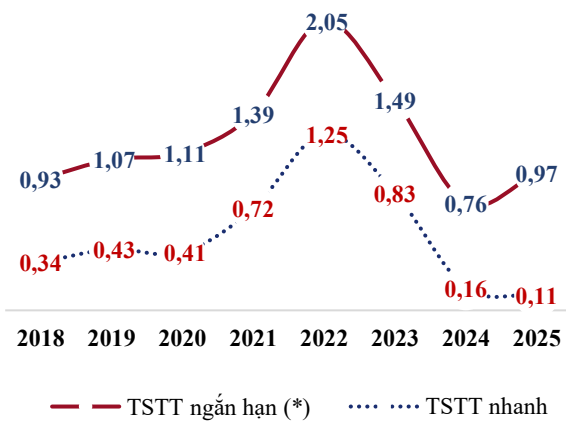
Năng lực hoạt động							
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	1,35	1.70	-0,35	1,35	1.82	-0,47
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,34	0.36	-0,02	0,47	0.50	-0,03
Vòng vay khoản phải thu	Lần	15,14	13.15	1,99	14,07	13.03	1,04
Khả năng sinh lời							
Lợi nhuận từ HĐKD trên doanh thu thuần	%	7,4%	2.1%	5,3%	15,5%	5.2%	10,3%
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	3,7%	1.0%	2,7%	11,8%	4.1%	7,7%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	1,2%	0.3%	0,9%	5,0%	2.0%	3,0%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,8%	0.7%	2,1%	8,4%	2.9%	5,5%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	357	130	227			

Ghi chú: (*) Từ năm 2024 trở đi, hệ số thanh toán nhanh được tính bằng công thức: Hệ số thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho - Tài sản ngắn hạn khác) / Nợ ngắn hạn, vì Công ty nhận thấy thời gian hoàn thuế có thể bị kéo dài và không biết thời điểm nào sẽ được hoàn thuế.

Các chỉ số khả năng sinh lời của Công ty năm 2025 đều tăng so với năm 2024.

Cơ cấu nợ vay trên vốn chủ sở hữu và trên tổng tài sản cũng tăng nhẹ.

Chỉ số khả năng thanh toán

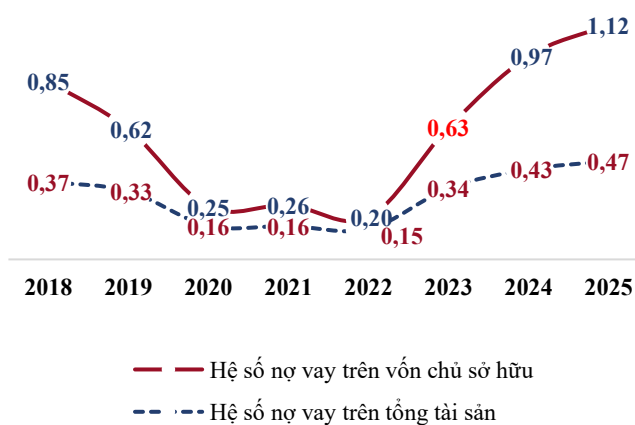


Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2025 đạt 0.97 lần, tăng so với mức 0,76 của năm 2024 do tài sản ngắn hạn tăng 33%, trong khi nợ ngắn hạn chỉ tăng 4,7%.

Hệ số thanh toán nhanh năm 2025 đạt 0.11 lần, giảm so với mức 0,16 của năm 2024.

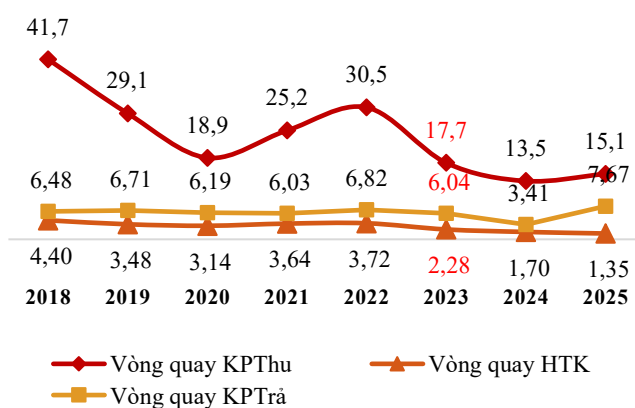
Ghi chú: (*) Từ năm 2024 trở đi, hệ số thanh toán nhanh được tính bằng công thức: Hệ số thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho - Tài sản ngắn hạn khác) / Nợ ngắn hạn, vì Công ty nhận thấy thời gian hoàn thuế có thể bị kéo dài và không biết thời điểm nào sẽ được hoàn thuế.

Cơ cấu nợ vay (vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn + dài hạn)



Trong năm 2025, nợ vay ngắn hạn tăng 10,3% so với cùng kỳ, nợ vay dài hạn tăng 29,3%, trong khi vốn chủ sở hữu chỉ tăng 2,9%, tổng tài sản tăng 9% dẫn đến hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu và nợ vay trên tổng tài sản tăng, lần lượt đạt 1,12 lần và 0,47 lần.

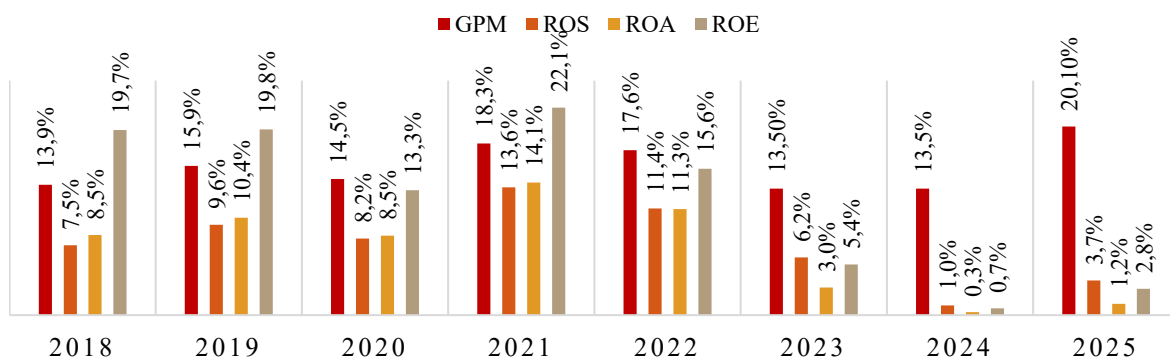
Chỉ số năng lực hoạt động



Vòng quay khoản phải thu và vòng quay khoản phải trả đều tăng so với 2024, lần lượt đạt 15,1 lần và 7,67 lần.

Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 1,7 xuống 1,35.

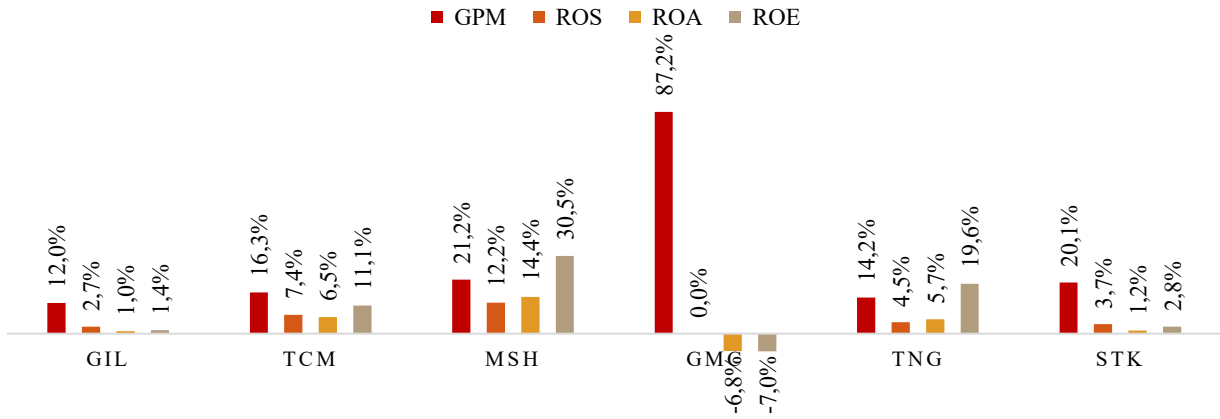
Tỷ suất sinh lời



Do doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2025 tăng so với cùng kỳ 2024, nên các chỉ số tỷ suất sinh lời đều tăng so với cùng kỳ.

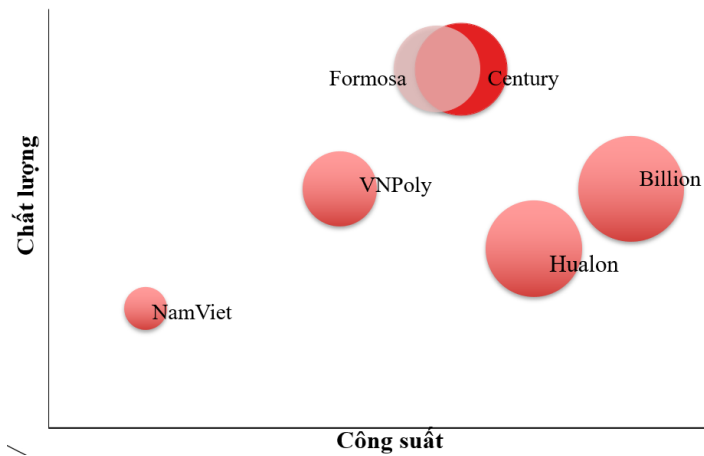
Các chỉ số biên lợi nhuận gộp (GPM), lợi nhuận ròng trên doanh thu (ROS), lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA), lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) lần lượt đạt 20,1%, 3,7%, 1,2%, và 2,8%. Chỉ tiêu GPM của STK cao so với các doanh nghiệp trong ngành, nhưng ROS, ROA, ROE của công ty thấp hơn so với các công ty như TCM, TNG, MSH do lợi nhuận thấp.

So sánh tỷ suất sinh lời của STK với các doanh nghiệp niêm yết cùng ngành năm 2025



Vị thế Công ty so với doanh nghiệp cùng ngành



Top các công ty xuất khẩu sợi Polyester Filament



Năm 2025 là năm khó khăn đối với ngành dệt may nói chung và các doanh nghiệp xuất khẩu sợi Polyester, nhưng Công ty vẫn giữ vững vị thế là một trong những nhà xuất khẩu sợi Polyester hàng đầu với thị phần doanh số xuất khẩu sợi đứng thứ 4 Việt Nam.

5.2. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Danh sách Ban điều hành

 <p>Ông Đặng Triệu Hòa <i>Chủ tịch HĐQT</i></p>	<p>Năm sinh: 1969 Trình độ học vấn: Quản trị kinh doanh. Quá trình làm việc: 04/2025 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật, STK. 02/2020 – 04/2025: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc, STK. 06/2000 – 02/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK. 1995 - 2000: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á. 1991 - 1995: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú. Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 14,57%.</p>
 <p>Bà Nguyễn Phương Chi <i>Giám đốc Chiến lược, Người phụ trách quản trị Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin</i></p>	<p>Năm sinh: 1972 Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng. Quá trình làm việc: 1/2015-nay: Giám đốc Chiến lược, STK. 3/2008-12/2014: Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín. 4/2005-2/2008: Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd. 10/2004-2/2005: Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông (“MPDF”). 10/2002-10/2004: Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd. 3/1997-3/2000: Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội. Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 0,083%.</p>

 <p>Ông Phan Như Bích Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng</p>	<p>Năm sinh: 1970 Trình độ học vấn: MBA. Quá trình làm việc: 10/2016 - nay: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK 11/2010: Kế toán trưởng, STK. 03/2004 - 03/2010: Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May – Đầu tư – Thương Mại Thành Công. 1997 - 03/2004: Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước. Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 0,12%.</p>
 <p>Ông Nguyễn Ngọc Lâm Giám đốc điều hành</p>	<p>Năm sinh: 1975 Trình độ học vấn: Th. Sỡ Quản Trị Kinh Doanh/ Kỹ sư Hóa Học Quá trình làm việc: 11/2024 đến nay: Giám Đốc Điều Hành, STK. 11/2023 -6/2024: Giám Đốc Sản xuất, GTI Việt Nam. 4/2001 -6/2023: Giám đốc Kỹ Thuật, Nissei Electric Việt Nam Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 0,00%.</p>

Sở hữu cổ phiếu của Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Cá nhân/Tổ chức có liên quan sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT	20.414.468	14,57%	30.259.557	21,59%
2	Phan Như Bích	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	162.400	0,12%	0	0,00%
3	Nguyễn Phương Chi	Giám đốc chiến lược	116.000	0,083%	0	0,00%
4	Nguyễn Ngọc Lâm	Giám đốc điều hành	0	0,00%	0	0,00%

Thay đổi nhân sự Ban điều hành trong năm 2025: Ngày 09/04/2025. Trong năm 2025, ông Đặng Triệu Hòa đã từ nhiệm khỏi vị trí Tổng giám đốc và Phó Chủ tịch HĐQT. Kể từ ngày này, ông Đặng Triệu Hòa nắm giữ vị trí Chủ tịch HĐQT của Công ty.

5.2.1. Đánh giá chung của Ban điều hành

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2025	So sánh với thực hiện năm 2024	% đạt dự báo KQKD năm 2025
Doanh thu thuần	1.352,9	11,8%	41,4%
Lợi nhuận trước thuế	93,3	394%	26,6%
Lợi nhuận sau thuế	49,9	303,1%	16,1%

Kết quả đã đạt được

Trước những khó khăn của ngành, Ban điều hành vẫn giữ chân được khách hàng hiện hữu và Công ty đã gia tăng được đơn hàng trong năm 2025 dù chưa đạt mức kỳ vọng.

Chi phí bán hàng giảm 17,5%, từ 12,5 tỷ xuống còn 10,3 tỷ. Điều này phản ánh nỗ lực kiểm soát chi phí hiệu quả của Công ty, góp phần tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

Các chỉ tiêu về biên lợi nhuận gộp, tỷ suất sinh lời đều diễn biến tốt hơn trong năm 2025.

Điểm chưa đạt được

Các chỉ tiêu về cơ cấu nợ trên tài sản và nguồn vốn diễn biến xấu hơn trong năm 2025.

5.2.2. Cơ cấu tài sản – nguồn vốn hợp nhất

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Tỷ trọng 2025	2025	Tỷ trọng 2024	2024	+/-
Tài sản ngắn hạn	31,9%	1.326,0	26,2%	997,1	33,0%
Tài sản dài hạn	68,1%	2.829,1	73,8%	2.814,2	0,5%
Tổng tài sản	100,0%	4.155,1	100,0%	3.811,2	9,0%
Nợ phải trả	57,7%	2.397,8	55,2%	2.103,9	14,0%
Nợ ngắn hạn	33,0%	1.372,9	34,4%	1.311,2	4,7%
Nợ dài hạn	24,7%	1.024,8	20,8%	792,7	29,3%
Vốn chủ sở hữu	42,3%	1.757,3	44,8%	1.707,4	2,9%
Tổng nguồn vốn	100,0%	4.155,1	100,0%	3.811,2	9,0%

➤ Tình hình tăng trưởng tài sản hợp nhất

➤ **Tình hình tăng trưởng nguồn vốn hợp nhất**
 Trong cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm 57,7% trong cơ cấu nguồn vốn, tăng 14% so với cùng kỳ. Vốn chiếm 42,3% trong cơ

Tổng tài sản năm 2025 tăng 9% so với cùng kỳ năm 2024. Chủ yếu tăng ở mục:

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn chiếm 39,7% tổng tài sản và ghi nhận mức sụt giảm đáng kể, từ 2,111.1 tỷ đồng năm 2024 xuống 1.649,6 tỷ đồng năm 2025, tương ứng với mức giảm 21,9%. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ việc hoàn tất xây dựng và hoàn công của Unitex cuối năm 2025.

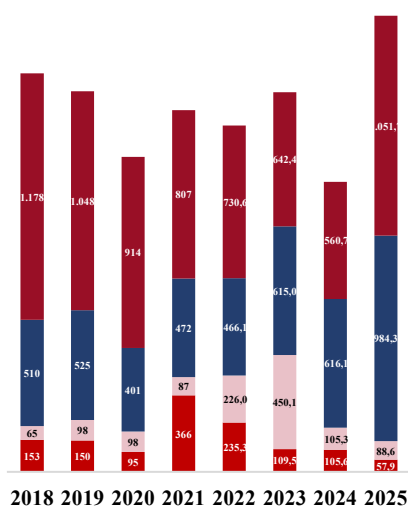
cấu nguồn vốn, từ 1.707,4 tỷ đồng năm 2024 lên 1.757,3 tỷ đồng năm 2025, cụ thể chi tiết tăng ở các khoản mục:

- Nợ vay ngắn hạn tăng 4,7%, từ 1.311,2 tỷ năm 2024 lên 1.372,9 tỷ năm 2025, chiếm 33% trong cơ cấu tổng nguồn vốn
- Nợ vay dài hạn tăng 29,3%, từ 792,7 tỷ năm 2024 lên 1.024,8 tỷ năm 2025, chiếm 24,7% trong cơ cấu tổng nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu tăng nhẹ 2,9%, từ 1.707,4 tỷ năm 2024 lên 1.757,3 tỷ năm 2025, chiếm 42,3% trong cơ cấu tổng nguồn vốn.

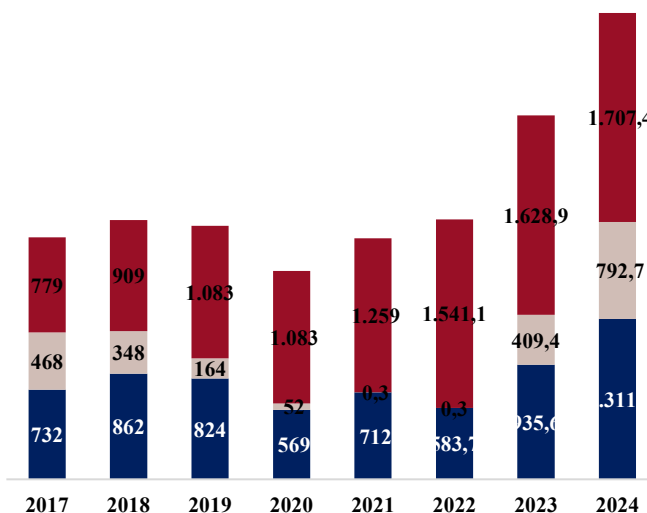
Những biến động này phản ánh sự mở rộng quy mô tài chính của Công ty, với sự gia tăng đáng kể của các khoản vay nhằm phục vụ dự án nhà máy Unitex.

Tình hình tăng trưởng tài sản (Tỷ đồng)



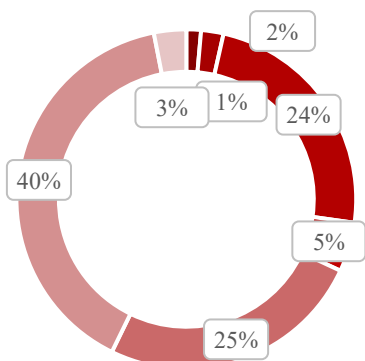
- Tài sản cố định
- Hàng tồn kho
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Tiền và các khoản tương đương tiền

Tình hình tăng trưởng nguồn vốn (Tỷ đồng)



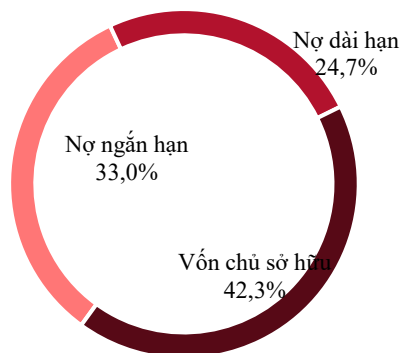
- Nợ ngắn hạn
- Nợ dài hạn
- Vốn chủ sở hữu

Cơ cấu tài sản 2025

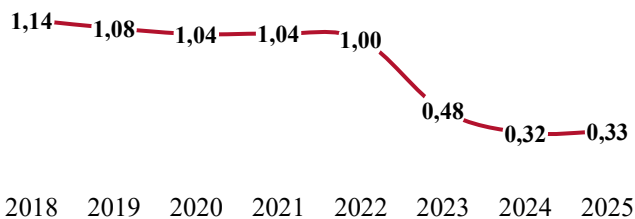


- Tiền và CKTDT
- Đầu tư TC NH
- Phải thu NH
- HTK
- TS NH khác
- TS cố định
- CP XDDD
- Đầu tư tài chính DH
- TS DH khác

Cơ cấu nguồn vốn 2025



**Hiệu suất sử dụng tài sản
(Doanh thu thuần/Tổng tài sản)**



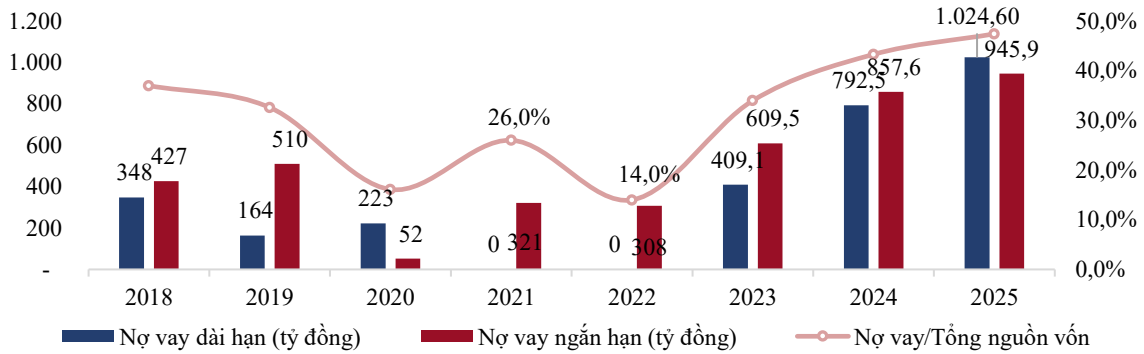
Hiệu suất sử dụng tài sản năm 2025 đạt 0.33 lần, tương đương mức của năm 2024.

Tình hình nợ phải thu xấu, tài sản xấu

Tình hình nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong năm: Không có.

5.2.3. Đánh giá tình hình vay nợ

Tỷ trọng nợ vay (hợp nhất) trên tổng nguồn vốn



Năm 2025, tổng nợ vay của Công ty đạt 1.970,5 tỷ đồng, chiếm 47,4% trong tổng nguồn vốn, tăng 19,4% so với cùng kỳ. Chủ yếu do những khoản vay nợ để tài trợ cho dự án nhà máy Unitex.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2025	2024	+/-
Nợ vay ngắn hạn	945,9	857,6	10,3%
Nợ vay dài hạn	1.024,6	792,5	29,3%
Tổng nợ vay	1.970,5	1.650,1	19,4%

Trong năm 2025, Công ty không ghi nhận khoản nợ phải trả quá hạn.

5.2.4. Đánh giá ảnh hưởng từ biến động của lãi vay và tỷ giá hối đoái

So sánh chỉ tiêu doanh thu tài chính và chi phí tài chính năm 2025 với cùng kỳ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2025	2024	+/- (%)
Doanh thu tài chính	28,9	12,9	124,0%
▪ Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	21,1	12,5	68,8%
▪ Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	7,2	-	N/A
▪ Lãi tiền gửi	0,6	0,4	50,0%
Chi phí tài chính	135,4	85,8	57,8%
▪ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	92,5	68,6	34,8%
▪ Chi phí lãi vay	42,9	17,1	150,9%
Lợi nhuận tài chính (Thu nhập – Chi phí)	-106,5	-72,9	46,1%
▪ Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-71,4	-56,1	27,3%
▪ Lợi nhuận từ thanh lý khoản đầu tư	7,2	-	N/A
▪ Lợi nhuận từ lãi tiền gửi	-42,3	-16,8	151,8%

Tỷ giá VND/USD chốt ngày 31/12/2025 là 26.077 đồng, tăng 3,27% so với tỷ giá chốt ngày 31/12/2024 là 25.251 đồng.

5.2.5. Đánh giá về tình hình tài chính

	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Khả năng thanh toán nhanh	Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	ROS	ROA	ROE
2018	0,93	0,34	0,37	8%	8,50%	19,70%
2019	1,07	0,43	0,62	9,62%	10,35%	19,80%
2020	1,11	0,41	0,25	8,18%	8,47%	13,33%
2021	1,38	0,72	0,26	13,63%	14,12%	22,12%
2022	2,05	1,25	0,20	11,5%	11,4%	15,7%
2023	1,49	0,83	0,63	6,2%	3,0%	5,4%
2024	0,76	0,29	0,97	1,0%	0,3%	0,7%
2025	0,97	0,11	1,12	3,7%	1,2%	2,8%

Các chỉ tiêu tài chính khả năng thanh toán, các chỉ tiêu sinh lời đều cao hơn 2025. Tuy nhiên, chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu lại tăng và vượt quá 1.

Phương án phát triển trong tương lai

Ngắn hạn:

- Đưa giai đoạn 1 của Nhà máy Unitex chính thức đi vào sản xuất thương mại trong 2026, đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển và mở rộng của Công ty, nâng lên 99,000 tấn, góp phần gia tăng năng lực cung ứng và khẳng định vị thế trên thị trường
- **Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển** các sản phẩm mới với tính năng vượt trội như **sợi Recycle Plus, Quick Dry (hút ẩm), sợi CD, Soft Package và hàng AMA**, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.
- **Mở rộng danh mục sản phẩm**, phát triển thêm các màu mới cho **sợi mẫu Dope Dyed**, hướng đến các dòng sản phẩm thân thiện với môi trường, góp phần vào xu hướng sản xuất bền vững.
- Tập trung đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ sản xuất.
- Áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt, mang tính thị trường.

Trung và dài hạn:

- Công ty tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới (Unitex) nhằm tối ưu hóa lợi thế về quy mô, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Công ty đẩy mạnh **ứng dụng công nghệ AI trong sản xuất**, tiên phong triển khai **phần mềm POC – Trung tâm điều khiển sản xuất** tại nhà máy **POY và DTY**. Việc này không chỉ giúp **tối ưu hóa quy trình vận hành**, nâng cao **hiệu suất sản xuất**, đảm bảo **chất lượng sản phẩm vượt trội** mà còn góp phần **giảm thiểu tỷ lệ phế phẩm**, hướng tới một hệ thống sản xuất thông minh và bền vững
- Phát triển các dự án để mở rộng chuỗi cung ứng cũng như phát triển các sản phẩm có giá trị tăng cao.

- Sử dụng hiệu quả chức năng Kiểm toán nội bộ để phát hiện và có phương án cải thiện những rủi ro tiềm ẩn trong nội bộ.
- Ổn định nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ kế thừa trong sản xuất.

5.2.6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

Áp dụng kiểm toán nội bộ để kiện toàn hệ thống quản trị rủi ro của Công ty

Với góc nhìn khách quan của đơn vị Kiểm toán nội bộ bên ngoài, Ban điều hành đã rà soát lại các quy trình và chuẩn mực và đưa ra phương án cải thiện sao cho phù hợp với tình hình thực tế.

Thiết lập KPIs chất lượng cho từng loại sản phẩm, từ đó tìm ra nguyên nhân dẫn tới KPIs không đạt. Ngoài ra, đối với mỗi đơn hàng, bộ phận sản xuất cũng đánh giá và điều chỉnh điều kiện sản xuất cho phù hợp nhằm đạt hiệu quả cao hơn. Bộ phận sản xuất kết hợp với đơn vị Kế toán để kiểm soát định mức tiêu hao của từng loại sản phẩm. Đây cũng là cơ sở kiểm soát chi phí giá thành sản phẩm, gia tăng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

Hoàn thiện Quy trình kiểm kê tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm... từng ngày, quản lý việc nhập xuất hàng, tránh thất thoát và chênh lệch giữa số liệu sổ sách và tồn kho thực tế.

5.3. Dự báo kết quả kinh doanh năm 2026

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Dự báo 2026	Thực hiện 2025	Dự báo 2026 so với Thực hiện 2025
Hợp nhất			
Doanh thu thuần	2.366	1.352,9	+74,9%
Lợi nhuận trước thuế	128,5	93,3	+37,7%

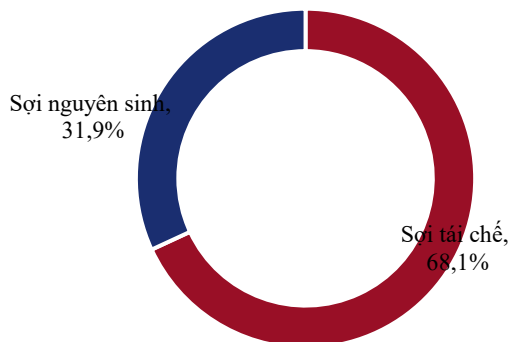
Ước tính kết quả kinh doanh năm 2026 có thể được điều chỉnh theo sự phê duyệt và thông qua của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026.

Một số giả định cho dự báo kết quả kinh doanh năm 2026

- Doanh thu tăng 74,9% so với thực hiện năm 2025, trong đó doanh thu từ sợi nguyên sinh và sợi tái chế tăng lần lượt là 11,2% và 138,9%.
- Doanh số tăng 69,1% so với thực hiện năm 2025, trong đó doanh số của sợi nguyên sinh giảm 6,5% và doanh số của sợi tái chế tăng 180%.
- Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu dự kiến đạt khoảng 68,1% trong năm 2026, do dự kiến chuyển nhiều đơn hàng sợi tái chế cho Công ty con Unitex.
- Giá bán bình quân tăng 3,4% so với thực hiện năm 2025, trong đó giá bán của sợi nguyên sinh tăng 19% và giá bán sợi tái chế giảm 15%.
- Giá hạt chip dự kiến giảm 1,9% so với thực hiện năm 2025.
- Chênh lệch giữa giá bán và giá hạt nhựa bình quân dự kiến sẽ tăng 5,1% so với thực hiện năm 2025.

- Biên lợi nhuận gộp năm 2026 dự kiến đạt 16,8%, trong đó sợi nguyên sinh đạt 16,2% và sợi tái chế đạt 16,9%.
- Chi phí bán hàng, chi phí chung và chi phí quản lý doanh nghiệp dự kiến chiếm 3.7% trong tổng doanh thu.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân dự kiến khoảng 20%.
- Chi phí khấu hao dự kiến 216 tỷ.

Doanh thu thuần dự kiến năm 2025 theo sản phẩm (Hợp nhất)



5.4. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

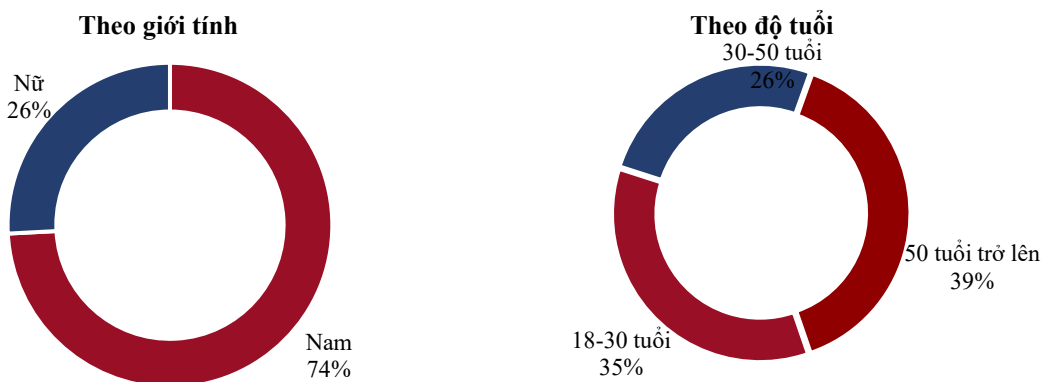
Công ty Kiểm toán E&Y **không có ý kiến không chấp thuận** đối với báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2025.

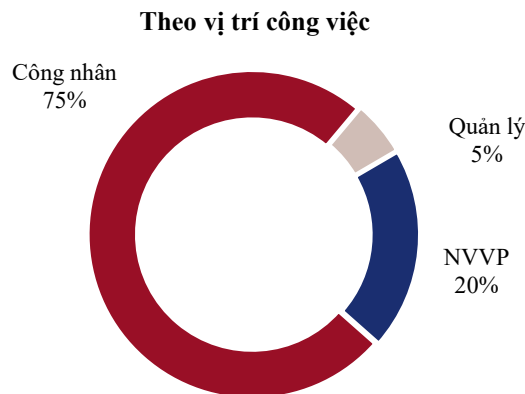
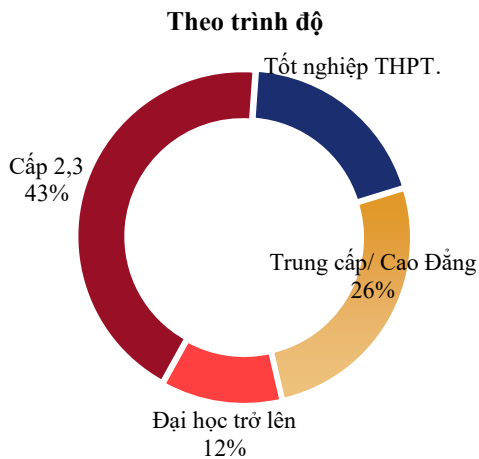
5.5. Phát triển nguồn nhân lực

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong chiến lược phát triển bền vững, Ban điều hành luôn đặt con người vào trọng tâm của sự phát triển. Công ty không ngừng đẩy mạnh tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài, xây dựng một đội ngũ kế thừa giàu kinh nghiệm, bản lĩnh vững vàng và luôn sẵn sàng cống hiến cho Công ty

Cơ cấu nhân sự

Tổng số người lao động năm 2025: 968 người



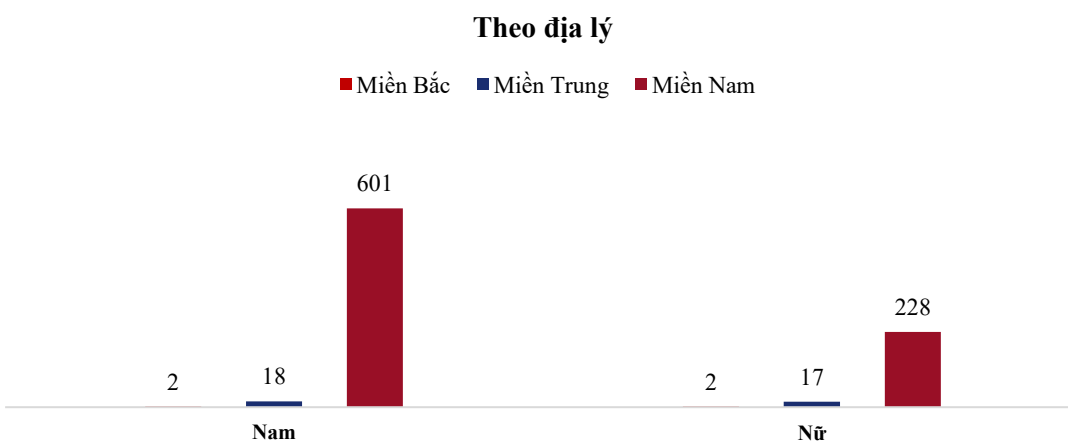
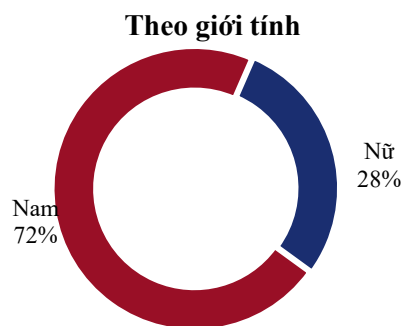


Tình hình tuyển dụng năm 2025

Chính sách tuyển dụng của STK chú trọng quá trình sàng lọc và đánh giá người ứng tuyển một cách toàn diện, không chỉ về năng lực, phẩm chất mà còn về tinh thần học hỏi, trách nhiệm, cầu tiến và sự phù hợp với văn hóa Công ty. Mỗi cá nhân dù ở bất kỳ vị trí nào cũng được tạo điều kiện để phát triển năng lực và thăng tiến, mỗi cá nhân đều được xem là một mảnh ghép không thể thiếu, có ý nghĩa đối với việc thực hiện mục tiêu chung của Công ty.

Một trong những mục tiêu của phát triển bền vững là duy trì được nguồn nhân lực ổn định và có thể bổ sung thêm người lao động khi Công

ty có nhu cầu. Trong năm 2025, Công ty đã tuyển dụng 868 lao động mới, trong đó ứng viên Nam chiếm 72%, Nữ chiếm 28%, tập trung chủ yếu ở miền Nam.



5.5.1. Phúc lợi cho người lao động

Chính sách lương cơ bản

Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước.

Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty.

Người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.

Cam kết không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên đối với các biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật Công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.

Chính sách thưởng – phạt

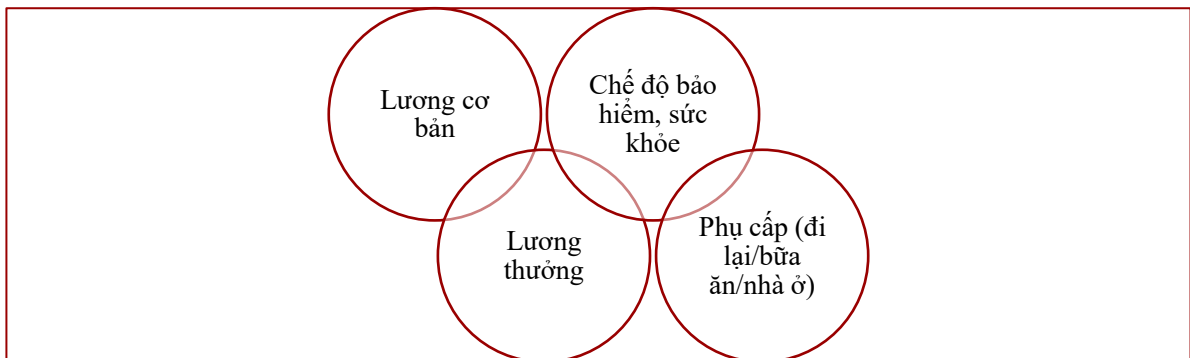
Công ty luôn ban hành Quy chế thưởng, phạt vào mỗi năm trên tinh thần công khai, minh bạch, thưởng-phạt rõ ràng, thông báo trước cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động gia tăng hiệu quả làm việc và thực hiện đúng quy định của Công ty.

Hàng tháng, người lao động đạt chuẩn về kết quả công việc sẽ được thưởng thêm 1 phần thu nhập như thưởng do hoàn thành nhiệm vụ; thưởng do chấp hành nội quy Công ty; các mức thưởng cụ thể theo từng đặc thù của từng phòng

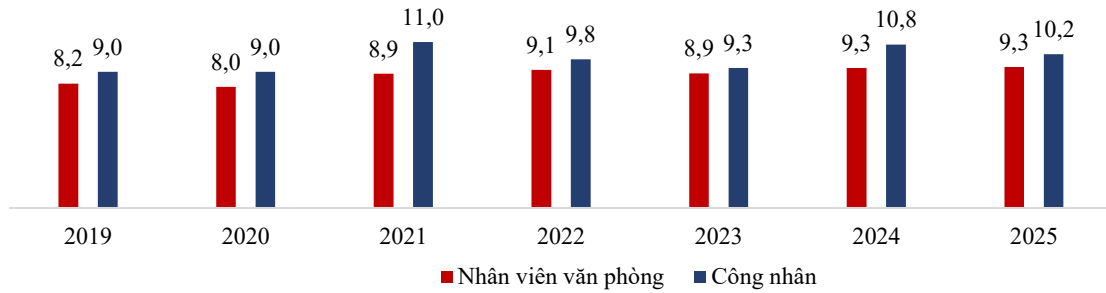
ban; các khoản phụ cấp khác như xăng xe,... và cấp trang thiết bị cần thiết cho công việc như laptop cá nhân cho nhân viên sử dụng,...

Định kỳ hàng năm, ngoài lương tháng 13 và thưởng Tết, Ban điều hành Công ty còn chia sẻ thành quả hoạt động với người lao động, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh trong năm và chiến lược năm sau, người lao động sẽ được nhận thêm 1 khoản thu nhập tương đương từ 1 tháng thu nhập trung bình.

Hệ thống phúc lợi tại Sợi Thế Kỷ



**Thu nhập bình quân của người lao động
(triệu đồng/người/tháng)**



Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ, bộ phận Nhân sự²

Nhìn chung, mức thu nhập bình quân của toàn Công ty năm 2025 giảm so với năm 2024, trong đó thu nhập công nhân giảm 6%, nhân viên văn phòng tăng nhẹ 0,6%.

Công ty vẫn nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và chi trả lương thưởng đúng hạn cho người lao động, nhằm giúp người lao động yên tâm làm việc và ổn định cuộc sống.

Nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động

Công ty xây dựng hệ thống quản lý chất lượng làm việc của từng cá nhân trong từng đơn vị. Mỗi phòng ban đều có bảng thực hiện mục tiêu (KPIs) theo từng năm, quý và tháng. Các phòng ban đều có trách nhiệm nâng cấp KPIs sau mỗi quý và đánh giá lại tính phù hợp đối với KPIs của phòng ban đó. Đối với khối sản xuất từ tác nghiệp viên cho đến cấp quản lý đều có check-list công việc hàng ngày và ghi nhận năng suất làm việc hàng ngày dựa trên hệ thống SAP và POC. Bên cạnh đó, chính sách phúc lợi của Công ty cũng được xây dựng vào hiệu quả làm việc của từng người lao động, ngoài thu nhập cơ bản, Công ty còn có chế độ lương thưởng đối với các cá nhân hoàn thành nhiệm vụ mỗi tháng.

² NVVP: nhân viên văn phòng; CN: công nhân

Những thay đổi chính sách lao động trong năm 2025

Phân định KPIs cho từng vị trí công việc để có chế độ đánh giá và thưởng phạt hợp lý.

Điều chỉnh chính sách phúc lợi để thu hút và giữ chân người lao động.

Tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ và kỹ năng cho người lao động.

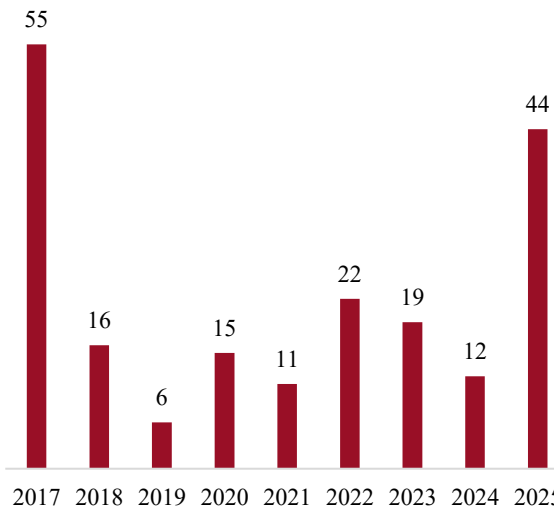
Chính sách thăng tiến

Công ty chú trọng khuyến khích và duy trì một chính sách thăng tiến hợp lý, bổ nhiệm CBCNV của Công ty một cách minh bạch và nghiêm túc.

Nhân viên có đủ năng lực và có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn thì phòng nhân sự sẽ kết hợp cung cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên, nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn.

Trong năm 2025, số lượng nhân viên được đề bạt lên các vị trí cao hơn là 44 lao động.

Số nhân viên được thăng tiến



Đảm bảo an toàn & sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động

Không những quan tâm đến chính sách phúc lợi của người lao động, Sợi Thế Kỳ còn ưu tiên đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh, phòng chống cháy nổ và tai nạn lao động.

STK chủ động thực hiện các biện pháp đo kiểm môi trường để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Năm 2025, Công ty phối hợp với Công ty cổ phần sức khỏe môi trường miền Nam thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm tra và xác định các yếu tố môi trường có thể tác động đến sức khỏe của người lao động cũng như đề xuất các biện pháp làm giảm tác động của các

nguy cơ đó đến môi trường làm việc của người lao động.

100% người lao động được huấn luyện về an toàn lao động đặc biệt đối với những công việc đặc thù (bốc xếp, lái xe nâng, phụ trách kho bãi, vệ sinh máy móc), và an toàn phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc. Công ty trang bị đầy đủ tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp định kỳ cho công nhân ở những khu vực có tiếng ồn cao. Công ty có phòng y tế và nhân viên y tế để chăm sóc sức khỏe và có mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho cán bộ công nhân viên.

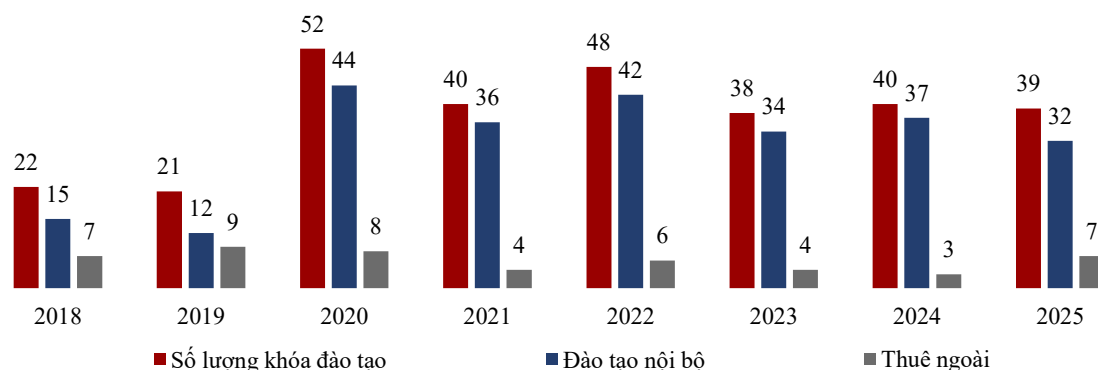
Trong năm 2025, không xảy ra trường hợp tai nạn lao động.

5.5.2. Công tác đào tạo

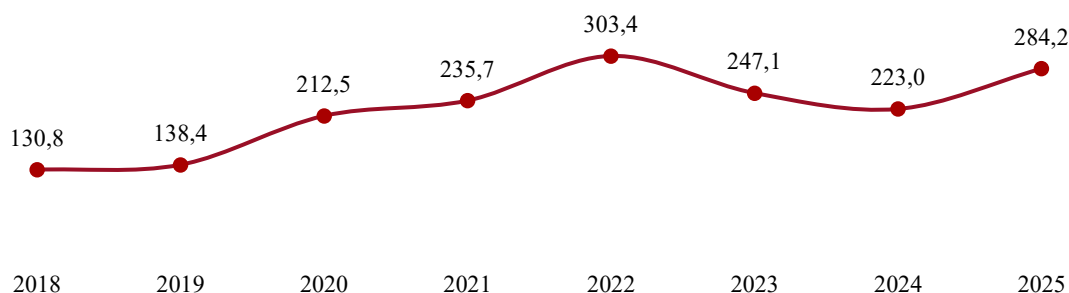
Đi đôi với công tác tuyển dụng, Công ty luôn đánh giá cao việc đào tạo đối với người lao động: đào tạo trước khi làm việc, đào tạo trong khi làm việc và đào tạo để người lao động có cơ hội thử thách ở vị trí cao hơn.

Công ty tổ chức các khóa đào tạo cho toàn thể CBCNV trong năm. Vì vậy, số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc nhân viên và giới tính đều bằng nhau.

Số lượng khóa đào tạo



Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)



	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Ngân sách dành cho đào tạo (triệu đồng)	184,9	205,8	133,9	183,4	186,8	141,9	96,5	180
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng)	51,4	43,4	17,5	24,2	53,7	88,4	36,92	48,8
Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	28%	21%	13%	13%	29%	62%	38%	27%
Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)	130,83	138,4	206,33	235,07	303,4	247,07	223	284,16

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo	Thời gian đào tạo (giờ/người)	Số lượng tham gia (người)						Loại	
			Quản lý		Nhân viên VP		Công nhân		Thuê ngoài	Nội bộ
			SL	TG (giờ)	SL	TG (giờ)	SL	TG (giờ)	Số lượng khóa	Số lượng khóa
Đào tạo tay nghề người	Sản xuất	173,91					699	121.561	12	

mới khối sản xuất										
Đào tạo NQCT, ATLĐ, ATHC, PCCC, 5S, TTSP cho người mới	CB-CNV	2,0	12	24	149	298	699	1.398	12	
Chính sách xã hội	CB-CNV	0,25	25		168	42	749	187,25	6	
Đào tạo về An toàn hóa chất	CB-CNV	16					30	480	2	
Đào tạo về Quản lý năng lượng	Điện	40					1	40		1
Quy trình kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Kinh doanh	8			1	8				1
Cập nhật, hướng dẫn cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định mới và giải pháp ứng phó rủi ro thương mại	Kinh doanh	4			2	8				1
Huấn luyện Sơ cấp cứu	CB-CNV	8					20	160		1
Huấn luyện ATVSLĐ các nhóm 1 - 6	CB-CNV	8	25	200	168	1.344	749	5.992		2
Đào tạo nhận thức ISO và đánh giá nội bộ cho các cấp quản lý	Cấp Quản lý	24	22	528						1

Các chương trình nâng cao kỹ năng cho người lao động

Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn lao động	Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn hóa chất	Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn phòng chống cháy nổ	Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S, Tôn trọng sản phẩm
Chính sách xã hội	Huấn luyện PCCC	Huấn luyện Sơ cấp cứu	Đào tạo nghề và nâng cao, đa tay nghề
Đào tạo đối với nhân viên lái xe nâng	Huấn luyện ATLĐ các nhóm 1 - 4	Đào tạo về kỹ năng tuyển dụng	Đào tạo về quy trình sản xuất

Khoản mục	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
------------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------

Tổng số tiền lương- thưởng đã chi trả cho người lao động	107,8	107,6	113,2	120,0	101,8	98,9	120,8
Tổng giá trị giao dịch với nhà cung cấp	1.484,6	953,6	1.321,4	1.452,3	994,4	1.392,2	1.175,8
+ Trong đó giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa là	197,4	93,3	140,0	216,6	175,6	327,7	321,1
Tổng tiền thuế đã đóng trong năm (bao gồm thuế GTGT thuế XNK Thuế TNDN Thuế TNCN Thuế Tài nguyên và các loại thuế khác...)	167,8	68,5	116,6	152,7	113,0	152,1	114,8

Trao học bổng năm 2025

Tên trường	Số lượng	Kinh phí (đồng)
TCN Cù Chi	1	7,000,000
CĐN Tây Ninh	1	7,000,000
TC KTKT Tây Ninh	1	7,000,000
Tổng cộng		21,000,000

Công ty cấp học bổng cho sinh viên các trường học nghề.

Chống tham nhũng - hối lộ

Ban điều hành Công ty luôn chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc. Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động. Kể từ năm 2016 Công ty đã ban hành Bộ quy tắc ứng xử với những quy tắc đạo đức cơ bản mà các thành viên Công ty bao gồm TV của HĐQT, BKS, Ban điều hành và CBCNV cần phải tuân thủ. Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành

vi phạm, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

Dựa trên những nguyên tắc cơ bản ban đầu, Công ty đưa ra hướng dẫn cụ thể để xác định một cá nhân có vi phạm quy tắc ứng xử của Công ty hay không, đồng thời thiết lập nên cơ chế kiểm soát tuân thủ, thực hiện cải tiến và phản hồi thông tin đối với những vấn đề liên quan đến Bộ quy tắc ứng xử. Tại Sợi Thép Kỹ, bộ phận nhân sự và phòng phát triển doanh nghiệp là những đơn vị chủ trì trực tiếp đến các báo cáo và những quan ngại về Bộ quy tắc ứng xử.

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

6.1. Tình hình thực hiện Dự án của Công ty mẹ

Dự án liên minh từ sợi đến may mặc

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Công ty đã đầu tư vào công ty TNHH Dintsun Việt Nam là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam, hoạt động chính theo giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư (GCNĐKĐT) của Dintsun là đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng. Dintsun có trụ sở chính đăng ký tại ấp Xây Đá B, Xã Hồ Đắc Kiện, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Tỉ lệ sở hữu vốn của Công ty tại Công ty này là 5%; tương ứng vốn góp 13.800.000.000 VNĐ. **Nhưng trong năm 2025, Công ty đã thực hiện thoái vốn hoàn toàn khỏi dự án này.**

6.2. Tình hình thực hiện Dự án Công ty con

Dự án “Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex”.

Thông tin về dự án:

- Công suất tối đa: 60.000 tấn/năm; gồm 2 giai đoạn, (Giai đoạn 1: 36.000 tấn; Giai đoạn 2: 24.000 tấn)
- Tổng vốn đầu tư: 120 triệu USD (Giai đoạn 1: 75 triệu USD, Giai đoạn 2: 45 triệu USD)
- Địa điểm xây dựng: Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- Diện tích dự án: 100,183 m².
- Sản phẩm của dự án: các loại Sợi DTY bao gồm sợi tái chế (Recycle), các loại sợi đặc biệt có giá trị gia tăng cao và các loại sợi khác.
- Tổng giá trị đã góp vốn tại Công ty con “Công ty TNHH Sợi Dệt Nhuộm Unitex” tính đến cuối năm 2025: 522.000.000.000 đồng.
- Tình hình thực hiện dự án: Nhà máy Unitex đã hoàn tất hoàn công xây dựng và được cấp giấy phép PCCC vào cuối tháng 12/2025. Vào ngày 23/01/2026, Công ty đã tổ chức lễ khánh thành nhà máy Unitex, đồng thời kỉ niệm 25 thành lập Công ty.



7. CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

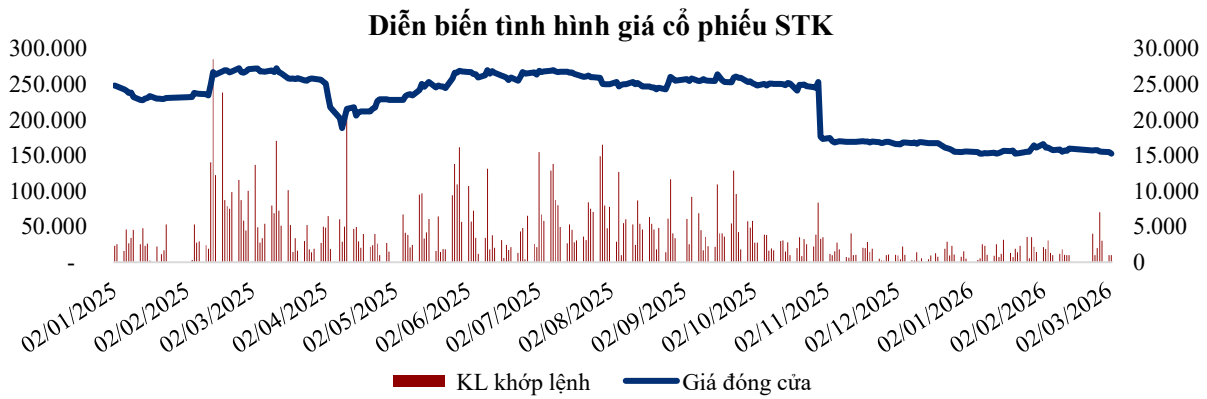
7.1. Thông tin cổ phiếu

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	
Mã cổ phiếu	STK	
Sàn giao dịch	HOSE	
Vốn hóa thị trường tại 31/12/2025	2.178,9	Tỷ đồng

KLCP đang niêm yết	140.123.130	Cổ phiếu
KLCP đang lưu hành	140.123.130	Cổ phiếu

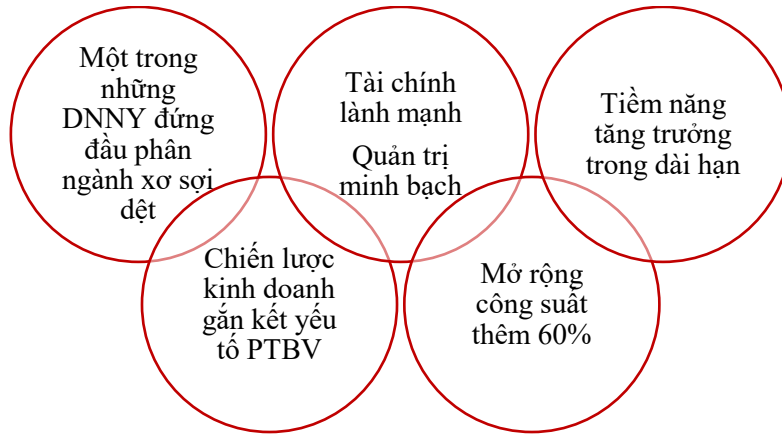
Lịch sử trả cổ tức

Thời gian	Tỷ lệ
31/10/2025	Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 45%
04/07/2023	Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 15%
04/08/2022	Bán ưu đãi, tỷ lệ 20%
22/04/2022	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 15%
13/07/2021	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 15%
16/07/2020	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 15%
17/06/2019	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 15%
24/04/2019	Bán ưu đãi, tỷ lệ Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 7%
28/03/2019	Phát hành cho CBCNV 00
14/06/2018	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 8%
24/07/2017	Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 12%
30/06/2017	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 3%
01/06/2016	Thưởng bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 5%
19/04/2016	Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10%
03/11/2015	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 5%
	Thưởng bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10%



(Nguồn: Vietstock)

7.2. Lý do đầu tư cổ phiếu STK



7.3. Cổ phần và Cơ cấu cổ đông

Tại ngày 31/12/2025, số lượng cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ đăng ký (VND)	1.401.231.300.000
Tổng số cổ phần niêm yết	140.123.130
Tổng số cổ phần lưu hành	140.123.130
Tổng số lượng cổ phiếu quỹ	0
Giá trị vốn hóa trên thị trường	2.178,9 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2025)
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài	0
Tổng số cổ phần tự do chuyển nhượng	140.123.130
Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0

Thông kê danh sách cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 19/03/2026)

Theo loại cổ phần			
Loại cổ phiếu	Số quyền biểu quyết tương ứng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ phiếu phổ thông	01 cổ phiếu: 01 quyền biểu quyết	140.123.130	100,0%
Cổ phiếu ưu đãi		0	0,0%
Cổ phiếu quỹ		0	0,0%
Tổng cộng		140.123.130	100,0%

Phân loại CD trong nước và CD nước ngoài

Phân loại CD trong nước và CD nước ngoài	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ số lượng cổ đông
Nước ngoài	24.785.251	17,69%	79	4,71%
Cá nhân	1.723.677	1,23%	52	3,10%
Không phải CD lớn	1.723.677	1,23%	52	3,10%
Tổ chức	23.061.574	16,46%	27	1,61%
Không phải CD lớn	23.061.574	16,46%	27	1,61%
Trong nước	115.337.879	82,31%	1.600	95,29%
Cá nhân	85.929.355	61,32%	1.587	94,52%
CD lớn	50.674.025	36,16%	2	0,12%
Không phải CD lớn	35.255.330	25,16%	1.585	94,40%

Tổ chức	29.408.524	20,99%	13	0,77%
CĐ lớn	28.289.321	20,19%	1	0,06%
Không phải CĐ lớn	1.119.203	0,80%	12	0,71%
Tổng cộng	140.123.130	100,0%	1.679	100,0%

Phân loại theo cá nhân và tổ chức

Phân loại theo cá nhân và tổ chức	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ số lượng cổ đông
Cá nhân	87.653.032	62,55%	1.639	97,62%
Nước ngoài	1.723.677	1,23%	52	3,10%
Không phải CĐ lớn	1.723.677	1,23%	52	3,10%
Trong nước	85.929.355	61,32%	1.587	94,52%
CĐ lớn	50.674.025	36,16%	2	0,12%
Không phải CĐ lớn	35.255.330	25,16%	1.585	94,40%
Tổ chức	52.470.098	37,45%	40	2,38%
Nước ngoài	23.061.574	16,46%	27	1,61%
Không phải CĐ lớn	23.061.574	16,46%	27	1,61%
Trong nước	29.408.524	20,99%	13	0,77%
CĐ lớn	28.289.321	20,19%	1	0,06%
Không phải CĐ lớn	1.119.203	0,80%	12	0,71%
Tổng cộng	140.123.130	100,0%	1.679	100,0%

Phân loại theo CĐ lớn và không phải CĐ lớn

Phân loại theo CĐ lớn và không phải CĐ lớn	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ số lượng cổ đông
CĐ lớn	78.963.346	56,35%	3	0,18%
Trong nước	78.963.346	56,35%	3	0,18%
Cá nhân	50.674.025	36,16%	2	0,12%
Tổ chức	28.289.321	20,19%	1	0,06%
Không phải CĐ lớn	61.159.784	43,65%	1.676	99,82%
Nước ngoài	24.785.251	17,69%	79	4,71%
Cá nhân	1.723.677	1,23%	52	3,10%
Tổ chức	23.061.574	16,46%	27	1,61%
Trong nước	36.374.533	25,96%	1.597	95,12%
Cá nhân	35.255.330	25,16%	1.585	94,40%
Tổ chức	1.119.203	0,80%	12	0,71%
Tổng cộng	140.123.130	100,0%	1.679	100,0%

Danh sách cổ đông lớn (sở hữu trên 5% cổ phần Công ty) và tình hình thay đổi sở hữu của cổ đông lớn trong năm 2025

Tên cổ đông	Cá nhân/Tổ chức	Quốc tịch	Đầu kỳ		Cuối kỳ		Thay đổi sở hữu	Nguyên nhân thay đổi
			Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu	Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu		

							trong kỳ	sở hữu trong kỳ
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt	Tổ chức là quỹ đầu tư	VN	19.509.877	20,19%	28.289.321	20,19%	0,00%	Nhận cổ tức FY2024 bằng cổ phiếu
Đặng Hướng Cường	Cá nhân	VN	6.878.420	7,12%	0	0,00%	-7,12%	Bán cổ phiếu
Đặng Mỹ Linh	Cá nhân	VN	13.985.340	14,47%	30.259.557	21,59%	7,12%	Mua cổ phiếu; và Nhận cổ tức FY2024 bằng cổ phiếu
Đặng Triệu Hòa	Cá nhân	VN	14.078.944	14,57%	20.414.468	14,57%	0,00%	Nhận cổ tức FY2024 bằng cổ phiếu
Tổng cộng			54.452.581	56,35%	78.963.346	56,35%	0,00%	

Danh sách người nội bộ, người liên quan

STT	Mã CK	Họ Và Tên	Chức vụ tại Công ty niêm yết/mối quan hệ với người nội bộ (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của Công ty/ người nội bộ
1	STK	Đặng Mỹ Linh	Phó chủ tịch HĐQT	30.259.557	21,59%	30/03/2023
1.01	STK	Công ty CP TM & ĐT Liên An	Tổ chức có liên quan (TGD)			30/03/2023
1.02	STK	Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến	Tổ chức có liên quan (TGD)			30/03/2023
1.03	STK	Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Hưng Lợi	Tổ chức có liên quan (Chồng là TGD)			30/03/2023
1.04	STK	Đặng Kim Hoa	Cha ruột			30/03/2023
1.05	STK	Triệu Hưng Moi	Mẹ ruột			30/03/2023
1.06	STK	Hứa Minh Nghĩa	Cha chồng			30/03/2023

1.07	STK	Âu Phụng San	Mẹ chồng			30/03/2023
1.08	STK	Hứa Vĩ Hòa	Chồng			30/03/2023
1.09	STK	Đặng Thừa Hiến	Con ruột			30/03/2023
1.1	STK	Đặng Thừa Khánh	Con ruột			30/03/2023
1.11	STK	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT, Anh ruột	20.414.468	14,57%	30/03/2023
1.12	STK	Đặng Hương Cường	TV HĐQT, Em ruột			30/03/2023
1.13	STK	Trịnh Phụng Mỹ	Chị dâu			30/03/2023
1.14	STK	Dang Vicky	Em dâu			30/03/2023
2	STK	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật	20.414.468	14,57%	30/03/2023
2.01	STK	Đặng Kim Hoa	Cha ruột			30/03/2023
2.02	STK	Triệu Hưng Moi	Mẹ ruột			30/03/2023
2.03	STK	Trịnh Phụng Mỹ	Vợ			30/03/2023
2.04	STK	Đặng Gia Hân	Con ruột			30/03/2023
2.05	STK	Đặng Gia Doanh	Con ruột			30/03/2023
2.06	STK	Đặng Gia Huệ	Con ruột			30/03/2023
2.07	STK	Đặng Mỹ Linh	Phó chủ tịch HĐQT, Em ruột	30.259.557	21,59%	30/03/2023
2.08	STK	Đặng Hương Cường	TV HĐQT, Em ruột			30/03/2023
2.09	STK	Hứa Vĩ Hòa	Em rể			30/03/2023
2.1	STK	Dang Vicky	Em dâu			30/03/2023
3	STK	Đặng Hương Cường	TV HĐQT			30/03/2023
3.01	STK	Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Tổ chức có liên quan (GD)			30/03/2023
3.02	STK	Đặng Kim Hoa	Cha ruột			30/03/2023
3.03	STK	Triệu Hưng Moi	Mẹ ruột			30/03/2023
3.04	STK	Dang Vicky	Vợ			30/03/2023
3.05	STK	Trịnh Hoài Thanh	Cha vợ			30/03/2023
3.06	STK	Trinh Anh To	Mẹ vợ			30/03/2023
3.07	STK	Dang Tiffany	Con ruột			30/03/2023
3.08	STK	Dang Christina	Con ruột			30/03/2023
3.09	STK	Đặng Bryan	Con ruột			30/03/2023
3.1	STK	Đặng Triệu Hòa	Phó chủ tịch HĐQT, TGD, Anh ruột	20.414.468	14,57%	30/03/2023
3.11	STK	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT, Chị ruột	30.259.557	21,59%	30/03/2023
3.12	STK	Hứa Vĩ Hòa	Anh rể			30/03/2023
3.13	STK	Trịnh Phụng Mỹ	Chị dâu			30/03/2023

4	STK	Cao Thị Quế Anh	TV HĐQT			30/03/2023
4.01	STK	Công ty Cổ phần Thực Phẩm Xanh	Tổ chức có liên quan (TGĐ)	995.088	0,71%	30/03/2023
4.02	STK	Cao Xuân Uy	Cha ruột			30/03/2023
4.03	STK	Nguyễn Thị Đan Quế	Mẹ ruột			30/03/2023
4.04	STK	Trịnh Văn Trụ	Cha chồng			30/03/2023
4.05	STK	Trần Thị Lộc	Mẹ chồng			30/03/2023
4.06	STK	Trịnh Văn Tuấn	Chồng			30/03/2023
4.07	STK	Trịnh Thị Mai Anh	Con ruột			30/03/2023
4.08	STK	Trịnh Mai Linh	Con ruột			30/03/2023
4.09	STK	Trịnh Mai Phương – Paula	Con ruột			30/03/2023
4.1	STK	Trịnh Mai Vân	Con ruột			30/03/2023
4.11	STK	Cao Quế Lâm	Em ruột			30/03/2023
4.12	STK	Cao Quế Phong	Em ruột			30/03/2023
4.13	STK	Cao Quế Sơn	Em ruột			30/03/2023
4.14	STK	Bùi Thị Thu Hà	Em dâu			30/03/2023
4.15	STK	Đào Mai Hương	Em dâu			30/03/2023
4.16	STK	Nguyễn Thị Thu Trang	Em dâu			30/03/2023
5	STK	Võ Quang Long	TV HĐQT	7	0,000005%	30/03/2023
5.01	STK	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ HƯỚNG VIỆT	Tổ chức có liên quan (TGĐ)	28.289.321	20,19%	30/03/2023
5.02	STK	Võ Quang Trưng	Cha ruột			30/03/2023
5.03	STK	Nguyễn Thị Lưu Huế	Mẹ ruột			30/03/2023
5.04	STK	Võ Thị Thanh Giang	Vợ			30/03/2023
5.05	STK	Võ Quang Đa	Cha vợ			30/03/2023
5.06	STK	Nguyễn Thị Bích Thủy	Mẹ vợ			30/03/2023
5.07	STK	Võ Quang Trí	Con ruột			30/03/2023
5.08	STK	Võ Quang Nhân	Con ruột			30/03/2023
5.09	STK	Võ Thị Kim Loan	Chị ruột			30/03/2023
5.1	STK	Nguyễn Anh Tuấn	Anh rể			30/03/2023
5.11	STK	Võ Thị Kim Nhựt	Chị ruột			30/03/2023
5.12	STK	Nguyễn Văn Sỹ	Anh rể			30/03/2023
5.13	STK	Võ Thị Minh Châu	Chị ruột			30/03/2023
5.14	STK	Võ Thị Kim Châu	Chị ruột			30/03/2023
5.15	STK	Võ Thị Minh Hiếu	Chị ruột			30/03/2023
5.16	STK	Châu Tấn Thi	Anh rể			30/03/2023
5.17	STK	Võ Quang Khải	Anh ruột			30/03/2023
5.18	STK	Tống Thị Mỹ Dung	Chị dâu			30/03/2023
5.19	STK	Võ Quang Phú	Anh ruột			30/03/2023
5.2	STK	Võ Thị Mỹ Liên	Chị dâu			30/03/2023
5.21	STK	Võ Quang Quý	Anh ruột			30/03/2023

5.22	STK	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Chị dâu			30/03/2023
5.23	STK	Võ Quang Thắng	Anh ruột			30/03/2023
5.24	STK	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Chị dâu			30/03/2023
5.25	STK	Võ Quang Trị	Em ruột			30/03/2023
5.26	STK	Lý Như Quỳnh	Em dâu			30/03/2023
6	STK	Chen Che Jen	TV HĐQT			30/03/2023
6.02	STK	Chen Lan Chao	Mẹ ruột			30/03/2023
6.03	STK	Chang Feng Ying	Vợ			30/03/2023
6.04	STK	Chen Ju Fang	Con ruột			30/03/2023
6.05	STK	Chen Chih Yu	Con ruột			30/03/2023
6.06	STK	Chen Huang Jen	Em trai			30/03/2023
7	STK	Nguyễn Quốc Hương	TV HĐQT			30/03/2023
7.01	STK	Nguyễn Mạnh Khôi	Cha ruột			30/03/2023
7.02	STK	Lê Thị Thoa	Mẹ ruột			30/03/2023
7.05	STK	Nguyễn Lê Quốc Anh	Con ruột			30/03/2023
7.06	STK	Nguyễn Trần Như Ý	Con ruột			30/03/2023
7.07	STK	Nguyễn Vinh Quang	Anh ruột			30/03/2023
7.08	STK	Nguyễn Mạnh Hà	Anh ruột			30/03/2023
7.09	STK	Nguyễn Minh Hải	Anh ruột			30/03/2023
7.12	STK	Phan Thị Thu Hiền	Chị dâu			30/03/2023
7.13	STK	Nguyễn Xuân Yên	Chị dâu			30/03/2023
8	STK	Hà Kiệt Trân	Trưởng BKS			30/03/2023
8.01	STK	Hà Nghiệp Từ	Cha ruột			30/03/2023
8.02	STK	Đặng Tú Phương	Mẹ ruột			30/03/2023
8.03	STK	Hà Kiệt Thuận	Em ruột			30/03/2023
9	STK	Đinh Ngọc Hoa	TV BKS	21.763	0.016%	30/03/2023
9.01	STK	Đinh Văn Tiệu	Cha ruột			30/03/2023
9.02	STK	Võ Thị Sớ	Mẹ ruột			30/03/2023
9.03	STK	Phạm Văn Tư	Chồng			30/03/2023
9.04	STK	Đinh Văn Sen	Em ruột			30/03/2023
9.05	STK	Đinh Văn Thuận	Em ruột			30/03/2023
9.06	STK	Đinh Văn Lợi	Em ruột			30/03/2023
9.07	STK	Phạm Thảo Ly	Con ruột			30/03/2023
9.08	STK	Phạm Gia Nguyên	Con ruột			30/03/2023
9.09	STK	Thị Gái	Em dâu			30/03/2023
9.10	STK	Lê Phượng Bảo Giang	Em dâu			30/03/2023
9.11	STK	Phạm Văn Tiêng	Cha chồng			30/03/2023
9.12	STK	Phan Thị Um	Mẹ chồng			30/03/2023
10	STK	Phan Như Bích	GDTC, Kế toán trưởng	162.400	0,12%	26/10/2016
10.01	STK	Phan Văn Đồng	Cha ruột			26/10/2016
10.02	STK	Nguyễn Thị Thư	Mẹ ruột			26/10/2016
10.03	STK	Ngô Văn Ne	Cha vợ			26/10/2016

10.04	STK	Hà Thị Hạnh	Mẹ vợ			26/10/2016
10.05	STK	Ngô Thùy Nhung	Vợ			26/10/2016
10.06	STK	Phan Tây Thy	Con ruột			26/10/2016
10.07	STK	Phan Ngọc Hân	Con ruột			26/10/2016
10.08	STK	Phan Thanh Vũ	Anh ruột			26/10/2016
10.09	STK	Phan Thanh Trang	Anh ruột			26/10/2016
10.10	STK	Phan Thanh Trung	Em ruột			26/10/2016
10.11	STK	Phan Thanh Càng	Em ruột			26/10/2016
10.12	STK	Phan Thị Thu Sang	Em ruột			26/10/2016
10.13	STK	Phan Thị Kiều Oanh	Chị dâu			26/10/2016
10.14	STK	Hoàng Thị Đông Trang	Em dâu			26/10/2016
10.15	STK	Nguyễn Quang Đức	Em rể			26/10/2016
11	STK	Nguyễn Phương Chi	NUQ CBTT, NPTQT, GD chiến lược	116.000	0,083%	09/10/2019
11.01	STK	Nguyễn Văn Vinh	Cha ruột			09/10/2019
11.02	STK	Nguyễn Thị Phương	Mẹ ruột			09/10/2019
11.03	STK	Nguyễn Vinh Quang	Anh ruột			09/10/2019
11.04	STK	Nguyễn Phúc An	Con ruột			09/10/2019
12	STK	Nguyễn Thị Sáng	TV BKS			10/12/2025
12.01	STK	Nguyễn Trọng Quốc	Chồng			10/12/2025
12.02	STK	Nguyễn Ngọc Thanh Vân	Con			10/12/2025
12.03	STK	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	Con			10/12/2025
12.04	STK	Nguyễn Trọng Khánh	Con			10/12/2025
12.05	STK	Nguyễn Đức Long	Anh			10/12/2025
12.06	STK	Nguyễn Văn Niên	Anh			10/12/2025
12.07	STK	Nguyễn Thanh Tiếp	Anh			10/12/2025
12.08	STK	Nguyễn Thị Mơ	Chị			10/12/2025
12.09	STK	Nguyễn Thị Liễu	Chị			10/12/2025
12.10	STK	Nguyễn Thị Nhâm	Chị			10/12/2025
12.11	STK	Nguyễn Văn Dũng	Anh			10/12/2025
12.12	STK	Nguyễn Thị Thêm	Chị			10/12/2025

7.4. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết năm 2025

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đặng Mỹ Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	13.985.340	14,47%	20.868.660	21,59%	Mua cổ phiếu
2	Đặng Hương Cường	Thành viên HĐQT	6.878.420	7,12%	0	0%	Bán cổ phiếu

7.5. Giao dịch cổ phiếu quỹ

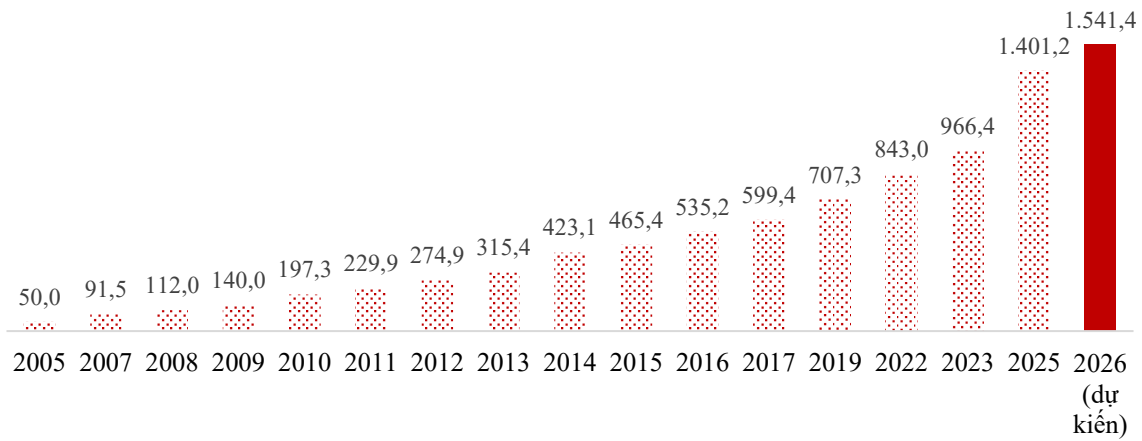
Trong năm 2025, Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

7.6. Các chứng khoán khác

Không có.

7.7. Quá trình tăng vốn điều lệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Quá trình tăng vốn điều lệ của Sợi Thê Kỳ (tỷ đồng).



Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)
05/2005	Cổ phần hóa: VDL ban đầu.	-	50
05/2007	Cổ đông sáng lập; Người lao động.	15	65
09/2007	Cổ đông hiện hữu; Đối tác chiến lược.	26.5	91.5
01/2008	Đối tác chiến lược.	8.5	100
12/2008	Cổ đông hiện hữu	12	112

	<ul style="list-style-type: none"> (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 12%). 		
11/2009	Cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> (phát hành thêm tỷ lệ: 25%). 	28	140
01/2010	Đối tác chiến lược <ul style="list-style-type: none"> (phát hành riêng lẻ). 	40	180
09/2010	Cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 10%). 	17.3	197.3
06~07/2011	Cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%); Người lao động <ul style="list-style-type: none"> (ESOP 2010). 	32.6	229.9
05/2012	Cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 20%). 	45	274.9
06/2013	Cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 15%). 	40.5	315.4
06/2014	Cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%); (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%). 	77.6	393.1
12/2014	Đấu giá ra công chúng.	30.0	423.1
12/2015	Cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%) 	42.3	465.4
06/2016	Cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 10%); (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 05%). 	69.8	535.2
09/2017	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 12%)	64.2	599.4
05/2019	Cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 7%); (cổ phiếu chào bán ra công chúng: 10%); (cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV: 0.1%). 	107.9	707.3
09/2022	Cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> (cháo bán ra công chúng: 20%). 	136.3	843.6
04/07/2023	Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 15%.	122.7	966,4
31/10/2025	Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 45%.	434,9	1.401,2

7.8. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2025, Công ty đã chi trả cổ tức cho năm tài chính 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 45%.

Tên cổ phiếu: Công ty Cổ Phần Sợi Thế Kỷ.

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

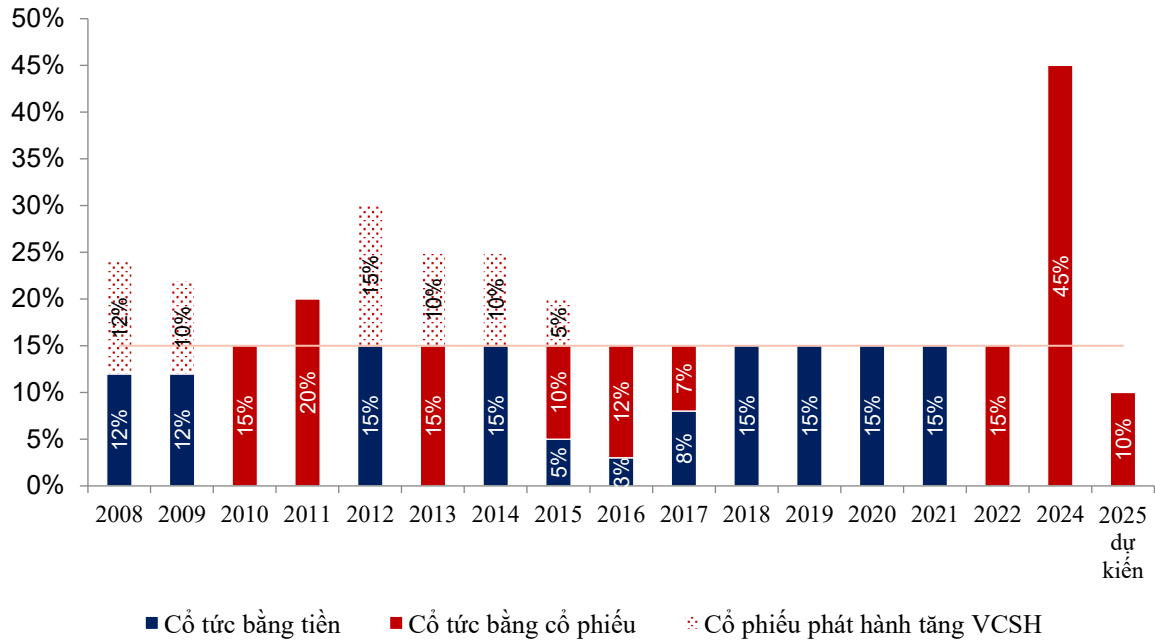
Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi chi trả cổ tức: 96.636.924 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành để trả cổ tức: 43.486.206 cổ phiếu.

Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi trả cổ tức: 140.123.130 cổ phiếu.

Vốn cổ phần (cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết): 1.401.231.300.000 đồng.

7.9. Chính sách chi trả cổ tức



Chính sách cổ tức của Sợi Thế Kỷ luôn ổn định và duy trì mức chi trả cổ tức trên mệnh giá từ 10-15% cho cổ đông. Tùy theo kết quả kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm, cổ tức chi trả có thể bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu và tỷ lệ này có thể lớn hơn hoặc bằng 10% nhưng không nhỏ hơn 10%. Trong năm 2024, Công ty đã nộp hồ sơ xin trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tuy nhiên, ở thời điểm đó, hồ sơ Phát hành riêng lẻ đang trong quá trình chờ phê duyệt, Công ty chưa thể thực hiện việc chi trả cổ tức cho năm tài chính 2023 như dự kiến.

Trong năm 2025, Công ty đã trả cổ tức cho năm tài chính 2024 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 45%.

7.10. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Ngoài mục tiêu chính nhằm đệ trình ĐHCĐ những định hướng và kế hoạch hoạt động trong năm, đây là cơ hội để HĐQT và Ban điều hành lắng nghe và trao đổi trực tiếp với cổ đông, từ đó có phương án để đáp ứng kỳ vọng của cổ đông. Đã tổ chức ĐHCĐTN 2025 vào ngày 28 tháng 03 năm 2025.

Hoàn thành CBTT đúng hạn yêu cầu về tài liệu họp ĐHCĐ, BB&NQ ĐHCĐ thông qua sau ĐHCĐ....



Các bài viết, báo cáo phân tích

Hàng quý, Công ty đều phát hành “Bản tin IR” để cập nhật tình hình ngành dệt may và phân ngành sợi đến quý cổ đông và nhà đầu tư.



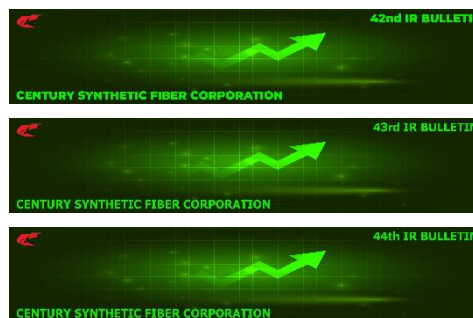
Công bố:

- bản tin IR kỳ 41 (vào tháng 01/2025);
- bản tin IR kỳ 42 (vào tháng 07/2025);
- bản tin IR kỳ 43 (vào tháng 10/2025);
- bản tin IR kỳ 44 (vào tháng 02/2026).

Ngoài ra, đội ngũ IR còn cung cấp thông tin để các chuyên viên phân tích, cơ quan báo chí viết bài trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trả lời phỏng vấn báo VIETNAM FINANCE và Vietnambiz về chủ đề ESG.

Tiếp đón VTV đến quay phỏng sự và phỏng vấn Ban lãnh đạo Công ty.



Cuộc họp với nhà đầu tư

Công ty cũng định kỳ hàng quý kết nối với các Công ty chứng khoán để tổ chức họp công bố kết quả kinh doanh quý (Earnings call) để giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư một cách kịp thời và đầy đủ nhất.

Tổ chức STK Earnings call với các quỹ/nhà đầu tư cập nhật thông tin hàng quý, đồng thời tham dự Earning calls của các công ty chứng khoán như HSC, SSI...

- Tổ chức earning call Q4.2024 với HSC vào 13.02.2025.
- Tổ chức earning call Q4.2024 của Công ty vào 14.02.2025.
- Tổ chức earning call Q1.2025 của Công ty vào 06.05.2025.
- Tổ chức earnings call Q2.2025 vào 08.08.2025
- Tổ chức earnings call Q3.2025 vào 31.10.2025

Đội ngũ IR cũng thường xuyên tổ chức các chuyến tham quan Công ty cho nhà đầu tư; các cuộc họp trực tiếp và trực tuyến.

- Đón tiếp công ty Ashu Research, chứng khoán Aizawa và nhà đầu tư cá nhân Nhật Bản đến tham quan nhà máy Unitex vào 26.05.2025

Cập nhật Website Công ty

- Hoạt động công bố thông tin và các tin tức liên quan đến ngành, Công ty được cập nhật nhanh chóng tại Chuyên mục Quan hệ cổ đông trên Website Công ty với cả 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh; đảm bảo đưa thông tin đến nhà đầu tư chính xác, minh bạch và kịp thời.
- Thực hiện liên tục cập nhật và điều chỉnh các hình ảnh, thông tin Công ty, thông tin ngành, thông tin tuyển dụng, thông tin tài chính, CBTT lên website.

Công bố thông tin

- Đã cập nhật thông tin trên website.
- Thực hiện CBTT đầy đủ theo quy định cho UBCKNN, HOSE.

8. QUẢN TRỊ CÔNG TY

8.1. Nguyên tắc Quản trị Công ty

Sợi Thế Kỹ đã xây dựng Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo hướng phát triển bền vững, tạo dựng niềm tin và hình ảnh của Công ty đối với các bên liên quan như cơ quan nhà nước, nhà đầu tư, đối tác, nhà cung ứng, khách hàng, người lao động. Công ty cam kết thực hiện Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty tốt của Việt Nam.



8.2. Mô hình quản trị

Sợi Thế Kỹ đang được tổ chức và hoạt động theo mô hình quản trị được qui định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020. Theo đó, cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) và Tổng Giám đốc (“TGD”), Ban điều hành (“BDH”), các bộ phận chức năng, các phòng nghiệp vụ chuyên môn.

Tại STK, ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Các vấn đề được ĐHĐCĐ thông qua được qui

định tại Điều 15 Điều lệ của Công ty và theo qui định của pháp luật hiện hành.

HĐQT là cơ quan quản trị tại Công ty. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được qui định tại Điều 27 Điều lệ của Công ty. HĐQT có nhiệm vụ triển khai, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các hoạt động của Công ty.

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra với chức năng thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của BKS (bao gồm việc giám sát HĐQT và TGD, yêu cầu HĐQT và TGD giải trình về tình hình tài chính của Công ty) được qui định tại Điều 36

Điều lệ của Công ty. BKS của STK có 3 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm.

Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc được qui định tại Điều 30 Điều lệ của Công ty. Kể từ ngày 09/04/2025 đến nay, Công ty đang khuyết vị trí Tổng giám đốc.

Ban Điều Hành gồm 04 thành viên sẽ hỗ trợ Tổng Giám Đốc trong việc điều hành hoạt động của Công ty.

Công ty có bổ nhiệm 1 người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty



Vui lòng xem thêm mục **Cơ cấu tổ chức** trang xx Báo cáo thường niên 2025.




Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị



Trong năm 2025, Hội đồng quản trị vẫn giữ nguyên 7 thành viên do Đại hội đồng cổ đông 2023 bầu chọn. Tuy nhiên, có sự thay đổi vị trí chức danh của 2/7 thành viên Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ từ 30/03/2023 đến 08/04/2025	Chức vụ từ 09/04/2025 đến nay
1	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	Phó chủ tịch HĐQT
2	Đặng Triệu Hòa	Phó chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT

8.3. Thông tin về Hội đồng quản trị

Giới thiệu thành viên Hội đồng Quản trị																					
	<p>Ông Đặng Triệu Hòa (57 tuổi) Ngày sinh: 19/10/1969 CMND số: 079069011874 Ngày cấp: 11/08/2021 Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh. Quá trình công tác</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1991-1995</td> <td>Công ty TNHH TM-DV Việt Phú</td> <td>Giám Đốc</td> </tr> <tr> <td>1995-2000</td> <td>Công ty TNHH TM-DV Hoàn Á</td> <td>Giám Đốc</td> </tr> <tr> <td>2000-3/2023</td> <td>Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ</td> <td>Chủ tịch HĐQT kiêm TGD</td> </tr> <tr> <td>03/2023-04/2025</td> <td>Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ</td> <td>Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD</td> </tr> <tr> <td>04/2025-nay</td> <td>Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ</td> <td>Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	1991-1995	Công ty TNHH TM-DV Việt Phú	Giám Đốc	1995-2000	Công ty TNHH TM-DV Hoàn Á	Giám Đốc	2000-3/2023	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	03/2023-04/2025	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD	04/2025-nay	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật		
	Đơn vị công tác	Chức vụ																			
1991-1995	Công ty TNHH TM-DV Việt Phú	Giám Đốc																			
1995-2000	Công ty TNHH TM-DV Hoàn Á	Giám Đốc																			
2000-3/2023	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD																			
03/2023-04/2025	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD																			
04/2025-nay	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật																			
	<p>Bà Đặng Mỹ Linh (54 tuổi) Ngày sinh: 19/01/1972 CMND số: 079172013543 Ngày cấp: 10/16/2022 Trình độ văn hóa: Cao học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh. Quá trình công tác</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1993-1999</td> <td>Worldtex Enterprise Co, .Ltd</td> <td>Trợ lý TGD</td> </tr> <tr> <td>2000-2020</td> <td>CTCP Sợi Thế Kỳ</td> <td>Thành viên HĐQT</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">2001-nay</td> <td>CTCP đầu tư thương mại Liên An</td> <td>TGD</td> </tr> <tr> <td>Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến</td> <td>Chủ tịch</td> </tr> <tr> <td>2020-2025</td> <td>CTCP Sợi Thế Kỳ</td> <td>Chủ tịch HĐQT</td> </tr> <tr> <td>2025-nay</td> <td>CTCP Sợi Thế Kỳ</td> <td>Phó chủ tịch HĐQT</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Phó chủ tịch HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	1993-1999	Worldtex Enterprise Co, .Ltd	Trợ lý TGD	2000-2020	CTCP Sợi Thế Kỳ	Thành viên HĐQT	2001-nay	CTCP đầu tư thương mại Liên An	TGD	Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến	Chủ tịch	2020-2025	CTCP Sợi Thế Kỳ	Chủ tịch HĐQT	2025-nay	CTCP Sợi Thế Kỳ	Phó chủ tịch HĐQT
	Đơn vị công tác	Chức vụ																			
1993-1999	Worldtex Enterprise Co, .Ltd	Trợ lý TGD																			
2000-2020	CTCP Sợi Thế Kỳ	Thành viên HĐQT																			
2001-nay	CTCP đầu tư thương mại Liên An	TGD																			
	Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến	Chủ tịch																			
2020-2025	CTCP Sợi Thế Kỳ	Chủ tịch HĐQT																			
2025-nay	CTCP Sợi Thế Kỳ	Phó chủ tịch HĐQT																			

	<p>Ông Đặng Hương Cường (50 tuổi) Ngày sinh: 04/07/1976 CMND số: 079076033726 Ngày cấp: 18/10/2022 Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh. Quá trình công tác</p> <table border="1" data-bbox="544 427 1361 584"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2004-nay</td> <td>CT TNHH P.A.N Châu Á</td> <td>Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>2005-nay</td> <td>CTCP Sợi Thế Kỷ</td> <td>Thành viên HDQT</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HDQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	2004-nay	CT TNHH P.A.N Châu Á	Giám đốc	2005-nay	CTCP Sợi Thế Kỷ	Thành viên HDQT									
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
2004-nay	CT TNHH P.A.N Châu Á	Giám đốc																	
2005-nay	CTCP Sợi Thế Kỷ	Thành viên HDQT																	
	<p>Bà Cao Thị Quế Anh (60 tuổi) Ngày sinh: 17/04/1966 CMND số: 038166010196 Ngày cấp: 19/04/2021 Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá thực phẩm. Quá trình công tác</p> <table border="1" data-bbox="539 898 1366 1218"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1991-2003</td> <td>Cộng Hoà Ba Lan</td> <td>Kinh doanh tự do</td> </tr> <tr> <td>2003-2008</td> <td>Thành phố Hồ Chí Minh</td> <td>Kinh doanh tự do</td> </tr> <tr> <td>2008 - nay</td> <td>Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh</td> <td>TGD</td> </tr> <tr> <td>2009-2012</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế</td> <td>TV Hội đồng đầu tư, TV HDQT, CT HDQT</td> </tr> <tr> <td>2015-nay</td> <td>Công ty Sợi Thế Kỷ</td> <td>TV HDQT</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HDQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	1991-2003	Cộng Hoà Ba Lan	Kinh doanh tự do	2003-2008	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh tự do	2008 - nay	Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh	TGD	2009-2012	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế	TV Hội đồng đầu tư, TV HDQT, CT HDQT	2015-nay	Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HDQT
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
1991-2003	Cộng Hoà Ba Lan	Kinh doanh tự do																	
2003-2008	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh tự do																	
2008 - nay	Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh	TGD																	
2009-2012	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế	TV Hội đồng đầu tư, TV HDQT, CT HDQT																	
2015-nay	Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HDQT																	
	<p>Ông Võ Quang Long (48 tuổi) Ngày sinh: 28/10/1978 CMND số: 056078009166 Ngày cấp: 08/12/2022 Trình độ văn hóa: Cao học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh. Quá trình công tác</p> <table border="1" data-bbox="531 1532 1374 1892"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2006-2009</td> <td>Công ty quản lý quỹ ACB</td> <td>Trưởng phòng đầu tư</td> </tr> <tr> <td>1/2010-9/2010</td> <td>HD Bank</td> <td>Trưởng phòng đầu tư</td> </tr> <tr> <td>10/2010-01/2018</td> <td>OCB</td> <td>Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư</td> </tr> <tr> <td>02/2018-nay</td> <td>CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt</td> <td>TGD</td> </tr> <tr> <td>2018-nay</td> <td>Công ty Sợi Thế Kỷ</td> <td>TV HDQT</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HDQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	2006-2009	Công ty quản lý quỹ ACB	Trưởng phòng đầu tư	1/2010-9/2010	HD Bank	Trưởng phòng đầu tư	10/2010-01/2018	OCB	Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư	02/2018-nay	CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt	TGD	2018-nay	Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HDQT
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
2006-2009	Công ty quản lý quỹ ACB	Trưởng phòng đầu tư																	
1/2010-9/2010	HD Bank	Trưởng phòng đầu tư																	
10/2010-01/2018	OCB	Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư																	
02/2018-nay	CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt	TGD																	
2018-nay	Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HDQT																	

	<p>Ông Chen Che Jen (62 tuổi) Ngày sinh: 10/12/1964 Hộ chiếu số: 360867733 Ngày cấp: 27/10/2022 Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Công nghệ Quá trình công tác</p> <table border="1"><thead><tr><th></th><th>Đơn vị công tác</th><th>Chức vụ</th></tr></thead><tbody><tr><td>1990-1997</td><td>Formosa Taffeta Co., Ltd</td><td>Kinh doanh</td></tr><tr><td>1997-1999</td><td>Formosa Taffeta HK</td><td>Giám đốc</td></tr><tr><td>2002-nay</td><td>Formosa Taffeta VN</td><td>Giám đốc Marketing</td></tr><tr><td>2018-nay</td><td>Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ</td><td>Thành viên HĐQT</td></tr></tbody></table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	1990-1997	Formosa Taffeta Co., Ltd	Kinh doanh	1997-1999	Formosa Taffeta HK	Giám đốc	2002-nay	Formosa Taffeta VN	Giám đốc Marketing	2018-nay	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT
	Đơn vị công tác	Chức vụ														
1990-1997	Formosa Taffeta Co., Ltd	Kinh doanh														
1997-1999	Formosa Taffeta HK	Giám đốc														
2002-nay	Formosa Taffeta VN	Giám đốc Marketing														
2018-nay	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT														
	<p>Ông Nguyễn Quốc Hương (55 tuổi) Ngày sinh: 03/11/1971 CMND số: 001071016584 Ngày cấp: 04/09/2022 Trình độ văn hóa: Cao học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.</p> <table border="1"><thead><tr><th></th><th>Đơn vị công tác</th><th>Chức vụ</th></tr></thead><tbody><tr><td>2013-2014</td><td>Ngân hàng Eximbank</td><td>Tổng giám đốc</td></tr><tr><td>2014-2017</td><td>Ngân hàng Eximbank</td><td>Phó Tổng giám đốc</td></tr><tr><td>2018</td><td>Kinh doanh tự do</td><td></td></tr></tbody></table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	2013-2014	Ngân hàng Eximbank	Tổng giám đốc	2014-2017	Ngân hàng Eximbank	Phó Tổng giám đốc	2018	Kinh doanh tự do				
	Đơn vị công tác	Chức vụ														
2013-2014	Ngân hàng Eximbank	Tổng giám đốc														
2014-2017	Ngân hàng Eximbank	Phó Tổng giám đốc														
2018	Kinh doanh tự do															

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ (nhiệm kỳ 2023-2028) gồm 07 thành viên, trong đó:

- 01 thành viên là thành viên HĐQT có điều hành;
- 06 thành viên là thành viên HĐQT không điều hành;
- 02 thành viên là thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

7/7 thành viên HĐQT của STK đều đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Tỷ lệ sở hữu của các thành viên HĐQT tại ngày 31/12/2025 (nhiệm kỳ 2023-2028)

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Cá nhân/Tổ chức có liên quan sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong HĐQT của các Công ty khác	Số lượng thành viên HĐQT tham gia (trừ STK)	Tên công ty tương ứng tham gia vào HĐQT (trừ STK)
1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT	20.414.468	14,57%	30.259.557	21,59%	Có	1	Công ty cổ phần TM & ĐT Liên An
2	Đặng Mỹ Linh	Phó CT. HĐQT	30.259.557	21,59%	20.414.468	14,57%	Không có	0	
3	Đặng Hương Cường	TV. HĐQT	0	0.00%	50.674.025	36,16%	Không có	0	
4	Cao Thị Quế Anh	TV. HĐQT	0	0.00%	995.088	0,71%	Có	1	Công ty CP Thực Phẩm Xanh
5	Võ Quang Long	TV. HĐQT	7	0.00%	28.289.321	20,19%	Có	5	Công ty CP Hướng Việt Holdings Công ty CP Quốc Lộc Phát Công ty CP Gateway Thủ Thiêm Công ty CP Phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh Công ty CP Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam
6	Chen Che Jen	TV. HĐQT độc lập	0	0.00%	0	0.00%	Không có	0	
7	Nguyễn Quốc Hương	TV. HĐQT độc lập	0	0.00%	0	0.00%	Không có	0	

8.4. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2025

8.4.1. Các cuộc họp HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT đã tiến hành 30 cuộc họp thông qua hình thức trực tiếp và gửi thư xin ý kiến để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT đã ban hành 28 Nghị quyết Hội đồng quản trị trong năm 2025.

Biên bản và Nghị quyết HĐQT được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS.

Các cuộc họp của HĐQT đều có mời Ban Kiểm soát và Ban điều hành tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT đối với Ban Điều hành.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đặng Triệu Hòa	30/30	100%	
2	Bà Đặng Mỹ Linh	30/30	100%	
3	Ông Đặng Hương Cường	28/30	93,33%	Bận lịch công tác
4	Bà Cao Thị Quế Anh	28/30	93,33%	Bận lịch công tác
5	Ông Võ Quang Long	30/30	100%	
6	Ông Chen Che Jen	30/30	100%	
7	Ông Nguyễn Quốc Hương	29/30	96,67%	Bận lịch công tác

8.4.2. Các cuộc họp riêng của Thành viên HĐQT độc lập

Không có.

8.4.3. Các Nghị quyết của HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01-2025/NQHĐQT	15/01/2025	Thông qua việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của UNITEX (Lần thứ 7).	100%
2	02-2025/NQHĐQT	07/02/2025	Thông qua ngày chốt quyền tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	100%
3	03-2025/NQHĐQT	07/3/2025	Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.	100%
4	04-2025/NQHĐQT	09/04/2025	- Thông qua việc từ nhiệm của bà Đặng Mỹ Linh khỏi chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Đặng Triệu Hòa khỏi chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. - Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; - Thông qua việc thay đổi chức danh của người đại diện theo pháp luật trên Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ.	100%

5	05-2025/NQHĐQT/TK	09/4/2025	Thông qua việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.	100%
6	06-2025/NQHĐQT	18/4/2025	Thông qua việc cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).	100%
7	06A-2025/NQHĐQT	02/5/2025	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20-2023/NQHĐQT ngày 29/8/2023.	100%
8	07-2025/NQHĐQT/TK	07/5/2025	Thông qua việc cho Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex vay năm 2025.	100%
9	07A-2025/NQHĐQT	02/6/2025	Thông qua việc cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).	100%
10	08-2025/NQHĐQT	05/6/2025	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng và cho phép Công ty CP Sợi Thê Kỳ được sử dụng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn 2025.	100%
11	09-2025/NQHĐQT	23/6/2025	Thông qua việc điều chỉnh thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của UNITEX (Lần thứ 8).	100%
12	09A-2025/NQHĐQT	01/07/2025	Thông qua việc cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 2025.	100%
13	10-2025/NQHĐQT	03/07/2025	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025.	100%
14	10A-2025/NQHĐQT	11/7/2025	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng của Công ty Cổ phần Sợi Thê Kỳ và cho phép Chi nhánh Công ty Cổ phần Sợi Thê Kỳ được sử dụng hạn mức tín dụng của Công ty Cổ phần Sợi Thê Kỳ tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh TP.HCM.	100%
15	10B-2025/NQHĐQT	12/7/2025	Thông qua việc thoái vốn đầu tư trong Công ty TNHH Dintsun Việt Nam.	100%
16	11-2025/NQHĐQT	22/7/2025	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	100%
17	12-2025/NQHĐQT	04/8/2025	Thông qua việc huy động vốn của Công ty CP Sợi Thê Kỳ (Công ty) và Chi nhánh Công ty Cổ phần Sợi Thê Kỳ tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBank).	100%
18	13-2025/NQHĐQT	21/08/2025	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20-2023/NQHĐQT ngày 29/8/2023.	100%
19	14-2025/NQHĐQT	22/08/2025	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho năm tài chính 2024, phương án xử lý cổ phiếu lẻ và phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	100%
20	15-2025/NQHĐQT	03/09/2025	Vay vốn, thế chấp, cầm cố tài sản bảo đảm tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phương Đông (OCB) của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex.	100%
21	15A-2025/NQHĐQT	08/09/2025	Thông qua phương án nhận cấp tín dụng và các vấn đề liên quan đến việc nhận cấp tín dụng của Công ty Cổ phần Sợi Thê Kỳ tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank).	100%
22	16-2025/NQHĐQT/TK	13/09/2025	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho năm tài chính 2024, phương	100%

			án xử lý cổ phiếu lẻ và phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài (Thay thế Nghị quyết HĐQT số 14-2025/NQHĐQT/TK ngày 22/08/2025).	
23	17-2025/NQHĐQT/TK	29/09/2025	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức.	100%
24	18-2025/NQHĐQT	02/10/2025	Thông qua việc điều chỉnh thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex (Lần thứ 9).	100%
25	19-2025/NQHĐQT	22/10/2025	Thông qua việc tổ chức bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	100%
26	20-2025/NQHĐQT	10/11/2025	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và một số nội dung khác có liên quan.	100%
27	21-2025/NQHĐQT	24/12/2025	Thông qua việc cho trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025.	100%
28	22-2025/NQHĐQT	24/12/2025	Thông qua phương án nhận cấp tín dụng của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB).	100%

8.4.4. Tình hình triển khai các nghị quyết ĐHCĐ

Hình thức họp: Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ngày họp: 28/03/2025

STT	Nội dung thông qua Nghị quyết ĐHCĐ 2023	Kết quả thực hiện
1	Thông qua dự báo kết quả kinh doanh năm 2025. - Doanh thu: 3.270 tỷ đồng; - Lợi nhuận sau thuế: 309,8 tỷ đồng.	Kết quả thực hiện năm 2025: - Doanh thu: 1.352,9 tỷ đồng (đạt 41,4% kế hoạch); - Lợi nhuận sau thuế: 49,9 tỷ đồng (đạt 16,1% kế hoạch).
2	Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2025.	Đã lựa chọn Công ty kiểm toán E&Y Việt Nam làm đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2025.
3	Thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2024.	Ngày 31/10/2025, Công ty đã hoàn thành thủ tục chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2024 với tỷ lệ 45%.
4	Thông qua thù lao cho HĐQT và BKS năm 2025. - Tổng thù lao cho HĐQT năm 2025 là: 1,2 tỷ đồng. Tổng thù lao cho BKS năm 2025 là: 180 triệu đồng.	Đã thực hiện chi trả ngày 31/12/2025.

8.4.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty:

Có 4/7 thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2023-2028), 1/3 thành viên Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2023-2028) đã được cấp chứng chỉ về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước công nhận. Công ty luôn tạo điều kiện để tất cả các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty. Tuy nhiên, do thời gian các khóa đào tạo thường trùng với lịch công tác của Ban Quản trị nên các thành viên không tham gia khóa học được. Bên cạnh đó, STK có 01 thành viên HĐQT là người nước ngoài, do khóa học không hỗ trợ ngôn ngữ thứ hai cho nên cũng ảnh hưởng đến việc hoàn thành chứng chỉ Quản trị Công ty theo quy định.

Danh sách thành viên HĐQT, BKS đã được đào tạo về quản trị Công ty:

1. Đặng Mỹ Linh – Chủ tịch HĐQT
2. Đặng Triệu Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Đặng Hướng Cường – Thành viên HĐQT
4. Cao Thị Quế Anh - Thành viên HĐQT
5. Đinh Ngọc Hoa – Thành viên BKS

8.4.6. Các tiểu ban HĐQT

Công ty chưa thành lập các tiểu ban HĐQT nên không có hoạt động của các tiểu ban HĐQT.

8.4.7. Báo các hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên HĐQT đóng vai trò đánh giá và giám sát hoạt động của Ban điều hành một cách khách quan, đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan; gia tăng tính công bằng, hiệu quả chức năng đưa ra định hướng chiến lược, quản trị rủi ro, quản trị chất lượng sản xuất.

Các TVHĐQT không điều hành đều là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, tài chính và quản trị.

Các thành viên luôn tích cực tham gia góp ý cho việc xây dựng chiến lược kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- Ông Chen Che Jen có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực sản xuất – kinh doanh sợi, ông thường xuyên theo dõi các chỉ tiêu chất lượng để đưa ra những giải pháp, kinh nghiệm quản trị rủi ro xảy ra trong hoạt động sản xuất.
- Ông Nguyễn Quốc Hương có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ông luôn giám sát tình hình luân chuyển vốn lưu động, tình hình nợ vay và các chính sách phân phối lợi nhuận của Công ty.

Dưới đây là đánh giá của các TVHĐQT độc lập về các hoạt động của HĐQT:

Các buổi họp của HĐQT

- Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể và theo đúng các qui định về tổ chức cuộc họp.
- Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý... đều được thảo luận/trao đổi thường xuyên giữa HĐQT và Ban Điều Hành.
- Các dự án đầu tư mới đều được nghiên cứu, thảo luận và phản biện trong các cuộc họp HĐQT và Ban Điều Hành.
- Các giao dịch với bên có liên quan đều được HĐQT xem xét kỹ lưỡng và thông qua trước khi thực hiện.

Vai trò giám sát ban điều hành của HĐQT

- HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban Điều Hành, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát để đi đúng hướng chiến lược và điều chỉnh các quyết định kịp thời khi thực tiễn yêu cầu.
- HĐQT thường xuyên theo dõi và định hướng tiến trình điều hành của TGD và Ban Điều Hành, đảm bảo tuân thủ các quyết định về phân quyền và các chính sách, kế hoạch của HĐQT, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật.
- HĐQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản lý rủi ro, nhằm hỗ trợ Ban Điều Hành nhận diện sớm vấn đề, giúp Công ty duy trì tính bền vững và ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư.

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

- Các công việc của HĐQT đã thực hiện năm 2025 theo đúng nghị quyết ĐHCĐ và tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và các chuẩn mực về quản trị Công ty.
- Tất cả các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm và có tính chuyên nghiệp cao và cẩn trọng trong việc thực hiện vai trò bảo vệ lợi ích của Công ty
- Các thành viên HĐQT đã đề xuất, tham mưu về việc nâng cao năng lực quản trị Công ty, các chính sách quản lý và các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã định hướng nhiều giải pháp hiệu quả giúp Ban Điều Hành vượt qua một số thách thức trong quá trình vận hành Công ty.
- HĐQT hoạt động hiệu quả trong việc xem xét, phê chuẩn và giám sát việc triển khai các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh (kết quả hoạt động và tài chính)
- HĐQT hoạt động hiệu quả trong việc đánh giá các cán bộ quản lý cấp cao.
- HĐQT đã hiệu quả trong việc xây dựng môi trường quản trị doanh nghiệp đảm bảo việc CBTT kịp thời và hiệu quả, trách nhiệm giải trình đối với hiệu quả tài chính của doanh nghiệp, các tiêu chuẩn đạo đức ở mức độ cao và tuân thủ các qui định hiện hành.
- HĐQT đã hiệu quả trong việc xây dựng cơ cấu quản trị doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho HĐQT hoàn thành các nghĩa vụ.
- HĐQT đã hiệu quả trong việc chất vấn, tư vấn và hỗ trợ các cán bộ quản lý cao cấp của Công ty.
- STK có thực hiện phân tích trọng yếu để xác định các vấn đề ESG quan trọng nhất.
- Công ty có tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế như GRI, ESRS hoặc IFRS/ISSB khi xây dựng chiến lược PTBV.
- Các bên liên quan, như khách hàng hoặc nhà đầu tư được tham gia vào quá trình xây dựng chiến lược PTBV.
- STK có thiết lập rõ ràng các mục tiêu PTBV dài hạn gắn với tầm nhìn chiến lược của công ty.
- Công ty có áp dụng hệ thống KPIs cụ thể để đo lường tiến độ thực hiện các mục tiêu PTBV.
- Các phòng ban và nhân viên tại STK có được đào tạo để hiểu rõ vai trò của họ trong việc thực hiện chiến lược PTBV.
- Công ty có hợp tác với các tổ chức tư vấn hoặc chuyên gia bên ngoài để triển khai các sáng kiến phát triển bền vững (ENERTEAM, WWF).
- STK có thực hiện đánh giá hiệu quả chiến lược PTBV định kỳ hàng năm.
- Công ty có tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan để cải thiện chiến lược PTBV và báo cáo PTBV.
- STK có áp dụng các biện pháp khắc phục nếu phát hiện lỗi hỏng hoặc thất bại trong quá trình thực hiện chiến lược PTBV.

8.4.8. Đánh giá hoạt động của HĐQT

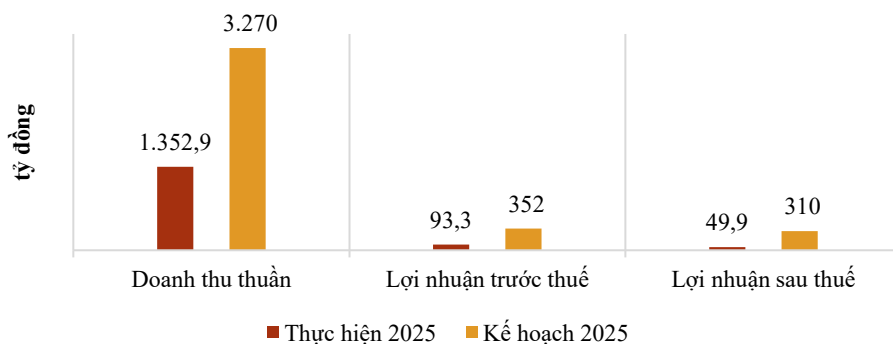
Định hướng chiến lược – kiểm soát

- HĐQT đã xem xét kế hoạch kinh doanh mà Ban điều hành đệ trình và định hướng để Công ty đạt được kế hoạch đã đặt ra.
- Dựa trên bối cảnh kinh doanh và các cuộc họp HĐQT hàng quý, HĐQT cũng chỉ đạo và đưa ra kiến nghị và giải pháp để Ban điều hành xem xét và điều chỉnh phương án kinh doanh, tiết giảm chi phí, gia tăng hiệu quả sản xuất, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.
- HĐQT đã chỉ đạo việc đầu tư góp vốn, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng và vốn chủ sở hữu, đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty.
- HĐQT cũng cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn về môi trường kinh doanh, yếu tố kinh tế vĩ mô để Ban điều hành có cái nhìn sâu rộng, tăng cường tầng phòng vệ, có thời gian và cơ hội để cải thiện yếu tố bất lợi từ thị trường, đối thủ cạnh tranh.
- Cơ cấu của HĐQT đảm bảo tuân thủ quy định khi có 2/7 thành viên HĐQT độc lập.
- Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đã tích cực tham gia các cuộc họp của HĐQT, giám sát hoạt động của Ban điều hành và đưa ra những góp ý thiết thực cho Ban điều hành và HĐQT trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh, triển khai các kế hoạch kinh doanh và nâng cao chất lượng của hoạt động quản trị doanh nghiệp.
- Các thành viên HĐQT đã được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời để có thể đưa ra những đánh giá phân tích đúng đắn về tình hình doanh nghiệp và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.
- Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu trữ theo đúng quy định.

8.4.9. Đánh giá của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban điều hành

Đánh giá tổng quan về tình hình hoạt động của Công ty

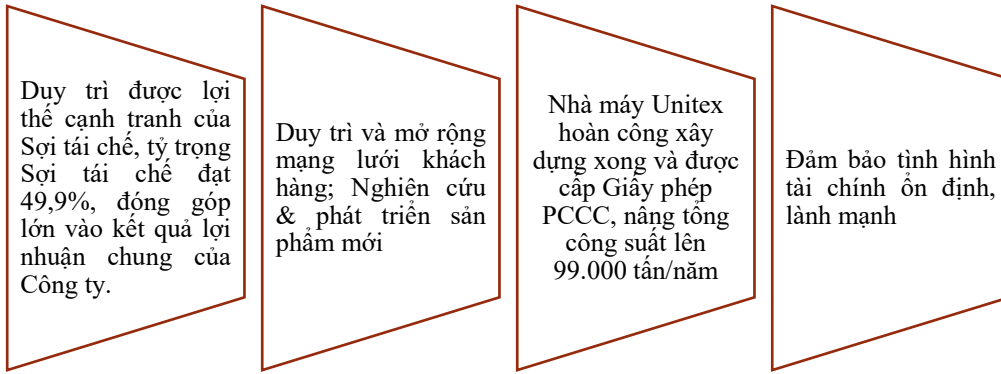
Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2025



Kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty tốt hơn năm 2024, cụ thể Doanh thu tăng 11,8% so với cùng kỳ 2024, lợi nhuận trước thuế tăng 394% và lợi nhuận sau thuế tăng 303,1% so với năm 2024.

Do điều kiện kinh doanh không thuận lợi cũng như tình hình nhu cầu dẹt may sụt giảm trên thế giới, Công ty không đạt được kế hoạch đặt ra cho năm 2025, cụ thể Doanh thu thuần đạt 41,4% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 26,6% và lợi nhuận sau thuế đạt 16,1% so với kế hoạch.

Tuy nhiên, Công ty cũng đạt được 1 số thành tựu nhất định trong năm 2025:



Bên cạnh đó, Công ty cần phải tập trung nguồn lực để quản lý tốt chất lượng sản xuất và đạt mục tiêu kết quả kinh doanh để duy trì niềm tin với cổ đông, đối tác...; phân bổ nguồn vốn đầu tư hợp lý để đảm bảo khả năng thanh toán, tình hình tài chính ổn định cho Công ty.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

✓ **Phương thức giám sát**

HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban điều hành thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ, các cuộc họp thông qua thư điện tử, về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.

HĐQT đã thảo luận và phê chuẩn các Nghị quyết của Hội đồng quản trị dựa trên đề xuất của Ban điều hành.

Ban điều hành có trách nhiệm giải thích chi tiết về kết quả kinh doanh quý và năm, dự báo kết quả kinh doanh của quý hoặc năm tiếp theo.

✓ **Kết quả thực hiện**

Ban điều hành đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết của và HĐQT.

HĐQT đã đưa ra các giải pháp cải tiến hoạt động, quản trị rủi ro, hỗ trợ Ban điều hành, từ đó đạt được những thành tựu nhất định trong năm 2025.

Kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2025 chưa đạt mục tiêu đã đề ra.

Ban điều hành cần phải nỗ lực hơn trong năm 2025 trước bối cảnh kinh doanh còn nhiều thách thức. Ban điều hành phải đưa ra chiến lược cụ

thể cho hoạt động kinh doanh, tiếp tục phát triển và ổn định thị trường, nâng cao tỉ trọng đóng góp của sợi tái chế, phát triển sản phẩm mới, cân đối tình hình tài chính của Công ty.

Các giám đốc chuyên trách cần phải thực hiện tốt chức năng của mình để hỗ trợ Tổng giám đốc điều hành và giám sát các hoạt động của các phòng ban, phát hiện những điểm cần cải tiến để ngăn ngừa rủi ro xuất phát từ nội bộ Công ty, từ đó tăng cường nội lực để ứng phó với các rủi ro từ bên ngoài.

8.4.10. Đánh giá của HĐQT về tình hình thực hiện mục tiêu môi trường-lao động-xã hội

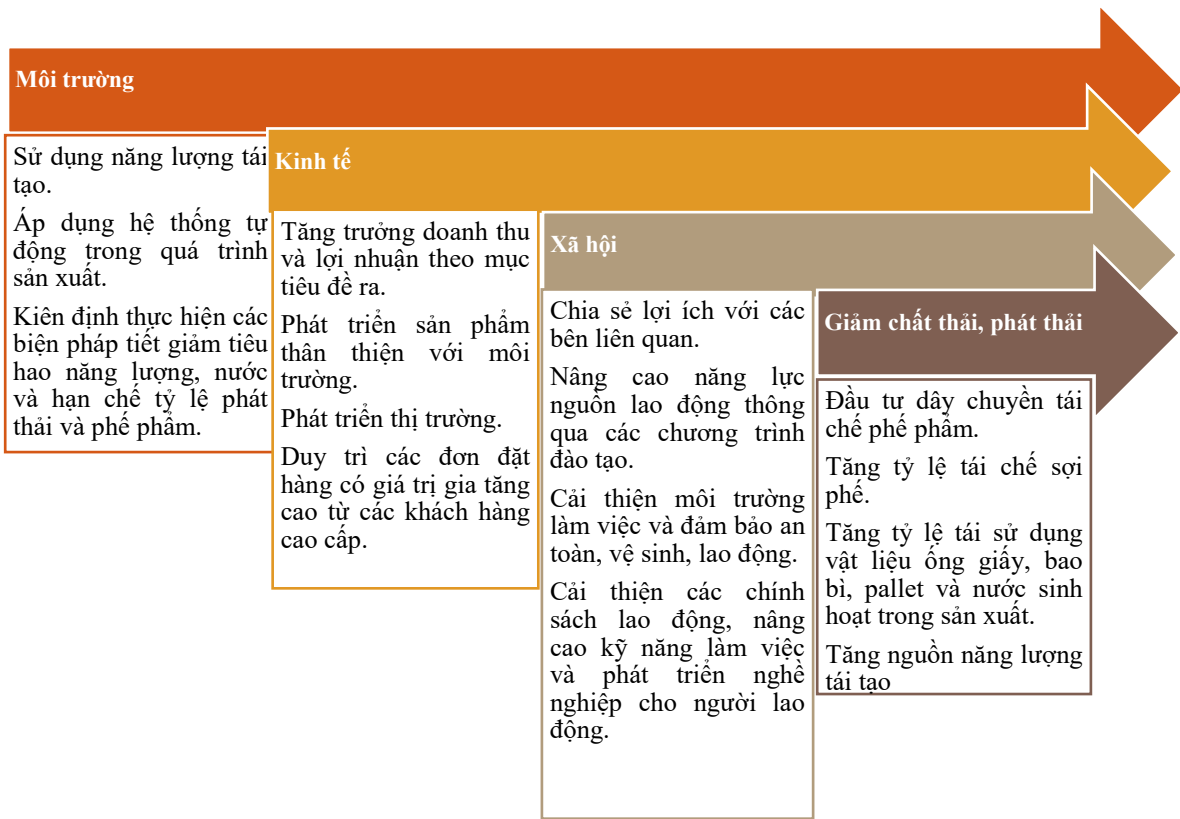
HĐQT có vai trò chính trong việc hoạch định mục tiêu và định hướng phát triển bền vững cho Công ty. Trong đó, định hướng phát triển bền vững được cụ thể hóa theo từng mục tiêu cho các bộ phận, phòng ban và các đơn vị cơ sở khác, HĐQT sẽ có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và đảm bảo rằng các mục tiêu PTBV đặt ra được triển khai và thực hiện tại doanh nghiệp.

Thông qua việc mục tiêu của từng bộ phận, phòng ban được lượng hóa thành các chỉ tiêu (KPI), Ban điều hành có thể đánh giá và đo lường một cách chính xác và hiệu quả kết quả thực hiện định hướng phát triển bền vững của từng phòng ban theo mục tiêu chung của Công ty.

Định kỳ hàng quý, HĐQT sẽ tiến hành họp để nghe Ban điều hành Công ty báo cáo và kịp thời đưa ra các chỉ đạo cho các hoạt động kinh doanh và sản xuất của STK. Từng khía cạnh về kinh tế - xã hội - môi trường đều được các đại diện của Ban điều hành trình bày trực tiếp trước HĐQT trong các buổi họp. Thành viên HĐQT sẽ đánh giá và đưa ra các định hướng để cải thiện kết quả hoạt động của Công ty.

HĐQT giao Ban điều hành và bộ phận Quan hệ cổ đông chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế, quy định của Việt Nam và phù hợp với tình trạng thực tế của Công ty.

8.4.10.1. Chiến lược PTBV

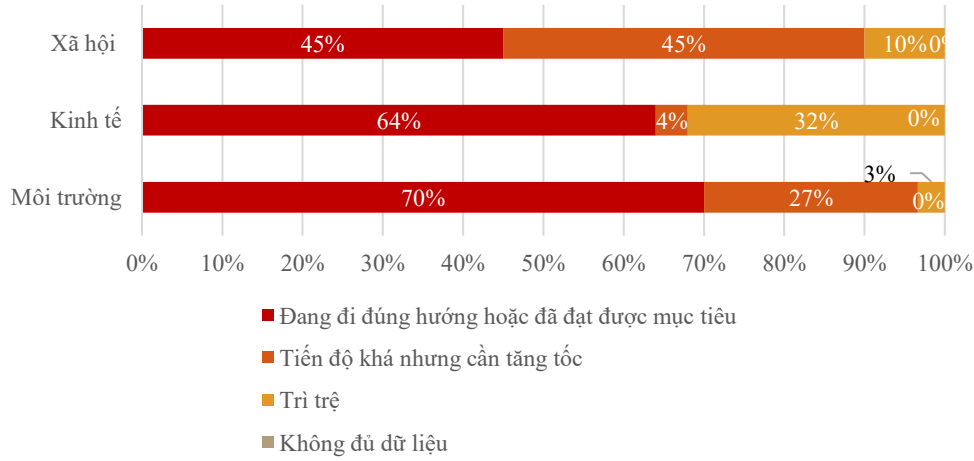


Chiến lược phát triển bền vững của Sợi Thế Kỷ bao gồm:

- Tập trung vào các sản phẩm thân thiện môi trường: sợi tái chế (Recycle)
- Đầu tư vào công nghệ hiện đại nhằm tiết kiệm điện, giảm phế phẩm, tái chế nguyên liệu và sử dụng năng lượng tái tạo.
- Đầu tư các nền tảng công nghệ AI phục vụ quản lý, điều hành công việc: Smart Factory tại Trảng Bàng 3, ứng dụng AI để giám sát lỗi sản xuất, giảm hàng lỗi và tiết kiệm nguyên liệu.
- Phát triển bền vững thông qua chế độ đãi ngộ tốt, môi trường làm việc an toàn, minh bạch, tạo cơ hội phát triển cho người lao động.

8.4.10.2. Đánh giá giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển bền vững

Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của STK



STK đã chọn năm cơ sở là năm 2021 khi có đầy đủ dữ liệu về kế hoạch thực hiện và thực tế thực hiện các tiêu chí về kinh tế, môi trường và xã hội mà Công ty đã đặt ra. Các chỉ tiêu cụ thể cho từng tiêu chí như sau

Năm	Mục tiêu	Chỉ tiêu	KPIs	Thực hiện
Năm 2025	Kinh tế	Doanh thu (tỷ VND)	3.270	1.353
		Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	309,8	49,9
		Mức tăng lương bình quân tối thiểu	9,9%	0%
		Chi trả cổ tức cho cổ đông 15% bằng cổ phiếu	15%	45%
		Thưởng cuối năm cho NLD (số tháng lương)	1	1
	Môi trường	Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY	3,00	3,00
		Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng	2,0%	0,86%
		Nước sử dụng m3/kg sợi	0,0028	0,0037
		Lượng điện năng tiêu thụ/kg sợi (kwh)	1,79	1,85
		Tăng/giảm hệ số phát thải carbon footprint của điện năng	52.442	76.341
		Tỷ lệ sợi recycle	44,5%	49,8%
	Xã hội	Tỷ lệ biến động nhân sự	25,00%	35,3%
		Tỷ lệ tuyển dụng bất thành	20,00%	25,43%
		Đáp ứng nhu cầu nhân sự	95,00%	62,59%
Quản lý ngân sách lương		97,00%	133,85%	
Năm 2021	Kinh tế	Doanh thu (tỷ VND)	2.357	2.042
		Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	248,2	278,4

		Mức tăng lương bình quân tối thiểu	5%	5%
		Chi trả cổ tức cho cổ đông 15% mệnh giá	15%	15%
		Thưởng cuối năm cho NLĐ (số tháng lương)	1	1
	Môi trường	Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY	3,7	3,6
		Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng	2,00%	2,00%
		Nước sử dụng m3/kg sợi	0,0022	0,0025
		Lượng điện năng tiêu thụ/kg sợi (kwh)	1,49	1,65
		Tăng/giảm hệ số phát thải carbon footprint của điện năng	48.246	44.263
		Tỷ lệ sợi recycle	50%	50%
	Xã hội	Tỷ lệ biến động nhân sự	25,00%	34,19%
		Tỷ lệ tuyển dụng bất thành	20,00%	25,80%
		Đáp ứng nhu cầu nhân sự	95,00%	82,60%
		Quản lý ngân sách lương	97,00%	95,00%

8.4.10.3. Mục tiêu PTBV ngắn, trung và dài hạn

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG - DÀI HẠN 2027-2029	MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN HẠN 2026
<ul style="list-style-type: none"> ✓ Công ty thực hiện mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới (Unitex) nhằm đạt lợi thế về qui mô. Đưa vào hoạt động giai đoạn 2 (24.000 tấn/năm) nhà máy Unitex. ✓ Thực hiện dự án năng lượng mặt trời cho nhà máy Unitex (rooftop solar và DPPA). ✓ Tập trung phát triển các loại sợi thân thiện với môi trường (Recycle, Dope dye, Recycle Plus...) đáp ứng nhu cầu của khách hàng nội địa và xuất khẩu. ✓ Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu. ✓ Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ 49,9% năm 2025 lên 60%-70% vào năm 2027-2029 trên các nhà máy hiện hữu. ✓ Giảm khí thải carbon footprint thông qua tiết giảm tiêu hao sử dụng năng lượng điện tại nhà máy và tăng nguồn năng lượng tái tạo. ✓ Áp dụng các hệ thống AI trong sản xuất, triển khai sử dụng phần mềm POC-trung tâm điều khiển sản xuất trong nhà máy POY và DTY, giúp tăng hiệu quả sản xuất, đạt chất lượng cao và giảm phế phẩm. ✓ Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong khâu đóng gói. ✓ Nghiên cứu triển khai dự án giám sát năng lượng để giám sát mức độ tiêu thụ điện năng. Dự kiến tiết kiệm 3-5% lượng điện tiêu thụ mỗi năm. ✓ Thực hiện giám sát và đo lường tác động môi trường của sản phẩm (Life Cycle Assessment (LCA)). 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Đã đưa giai đoạn 1 nhà máy Unitex (36.000 tấn/năm) vào vận hành thương mại vào đầu năm 2026 nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất. ✓ Công ty dự kiến nâng cao công suất hoạt động của các dự án năng lượng mặt trời tại hai nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi. Cụ thể, Công ty sẽ tiến hành ký kết hợp đồng DPPA với đối tác chiến lược cho nhà máy Trảng Bàng, đồng thời dự định triển khai ký kết hợp đồng lắp đặt hệ thống điện mặt trời tại Unitex nhằm gia tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo. ✓ Đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm. ✓ Tỷ trọng sợi recycle mục tiêu năm 2026 là 68% trên tổng doanh thu của cả ba nhà máy Trảng Bàng, Củ Chi và Unitex. ✓ Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD, soft package, hàng AAA. ✓ Phát triển thêm các màu mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường. ✓ Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của REACH 168, OEKO-TEX 100, GRS và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng. ✓ Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.

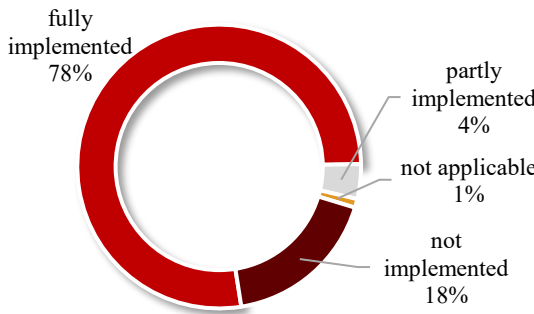
8.4.11. Các nhiệm vụ trọng tâm đặt ra năm 2026

Nâng tỉ trọng đóng góp của sợi tái chế trong tổng doanh thu lên 68%	Đạt được mục tiêu đề ra trong kế hoạch kinh doanh năm 2026
Thành công đưa nhà máy Unitex đi vào hoạt động thương mại và vận hành trơn tru	Tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và phát triển sản phẩm mới để thu hút nhiều đơn đặt hàng hơn và khách hàng

8.4.12. Đánh giá tình hình thực hiện quản trị Công ty năm 2025

Đánh giá theo Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN

Dựa theo chuẩn mực quản trị Công ty của khu vực ASEAN (ASEAN Corporate Governance Scorecards), Sợi Thế Kỷ đã thực hiện tốt 114/149 tiêu chí trong Thẻ điểm Quản trị Công ty.



Tiêu chí được thực hiện đầy đủ tại STK:

- (1) Đảm bảo các quyền cơ bản của cổ đông;
- (2) Đảm bảo đối xử công bằng với cổ đông;
- (3) Bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan;
- (4) Đảm bảo công bố thông tin minh bạch;
- (5) Đảm bảo thực hiện trách nhiệm của HĐQT;

Tiêu chí cần cải thiện:

- (6) Cơ cấu HĐQT: chưa thành lập tiểu ban trực thuộc HĐQT

Tình hình thực hiện quản trị Công ty theo pháp luật

Quy định	Lý do chưa thực hiện theo quy định	Hướng khắc phục
Công ty đang tạm khuyết vị trí Tổng Giám đốc.	Công ty chưa tìm được nhân sự có đủ năng lực và chuyên môn để đảm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.	Công ty sẽ tiếp tục tìm nhân sự có chuyên môn phù hợp để đảm nhiệm vị trí này.

8.5. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2026

Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành nhằm thực hiện các kế hoạch kinh doanh trong năm 2025.

Song hành với Ban điều hành trong việc xác định các cơ hội mở rộng kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh bền vững cho STK.

Hoạch định chiến lược và chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân sự.

Giám sát tình hình quản lý chi phí, hiệu quả hoạt động của Ban điều hành.

Lồng ghép các yếu tố PTBV vào trong quản trị Công ty.

Lịch họp dự kiến của HĐQT trong năm 2026

STT	Lịch họp dự kiến	Ngày dự kiến tổ chức
1	Quý 1	03/05/2026
2	Quý 2	24/07/2026
3	Quý 3	23/10/2026
4	Quý 4	26/02/2027

8.6. Kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị Công ty năm 2026

Nâng cao năng lực quản trị Công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp.

Hoàn thiện chức năng Kiểm toán nội bộ, tăng cường quản trị rủi ro trong bối cảnh điều kiện kinh doanh không thuận lợi.

Chuẩn bị để thành lập Ủy ban Kiểm toán.

8.7. Kế hoạch huy động vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mới

Trong năm 2023, Công ty ký kết được một Hợp đồng tín dụng hợp vốn có kỳ hạn với tổng giá trị 52.5 triệu USD với một nhóm các ngân hàng nước ngoài do CTBC đứng đầu để tài trợ cho dự án mở rộng công suất tại Công ty con. Công ty đã triển khai đợt phát hành riêng lẻ để bổ sung vốn chủ sở hữu cho Công ty. Tuy nhiên, đợt CBRL này không bán thành công cho nhà đầu tư nào. Để hạn chế lỗ tỷ giá do khoản vay hợp vốn, trong tháng 9/2025, Công ty đã tái tài trợ khoản vay hợp vốn này bằng khoản vay dài hạn VND tại ngân hàng OCB trị giá 992,9 tỷ.

Xem thêm Mục tình hình đầu tư dự án, trang xx Báo cáo thường niên năm 2025.

9. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

9.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 (bắt đầu từ ngày 30/03/2023)

	<p>Ông Nguyễn Tự Lực <i>Nguyên trưởng Ban kiểm soát từ ngày 30/03/2023 đến ngày 23/09/2025</i></p> <p>Năm sinh: 1952 Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán</p> <p>Quá trình làm việc: 2007 - 2025: Trưởng Ban Kiểm soát, STK. 2006 - 2022: Trợ lý Tổng Giám đốc, STK. 2000 - 2006: Kế toán trưởng, STK. 1984 - 2000: Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á. 1979 - 1984: Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn.</p>
	<p>Bà Hà Kiệt Trân <i>Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 30/03/2023</i> <i>Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 17/12/2025</i></p> <p>Năm sinh: 1986 Trình độ học vấn: Thạc sĩ</p> <p>Quá trình làm việc: 2018 - nay: Trưởng Bộ phận Đầu Tư – Công ty CP Hướng Việt Holdings 2015 - 2017: Trưởng Bộ phận IB Khối Kinh doanh tiền tệ và Đầu tư – Ngân hàng TMCP Phương Đông. 2013 - 2015: Chuyên viên Phòng Đầu Tư – Công ty CP Chứng Khoán Đông Á.</p>
	<p>Bà Đinh Ngọc Hoa <i>Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 30/03/2023</i></p> <p>Năm sinh: 1979 Trình độ học vấn: Cử nhân ngành Kinh doanh tiền tệ.</p> <p>Quá trình làm việc: 2024 - nay: Làm việc tại Công ty TNHH Pallet M&A 2005 - 2024: Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, STK. 2002 - 2004: Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp.</p>
	<p>Bà Nguyễn Thị Sáng <i>Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 10/12/2025</i></p> <p>Năm sinh: 1983 Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán</p> <p>Quá trình làm việc: 2010 - nay: Kế toán tổng hợp tại Công ty cổ phần TM&ĐT Liên An</p>

Tỷ lệ sở hữu của các thành viên BKS tại ngày 31/12/2025 (nhiệm kỳ 2023-2028)

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong BKS của các Công ty khác	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tự Lực	Nguyên trưởng BKS	0	0,00%	Không có	0,00%
2	Hà Kiệt Trân	Trưởng BKS	0	0,00%	Không có	0,00%
3	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	21.763	0,016%	Không có	0,016%
4	Nguyễn Thị Sáng	Thành viên BKS	0	0,00%	Không có	0,00%

9.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2025 là tiến hành họp để xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS trong năm, trong đó có phân công công việc đảm trách của từng thành viên BKS, trong năm BKS đã họp 6 lần, cụ thể như sau:

- ✓ Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty
- ✓ Tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ
- ✓ Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty
- ✓ Đánh giá về sự phối hợp của HĐQT với Ban Điều Hành.
- ✓ Đánh giá về tình hình đầu tư của Công ty, các dự án đã và đang thực hiện theo NQ HĐQT.
- ✓ Từ đó đưa ra kiến nghị đối với HĐQT trong các năm tiếp theo.
- ✓ Ngoài ra, có 2 lần họp Ban kiểm soát liên quan đến việc thay đổi nhân sự của Ban kiểm soát

9.2.1. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Nội dung	Ngày họp	Kết quả
1	Đánh giá tình hình hoạt động cả năm 2024 và thảo luận kế hoạch năm 2025	28/02/2025	Thông nhất 100%
2	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 1 năm 2025	30/05/2025	Thông nhất 100%
3	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 2 và 6 tháng năm 2025	15/08/2025	Thông nhất 100%
4	Bầu Trưởng Ban kiểm soát tạm thời	13/10/2025	Thông nhất 100% bầu bà Hà Kiệt Trân làm Trưởng Ban kiểm soát tạm thời kể từ ngày 13/10/2025
5	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 3 và 9 tháng 2025	21/11/2025	Thông nhất 100%
6	Bầu Trưởng Ban kiểm soát	17/12/2025	Thông nhất 100% bầu bà Hà Kiệt Trân làm Trưởng Ban kiểm soát kể từ ngày 17/12/2025

9.3. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

9.3.1. Đánh giá của BKS về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024

- Các phiên họp Hội đồng quản trị có mời trưởng ban Ban kiểm soát tham dự đầy đủ.
- Nhìn chung, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo điều lệ Công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật.

Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2024	Kết quả thực hiện
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 45%	Ngày 31/10/2025, Công ty đã hoàn thành thủ tục chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 45%.

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2025

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	So sánh với thực hiện năm 2024	So sánh với kế hoạch năm 2025
Doanh thu thuần	1.352,9	1.210,3	11,8%	41,4%
Lợi nhuận trước thuế	93,3	18,9	394,0%	26,6%
Lợi nhuận sau thuế	49,9	12,4	303,1%	16,1%

Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	2025	2024	So sánh
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0,97	0,76	0,21
Khả năng thanh toán nhanh (*)	Lần	0,11	0,16	-0,05
Cơ cấu vốn				
Hệ số tổng nợ/Vốn CSH	Lần	1,36	1,23	0,13
Hệ số tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,58	0,55	0,03
Hệ số nợ vay/Vốn CSH	Lần	1,12	0,97	0,15
Hệ số nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,47	0,43	0,04
Năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	1,35	1,70	-0,35
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,34	0,36	-0,02
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận từ HĐKD trên doanh thu thuần	%	7,4%	2,1%	5,3%
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	3,7%	1,0%	2,7%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	1,2%	0,3%	0,9%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,8%	0,7%	2,1%

Ghi chú: (*) Công ty tính Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho - Tài sản ngắn hạn khác) / Nợ ngắn hạn, vì Công ty nhận thấy thời gian hoàn thuế có thể bị kéo dài và không biết thời điểm nào sẽ được hoàn thuế.

Công bố thông tin

Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định về việc công bố thông tin của Công ty đại chúng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

9.3.2. Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT

BKS đã tham gia các phiên họp của HĐQT với vai trò quan sát viên để nắm tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đóng góp ý kiến tại cuộc họp trong trách nhiệm và quyền hạn của mình.

BKS đã theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đảm bảo công khai, minh bạch.

BKS đã định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tính tuân thủ các Quy chế, Điều lệ, tính hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của Công ty.

Trong năm 2025, BKS tiếp tục duy trì việc chú trọng vào kiểm soát rủi ro, thông qua việc rà soát lại quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành, tiến tới đề nghị bổ sung các quy trình, quy chế còn thiếu đảm bảo, để STK hoạt động an toàn và phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn.

Tiến hành các cuộc họp (trực tiếp và bằng văn bản) để thống nhất thông qua về kết quả kinh doanh, các chiến lược và mục tiêu phát triển theo từng quý, bán niên, cả năm của Công ty.

9.3.3. Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của Ban điều hành

Ban điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, quy định của nhà nước trong điều hành sản xuất, cụ thể:

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của STK theo kế hoạch kinh doanh đã được thông qua ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua.
- Tuân thủ quy định pháp luật về góp vốn, xây dựng, đầu tư, đăng ký kinh doanh.
- Triển khai các cuộc họp thống nhất chiến lược hành động mục tiêu kinh doanh, giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong quản lý và hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro đến từ nội tại Công ty và môi trường bên ngoài.

Dựa trên kết quả kinh doanh năm 2025, BKS đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm của mình trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng chiến lược của năm. Tuy nhiên, mục tiêu về doanh thu và lợi nhuận vẫn chưa đạt.

9.3.4. Giám sát tình hình tài chính của Công ty

- Công ty đã lập Báo cáo tài chính Quý (04 Báo cáo/năm) và công bố theo quy định của pháp luật và nghĩa vụ CBTT của Công ty nghiêm ngặt.
- Báo cáo tài chính soát xét hợp nhất và Báo cáo tài chính năm hợp nhất của CTCP Sợi Thép Kỹ đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2025 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại 31/12/2025, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Số liệu kế toán được công bố không có sự thay đổi đột ngột khi so sánh số liệu không kiểm toán hàng quý và số liệu đã soát xét, kiểm toán bởi EY Việt Nam.

9.3.5. Đánh giá của BKS về sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm 2024

- ✓ **Sự am hiểu kinh doanh, tầm nhìn chiến lược của HĐQT:** Hầu hết các thành viên trong Hội đồng quản trị có hiểu biết và kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất sợi, bên cạnh đó có trình độ về quản trị doanh nghiệp vì đã được đào tạo và kinh qua nắm giữ các trọng trách lãnh đạo các doanh nghiệp, trên cơ sở đó cho thấy Hội đồng quản trị có đầy đủ có tầm nhìn chiến lược để lãnh đạo công ty.
- ✓ Nhìn chung, Hội đồng quản trị của công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng quản trị theo điều lệ công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật.
- ✓ Ban kiểm soát gồm 03 thành viên có trình độ và kinh nghiệm thời gian làm việc tại các tổ chức khác nhau. Do đó, các thành viên đều thành thạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.
- ✓ Ban kiểm soát đã phân công công việc cho mỗi thành viên thực hiện báo cáo BKS trình bày tại Đại hội cổ đông thường niên.

9.3.6. Kết quả giải quyết khiếu nại của Cổ đông đối với Công ty (nếu có)

Trong năm 2025, BKS không nhận được bất kỳ khiếu nại hay yêu cầu nào cần phải thẩm định hay kiểm tra bất thường trong hoạt động của Công ty.

9.3.7. Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS đối với 2026

Kế hoạch hoạt động năm 2026 của BKS: tiếp tục thực hiện theo chiến lược định hướng chung của Công ty.

Kiến nghị: Trên cơ sở do STK đang được điều hành phù hợp theo các quy định hiện hành. BKS nhận thấy chưa có các phát sinh bất cập trong quá trình giám sát của mình, và BKS không có ý kiến hay kiến nghị gì.

10. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

10.1. Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Các Thành Viên HĐQT, Thành Viên BKS, Giám đốc, Tổng Giám Đốc Điều Hành và cán bộ quản lý khác của Công ty tuân thủ các quy định tại Điều 38 của Điều lệ Công ty về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. Cụ thể như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung thông báo bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

trong thời hạn (07) bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty con, công ty liên kết của Công ty.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây (trừ trường hợp quy định tại Điểm r Khoản 2 Điều 15, và Khoản 4 Điều 38 Điều lệ) sẽ không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp:

a. Cổ đông, Đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông sở hữu trên (10%) mười phần trăm tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ; hoặc

b. Một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ; hoặc

c. Công ty mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ có sở hữu góp vốn hoặc cổ phần trên (10%) mười phần trăm; hoặc

d. Đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính sẽ

không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

➤ Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

➤ Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của

cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

➤ Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

10.2. Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan

- Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 06/05/2025, giao dịch cho vay mượn giữa Công ty và Công ty con (Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX) được thực thi theo Nghị quyết HĐQT số 02-2024/NQHĐQT ngày 15/01/2024. Kể từ ngày 07/05/2025, giao dịch cho vay mượn giữa Công ty và Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX được thực thi theo Nghị quyết HĐQT số 07-2025/NQHĐQT ngày 07/05/2025 thay thế Nghị quyết HĐQT 02-2024/NQHĐT ngày 15/01/2024. Tổng giá trị giao dịch không vượt quá 35% tổng giá trị tài sản hợp nhất của Công ty được ghi trong BCTC gần nhất.
- Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 12/02/2026, giao dịch mua bán thành phẩm, nguyên phụ liệu, linh kiện phụ tùng, văn phòng phẩm các loại/gia công sản xuất các loại sợi POY, DTY/mua bán sợi/cho mượn/cho thuê kho/nhà xưởng giữa Công ty và Unitex được thực thi theo Nghị quyết HĐQT số 25-2024/NQHĐQT ngày 23/12/2024. Kể từ ngày 13/02/2026, các giao dịch này được thực thi theo Nghị quyết HĐQT số 02-2026/NQHĐQT ngày 13/02/2026 thay thế theo Nghị quyết HĐQT số 25-2024/NQHĐQT ngày 23/12/2024. Tổng giá trị giao dịch không vượt quá 35% tổng giá trị tài sản hợp nhất của Công ty được ghi trong BCTC gần nhất.

Phát sinh			Năm 2025	Năm 2024
Bên Liên Quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND giá trị	VND giá trị
Công ty TNHH Sợi, dệt Nhuộm Unitex	Công ty con	Cho vay mượn	466.889.673.041	585.397.796.750
Công ty TNHH Sợi, dệt Nhuộm Unitex	Công ty con	Thu hồi cho vay mượn	(588.673.371.381)	(245.351.608.048)

Công ty TNHH Sợi. dệt Nhuộm Unitex	Công ty con	Lãi cho vay	36.540.711.786	13.678.503.579
Công ty TNHH Sợi. dệt Nhuộm Unitex	Công ty con	Bán hàng	8.789.013.248	42.818.216.082
Công ty TNHH Sợi. dệt Nhuộm Unitex	Công ty con	Mua hàng		
Tổng cộng			(76.453.973.306)	396.542.908.363
Số dư các Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ 31/12/2025	Số cuối kỳ 31/12/2024
Công ty TNHH Sợi. dệt Nhuộm Unitex	Công ty con	Cho vay mượn	511.566.265.595	518.856.838.309
Công ty TNHH Sợi. dệt Nhuộm Unitex	Công ty con	Thu hồi cho vay mượn		
Công ty TNHH Sợi. dệt Nhuộm Unitex	Công ty con	Lãi cho vay (phải thu khác)	8.853.219.280	18.805.633.120
Công ty TNHH Sợi. dệt Nhuộm Unitex	Công ty con	Phải thu	6.161.901.215	7.669.753.843
Công ty TNHH Sợi. dệt Nhuộm Unitex	Công ty con	Phải trả	296.015.147.352	(17.747.869.669)
Tổng cộng			822.596.533.442	527.584.355.603

Ngoài ra, STK đứng ra bảo lãnh cho Unitex vay khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình của Unitex, cụ thể như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
-----------	-------------------	----------------	--------------	-------------------

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (*)	756.873.000.000	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2026 đến ngày 17 tháng 1 năm 2028	Xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex	Nhà máy và quyền sử dụng đất và máy móc thuyết bị tại Unitex
---	-----------------	---	--	--

Ghi chú:

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình: mục đích vay là tái tài trợ cho khoản cấp tín dụng tài trợ dự án đầu tư nhà máy sợi tơ tổng hợp tại Unitex của 5 ngân hàng sau: Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank, Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Thương mại Entie và Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun, Ngân hàng TNHH CTBC.

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình là khoản vay của Unitex nhưng được sự bảo lãnh của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ.

10.3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2025

Vui lòng xem mục “7.4. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết năm 2025”, trang xx Báo cáo thường niên năm 2025.

10.4. Giao dịch với đối tượng khác

Không có.

10.5. Lương, thưởng và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành

10.5.1. Lương, thưởng và thù lao của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao được nhận (trước thuế)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT	150.000.000	01/01/2025-31/12/2025
2	Đặng Mỹ Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	150.000.000	01/01/2023-31/12/2023
3	Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT không điều hành	150.000.000	01/01/2025-31/12/2025
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	150.000.000	01/01/2025-31/12/2025
5	Võ Quang Long	Thành viên HĐQT không điều hành	150.000.000	01/01/2025-31/12/2025
6	Chen Che Jen	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225.000.000	01/01/2025-31/12/2025
7	Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225.000.000	01/01/2025-31/12/2025
Tổng cộng (VND)			1.200.000.000	

10.5.2. Lương, thưởng và thù lao của BKS

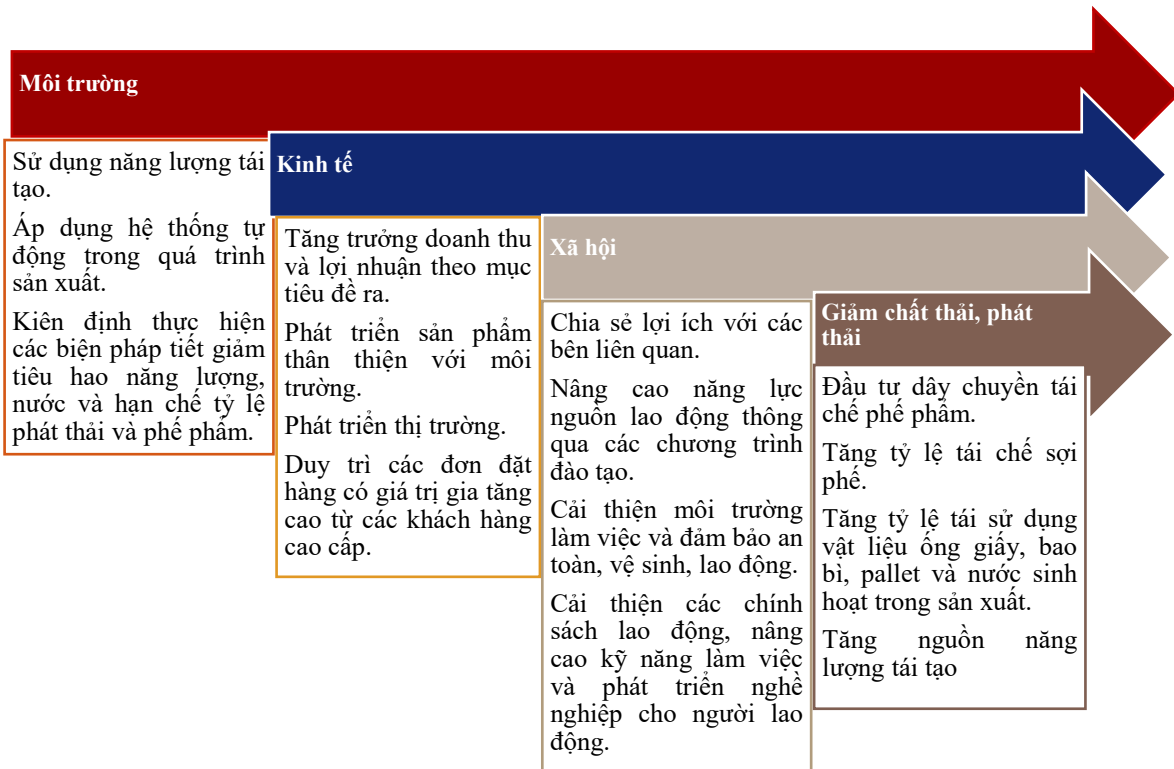
STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao được nhận (trước thuế)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Nguyễn Tự Lực	Nguyên trưởng BKS	45.000.000	01/01/2025-31/12/2025
2	Hà Kiệt Trân	Trưởng BKS	60.000.000	01/01/2025-31/12/2025
3	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	60.000.000	01/01/2025-31/12/2025
4	Nguyễn Thị Sáng	Thành viên BKS	15.000.000	01/01/2025-31/12/2025
Tổng cộng (VND)			180.000.000	

10.5.3. Lương, thưởng và thù lao của Ban Điều Hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao được nhận (trước thuế)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT	1.096.630.769	01/01/2025-31/12/2025
2	Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược	1.574.811.141	01/01/2025-31/12/2025
3	Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	999.021.996	01/01/2025-31/12/2025
Tổng cộng (VND)			3.670.463.906	

11. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI

11.1. Chiến lược phát triển bền vững



Trọng tâm chiến lược phát triển bền vững của Sợi Thế Kỳ là lựa chọn sản phẩm thân thiện với môi trường và có tính khả thi cao về mặt kinh tế.

Sản phẩm sợi Recycle là một trong các sản phẩm chủ đạo giúp Công ty có thể phát triển xa hơn trên con đường PTBV của mình với giá trị kinh tế mang lại cao, tái chế chai nhựa góp phần bảo vệ môi trường (sử dụng hạt nhựa tái chế trong quá trình sản xuất giúp giảm khoảng 79%³ carbon footprint so với sử dụng hạt nhựa nguyên sinh).

Công ty cũng đang phát triển thêm sản phẩm sợi màu (dope dye) giúp khách hàng tiết giảm tiêu hao nước, nước thải, sản phẩm sợi màu sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường. Đây cũng

là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã nghiên cứu và thêm các tính năng đặc biệt cho sản phẩm sợi tái chế (như hút ẩm, co giãn cao, v.v) nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho người tiêu dùng và thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ sợi tái chế.

Bên cạnh danh mục sản phẩm thân thiện môi trường, Công ty cũng chú trọng chiến lược đầu tư máy móc sử dụng công nghệ hiện đại để giảm tiêu thụ năng lượng điện (e-saving technology), giảm phế phẩm cũng như khuyến khích việc cải tiến kỹ thuật nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, điện, nước, tăng tỷ lệ tái sử

³ Theo số liệu từ các nhà cung cấp hạt nhựa của STK, hệ số phát thải của hạt nhựa tái chế và hạt nhựa

nguyên sinh lần lượt là 0,5 tấn CO2e/tấn chip và 2,36 tấn CO2e/tấn chip.

dụng nguyên vật liệu, tái chế phế liệu và sử dụng năng lượng tái tạo.

Đầu năm 2024, Công ty đã triển khai Smart Factory cho nhà máy Trảng Bàng 3. Khi áp dụng dự án này, nhà máy kiểm soát theo thời gian thực dòng chảy hàng hóa, từ tính năng giám sát xe hàng đến kiểm soát được tình trạng lỗi phát sinh khi chạy sản phẩm. Trí thông minh nhân tạo (AI) sẽ phân tích học dạng lỗi, qua việc học này AI sẽ biết dạng lỗi là gì mà không cần con người thực hiện, từ đó đưa ra dự báo xu hướng lỗi sắp tới giúp nhà máy can thiệp kịp thời sẽ giảm số lượng hàng lỗi xuống gián tiếp tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng.

Nghiên cứu triển khai dự án giám sát năng lượng để giám sát mức độ tiêu thụ điện năng.

Dự kiến tiết kiệm 3-5% lượng điện tiêu thụ mỗi năm.

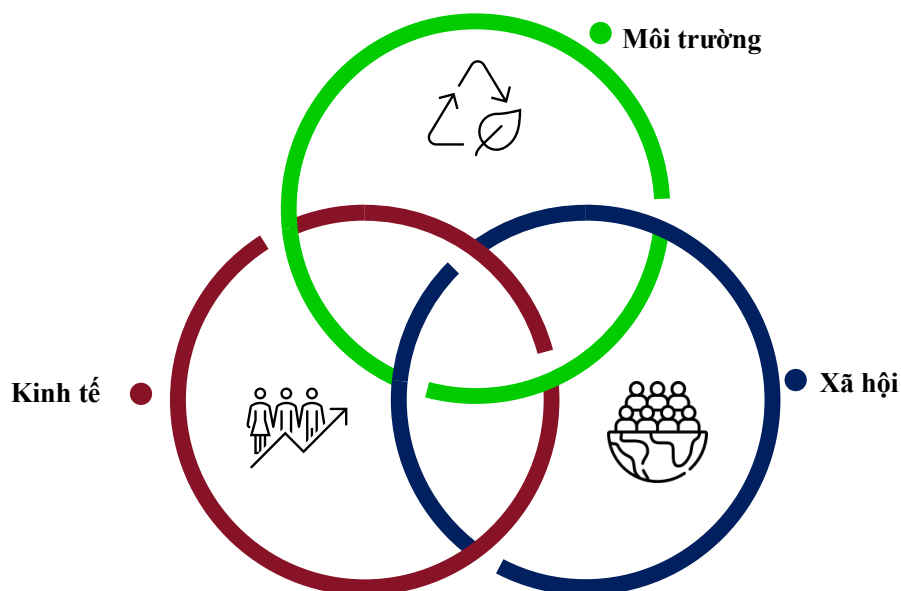
Về mặt lao động và xã hội, với phương châm cùng nhau phát triển, Công ty chủ trương chia sẻ lợi ích với người lao động thông qua việc không ngừng nâng cao chế độ đãi ngộ, nâng cao năng lực cho người lao động và tạo môi trường làm việc an toàn và thoải mái cho người lao động.

Sợi Thế Kỳ luôn cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển, tạo điều kiện cho người lao động phát triển bản thân và nghề nghiệp.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG - DÀI HẠN 2027- 2029	MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN HẠN 2026
<ul style="list-style-type: none"> ✓ Công ty thực hiện mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới (Unitex) nhằm đạt lợi thế về qui mô. Đưa vào hoạt động giai đoạn 2 (24.000 tấn/năm) nhà máy Unitex. ✓ Thực hiện dự án năng lượng mặt trời cho nhà máy Unitex (rooftop solar và DPPA). ✓ Tập trung phát triển các loại sợi thân thiện với môi trường (Recycle, Dope dye, Recycle Plus...) đáp ứng nhu cầu của khách hàng nội địa và xuất khẩu. ✓ Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu. ✓ Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ 49,9% năm 2025 lên 60%-70% vào năm 2027-2029 trên các nhà máy hiện hữu. ✓ Giảm khí thải carbon footprint thông qua tiết giảm tiêu hao sử dụng năng lượng điện tại nhà máy và tăng nguồn năng lượng tái tạo. ✓ Áp dụng các hệ thống AI trong sản xuất, triển khai sử dụng phần mềm POC-trung tâm điều khiển sản xuất trong nhà máy POY và DTY, giúp tăng hiệu quả sản xuất, đạt chất lượng cao và giảm phế phẩm. ✓ Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong khâu đóng gói. ✓ Nghiên cứu triển khai dự án giám sát năng lượng để giám sát mức độ tiêu thụ điện năng. Dự kiến tiết kiệm 3-5% lượng điện tiêu thụ mỗi năm. ✓ Thực hiện giám sát và đo lường tác động môi trường của sản phẩm (Life Cycle Assessment (LCA)). 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Đã đưa giai đoạn 1 nhà máy Unitex (36.000 tấn/năm) vào vận hành thương mại vào đầu năm 2026 nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất. ✓ Công ty dự kiến nâng cao công suất hoạt động của các dự án năng lượng mặt trời tại hai nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi. Cụ thể, Công ty sẽ tiến hành ký kết hợp đồng DPPA với đối tác chiến lược cho nhà máy Trảng Bàng, đồng thời dự định triển khai ký kết hợp đồng lắp đặt hệ thống điện mặt trời tại Unitex nhằm gia tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo. ✓ Đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm. ✓ Tỷ trọng sợi recycle mục tiêu năm 2025 là 68% trên tổng doanh thu của cả ba nhà máy Trảng Bàng, Củ Chi và Unitex. ✓ Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD, soft package, hàng AAA. ✓ Phát triển thêm các màu mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường. ✓ Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của REACH 168, OEKO-TEX 100, GRS và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng. ✓ Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.

11.2. Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển bền vững

Năm 2025, chủ nghĩa đa phương đối mặt với nhiều thách thức khi mức độ hợp tác quốc tế có xu hướng thu hẹp, sự chia rẽ giữa các quốc gia và khu vực ngày càng sâu sắc. Đồng thời, môi trường thương mại toàn cầu trở nên phức tạp hơn với các chính sách thuế quan biến động liên tục và khó dự đoán. Kết quả kinh doanh của STK chưa đạt như kỳ vọng, chịu tác động từ cả yếu tố khách quan lẫn chủ quan. Tuy nhiên, Ban điều hành vẫn kiên định theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đồng thời nâng cao quản trị rủi ro nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra và tạo ra giá trị bền vững cho các bên liên quan..



Môi trường

Tăng tỷ trọng sản phẩm thân thiện với môi trường:

Tỷ trọng doanh thu từ sợi recycle trong tổng doanh thu năm 2025 đạt 49,9%, tăng 5,3% so với mức 44,5% của năm 2024 do áp lực cạnh tranh gay gắt về giá từ các nhà cung cấp khác. Điều này cho thấy sự phục hồi tích cực về tỷ trọng sợi tái chế, thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt của Công ty trước những biến động của thị trường hiện tại. Đồng thời, Công ty đặt mục tiêu nâng tỷ lệ sợi tái chế lên mức 60–70% trong giai đoạn 2027–2029 tại các nhà máy hiện hữu, khẳng định định hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn; Tính từ khi bắt đầu sản xuất sợi tái chế đến hết 2025. Công ty đã gián tiếp tái sử dụng hơn 6 tỷ chai nhựa PET nhờ vào việc sản xuất sợi Recycle, giảm thiểu tác động tới môi trường đặc biệt là giảm nguồn rác thải chai nhựa trên đại dương.

Tỷ trọng doanh thu sợi màu trên tổng doanh thu cũng đã tăng trưởng vượt bậc từ 0,2% doanh thu (2021) lên 0,9% (2022) giảm nhẹ xuống mức 0,83% năm 2023 tăng lên và duy trì ở mức trên 4% trong năm 2025.

Tái chế sợi thứ cấp thành hạt nhựa, giảm lượng tiêu thụ hạt nhựa từ dầu thô và khí, gián tiếp bảo vệ môi trường.

Tái sử dụng ống giấy POY, số lượng ống giấy tiết giảm được là 1,8 triệu ống trong năm 2025.

Nhờ vào hệ thống ngưng tụ nước từ hệ thống làm lạnh, giúp giảm lượng tiêu thụ nước sạch trong năm 2025.

Không xảy ra trường hợp vi phạm về môi trường.

Kinh tế

Doanh thu đạt 1.353 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế đạt 49,5 tỷ đồng. Công ty cam kết chi trả cổ tức cho cổ đông tối thiểu 15% mỗi năm (có thể bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu).

Mức tăng lương bình quân tối thiểu: Năm 2024, dù hoạt động kinh doanh chưa đạt kỳ vọng do nhu cầu thị trường suy yếu và áp lực cạnh tranh về giá, dẫn đến đơn hàng sụt giảm, sản lượng sản xuất giảm và doanh thu thấp, công ty vẫn chú trọng đến đời sống nhân viên. Để khích lệ tinh thần làm việc, công ty đã thực hiện chính sách tăng lương cho CBCNV trong năm 2024 với mức tăng bình quân 9,9% so với năm 2023. Bước sang năm 2025, trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều biến động, Công ty tiếp tục duy trì chính sách thu nhập ổn định cho người lao động, đồng thời tập trung vào các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và cải thiện môi trường làm việc, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và các chính sách phúc lợi trong giai đoạn tiếp theo.

Tặng quà tết, xây dựng các quỹ nhằm giúp đỡ các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn.

Duy trì chính sách thưởng đối với người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Xã hội

Hoàn thành nghĩa vụ thuế, nộp 114,8 tỷ đồng thuế vào ngân sách nhà nước trong năm 2025.

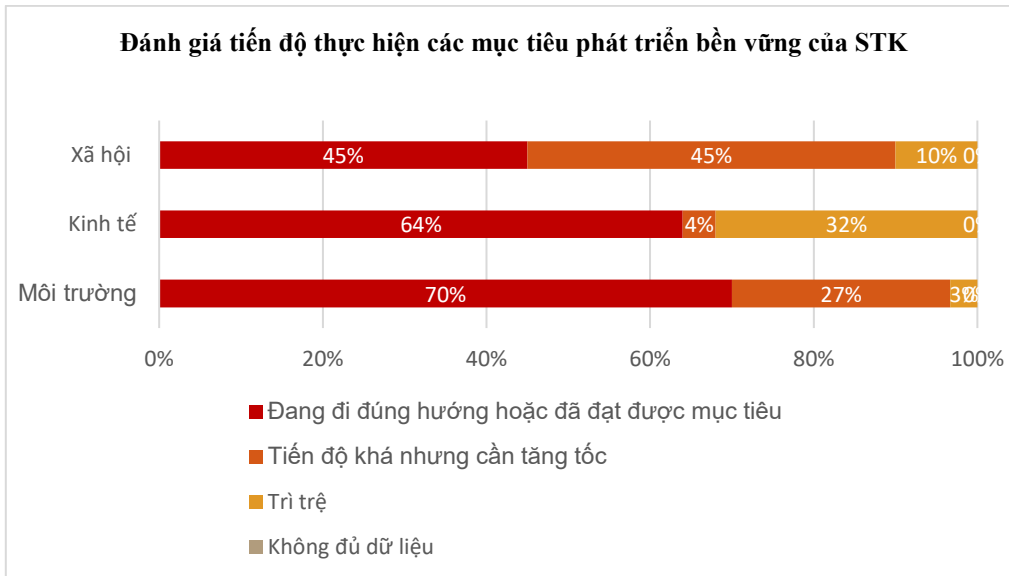
Tuân thủ quy định của khu công nghiệp, pháp luật về thuế, các quy định về hoạt động xuất nhập khẩu, quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán...

Trực tiếp và gián tiếp tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động ở địa phương, thông qua hoạt động tuyển dụng của Công ty.

STK đã chọn năm cơ sở là năm 2021 khi có đầy đủ dữ liệu về kế hoạch thực hiện và thực tế thực hiện các tiêu chí về kinh tế, môi trường và xã hội mà Công ty đã đặt ra. Các chỉ tiêu cụ thể cho từng tiêu chí như sau:

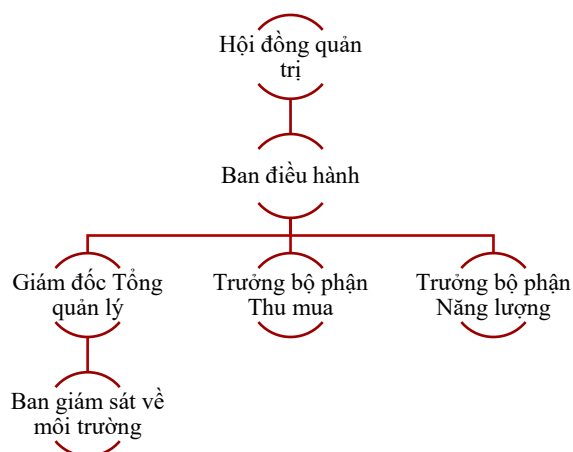
Environmental-Môi trường	Economic-Kinh tế	Social-Xã hội
Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY.	Doanh thu	Tỷ lệ biến động nhân sự.
Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ lệ tuyển dụng bất thành.
Nước sử dụng m ³ /kg sợi.	Mức tăng lương bình quân tối thiểu.	Đáp ứng nhu cầu nhân sự.
Lượng điện năng tiêu thụ/kg sợi (kwh).	Chi trả cổ tức cho người lao động 15% mệnh giá.	Quản lý ngân sách lương.
Tăng/giảm hệ số phát thải carbon footprint của điện năng.	Thưởng cuối năm cho NLĐ (số tháng lương).	
Tỷ lệ sợi recycle.		

Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của STK đến năm 2025



Tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của STK đến năm 2025, xét theo mức độ “Đang đi đúng hướng hoặc đã đạt được mục tiêu”, cho thấy dấu hiệu suy giảm so với năm trước. Cụ thể, tỷ lệ hoàn thành của ba tiêu chí Môi trường, Kinh tế, và Xã hội lần lượt giảm từ 70,8%, 70%, và 50% trong năm 2024 xuống còn 70%, 64%, và 45% vào năm 2025. Đặc biệt, tiến độ thực hiện mục tiêu về Kinh tế có sự sụt giảm đáng kể, chủ yếu do kết quả kinh doanh không đạt kỳ vọng, khiến Công ty không thể hoàn thành kế hoạch đề ra. Điều này phản ánh những thách thức mà STK phải đối mặt trong việc duy trì lộ trình phát triển bền vững trong bối cảnh kinh tế biến động.

11.3. Trách nhiệm đảm bảo thực hiện các chính sách về môi trường



Dưới sự chỉ đạo và định hướng của HĐQT, Ban điều hành đề ra phê duyệt các chính sách và cơ chế kiểm soát việc tuân thủ bảo vệ môi trường.

Quản lý cấp trung (giám đốc/trưởng bộ phận) các phòng ban liên quan có trách nhiệm đảm bảo không vi phạm về môi trường như chất thải, nước thải, phát thải; đảm bảo sản phẩm không chứa hóa chất độc hại; thực thi các sáng kiến bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng.

Thông tin người chịu trách nhiệm các chính sách, vấn đề liên quan đến môi trường

Tên	Nguyễn Minh Nhân
Chức vụ	Nhân viên HSE
Email	Nhannguyen3@century.vn

11.4. Báo cáo tác động đến môi trường

Chính sách bảo vệ môi trường

Vấn đề	Biện pháp quản lý chung	Biện pháp quản lý cụ thể	Kết quả đo lường	Hậu quả có thể tác động môi trường (*)
Nồng độ bụi	Thành lập chỉ tiêu – định mức cho từng đơn vị liên quan; có trách nhiệm báo cáo hàng tuần, tháng, quý, bán niên và năm cho Tổng giám đốc điều hành (người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc thực hiện các chính sách về môi trường).	Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ.	Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic.	Thấp
Tiếng ồn		Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ, trang bị nút chống ồn, đóng kín cửa ra vào nhà máy; khám sức khỏe cho người lao động.	Không xảy ra bệnh nghề nghiệp do tiếng ồn gây ra. Tiếng ồn vẫn có do đặc thù ngành nghề.	Trung bình
Phát thải khí nhà kính		Tiết giảm sử dụng dầu DO, có biện pháp tiết kiệm lượng điện tiêu thụ, sử dụng điện mặt trời	Đo lường lượng carbon footprint gián tiếp.	Cao
Nước thải & Chất thải		Kiểm tra hàng ngày hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; phân loại và thu gom chất thải theo quy định; áp dụng biện pháp tiết kiệm nước sạch.	Không xảy ra vi phạm.	Trung bình

11.4.1. Vật liệu sử dụng

Phân loại vật liệu	Chủng loại Nguyên vật liệu	Nguồn gốc
Vật liệu không thể tái tạo	Hạt nhựa	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật...
	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức
	Polyester Chip tái chế	Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan
Vật liệu có thể tái tạo	Ống giấy	Việt Nam, Đài Loan
	Pallet	Việt Nam
	Thùng Carton	Việt Nam

Tỷ lệ phần trăm của vật liệu được tái chế từ quá trình sản xuất trực tiếp

$$= \frac{\text{Khối lượng hạt nhựa được tái chế từ sợi thứ cấp (kg)}}{\text{Tổng khối lượng hạt nhựa đầu vào sử dụng (kg)}} \times 100 = 4,9\%$$

2020	2021	2022	2023	2024	2025
2,55%	6,85%	5,66%	6,5%	4,9%	3,00%

Công ty tiếp tục tái chế sợi thứ cấp thành hạt nhựa đầu vào trong quá trình sản xuất trong các năm qua. Nhờ vào hệ thống tái chế này, Công ty đã tiết giảm lượng hạt nhựa mua vào tương đương 3% lượng sử dụng năm 2025, góp phần làm giảm khí thải CO2 và chất thải nhựa ra môi trường.

Tỷ lệ phần trăm của vật liệu được tái chế (gián tiếp) được sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng hạt nhựa được tái chế từ chai nhựa qua sử dụng (kg)}}{\text{Tổng khối lượng hạt nhựa đầu vào sử dụng (kg)}} \times 100 = 54,4\%$$

2020	2021	2022	2023	2024	2025
35%	42,7%	41%	44,3%	38,8%	54,4%

Thông qua việc sản xuất sợi tái chế, Công ty đã thay thế hạt nhựa nguyên sinh thành hạt nhựa tái chế từ chai nhựa đã qua sử dụng, góp phần giảm ô nhiễm đến môi trường đất và nước. Năm 2024, Công ty đã sử dụng 54,4% hạt nhựa tái chế trên tổng lượng tiêu thụ.

Ngoài hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký kết với các đối tác uy tín, chất lượng để cung cấp ống giấy sản xuất, với chất lượng ống giấy tốt thì bình quân hiện nay ống giấy POY sau khi sử dụng có thể tái sử dụng lại 3 lần, góp phần giảm thiểu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất.

Trong năm 2025, số lượng ống giấy POY sử dụng là 902.970 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3 lần; do đó, tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu (ống giấy) năm 2025 là:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ tái sử dụng} &= \frac{\text{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\text{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}} \\ &= \frac{\text{Số lượng ống giấy POY} \times \text{số lần tái sử dụng}}{\text{Số lượng ống giấy POY} \times (\text{số lần tái sử dụng}) + \text{số ống giấy DTY} + \text{số ống giấy FDY}} \\ &= \frac{902.970 \times 3}{902.970 \times 3 + 7.766.155} = 26\% \end{aligned}$$

2020	2021	2022	2023	2024	2025
21%	22%	20%	16%	28%	26%

Sáng kiến bảo vệ môi trường từ nguyên vật liệu	Kết quả đạt được
Gia tăng sản lượng hạt nhựa tái chế đã góp phần giảm lượng hạt nhựa nguyên sinh sử dụng, đồng thời giảm thiểu rác thải (chai nhựa qua sử dụng) cho Trái Đất.	Số chai nhựa đã qua sử dụng đã gián tiếp tái chế là hơn 6 tỷ chai tính đến hết năm 2025.
Tái chế sợi phế thải thành hạt nhựa được tái sử dụng trong quá trình sản xuất.	Tỷ lệ tái chế sợi phế là 67,5% năm 2025.

Thu hồi và tái sử dụng ống giấy POY.	Số lần tái sử dụng ống giấy: 3 lần, nâng tỷ lệ tái sử dụng ống giấy (bao gồm POY, DTY và FDY) là 26%.
--------------------------------------	---

Theo bộ phận sản xuất POY, vì POY là bán thành phẩm để sản xuất tiếp sợi DTY và để không chế lỗi cho DTY buộc số lần tái sử dụng ống giấy phải giảm xuống và sẽ giảm về mức 3,0 từ năm 2024. Vì việc sử dụng ống giấy nhiều lần có thể gây móp hoặc bần ống giấy và không đạt tiêu chuẩn cho bộ phận DTY. Việc giảm tỷ lệ sử dụng ống giấy xuống 3 lần để đảm bảo quá trình quán sợi ống bị lỗi lôm không ảnh hưởng đến khâu sau khi gia công DTY. Năm 2026, Công ty sẽ tiếp tục duy trì việc tái sử dụng ống giấy tối đa 3 lần, theo khuyến nghị của các chuyên gia STK, nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất đồng thời đảm bảo quy trình vận hành ổn định.

11.4.2. Nhiên liệu tiêu thụ

Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức

Do đặc thù ngành nghề, máy móc vận hành hầu như liên tục 24/7 (ngoại trừ thời gian bảo trì) để đảm bảo hiệu quả sản xuất. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng việc tiết kiệm lượng điện tiêu thụ để giảm phát thải nhà kính ra môi trường.

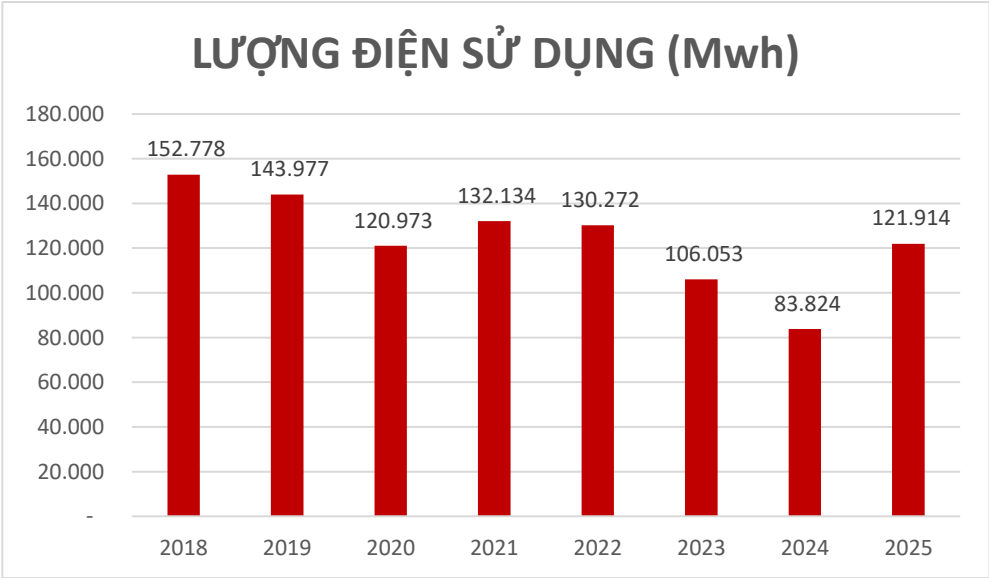
Dầu DO được sử dụng cho 2 nguồn chính là chạy máy phát điện khi mất điện và một lượng nhỏ là để nạp cho máy bơm PCCC.

Công ty chỉ sử dụng nguồn nhiên liệu điện năng và dầu DO trong các hoạt động sản xuất của mình. Trong đó:

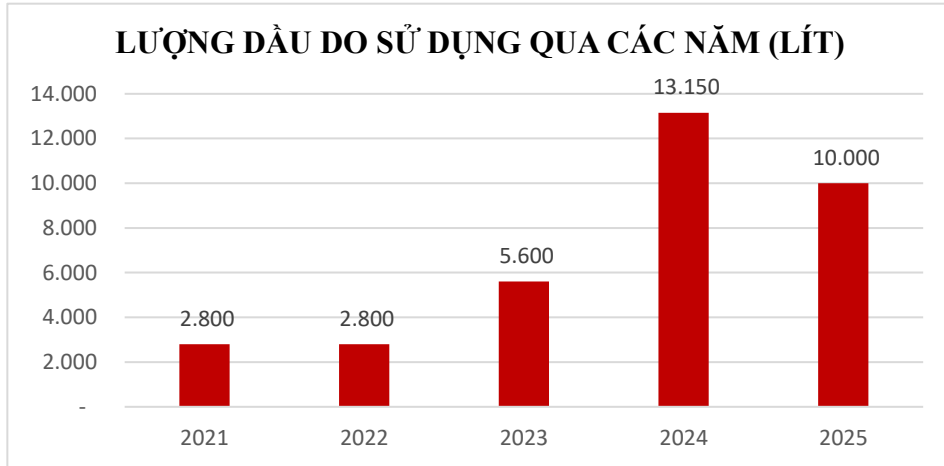
- (1) Nguồn năng lượng không tái tạo: dầu DO và điện EVN khối lượng dầu DO sử dụng trong năm 2025: 8 tấn, tương đương 10.000 lít, dầu DO được sử dụng cho 2 nguồn chính là chạy máy phát điện khi mất điện và một lượng nhỏ là để nạp cho máy bơm PCCC. Lượng điện EVN sử dụng trong năm 2025 là 115,8 triệu Kwh.
- (2) Nguồn năng lượng tái tạo: điện mặt trời. Lượng điện mặt trời đã sử dụng trong năm 2025 là 6,1 triệu Kwh.

Khối lượng điện tiêu thụ trong năm 2025

Lượng điện sử dụng (MWh)

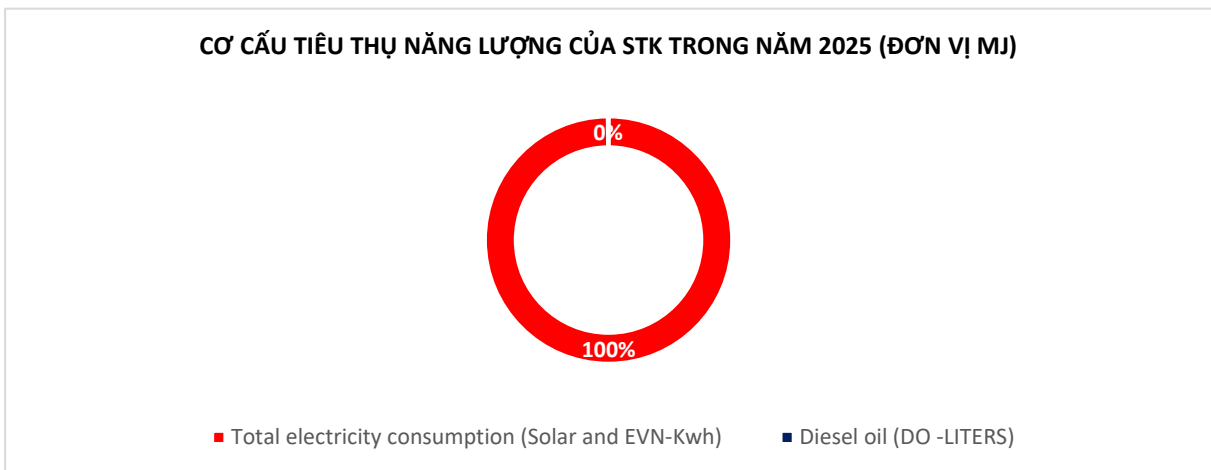


Lượng dầu sử dụng qua các năm (Lít)



Nguồn năng lượng	Năm 2025	Hệ số quy đổi ra MJ	Mj
Tổng điện tiêu thụ (Solar + EVN) (Kwh)	121.913.527,1	3,6	438.888.698
Dầu DO (Lít)	10.000	36.845	368.450
Tổng lượng năng lượng tiêu thụ (Mjun)			439.257.148

Tổng lượng năng lượng tiêu thụ trong tổ chức = nhiên liệu không tái tạo đã tiêu thụ + nhiên liệu tái tạo đã tiêu thụ = 439,2 tỷ Kjun.



Chú thích:

<https://convertlive.com/vi/u/chuy%E1%BB%83n%C4%91%E1%BB%95i/kilowattgi%E1%BB%9D/%C4%91%E1%BB%83/megajoules#83815848> (quy đổi 1Kwh sang Mj)

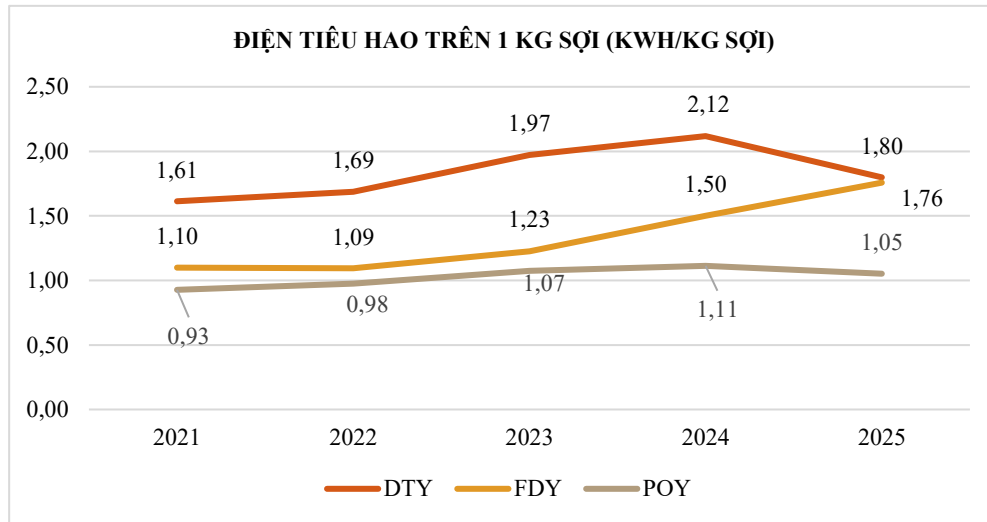
<https://veia.com.vn/he-so-chuyen-doi-don-vi-nang-luong-mj-cua-mot-so-nhien-lieu-pho-bien> (hệ số quy đổi 1 lít dầu DO sang MJ)

<https://convertlive.com/vi/u/chuy%E1%BB%83n-%C4%91%E1%BB%95i/megajoules/%C4%91%E1%BB%83/kilojoules> (Quy đổi Mj sang Kj)

Cường độ sử dụng năng lượng

- Công ty có 3 loại sợi sản phẩm chính: sợi POY, sợi DTY và sợi FDY.
- Công ty xây dựng hệ thống giám sát và đo đạt mức tiêu thụ năng lượng (kwh) trên từng đơn vị sản phẩm (kg).

Trong đó, điện tiêu hao cho từng đơn vị sản phẩm:



Lưu ý: Sản lượng đã quy đổi theo denier chuẩn của từng loại sợi DTY, FDY và POY

Trong giai đoạn 2024–2025, xu hướng tiêu thụ điện năng trên mỗi kg sợi có sự biến động rõ rệt giữa các dòng sản phẩm. Năm 2024 ghi nhận mức tiêu thụ điện cao nhất trong chuỗi năm đối với cả DTY (2,12 kWh/kg), FDY (1,50 kWh/kg) và POY (1,11 kWh/kg).

Sang năm 2025, tiêu thụ điện trên mỗi kg sợi DTY và POY lần lượt giảm còn 1,80 kWh/kg (-15%) và 1,05 kWh/kg (-5%) so với năm 2024. Đối với DTY kết quả này chủ yếu đến từ hiệu quả sử dụng năng lượng của các nhà máy đặc biệt là nhà máy Unitex nhờ sử dụng các máy móc công nghệ thiết hiện đại giúp các mục tiêu định mức điện trên kg sợi của các sản phẩm đều đạt mục tiêu đề ra.

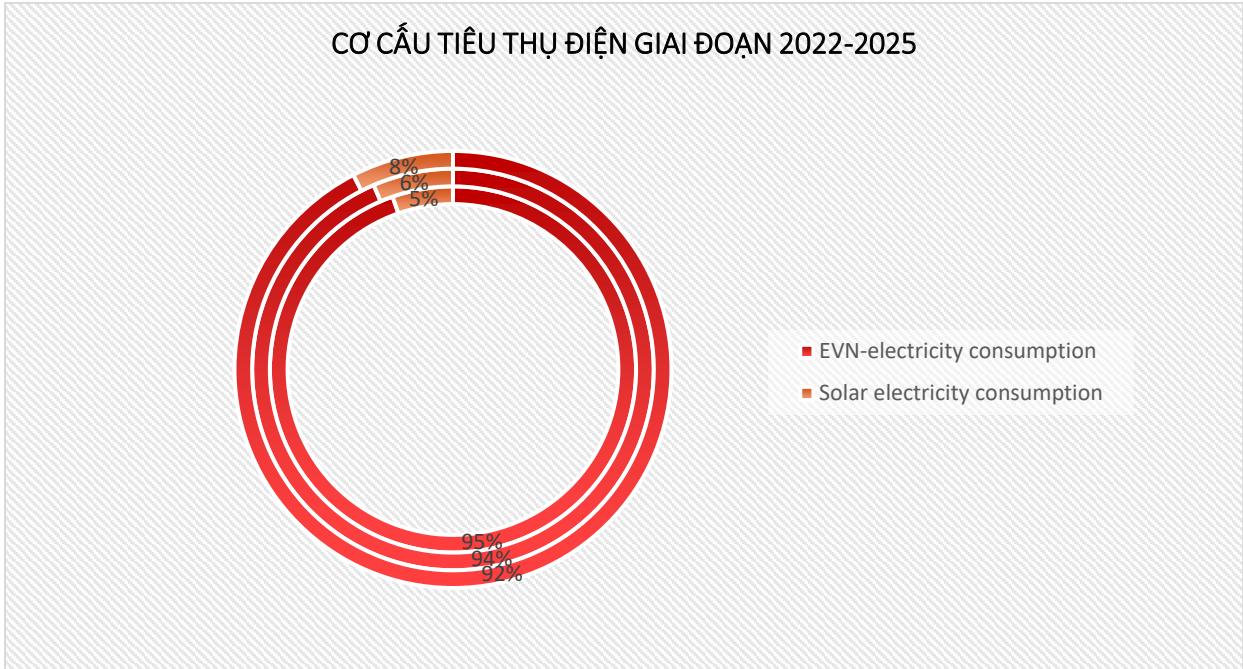
Ngược lại, tiêu thụ điện của sợi FDY tăng lên 1,76 kWh/kg (+17%) trong năm 2025. Nguyên nhân chính là do việc điều chỉnh vận hành: một số máy nén và thiết bị phụ trợ được ưu tiên phục vụ các line FDY, trong khi các line POY tạm ngưng. Điều này làm tăng tỷ trọng phân bổ điện năng cho FDY, dẫn đến mức tiêu thụ điện trên mỗi đơn vị sản phẩm tăng. Ở chiều ngược lại, việc giảm sử dụng các thiết bị phụ trợ cho POY đã góp phần làm giảm tiêu thụ điện trên mỗi kg sợi POY so với năm 2024.

Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo - năng lượng mặt trời

Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất 7,4 Mwp.

Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Trong thời gian tới, Công ty sẽ có kế hoạch nâng cao tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo thông qua việc ký kết với đối tác chiến lược triển khai các dự án điện mặt trời áp mái ở nhà máy Unitex và các dự án DDPA ở nhà máy Trảng Bàng và Unitex.

CƠ CẤU TIÊU THỤ ĐIỆN GIAI ĐOẠN 2022-2025



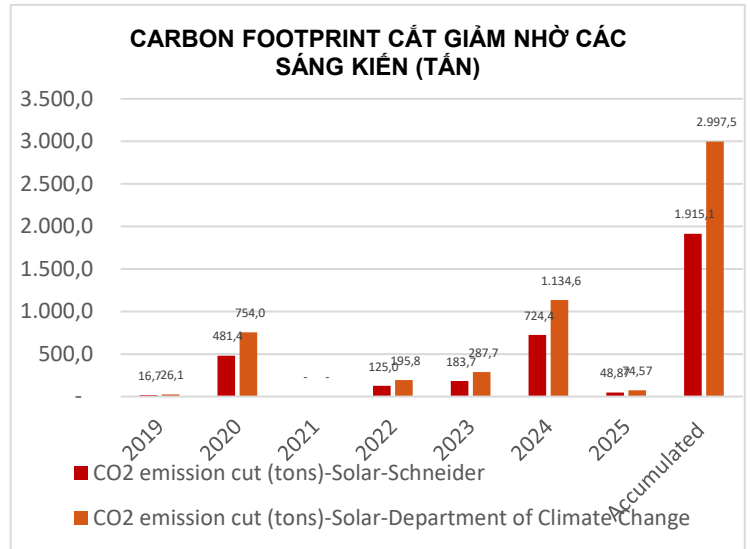
Ghi chú: Từ vòng trong ra ngoài tương ứng với năm 2022-2025

Tỷ lệ tiêu thụ điện mặt trời trong cơ cấu sử dụng điện của Công ty đã tăng liên tục trong giai đoạn 2022–2024, lần lượt đạt 5%, 6% và 8%. Tuy nhiên, đến năm 2025, tỷ trọng này giảm xuống còn khoảng 5%. Nguyên nhân chủ yếu là do nhà máy mới Unitex bắt đầu vận hành thử nghiệm từ cuối năm 2024 và tiếp tục trong năm 2025, làm nhu cầu sử dụng điện từ lưới EVN tăng đáng kể. Trong khi đó, công suất hệ thống điện mặt trời không thay đổi, dẫn đến sản lượng điện mặt trời gần như giữ nguyên. Sự gia tăng mạnh của tổng lượng điện tiêu thụ đã làm giảm tỷ trọng điện mặt trời trong cơ cấu sử dụng điện của Công ty xuống còn khoảng 5%.

Lượng điện tiết kiệm từ các sáng kiến

Công ty duy trì thực hiện các sáng kiến tiết kiệm điện từ năm 2018 như lắp inventor cho motor dầu thải máy DTY, cho bơm phun sương, cho bơm máy lạnh, khắc phục rò rỉ khí nén, canh chỉnh cánh quạt AC 1, 2, 3 nhà máy Trảng Bàng... Lũy kế đến năm 2025 nhờ các sáng kiến này Công ty đã tiết kiệm được hơn 4,4 triệu Kwh, tương đương với lượng cắt giảm 1,91 ngàn tấn CO₂ tính theo hệ số phát thải của Schneider và 2,92 ngàn tấn CO₂ tính theo hệ số phát thải của Cục BĐKH⁴.

⁴ Hệ số phát thải của cục BĐKH năm 2026 là 0,6592



Ghi chú:

Hệ số phát thải tính theo trung tâm dữ liệu về Carbon Footprint của Schneider Electric: 0,432 tấn CO2/Mwh.

Hệ số phát thải tính theo Cục Biến Đổi Khí Hậu Việt Nam (Department of Climate Change-DCC): 0,6592 tấn CO2/Mwh. (cập nhật đến năm 2026)

Giải pháp tiết kiệm điện năm 2026

Trong năm 2026, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm chi phí điện:

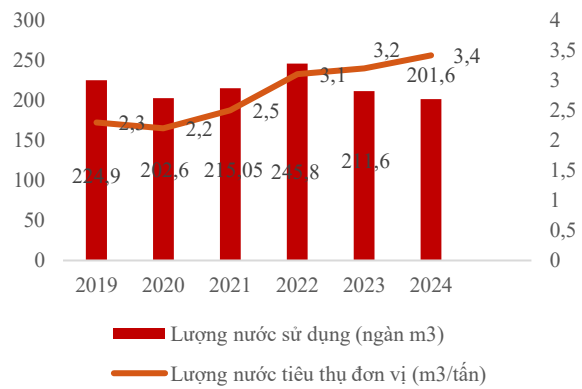
STT	Giải pháp	Hiệu quả
1	• Cải tạo hệ thống bơm chíp TB chuyển qua dùng máy thổi khí thay cho khí nén.	• Dự kiến tiết kiệm 271.100 kw/năm. tương đương 530 triệu VND/năm.
2	• Kết nối đường ống nước giải nhiệt Extruder qua dùng chung với tháp máy nén tại nhà máy TB.	• Dự kiến tiết kiệm 31.202 kw/năm. tương đương 61 triệu VND/năm
3	• Gắn inverter cho bơm nước lạnh, bơm nước giải nhiệt máy lạnh DTY nhà máy Unitex	• Dự kiến tiết kiệm 48.593 kw/năm. tương đương 95 triệu VND/năm
	• Chuyển đổi cụm máy lạnh DTY chạy chung POY – DTY khi hoạt động ít line ít máy	• Dự kiến tiết kiệm 8.614 kw/năm. tương đương 16,8 triệu VND/năm

11.4.3. Nước tiêu thụ

Tại STK, nước từ hệ thống điều hòa trung tâm sẽ được thu hồi về hồ chứa nước lạnh để tái sử dụng cho hệ thống chiller. Nhờ hệ thống này, mỗi năm STK tiết kiệm được 2.815 m³ nước.

Nguồn nước được sử dụng tại Công ty được cung cấp và đảm bảo chất lượng bởi Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp (KCN).

Trong năm 2025, mức tiêu hao nước tăng 29,6% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu là do nhà máy Unitex được đưa vào vận hành thử nghiệm từ cuối năm 2024 và tiếp tục trong suốt năm 2025, làm nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sản xuất tăng lên. Đồng thời, sản lượng sản xuất của Công ty cũng tăng mạnh 65%, chủ yếu nhờ đóng góp từ nhà máy Unitex. Theo đó, mức tiêu hao nước trên một đơn vị sản phẩm tăng nhẹ 8%, từ 0,034 m³/kg sợi năm 2024 lên 0,037 m³/kg sợi năm 2025. Bên cạnh đó, Công ty vẫn duy trì và liên tục cải tiến các biện pháp tiết kiệm nước trong quá trình sản xuất, như: thu hồi nước xả từ máy nén tại TB3, TB4; tận dụng nước ngưng tụ từ hệ thống AC4, AC5; thu hồi nước ngưng tụ từ AC6 tại nhà máy Củ Chi đưa về hồ gom để tái sử dụng cho TB1, TB2, TB3. Đồng thời, việc theo dõi chỉ số đồng hồ nước được thực hiện định kỳ theo từng ca để kịp thời phát hiện và xử lý khi có dấu hiệu vượt mức tiêu thụ.



Các biện pháp tái sử dụng và tiết kiệm nước dự kiến năm 2026

STT	Giải pháp	Hiệu quả
1	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì thu hồi nước xả máy nén 3,4 TB3. Duy trì nước ngưng tụ AC 4,5. Thu hồi nước ngưng tụ từ AC6 Củ Chi về hồ gom để tái sử dụng. TB1, 2, 3. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện tiết kiệm 3m³/ ngày đêm tương đương tiết kiệm 7.560.000 VNĐ/năm. Thực hiện tiết kiệm 2m³/ngày đêm tương đương tiết kiệm 6.534.000 VNĐ/năm.
2	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng nước ngưng tụ từ AC1, 4 Và máy khử ẩm tái sử dụng tại nhà máy Unitex. 	<ul style="list-style-type: none"> Tiết kiệm mỗi ngày 5m³ nước
3	<ul style="list-style-type: none"> Thu gom nước thải ra từ lọc Ro của hệ thống nước siêu tinh khiết 	<ul style="list-style-type: none"> Dự kiến 5m³/ ngày đêm tương đương. tiết kiệm 12.775.000VNĐ/ năm.

Tỷ lệ phần trăm của nước tuần hoàn và tái sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng nước tuần hoàn và tái sử dụng}}{\text{Tổng khối lượng nước đầu vào}} \times 100 = \frac{2.245}{261.177} \times 100 = 0,9\%$$

2020	2021	2022	2023	2024	2025
1,2%	2,3%	2,7%	3,1%	2,4%	0,9%

11.4.4. **Phát thải**

Trên thực tế, Công ty không phát sinh khí thải từ lò hơi hay than đá, do hoàn toàn không sử dụng hai loại năng lượng này trong quá trình sản xuất.

Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải.

Ngoài ra, còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.

Một số biện pháp Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải:

Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe container, xe tải, xe nâng, xe con của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.

Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO bằng cách sử dụng các loại xe điện.

Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải.

Giảm phát thải khí nhà kính trong toàn bộ chuỗi giá trị của Công ty

SCOPE 1
TRỰC TIẾP
Khí thải nhà kính từ các nguồn được sở hữu hoặc được kiểm soát bởi Công ty

- Công ty không sở hữu lò hơi và không sử dụng than đá để tạo hơi hay phát thải khí nhà kính. Trong hoạt động sản xuất, công ty chỉ tiêu thụ một lượng nhỏ dầu DO để vận hành máy phát điện dự phòng khi mất điện, cung cấp năng lượng cho máy bơm PCCC, cùng với gas HFC-134A cho hệ thống điều hòa không khí.

SCOPE 2
GIÁN TIẾP
Khí thải nhà kính phát sinh từ điện do Công ty mua

- Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi Ployester Filament từ hạt nhựa PET, nhà máy của Công ty chỉ sử dụng năng lượng điện là nguồn năng lượng chính để vận hành máy sản xuất.

SCOPE 3
GIÁN TIẾP
Phát thải khí nhà kính từ các nguồn không do Công ty sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp nhưng có liên quan đến hoạt động của Công ty

- Công ty đã gia tăng tỷ trọng trong việc sử dụng hạt nhựa tái chế trong các năm vừa qua.

Trong năm 2024, STK đã phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Và Phát triển về Tiết kiệm Năng lượng (ENERTEAM) thực hiện kiểm toán năng lượng. Nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng tại hai nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi, xác định các khu vực có tiềm năng tiết kiệm và đề xuất giải pháp tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng. Thông qua quá trình này, STK có thể giảm chi phí vận hành, cải thiện hiệu suất sản xuất và góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững. Đồng thời, kiểm toán năng lượng giúp Công ty tuân thủ các quy định về sử dụng năng lượng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các khách hàng và đối tác quốc tế. Đây cũng là bước quan trọng trong chiến lược giảm phát thải carbon và hướng tới sản xuất xanh.

Trong năm 2025, STK đã hoàn thành việc lập và nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính cho hai nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi theo quy định tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP, đồng thời gửi báo cáo đến cơ quan chức năng trước thời hạn 31/03/2025. Sau quá trình thẩm định, Công ty cũng đã chủ động cập nhật và điều chỉnh nội dung báo cáo theo các ý kiến góp ý từ cơ quan quản lý.

Bên cạnh đó, STK đã xây dựng báo cáo kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho giai đoạn 2026–2030, nhằm định hướng các giải pháp giảm phát thải trong hoạt động sản xuất và đã nộp đúng hạn về các cơ quan Sở ban ngành. Đây là bước đi quan trọng, thể hiện cam kết của Công ty trong việc thực hiện trách nhiệm môi trường và thúc đẩy chiến lược phát triển bền vững trong dài hạn.

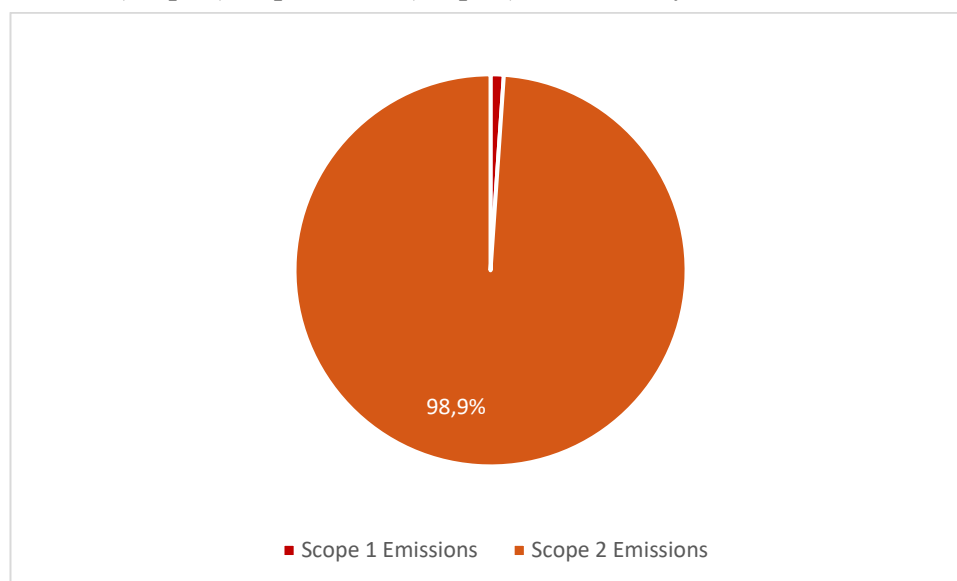
Dựa trên phương pháp luận và cách tiếp cận tính toán do Enerteam trong các năm trước, Công ty đã thực hiện kiểm kê và tổng hợp số liệu phát thải khí nhà kính trong năm 2025 cho ba nhà máy: Trắng Bàng, Củ Chi và Unitex như sau.

Lượng phát thải KNK của nhà máy Củ Chi năm 2025 như sau:

Hoạt động phát thải		Phát thải KNK				Tổng phát thải (tấn CO ₂ tđ)	Tỷ lệ
		(tấn CO ₂ tđ)					
		CO ₂	CH ₄	N ₂ O	HFCs		
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	0,00	17,54	0,00	62,42	79,96	1%
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định	0,00	0,000	0,000	-	0,00	0%
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT	-	17,54	-	-	17,54	0%
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh	-	-	-	62,42	62,42	1%
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy	0	-	-	-	0,00	0%
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	503,3	-	-	-	7.211	99%
2.1	Điện mua	503,28	-	-	-		
Tổng						7.291	100,00%

(Nguồn: STK tự tính toán theo phương pháp luận của Enerteam)

Cơ cấu phạm vi 1 (Scope 1) và phạm vi 2 (Scope 2) của nhà máy Củ Chi năm 2025



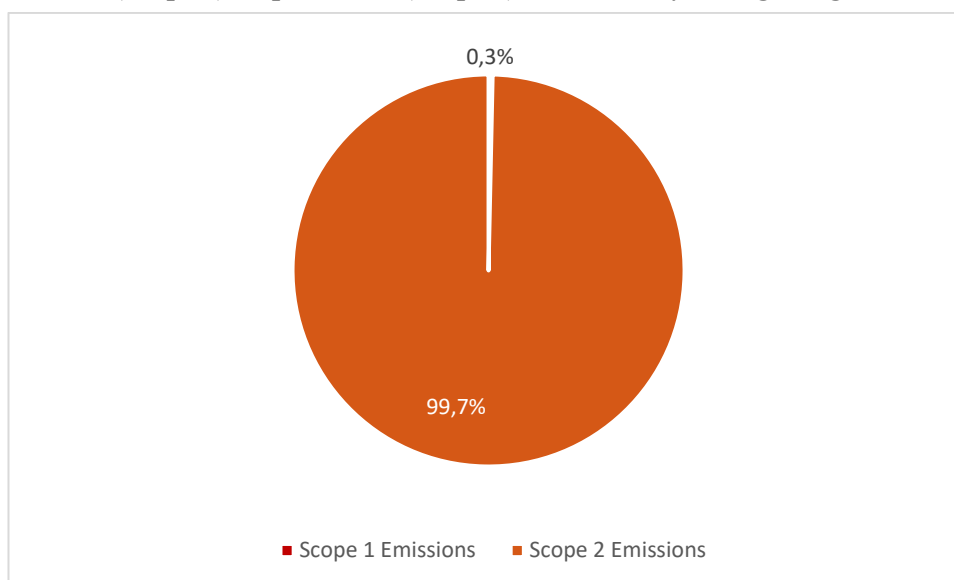
Lượng phát thải KNK của nhà máy Trắng Bàng năm 2025 như sau:

Hoạt động phát thải	Phát thải KNK	Tổng phát thải	Tỷ lệ
---------------------	---------------	----------------	-------

		(tấn CO ₂ tđ)				(tấn CO ₂ tđ)	
		CO ₂	CH ₄	N ₂ O	HFCs		
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	18,74	51,11	0,04	62,42	132,31	0,3%
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định	18,74	0,028	0,041	-	18,80	0%
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT	-	51,1	-	-	51,08	0%
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh	-	-	-	62,42	62,42	0%
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy	0	-	-	-	0,00	0%
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	39.401	-	-	-	39.401	99,7%
2.1	Điện mua	39.401	-	-	-		
Tổng						39.532,85	100,00%

(Nguồn: STK tự tính toán theo phương pháp luận của EnerTEAM)

Cơ cấu phạm vi 1 (Scope 1) và phạm vi 2 (Scope 2) của nhà máy Trắng Bàng năm 2025

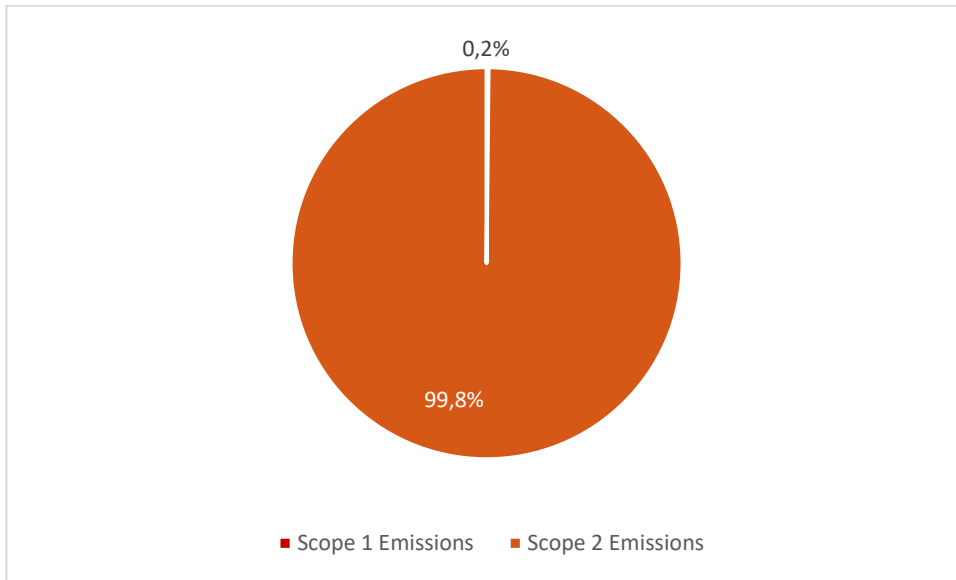


Lượng phát thải KNK của nhà máy Unitex năm 2025 như sau:

Hoạt động phát thải		Phát thải KNK				Tổng phát thải (tấn CO ₂ tđ)	Tỷ lệ
		(tấn CO ₂ tđ)					
		CO ₂	CH ₄	N ₂ O	HFCs		
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	8,03	37,16	0,02	3,44	48,64	0,2%
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định	8,03	0,01	0,02	-	8,06	0,0%
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT	-	37,1	-	-	37,15	0,1%
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh	-	-	-	0,00	0,00	0,0%
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy	0	-	-	3,4	3,44	0,0%
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	29.226	-	-	-	29.226	99,8%
2.1	Điện mua	29.226	-	-	-		
Tổng						29.274,98	100,00%

(Nguồn: STK tự tính toán theo phương pháp luận của EnerTEAM)

Cơ cấu phạm vi 1 (Scope 1) và phạm vi 2 (Scope 2) của nhà máy Unitex năm 2025

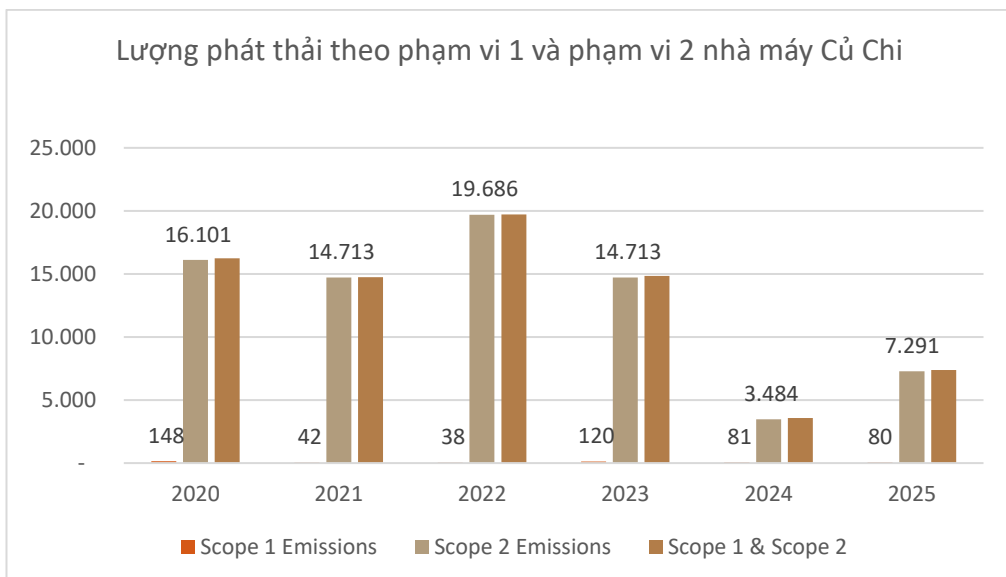


Có thể thấy Phạm vi 2 (Điện năng tiêu thụ) đang chiếm tỷ trọng cao lên đến hơn 99,7% cơ cấu phát thải KNK của nhà máy Trảng Bàng, 99% cơ cấu phát thải KNK nhà máy Củ Chi và 99,8% cơ cấu phát thải KNK nhà máy Unitex.

Dựa trên cách tính lượng phát thải khí nhà kính của ENERTEAM cho nhà máy Trảng Bàng năm 2023, 2024. STK đã tính lượng phát thải KNK của nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng cho bốn năm từ 2020 đến 2025.

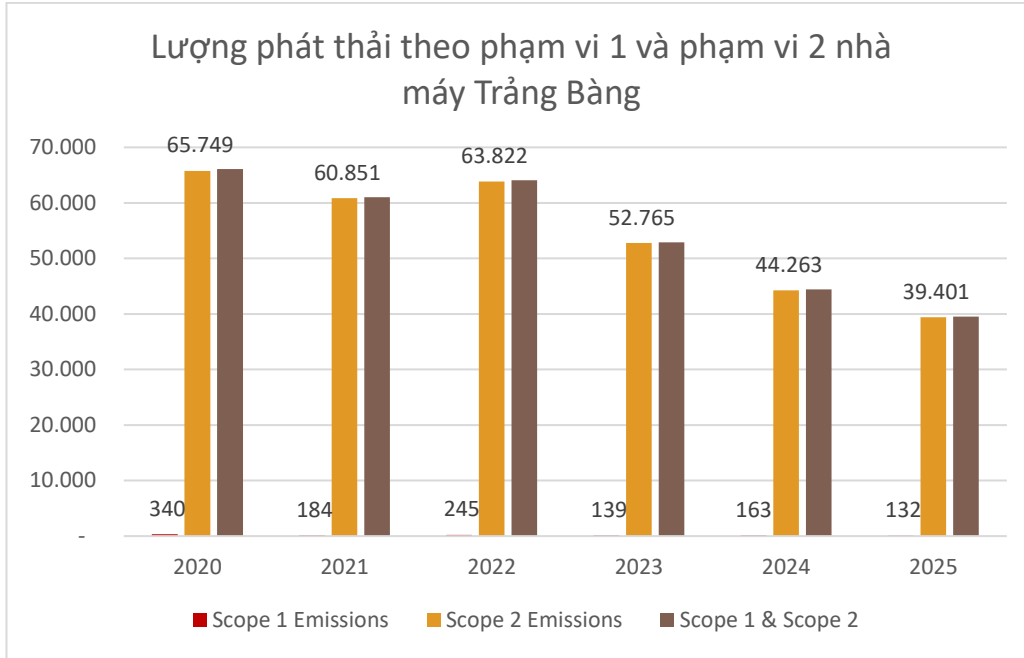
Lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2 nhà máy Củ Chi.

Phát thải nhà máy Củ Chi		Đơn vị: (Tấn CO2 tđ)					
STT	Hoạt động phát thải	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	148,33	42,43	38,03	120,06	81	79,96
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định (dầu DO)	1,61	0,00	0,00	1,61	-	0,00
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT	42,40	42,16	37,76	34,95	33	17,54
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh	104,04	0	0	83,232	47	62,42
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy	0,27	0,27	0,27	0,27	1	0,00
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	16.100,98	14.712,55	19.685,75	14.712,55	3.484	7.211
2.1	Lượng phát thải sinh ra từ điện mua	16.100,98	14.712,55	19.685,75	14.712,55	3.484	7.211
Tổng lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2		16.249.31	14.754,98	19.723,78	14.832,62	3.565	7.291



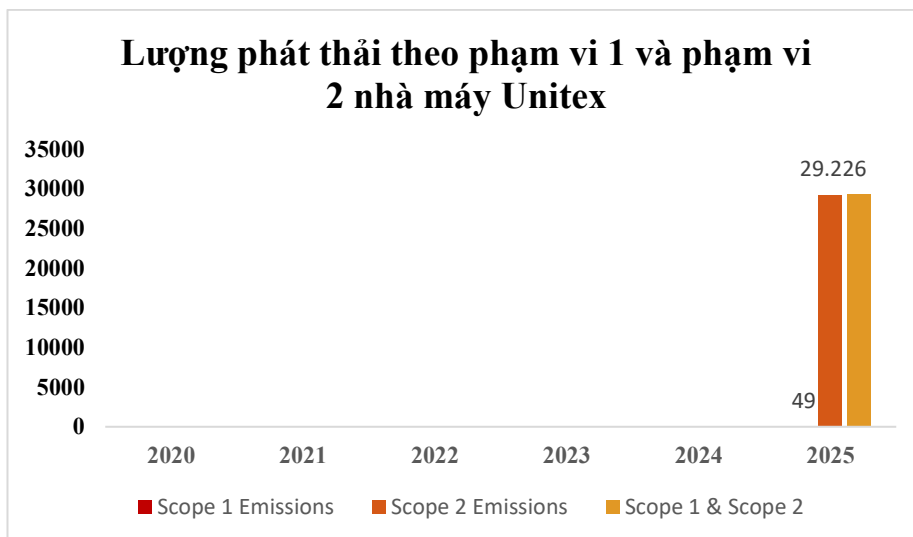
Lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2 nhà máy Trảng Bàng.

Phát thải nhà máy Trảng Bàng		Đơn vị: (Tấn CO ₂ t _đ)					
STT	Hoạt động phát thải	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	339,93	183,62	244,95	139,24	163	132,31
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định	14,02	7,52	7,52	13,43	20	18,80
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT	75,28	71,12	70,02	62,45	59	51,08
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh	249,70	104,04	166,46	62,42	83	62,42
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy	0,94	0,94	0,94	0,94	1	0,00
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	65.749,35	60.850,83	63.822,18	52.765,40	44.263	39.401
2.1	Lượng phát thải sinh ra từ điện mua	65.749,35	60.850,83	63.822,18	52.765,40	44.263	39.401
Tổng lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2		66.089,28	61.034,45	64.067,12	52.904,63	44.426	39.532,85



Lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2 nhà máy Unitex.

Phát thải nhà máy Trảng Bàng		Đơn vị: (Tấn CO ₂ tđ)					
ST T	Hoạt động phát thải	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp						48,64
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định						8,06
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT						37,15
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh						0,00
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy						3,44
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp						29.226
2.1	Lượng phát thải sinh ra từ điện mua						29.226
Tổng lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2							29.274,98

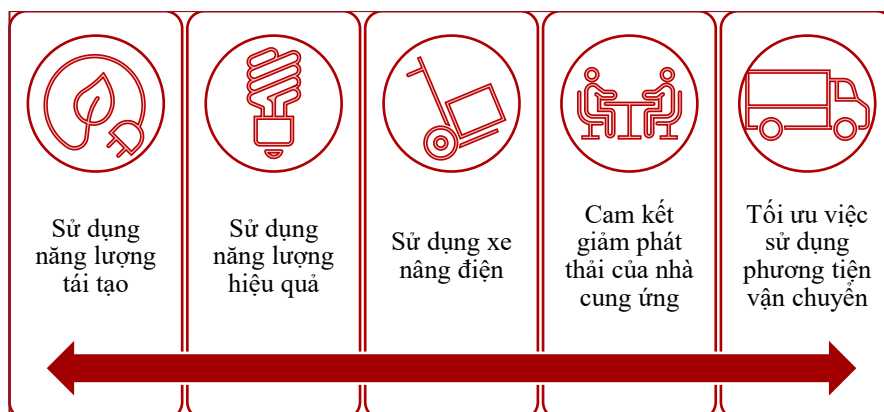


Trong năm 2025, lượng phát thải phạm vi 2 ghi nhận sự biến động đáng kể giữa các nhà máy, trong đó nhà máy Củ Chi là trường hợp điển hình. Cụ thể, phát thải phạm vi 2 tại nhà máy này tăng từ hơn 3.565 tấn CO₂e năm 2024 lên 7.211 tấn CO₂e trong năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu là do sự khác biệt trong thời gian vận hành sản xuất giữa hai năm. Trong năm 2025, nhà máy Củ Chi duy trì hoạt động đến tháng 7 trước khi thu hẹp quy mô sản xuất. Trong khi đó, năm 2024 nhà máy đã giảm quy mô hoạt động từ quý I đến hết quý III, khiến thời gian ngưng sản xuất kéo dài hơn so với năm 2025. Vì vậy, lượng điện tiêu thụ trong năm 2025 tăng lên tương ứng, dẫn đến mức phát thải phạm vi 2 cao hơn so với năm trước.

Tương tự, công suất thực tế của nhà máy Trảng Bàng không đạt mức tối đa, khiến nhiều máy móc không vận hành hết công suất, góp phần làm giảm tổng điện năng tiêu thụ trong năm. Lượng phát thải giảm từ hơn 44.426 tấn CO₂e trong năm 2024 xuống còn 39.401 tấn CO₂e trong năm 2025.

Đặc biệt, nhà máy Unitex đã được đưa vào vận hành thử nghiệm trong năm 2025 và chính thức đi vào hoạt động từ năm 2026. Trong giai đoạn này, các dữ liệu về tiêu thụ năng lượng cũng đã được thu thập và sử dụng để tính toán lượng phát thải khí nhà kính, nhằm đảm bảo việc theo dõi và quản lý phát thải được thực hiện đầy đủ và nhất quán.

Cách thức thực hiện hướng tới mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính



Hệ số phát thải CO₂ (Schneider Electric)

	Lượng tiêu thụ 2025	Hệ số phát thải CO ₂ (Schneider Electric ⁵)	Phát thải 2021	Phát thải 2022	Phát thải 2023	Phát thải 2024	Phát thải 2025	Tăng/ giảm % 2025/2024
Điện năng - Điện EVN	115.809 MWh/year	0,432 (tCO ₂ e/MWh)	54.904 (tCO ₂ e/year)	53.266 (tCO ₂ e/year)	42.853 (tCO ₂ e/year)	33.484 (tCO ₂ e/year)	50.029 (tCO ₂ e/year)	49%

Hệ số phát thải CO₂ (Cục BDKH)

	Lượng tiêu thụ 2025	Hệ số phát thải CO ₂ (Cục BDKH)	Phát thải 2021	Phát thải 2022	Phát thải 2023	Phát thải 2024	Phát thải 2025	Tăng/giảm % 2025/2024
Điện năng - Điện EVN	115.809 MWh/year	0,6592 (tCO ₂ e/MWh)	85.991 (tCO ₂ e/year)	83.425 (tCO ₂ e/year)	67.116 (tCO ₂ e/year)	52.442 (tCO ₂ e/year)	76.341 (tCO ₂ e/year)	46%

Sáng kiến giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint

1. Thông qua sử dụng nguồn năng lượng tái tạo- năng lượng mặt trời:

Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020 và bắt đầu đi vào hoạt động trong năm 2021. Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất thực tế 7,4 Mwp giúp Công ty cắt giảm được 41.888 tấn CO₂ tính đến năm 2025. Bên cạnh đó, Công ty đã kí hợp đồng với đối tác để mua thêm năng lượng tái tạo với tổng công suất 75Mwp trong các năm sắp tới.

Từ đầu dự án đến cuối năm 2025	
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar	41.888
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	31.290
Từ năm 2025 đến hết vòng đời dự án	
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar (Trảng Bàng và Củ Chi)	494.268
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	310.442
2026-2027-Nâng tổng công suất hệ thống Solar lên 75Mwp	
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar hết vòng đời dự án.	3.686.760

⁵ Hệ số phát thải tính theo trung tâm dữ liệu về Carbon Footprint của Schneider Electric. (<https://www.se.com/ww/en/work/solutions/system/s1/data-center-and-network-systems/trade-off-tools/data-center-carbon-footprint-comparison-calculator/>)

Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	2.753.985
---	-----------

Lưu ý: Hệ số phát thải của Indefol/Aurora là 1,3387 tấn CO₂e/Mwh

2. Thông qua mục tiêu nâng tỷ trọng Sợi tái chế trong tổng doanh thu đến 2027-2029

Công ty định hướng nâng tỷ lệ sử dụng và tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường “sợi Recycle” trong tổng doanh thu từ 49,8% năm 2025 lên 60%-70% vào năm 2027-2029 trên các nhà máy Cù Chi, Trảng Bàng và Unitex.

	2025	2027-2029
Tỷ lệ sợi Recycle trong tổng doanh thu	49.8%	60%-70%
Lượng CO ₂ (triệu tấn) giảm được do sử dụng vật liệu tái chế - PET chip Recycle từ chai nhựa.	35,1 ngàn tấn	Khoảng 123,05 ngàn tấn

Lưu ý: Hệ số phát thải của hạt nhựa tái chế và hạt nhựa nguyên sinh lần lượt là 0,5 tấn CO₂e/tấn chip và 2,36 tấn CO₂e/tấn chip từ các nhà cung cấp hạt nhựa của STK.

Trong năm 2025, STK đã hoàn thành việc lập và nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính cho hai nhà máy Trảng Bàng và Cù Chi theo quy định tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP, đồng thời gửi báo cáo đến cơ quan chức năng trước thời hạn 31/03/2025. Sau quá trình thẩm định, Công ty cũng đã chủ động cập nhật và điều chỉnh nội dung báo cáo theo các ý kiến góp ý từ cơ quan quản lý. Đây là bước quan trọng trong cam kết của STK đối với trách nhiệm môi trường và chiến lược phát triển bền vững. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp TKNL và một số tập quán tốt như: sử dụng đèn LED hiệu quả năng lượng, sử dụng máy nén khí, máy lạnh có hiệu suất cao, sử dụng điện năng lượng mặt trời, sử dụng biến tần cho động cơ, bơm quạt, sử dụng xe nâng điện, máy móc thiết bị sản xuất tự động hóa cao...

11.4.5. Nước thải và Chất thải

❖ Nước thải

Sợi Thế Kỷ xác định nguồn nước thải của Công ty xuất phát từ 2 nguồn: nước thải sinh hoạt từ nhân viên và nước thải sản xuất (nước thải từ phòng nhuộm, kiểm phẩm).

Đối với việc quản lý nguồn nước thải, Công ty đưa ra những phương pháp sau:

- Xử lý nguồn nước thải theo qui định của pháp luật hiện hành.
- Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải riêng biệt và được phép đấu nối đầu ra với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN.
- Thường xuyên quan trắc các thông số chất lượng nước thải, đảm bảo xử lý chỉ tiêu chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn GRS.
- Thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về nước thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Đo lường nước thải ra hàng ngày, có ghi chép lưu hồ sơ báo cáo đầy đủ.
- Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Lượng nước thải của Công ty chủ yếu phát sinh từ hai nguồn chính: nước thải sinh hoạt từ nhân viên và nước thải sản xuất. Năm 2025, tổng lượng nước thải tăng lên 34.283 m³, giảm 8,2% so với mức 37.347 m³ của năm 2024, chủ yếu do quá trình vận hành thử nghiệm nhà máy Unitex. Năm 2024, lượng nước thải của Công ty tăng mạnh 31,6% so với năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu là do việc đưa nhà máy Unitex vào vận hành thử nghiệm, dẫn đến nhu cầu sử dụng nước sạch gia tăng và kéo theo lượng nước thải phát sinh tăng tương ứng. Trong giai đoạn thử nghiệm, các thiết bị sản xuất phải vận hành nhiều lần để hiệu chỉnh thông số kỹ thuật và đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, vì vậy mức tiêu thụ nước thường cao hơn so với giai đoạn vận hành chính thức. Bước sang năm 2025, khi nhà máy Unitex dần đi vào hoạt động ổn định, lượng nước sạch sử dụng và nước thải phát sinh cũng được kiểm soát tốt hơn. Nhờ đó, lượng nước thải đã giảm 8,2% so với cùng kỳ, phản ánh hiệu quả trong việc tối ưu hóa vận hành và quản lý tài nguyên nước của Công ty.

Bảng thống kê lượng nước thải:

	Đvt	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Lượng nước thải hàng năm	m ³	26.617	34.269	28.633	33.092	28.380	37.347	34.283

❖ Chất thải

Công ty nhận diện 2 nguồn chất thải là chất thải nguy hại và chất thải thông thường. Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp để xử lý các nguồn chất thải:

- **Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại:**
 1. Thu gom về kho chứa theo đúng quy trình phân loại và quản lý rác thải;
 2. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.
 - **Đối với chất thải nguy hại:**
 1. Cảnh báo và dán nhãn chất thải nguy hại;
 2. Thiết lập nơi tập trung chất thải nguy hại riêng biệt;
 3. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý
- Tại Công ty, các loại rác thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Công ty đều được phân loại và giám sát một cách chặt chẽ theo quy trình phân loại thác thải ban hành của tiêu chuẩn GRS 4.0 – waste management.

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
TRẢNG BÀNG:			
Dầu nhiên liệu	170601	10.489	Cty CP Môi Trường Xanh VN
Dầu Diesel thải	170601	5.043	
Chất hấp thụ vật liệu lọc	180201	3.080	
Bao bì cứng thải bằng nhựa: Bồn nhựa 1000L nguyên	180103	16.524	
Bao bì cứng thải bằng nhựa: phuy nhựa xanh 200L	070109	2.652	
Bùn thải	120605	0	
Bóng đèn thải	160106	0	
Bao bì cứng thải bằng kim loại: Phuy sắt 200L	180103	0	
Tổng số lượng		37.788	
Tên chất thải			
Mã CTNH			
Số lượng (kg)			
Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH			
CỦ CHI:			
Bao bì cứng thải bằng nhựa: Bồn nhựa 1000L nguyên	180103	3.402	Cty CP Môi Trường Xanh VN

Dầu nhiên liệu	170601	3.646	
Dầu Diesel thải	170601	896	
Bao bì cứng thải bằng nhựa: Phuy nhựa xanh 200L	180103	1.566	
Bao bì cứng thải bằng kim loại: Phuy sắt 200L	180102	192	
Tổng số lượng		9.702	
Unitex			Cty CP Môi Trường Xanh VN
Bao bì cứng thải bằng nhựa: Bồn nhựa 1000L cắt	180103	378	
Bao bì cứng thải bằng nhựa: Bồn nhựa 1000L	180103	14.190	
Bao bì cứng thải bằng nhựa: Phuy nhựa xanh 200L	180103	0	
Dầu nhiên liệu	170601	6.012	
Tổng số lượng		20.580	

- Công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị xử lý chất thải, trong đó:
 - Thu gom, vận Thu gom chuyển và xử lý chất thải nguy hại - đơn vị đảm trách **Cty CP Môi Trường Xanh VN.**
 - Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, rắn công nghiệp – đơn vị đảm trách: **Công ty TNHH TM DV Gia Định Đường, Công ty TNHH MTV TMDV Môi trường công nghệ Mỹ Phước, Công ty TNHH TM DV Môi trường Tươi Xanh và Công ty CP Môi trường Xanh VN.**
- Công ty định kỳ lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại đến Sở Tài Nguyên Môi Trường TP, HCM và Tây Ninh.
- Công ty đăng ký số chủ nguồn chất thải nguy hại với mã số - QLCTNH79,002938, T (cấp lần 3).

11.4.6. Tuân thủ về môi trường

- Tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/ năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ, các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.
- Trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường: 0.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0.
- Xây ra vi phạm về ATVSLĐ, PCCC và Môi trường khi đoàn kiểm tra của Cơ quan nhà nước đến kiểm tra Công ty: 0 lần

11.5. Thị trường vốn xanh

Dự án sợi tái chế	Dự án sợi màu	Dự án tái chế sợi phế	Dự án năng lượng mặt trời
STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn) từ năm 2016. Tỷ trọng doanh thu từ sợi tái chế đã tăng đáng kể từ	Công ty tiếp tục phát triển thêm sợi dope dye với màu xám, đen và blue navy,	Công ty tiếp tục duy trì dây chuyền sản xuất 1.500 tấn	Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt

<p>16% năm 2018 lên 54% vào năm 2022, phản ánh xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ sang các sản phẩm bền vững. Tuy nhiên, tỷ lệ này giảm xuống 44,5% trong năm 2024 trước khi phục hồi trở lại 49,9% vào năm 2025. Dù ghi nhận sự cải thiện, Sợi Thế Kỷ nói riêng và ngành sợi nói chung vẫn đang đối mặt với áp lực cạnh tranh gay gắt về giá từ các nhà cung cấp khác trên thị trường, tạo ra nhiều thách thức trong việc duy trì và mở rộng tỷ trọng sản phẩm tái chế. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ vững cam kết phát triển bền vững, kiên định với mục tiêu nâng tỷ trọng này lên 60%-70% trong giai đoạn 2027-2029. Thông qua việc sản xuất sợi tái chế Công ty đã tái sử dụng hơn 6 tỷ chai nhựa, góp phần bảo vệ đại dương khỏi rác thải chai nhựa vốn đang là một trong những vấn đề môi trường đang được báo động khẩn cấp trên toàn cầu.</p>	<p>phát triển mẫu chào cho khách hàng thị trường nội địa và xuất khẩu. Sản phẩm sợi màu (dope dyed) sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường. Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường.</p>	<p>hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường.</p>	<p>trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Trong các năm tới Công ty dự định mở rộng quy mô thông qua các dự án DPPA Trảng Bàng, Unitex và rooftop Unitex. Với tổng công suất lên đến 75Mwp (bao gồm công suất các dự án hiện hữu và công suất các dự án mới).</p>
---	---	---	---

11.6. Vai trò của HĐQT trong chiến lược PTBV

11.6.1. Vai trò chiến lược của HĐQT trong định hướng Phát triển bền vững.

- Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ đóng vai trò trung tâm trong việc định hướng chiến lược phát triển bền vững (PTBV) của Công ty, đảm bảo các mục tiêu kinh doanh được gắn kết chặt chẽ với các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường và quản trị (ESG). HĐQT xác định PTBV là một trong những trụ cột quan trọng trong chiến lược dài hạn của Công ty, từ đó đưa ra các định hướng phát triển phù hợp với xu thế chuyển dịch của ngành dệt may toàn cầu hướng đến kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải carbon. Thông qua việc xây dựng các mục tiêu và chính sách PTBV, HĐQT định hướng Công ty tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như: tăng tỷ lệ sản phẩm sợi tái chế, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính, đảm bảo quyền lợi người lao động và tăng cường minh bạch trong quản trị doanh nghiệp. Những định hướng này không chỉ giúp STK nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao từ khách hàng quốc tế và các tiêu chuẩn bền vững toàn cầu.

11.6.2. Vai trò của HĐQT trong triển khai và thực thi các mục tiêu Phát triển bền vững.

- Bên cạnh việc định hướng chiến lược, HĐQT còn đóng vai trò quan trọng trong chỉ đạo và thúc đẩy việc triển khai các chương trình phát triển bền vững trong toàn Công ty. HĐQT phân công rõ trách nhiệm cho

Ban Điều hành và các bộ phận chức năng trong việc thực hiện các sáng kiến và kế hoạch PTBV, đảm bảo các mục tiêu bền vững được tích hợp vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày. (tham khảo Mục: PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN THEO TỪNG ĐƠN VỊ (GRI 2-13)-Báo cáo PTBV 2025).

- Các chương trình trọng điểm về phát triển bền vững được HĐQT định hướng và triển khai xuyên suốt trong chiến lược phát triển của Công ty. Từ năm 2016, STK đã bắt đầu sử dụng nguyên liệu tái chế trong sản xuất sợi, đánh dấu bước chuyển quan trọng hướng tới các sản phẩm thân thiện với môi trường. Đến năm 2020, Công ty tiếp tục đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái tại hai nhà máy Cù Chi và Trảng Bàng, góp phần gia tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo và giảm phát thải khí nhà kính. Bên cạnh đó, từ năm 2017, Công ty đã đầu tư dây chuyền tái chế sợi phế nhằm thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất, đồng thời chuyển đổi xe nâng hàng từ sử dụng dầu DO sang xe nâng điện từ năm 2017 nhằm giảm phát thải và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.
- Song song với các giải pháp về năng lượng và công nghệ, STK cũng chú trọng phát triển dòng sản phẩm sợi màu, góp phần giảm nhu cầu nhuộm tại các nhà máy dệt nhuộm – vốn là công đoạn gây ô nhiễm đáng kể trong chuỗi giá trị ngành dệt may. Công ty liên tục nghiên cứu và phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, vừa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, vừa góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường. Đồng thời, STK cũng tập trung tối ưu hóa việc sử dụng nước và tài nguyên, nâng cao hiệu quả quản lý chất thải, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và tăng cường các hoạt động trách nhiệm xã hội. Thông qua các chương trình và sáng kiến này, HĐQT đảm bảo rằng phát triển bền vững không chỉ là định hướng chiến lược mà còn được triển khai thực chất trong toàn bộ hoạt động của Công ty, góp phần tạo ra giá trị lâu dài cho doanh nghiệp và các bên liên quan.
- Bên cạnh việc triển khai các sáng kiến phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất, Công ty cũng đạt được nhiều chứng nhận quốc tế uy tín như GRS (Global Recycled Standard), ISO 9001:2015 và OEKO-TEX Standard 100, qua đó chứng minh rằng các sản phẩm sợi của Công ty không chứa các hóa chất độc hại gây hại cho sức khỏe và môi trường. Đồng thời, Công ty cam kết tuân thủ quy định REACH của Liên minh châu Âu, không sử dụng các hóa chất nằm trong danh mục hạn chế. Những chứng nhận và cam kết này đóng vai trò như một bảo chứng quan trọng cho nỗ lực và định hướng phát triển bền vững của Công ty.
- Về khía cạnh xã hội, từ năm 2023, Công ty đã triển khai khảo sát EWB (Employee Wellbeing & Engagement) nhằm đo lường mức độ hài lòng, sức khỏe tinh thần và thể chất, mức độ an toàn cũng như sự gắn kết của người lao động tại nơi làm việc. Kết quả khảo sát giúp Ban lãnh đạo nhận diện kịp thời các vấn đề cần cải thiện, từ đó nâng cao môi trường làm việc và tăng cường hiệu quả giao tiếp trong nội bộ. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tham gia các đợt đánh giá trách nhiệm xã hội (social audit) từ các thương hiệu đối tác. Mặc dù các cuộc đánh giá này được khởi xướng từ phía khách hàng, kết quả đạt được đều tích cực, qua đó phần nào phản ánh hiệu quả của các nỗ lực phát triển bền vững mà Công ty đã và đang thực hiện.

11.6.3. Vai trò giám sát và theo dõi việc thực hiện các mục tiêu Phát triển bền vững.

- HĐQT cũng thực hiện vai trò giám sát và theo dõi (monitoring) việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững nhằm đảm bảo các cam kết của Công ty được thực hiện một cách hiệu quả và minh bạch. Thông qua các báo cáo định kỳ từ Ban Điều hành và các bộ phận chuyên trách, HĐQT đánh giá tiến độ thực

hiện các mục tiêu PTBV, đồng thời đưa ra các điều chỉnh cần thiết để đảm bảo Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

- Việc giám sát của HĐQT tập trung vào các chỉ số quan trọng liên quan đến hiệu quả kinh tế, quản lý môi trường, trách nhiệm xã hội và chất lượng quản trị doanh nghiệp, bao gồm các chỉ số về phát thải khí nhà kính, tiêu thụ năng lượng, sử dụng nước, an toàn lao động và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Thông qua cơ chế giám sát này, HĐQT đảm bảo rằng các hoạt động PTBV của STK được triển khai một cách nhất quán, minh bạch và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, góp phần củng cố vị thế của Công ty như một doanh nghiệp tiên phong trong phát triển bền vững của ngành sợi.

12. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 33

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302018927 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2005, và các GCNĐKDN.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Đường Bàu Cát, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2025
	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2025
Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2025
	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2025
Ông Đặng Hướng Cường	Thành viên	
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên	
Ông Võ Quang Long	Thành viên	
Ông Chen Che Jen	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tự Lực	Nguyên Trưởng ban	đã mất ngày 23 tháng 9 năm 2025
Bà Hà Kiệt Trân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2025
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Sáng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược	
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là ông Đặng Triệu Hòa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đặng Triệu Hòa
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ (“Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 18 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ernest Yoong Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Phạm Ninh Tùng
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5631-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.326.044.872.890	997.061.057.465
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	57.928.953.855	105.602.398.852
111	1. Tiền		10.828.953.855	5.402.398.852
112	2. Các khoản tương đương tiền		47.100.000.000	100.200.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		88.609.195.627	105.312.984.991
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	86.043.883.431	92.738.753.955
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.945.048.546	7.104.476.750
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	3.471.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	620.263.650	1.998.754.286
140	III. Hàng tồn kho	8	984.257.622.311	616.099.132.887
141	1. Hàng tồn kho		991.854.782.897	622.696.170.006
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.597.160.586)	(6.597.037.119)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		195.249.101.097	170.046.540.735
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	4.025.462.730	4.129.693.461
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	191.158.286.226	165.766.676.433
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	65.352.141	150.170.841
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.829.082.024.496	2.814.182.774.472
220	I. Tài sản cố định		1.051.713.805.565	560.684.345.537
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.051.713.805.565	560.684.345.537
222	Nguyên giá		2.688.045.291.345	2.103.161.115.998
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.636.331.485.780)	(1.542.476.770.461)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	Nguyên giá		14.385.298.205	14.385.298.205
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.385.298.205)	(14.385.298.205)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		1.649.605.482.273	2.111.112.394.294
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.649.605.482.273	2.111.112.394.294
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		-	13.800.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	13.800.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		127.762.736.658	128.586.034.641
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	125.098.538.869	125.692.890.034
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	2.664.197.789	2.893.144.607
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.155.126.897.386	3.811.243.831.937

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.397.769.231.267	2.103.888.828.129
310	I. Nợ ngắn hạn		1.372.913.349.262	1.311.165.536.034
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	331.625.406.541	377.654.321.523
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	12.201.839.315	22.222.333.339
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	39.963.492.915	6.894.246.528
314	4. Phải trả người lao động		18.410.476.967	20.388.912.097
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	8.109.180.272	10.426.136.962
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	7.845.634.825	7.623.105.278
320	7. Vay ngắn hạn	18	945.955.701.985	857.624.790.695
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.16	8.801.616.442	8.331.689.612
330	II. Nợ dài hạn		1.024.855.882.005	792.723.292.095
338	1. Vay dài hạn	18	1.024.598.000.000	792.463.828.758
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		257.882.005	259.463.337
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.757.357.666.119	1.707.355.003.808
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	1.757.357.666.119	1.707.355.003.808
411	1. Vốn cổ phần		1.401.231.300.000	966.369.240.000
411a	-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.401.231.300.000	966.369.240.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		64.483.675.412	64.477.297.852
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		1.219.011.000	1.219.011.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		290.423.679.707	675.289.454.956
421a	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		240.427.394.956	662.887.111.298
421b	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		49.996.284.751	12.402.343.658
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.155.126.897.386	3.811.243.831.937

Nguyễn Thị Hồng Thắm
Người lập

Phan Như Bích
Kế toán trưởng

Đặng Triệu Hòa
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	1.354.521.823.686	1.210.456.380.134
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(1.522.652.784)	(203.810.405)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	1.352.999.170.902	1.210.252.569.729
11	4. Giá vốn hàng bán		(1.079.674.480.010)	(1.047.025.681.914)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		273.324.690.892	163.226.887.815
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	28.854.454.561	12.875.707.062
22	7. Chi phí tài chính	21	(135.358.436.355)	(85.768.489.169)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(42.918.108.540)	(17.127.583.213)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(10.295.497.316)	(12.473.186.828)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(56.571.245.796)	(52.322.172.851)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		99.953.965.986	25.538.746.029
31	11. Thu nhập khác		1.100.600.372	266.173.503
32	12. Chi phí khác	24	(7.679.814.811)	(6.903.874.485)
40	13. Lỗ khác		(6.579.214.439)	(6.637.700.982)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		93.374.751.547	18.901.045.047
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(43.149.519.978)	(6.448.574.855)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	(228.946.818)	(50.126.534)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		49.996.284.751	12.402.343.658
61	18. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		49.996.284.751	12.402.343.658
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	357	89
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	357	89

Nguyễn Thị Hồng Thắm
Người lập

Phan Như Bích
Kế toán trưởng

Đặng Triệu Hòa
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		93.374.751.547	18.901.045.047
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	93.854.715.319	92.837.137.603
03	Dự phòng		1.000.123.467	286.794.923
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(137.125.521)	48.816.257.803
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(7.777.175.936)	(358.462.148)
06	Chi phí lãi vay	21	42.918.108.540	17.127.583.213
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		223.233.397.416	177.610.356.441
09	Tăng các khoản phải thu		(12.203.381.694)	(59.386.129.557)
10	Tăng hàng tồn kho		(369.158.612.891)	(1.362.679.354)
11	(Giảm) Tăng các khoản phải trả		(83.727.874.288)	178.694.932.888
12	Giảm chi phí trả trước		698.581.896	8.678.850.278
14	Tiền lãi vay đã trả		(42.190.509.275)	(16.881.918.686)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.762.732.899)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(292.111.131.735)	287.353.412.010
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(108.891.064.623)	(935.121.066.461)
24	Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng		3.471.000.000	54.050.637.373
26	Tiền thu từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		21.000.800.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		724.293.440	237.634.370
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(83.694.971.183)	(880.832.794.718)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	3.085.613.029.825	2.120.882.205.187
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(2.757.381.106.079)	(1.530.306.747.650)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		328.231.923.746	590.575.457.537

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(47.574.179.172)	(2.903.925.171)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		105.602.398.852	109.476.256.782
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(99.265.825)	(969.932.759)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	57.928.953.855	105.602.398.852

Nguyễn Thị Hồng Thắm
Người lập

Phan Như Bích
Kế toán trưởng

Đặng Triệu Hòa
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302018927 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2005, và các GCNĐKDN.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện tại là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Đường Bàu Cát, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 968 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 998).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một công ty con như sau:

Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex (“Unitex”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 452033000336 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3901206611 do Sở Tài Chính Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận Đầu tư của Unitex là sản xuất xơ sợi, vải thành phẩm. Unitex có trụ sở chính tọa lạc tại A17.1, đường C1, Khu Công Nghiệp Thành Thành Công, Phường Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hiện tại, Unitex đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Unitex.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|-----------------|--|
| Nguyên vật liệu | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm | - giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi vào ngày 3 tháng 7 năm 2000 trong thời hạn 50 năm và Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh vào ngày 21 tháng 7 năm 2009 trong thời hạn 45 năm và vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2053 và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 trong 43 năm.

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 liên quan đến việc hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ kế toán năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.960.423	9.693.533
Tiền gửi ngân hàng	10.821.993.432	5.392.705.319
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	47.100.000.000	100.200.000.000
TỔNG CỘNG	57.928.953.855	105.602.398.852

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất thị trường.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Coats Phong Phú	34.091.335.620	30.598.767.067
Công ty TNHH Dệt Nhuộm Nam Phương	21.648.738.193	83.665.034
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vạn Thịnh	2.815.667.153	11.850.307.007
Công ty TNHH Unifi Châu Á Thái Bình Dương		
Hồng Kông	-	14.389.550.465
Công ty TNHH Chori – Osaka	-	10.479.688.403
Khác	27.488.142.465	25.336.775.979
TỔNG CỘNG	86.043.883.431	92.738.753.955

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh	600.780.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Tự động An Trí Việt	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH MTV Tăng Nghị Lực	-	4.509.321.854
Khác	1.144.268.546	2.395.154.896
TỔNG CỘNG	1.945.048.546	7.104.476.750

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm	292.544.644	1.530.476.979
Lãi tiền gửi	-	147.917.504
Khác	327.719.006	320.359.803
TỔNG CỘNG	620.263.650	1.998.754.286

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	777.804.276.122	(2.285.228.702)	412.787.130.094	(2.032.632.169)
Nguyên vật liệu	202.042.166.873	(5.311.931.884)	186.405.176.481	(4.564.404.950)
Hàng mua đang đi trên đường	12.008.339.902	-	23.503.863.431	-
TỔNG CỘNG	<u>991.854.782.897</u>	<u>(7.597.160.586)</u>	<u>622.696.170.006</u>	<u>(6.597.037.119)</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	6.597.037.119	6.310.242.196
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.974.524.994	4.574.326.845
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trích lập trong năm	<u>(2.974.401.527)</u>	<u>(4.287.531.922)</u>
Số cuối năm	<u>7.597.160.586</u>	<u>6.597.037.119</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc (*)</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	304.608.626.458	1.602.774.097.139	190.986.666.321	4.791.726.080	2.103.161.115.998
Hoàn thành xây dựng cơ bản dở dang	584.884.175.347	-	-	-	584.884.175.347
Số cuối năm	<u>889.492.801.805</u>	<u>1.602.774.097.139</u>	<u>190.986.666.321</u>	<u>4.791.726.080</u>	<u>2.688.045.291.345</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	88.291.213.410	594.633.996.150	101.587.466.880	4.791.726.079	789.304.402.519
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(178.241.101.465)	(1.179.303.380.697)	(180.140.562.219)	(4.791.726.080)	(1.542.476.770.461)
Khấu hao trong năm	(9.042.018.316)	(82.755.538.077)	(2.057.158.926)	-	(93.854.715.319)
Số cuối năm	<u>(187.283.119.781)</u>	<u>(1.262.058.918.774)</u>	<u>(182.197.721.145)</u>	<u>(4.791.726.080)</u>	<u>(1.636.331.485.780)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>126.367.524.993</u>	<u>423.470.716.442</u>	<u>10.846.104.102</u>	<u>-</u>	<u>560.684.345.537</u>
Số cuối năm	<u><u>702.209.682.024</u></u>	<u><u>340.715.178.365</u></u>	<u><u>8.788.945.176</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.051.713.805.565</u></u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nhà xưởng, nhà văn phòng và các công trình trên đất tại trụ sở Công ty tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Tỉnh Tây Ninh đang được dùng làm tài sản thế chấp vay ngân hàng (*Thuyết minh số 18.2*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá:

Số đầu năm và số cuối năm 14.385.298.205

Trong đó:

Đã hao mòn hết

14.385.298.205

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm và số cuối năm (14.385.298.205)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm và số cuối năm -

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án nhà máy Unitex (*)	1.634.613.029.391	2.096.119.941.412
Máy móc và thiết bị chờ lắp đặt	14.890.328.496	14.930.784.238
Khác	102.124.386	61.668.644
TỔNG CỘNG	<u>1.649.605.482.273</u>	<u>2.111.112.394.294</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, dự án nhà máy Unitex thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex đang được dùng làm khoản thế chấp đi vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2).

Chi tiết các chi phí đang được ghi nhận tại dự án như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Máy móc, thiết bị	1.684.081.646.169	1.609.535.425.685
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	500.254.965.740
TỔNG CỘNG	<u>1.684.081.646.169</u>	<u>2.109.790.391.425</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.025.462.730	4.129.693.461
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.279.756.001	1.827.326.100
Chi phí mua bảo hiểm	988.229.142	1.907.513.717
Tiền thuê xe trả trước	320.000.000	320.000.000
Khác	437.477.587	74.853.644
Dài hạn	125.098.538.869	125.692.890.034
Tiền thuê đất trả trước (*)	106.952.362.227	110.463.566.238
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	13.763.572.761	13.041.658.974
Chi phí mua bảo hiểm	2.006.088.050	-
Khác	2.376.515.831	2.187.664.822
TỔNG CỘNG	<u>129.124.001.599</u>	<u>129.822.583.495</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, một phần tiền thuê đất trả trước của thửa đất số 30, tờ bản đồ số 69, Khu công nghiệp Thành Thành Công, Phường Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex và thửa đất tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Tỉnh Tây Ninh thuộc sở hữu của Công ty được dùng làm khoản thế chấp đi vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hengli Chemical Sales (Suzhou) Co., Ltd	86.497.200.384	-
Công ty CP Thiết kế và Xây dựng Giza Việt Nam	71.022.277.660	60.132.019.964
Unifi Textile (Suzhou) Co., Ltd.	50.104.347.800	109.740.846.000
Tainan Spinning Co., Ltd.	35.192.736.890	6.049.887.090
PT Indorama Polychem Indonesia	-	113.245.684.800
Khác	88.808.843.807	88.485.883.669
TỔNG CỘNG	<u>331.625.406.541</u>	<u>377.654.321.523</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Chori Việt Nam	2.250.668.318	1.624.570.258
Lear Corporation – Kenansville	2.014.618.870	3.661.809.868
Công ty TNHH Công nghiệp De Licacy Việt Nam	408.122.850	12.048.401.928
Khác	7.528.429.277	4.887.551.285
TỔNG CỘNG	<u>12.201.839.315</u>	<u>22.222.333.339</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.810.236.925	43.149.519.978	(8.762.732.899)	39.197.024.004
Thuế thu nhập cá nhân	345.026.575	1.404.299.476	(1.462.178.732)	287.147.319
Thuế giá trị gia tăng	1.738.983.028	21.502.068.418	(23.021.885.844)	219.165.602
Thuế nhập khẩu	-	260.155.990	-	260.155.990
TỔNG CỘNG	<u>6.894.246.528</u>	<u>66.316.043.862</u>	<u>(33.246.797.475)</u>	<u>39.963.492.915</u>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	165.766.676.433	64.264.233.268	(38.872.623.475)	191.158.286.226
Thuế xuất nhập khẩu	150.170.841	15.305.037.391	(15.407.856.091)	47.352.141
Khác	-	1.063.228.212	(1.045.228.212)	18.000.000
TỔNG CỘNG	<u>165.916.847.274</u>	<u>80.632.498.871</u>	<u>(55.325.707.778)</u>	<u>191.223.638.367</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí tiện ích	4.338.114.525	8.006.818.215
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.927.987.965	1.852.441.266
Chi phí lãi vay	1.294.476.746	566.877.481
Khác	548.601.036	-
TỔNG CỘNG	<u>8.109.180.272</u>	<u>10.426.136.962</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	4.639.295.254	3.327.930.639
Cổ tức	327.500.530	327.500.530
Bảo hiểm xã hội	277.001.893	1.815.031.595
Khác	2.601.837.148	2.152.642.514
TỔNG CỘNG	<u>7.845.634.825</u>	<u>7.623.105.278</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

18. VAY

	VND					
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái	Phân loại lại	Số cuối năm
Ngắn hạn	857.624.790.695	1.512.885.029.825	(2.143.777.640.709)	(7.766.841.214)	726.990.363.388	945.955.701.985
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	505.125.041.804	1.512.885.029.825	(1.374.062.528.430)	(7.766.841.214)	-	636.180.701.985
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	352.499.748.891	-	(769.715.112.279)	-	726.990.363.388	309.775.000.000
Dài hạn	792.463.828.758	1.572.728.000.000	(613.603.465.370)	-	(726.990.363.388)	1.024.598.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	792.463.828.758	1.572.728.000.000	(613.603.465.370)	-	(726.990.363.388)	1.024.598.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.650.088.619.453</u>	<u>3.085.613.029.825</u>	<u>(2.757.381.106.079)</u>	<u>(7.766.841.214)</u>	<u>-</u>	<u>1.970.553.701.985</u>

18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ các ngân hàng để tài trợ nhu cầu vốn lưu động chịu lãi suất dao động từ 4,8% năm đến 7,4%/năm (đối với dư nợ ngoại tệ) và dao động từ 4,9%/năm đến 7,4%/năm (đối với dư nợ VND). Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc
	VND	USD	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	174.706.819.751	-	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2026 đến ngày 26 tháng 6 năm 2026
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	104.111.714.509	3.992.473	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2026 đến ngày 26 tháng 6 năm 2026
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	94.035.733.020	-	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2026 đến ngày 22 tháng 5 năm 2026
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	85.262.689.127	3.269.651	Từ ngày 19 tháng 2 năm 2026 đến ngày 12 tháng 5 năm 2026
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	65.756.696.757	2.521.636	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2026 đến ngày 29 tháng 6 năm 2026
Ngân hàng Worri Bank Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	49.999.197.092	-	Từ ngày 15 tháng 2 năm 2026 đến ngày 12 tháng 5 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Nguyên tệ USD</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	21.808.785.600	-	Từ ngày 12 tháng 3 năm 2026 đến ngày 16 tháng 3 năm 2026
Ngân hàng Worri Bank Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	21.608.692.751	828.649	Từ ngày 5 tháng 3 năm 2026 đến ngày 17 tháng 6 năm 2026
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	18.890.373.378	-	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2026 đến ngày 6 tháng 5 năm 2026
TỔNG CỘNG	636.180.701.985	10.612.409	

18.2 Vay dài hạn ngân hàng

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (*)	756.873.000.000	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2026 đến ngày 17 tháng 1 năm 2028	Xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex	Nhà máy và quyền sử dụng đất và máy móc thuyết bị tại Unitex (<i>Thuyết minh số 9 và 12</i>)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	298.000.000.000	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2026 đến ngày 10 tháng 6 năm 2032	Bù đắp nguồn tài chính đã sử dụng để đầu tư hệ thống máy kéo sợi	Nhà máy và quyền sử dụng đất (<i>Thuyết minh số 9 và 12</i>)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	279.500.000.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2030 đến ngày 3 tháng 10 năm 2035	Xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex	Nhà máy và quyền sử dụng đất và máy móc thuyết bị tại Unitex (<i>Thuyết minh số 9 và 12</i>)
TỔNG CỘNG	1.334.373.000.000			

Trong đó:

<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>309.775.000.000</i>
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.024.598.000.000</i>

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình: mục đích vay là tái tài trợ cho khoản cấp tín dụng tài trợ dự án đầu tư nhà máy sợi tơ tổng hợp tại Unitex của 5 ngân hàng sau: Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank, Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Thương mại Entie và Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun, Ngân hàng TNHH CTBC.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình của Unitex được sự bảo lãnh của Công ty Cổ phần Sợi thế kỷ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:						
Số đầu năm	966.369.240.000	40.824.578.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	662.887.111.298	1.628.889.391.170
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	23.652.718.980	42.410.550.000	-	-	66.063.268.980
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	12.402.343.658	12.402.343.658
Số cuối năm	<u>966.369.240.000</u>	<u>64.477.297.852</u>	<u>-</u>	<u>1.219.011.000</u>	<u>675.289.454.956</u>	<u>1.707.355.003.808</u>
Năm nay:						
Số đầu năm	966.369.240.000	64.477.297.852	-	1.219.011.000	675.289.454.956	1.707.355.003.808
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	49.996.284.751	49.996.284.751
Cổ tức bằng cổ phiếu (*)	434.862.060.000	-	-	-	(434.862.060.000)	-
Khác	-	6.377.560	-	-	-	6.377.560
Số cuối năm	<u>1.401.231.300.000</u>	<u>64.483.675.412</u>	<u>-</u>	<u>1.219.011.000</u>	<u>290.423.679.707</u>	<u>1.757.357.666.119</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 28 tháng 3 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 14-2025/NQHDQT/TK ngày 22 tháng 8 năm 2025, các Cổ đông và Hội đồng quản trị của Tổng công ty đã thông qua việc triển khai và hoàn tất vào ngày 22 tháng 12 năm 2025 việc thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 45% và phương án xử lý cổ phiếu lẻ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	966.369.240.000	966.369.240.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	434.862.060.000	-
Số cuối năm	<u>1.401.231.300.000</u>	<u>966.369.240.000</u>
Cổ tức đã công bố		
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	(434.862.060.000)	-

19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	140.123.130	1.401.231.300.000	96.636.924	966.369.240.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	140.123.130	1.401.231.300.000	96.636.924	966.369.240.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	140.123.130	1.401.231.300.000	96.636.924	966.369.240.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu gộp	1.354.521.823.686	1.210.456.380.134
<i>Trừ:</i>		
Hàng bán bị trả lại	(1.522.652.784)	(203.810.405)
Doanh thu thuần	<u>1.352.999.170.902</u>	<u>1.210.252.569.729</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	21.077.278.625	12.517.244.914
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	7.200.800.000	-
Lãi tiền gửi	576.375.936	358.462.148
TỔNG CỘNG	<u>28.854.454.561</u>	<u>12.875.707.062</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	92.440.327.815	68.640.905.956
Chi phí lãi vay	42.918.108.540	17.127.583.213
TỔNG CỘNG	<u>135.358.436.355</u>	<u>85.768.489.169</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí vận chuyển	5.420.502.679	6.400.763.719
Phí phát hành thư tín dụng (L/C), chứng từ xuất khẩu	2.536.665.551	3.195.497.469
Phí hoa hồng bán hàng	104.784.405	1.115.428.363
Chi phí khác	2.233.544.681	1.761.497.277
TỔNG CỘNG	<u>10.295.497.316</u>	<u>12.473.186.828</u>

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	26.401.057.168	26.668.773.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.736.834.872	9.504.211.323
Chi phí phụ tùng, vật phẩm	7.035.211.059	9.008.201.335
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.725.921.918	1.480.304.462
Chi phí khác	7.672.220.779	5.660.682.404
TỔNG CỘNG	<u>56.571.245.796</u>	<u>52.322.172.851</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và phân bổ khi dừng hoạt động	6.933.902.788	6.790.462.424
Chi phí khác	745.912.023	113.412.061
TỔNG CỘNG	7.679.814.811	6.903.874.485

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	766.366.491.429	733.217.021.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.599.572.340	164.236.319.565
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	93.854.715.319	92.837.137.603
Chi phí nhân công	90.679.714.318	92.451.098.481
Chi phí khác	26.040.729.716	29.079.464.303
TỔNG CỘNG	1.146.541.223.122	1.111.821.041.593

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Nhóm Công ty như sau:

- Đối với trụ sở Củ Chi, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế.
- Đối với Chi nhánh Trảng Bàng, thuế TNDN áp dụng theo từng loại sản phẩm. Cụ thể:
 - Thu nhập từ sản phẩm Sợi kéo duỗi hoàn toàn (FDY) và Sợi xơ dài (DTY) được miễn thuế TNDN trong bốn năm (2011 - 2014) và được giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2015 - 2023). Thuế suất áp dụng thuế suất là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2011.
 - Thu nhập từ sản phẩm FDY và DTY mở rộng được miễn thuế trong bốn năm (2016 - 2019) và giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2020 - 2028). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.
 - Thu nhập từ sản phẩm Sợi Polyester (POY) giai đoạn 3 được miễn thuế trong hai năm (2016 - 2017) và giảm 50% số thuế TNDN trong bốn năm tiếp theo (2018 - 2021). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.

Báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do vậy, việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	41.499.597.630	5.481.093.224
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	<u>1.649.922.348</u>	<u>967.481.631</u>
Tổng cộng chi phí thuế TNDN hiện hành	43.149.519.978	6.448.574.855
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>228.946.818</u>	<u>50.126.534</u>
TỔNG CỘNG	<u>43.378.466.796</u>	<u>6.498.701.389</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>93.374.751.547</u>	<u>18.901.045.047</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	18.674.950.309	3.780.209.011
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được trừ	661.742.419	7.252.956.634
Ưu đãi thuế ở Chi nhánh Trảng Bàng	(2.638.067.813)	(3.649.716.451)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	1.986.466.513	967.481.631
Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	14.527.323.906	(273.240.773)
(Sử dụng lỗ thuế) lỗ kết chuyển sang năm sau	<u>10.166.051.462</u>	<u>(1.578.988.662)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>43.378.466.796</u>	<u>6.498.701.389</u>

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả	1.538.669.948	1.587.585.218	(48.915.270)	(432.241.759)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.060.927.036	965.286.634	95.640.402	88.162.967
Chênh lệch tỷ giá	19.873.114	295.622.864	(275.749.750)	293.201.233
Trợ cấp thôi việc phải trả	44.727.691	44.649.891	77.800	751.025
TỔNG CỘNG	2.664.197.789	2.893.144.607		
<i>Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>			<u>(228.946.818)</u>	<u>(50.126.534)</u>

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT	1.246.630.769	1.492.450.300
Bà Đặng Mỹ Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Đặng Hương Cường	Thành viên HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Chen Che Jen	Thành viên HĐQT	225.000.000	225.000.000
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Võ Quang Long	Thành viên HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT	225.000.000	225.000.000
Ông Nguyễn Tự Lực	Nguyên trưởng BKS	45.000.000	60.000.000
Bà Hà Kiệt Trần	Trưởng ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên ban kiểm soát	60.000.000	198.714.294
Bà Nguyễn Thị Sáng	Thành viên ban kiểm soát	15.000.000	-
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược	1.574.811.141	1.472.785.551
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính kiểm Kế toán trưởng	999.021.996	936.636.843
TỔNG CỘNG		<u>5.050.463.906</u>	<u>5.270.586.988</u>

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	49.996.284.751	12.402.343.654
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	140.123.130	140.123.130
Lãi trên cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu)		
-Lãi cơ bản trên cổ phiếu	357	89
-Lãi suy giảm trên cổ phiếu	357	89

(i) Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh để phản ánh việc phát hành 43.486.206 cổ phiếu phổ thông từ lợi nhuận chưa phân phối để chia cổ tức.

Không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	347.058.793	1.227.965.559
Từ 1 đến 5 năm	2.172.800.833	2.103.976.448
Trên 5 năm	<u>8.755.100.455</u>	<u>8.896.236.498</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.274.960.081</u>	<u>12.228.178.505</u>

30. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ chính:		
Đô la Mỹ (USD)	84.490,66	38.844
Đồng tiền chung Châu Âu (EURO)	126,26	25
Đồng Yên Nhật (JPY)	585.428	418.231

31. CÁC CHI PHÍ DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP

Các chi phí dịch vụ chuyên nghiệp với các thành viên trong mạng lưới các công ty EY toàn cầu (“các Công ty EY”) phát sinh trong năm nay và năm trước bao gồm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Nhóm Công ty	360.000.000	310.000.000
Phí kiểm toán báo cáo tài chính của công ty con	100.000.000	50.000.000
Phí soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt của Nhóm Công ty	<u>100.000.000</u>	<u>100.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>560.000.000</u>	<u>460.000.000</u>

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Nguyễn Thị Hồng Thắm
Người lập

Phan Như Bích
Kế toán trưởng

Đặng Triệu Hòa
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026